

Lời tựa Lược giải Kinh Hoa Nghiêm

Sách / Lược Giải Kinh Hoa Nghiêm / Lời tựa Lược giải Kinh Hoa Nghiêm

Khi sang Nhật Bản tu học, tôi có dịp chiêm bái tượng Tỳ Lô Giá Na ở Nara. Pho tượng này do Thánh Vũ Thiên hoàng huy động dân chúng đóng góp đồng để đúc thành, được coi như lớn nhất ở thời đó.

Có thể nói toàn dân Nhật đã đóng góp công sức cho việc xây dựng pho tượng vĩ đại Tỳ Lô Giá Na. Điều này đã thể hiện ý nghĩa sức mạnh theo đạo Phật là sức mạnh của quần chúng. Các quân vương bình thường, nhưng biết tập hợp được sức mạnh quần chúng qua hình ảnh của Đức Phật thì họ đã làm nên việc lớn. Điều này cũng gọi cho tôi nhận chân được tâm từ bi và trí tuệ của Phật dễ dàng thu hút được mọi người hoan hỷ tự nguyện đến chung lo Phật sự.

Và khi tôi vào Đại học Rissho, gặp giáo sư Sakamoto là một học giả chuyên nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm. Luận văn tốt nghiệp của ông trình bày về thuyết trùng trùng duyên khởi của Hoa Nghiêm và trí tuệ của Đức Phật thấu suốt trùng trùng duyên khởi, cùng vận dụng được lý duyên khởi trong việc tu hành, đặc đạo cũng như giáo hóa được quần chúng. Tôi đã lĩnh hội sâu sắc nghĩa lý của Đức Phật theo Hoa Nghiêm

Khi trở về nước, Hòa thượng Minh Châu mời tôi giảng kinh Hoa Nghiêm. Mặc dù luận văn tốt nghiệp của tôi viết về kinh Pháp Hoa, nhưng nhận thấy nhân duyên lúc bấy giờ không ai giảng bộ kinh Đại thừa này, nên tôi đã nhận lời.

Bộ kinh Hoa Nghiêm quá nhiều, có đến chín pháp hội. Từ xưa các Pháp sư chỉ chuyên giảng kinh này mà phải trải qua đến mấy chục năm mới giảng hết bộ kinh.

Riêng tôi, vì thì giờ không cho phép, tôi không thể giảng trọn bộ kinh Hoa Nghiêm trong một năm học. Vì vậy, tôi chỉ trích giảng một số ý chính trong kinh là Đức Phật, Bồ tát hạnh và nhập Pháp giới. Thực sự, đó cũng chỉ là một số điều tâm đắc mà tôi có dịp truyền trao cho Tăng Ni sinh Trường Cao cấp Phật học.

Mong rằng những ai có duyên đọc tác phẩm này, vui lòng bỏ qua những thiếu sót. Kính mong các bậc cao minh hoan hỷ chỉ giáo để chúng tôi sửa đổi cho hoàn mỹ hơn trong lần tái bản. Chúng tôi chân thành tri ân quý vị.

Xin hồi hướng công đức cúng dường Pháp bảo này đến Pháp giới chúng sanh đồng thâm nhập Tỳ Lô tánh hải.

Mùa An cư Phật lịch 2543 - 1999

HT. THÍCH TRÍ QUẢNG

CHƯƠNG I - LỊCH SỬ KINH HOA NGHIÊM

I - Khái niệm về lịch sử kinh Hoa Nghiêm

Sách / Lược Giải Kinh Hoa Nghiêm / CHƯƠNG I - LỊCH SỬ KINH HOA NGHIÊM

I - Khái niệm về lịch sử kinh Hoa Nghiêm

Về mặt học thuật, chúng ta học lịch sử phần lớn căn cứ vào dữ liệu mà người trước đã ghi lại để đánh giá. Nhưng đứng ở lãnh vực tôn giáo để quan sát, chúng ta lại có nhận thức về lịch sử khác hơn là những điều được các nhà học thuật ghi nhận.

Thật vậy, muốn học lịch sử của kinh Hoa Nghiêm hay lịch sử Phật giáo Đại thừa, chúng ta phải có tinh thần Đại thừa. Tâm hồn Đại thừa mới có thể tiếp thu giáo nghĩa Đại thừa. Phàm phu thì say đắm ngũ dục thế gian, an phận trong sanh tử luân hồi. Chúng ta tự khẳng định là nhà tôn giáo thì phải có tâm hồn thoát tục, tìm lẽ sống cao thượng theo như Phật dạy.

Chúng ta cũng không giống nhà học thuật, vì họ chỉ nghiên cứu Phật học, còn cuộc sống không dính líu gì đến pháp Phật mà họ am tường. Trong đạo thường dùng câu: "Người uống nước, tự biết mùi vị của nó như thế nào". Cũng vậy, người an trụ trong pháp mầu của Như Lai, tụng niệm, tham Thiền, lễ bái với tất cả tấm lòng, mới hiểu được thế giới Phật.

Điều tôi muốn truyền trao, hướng dẫn các anh em trở thành nhà tôn giáo thật trong tương lai, mới hiểu được thế nào là lịch sử

Phật giáo Đại thừa. Từ sự hiểu biết theo học thuật thông thường, tiến lên một bước nữa để hiểu lịch sử Đại thừa Phật giáo theo tinh thần của người tu có niềm tin, có trí tuệ. Và bước sang lịch sử kinh Hoa Nghiêm, chúng ta phải phát Bồ đề tâm. Có thể nói chúng ta học Đại thừa bằng Bồ đề tâm của chính mình, không học bằng vọng thức. Tôi nói và các anh em tiếp nhận tinh ba của giáo nghĩa bằng tâm hồn thanh tịnh, không phải chỉ dừng lại ở sự phân tích, học hiểu theo văn tự, ngữ ngôn.

Kinh Hoa Nghiêm có ba bộ. Bộ thứ nhất gọi là đại Hoa Nghiêm do Pháp thân Tỳ Lô Giá Na chuyển. Bộ thứ hai là trung Hoa Nghiêm do Báo thân Lô Xá Na chuyển và bộ thứ ba do ứng thân Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết. Như vậy, kinh Hoa Nghiêm có cái nhìn về Đức Phật khác hơn các hệ tư tưởng khác và đương nhiên cũng khác với lịch sử thông thường mà chúng ta học.

Cả ba bộ kinh này đều ở cung rồng Ta Kiệt La. Nhưng hai bộ đại kinh và trung kinh quá đồ sộ, không thể mang về, nên ngài Long Thọ Bồ tát chỉ thỉnh được bộ tiểu Hoa Nghiêm gồm có một trăm ngàn bài kệ. Và mang về nhân gian, Ngài lọc lại, chỉ còn một nửa là bốn mươi lăm ngàn bài kệ.

Bộ tiểu Hoa Nghiêm mà ngài Long Thọ đem về, rồi truyền sang Trung Quốc, được dịch ra tiếng Trung Quốc và còn lại ngày nay hai bộ. Bộ Hoa Nghiêm sáu mươi quyển do ngài Giác Hiền dịch đời Tấn và bộ tám mươi quyển dịch ở đời Đường, dưới sự bảo trợ của Tắc Thiên hoàng đế, quen gọi là Võ Hậu.

Bộ kinh Hoa Nghiêm chúng ta học chủ yếu nương theo bộ kinh đời Đường. Kinh Hoa Nghiêm do Báo thân viên mãn Lô Xá Na và kinh do Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật chuyển thì chúng ta không thấy được Báo thân và Pháp thân Phật, nên không thể nghe, không thể đọc và không hiểu được. Điều này gọi cho chúng ta khi học Phật pháp, nhất là học Đại thừa, đòi hỏi ta học, hiểu và sống hoàn toàn mang tính chất Đại thừa. Việc này không đơn giản, vì chúng ta phải có quá trình thiết thân thể nghiệm pháp trong cuộc sống.

Chúng ta có thể học văn hóa, lịch sử dễ dàng, nhưng học Phật giáo thì phải học bằng niềm tin của chính mình. Và niềm tin cũng không thể nhồi nhét hay cưỡng bức mà có được. Có thể có bằng cấp Phật học, nhưng thiếu niềm tin, không thể trở thành nhà truyền giáo, chỉ là học giả.

Điều tiên quyết đối với người tu là bước đầu học Phật bằng niềm tin. Học, hiểu và sống được với pháp Phật và niềm tin phát xuất từ việc chúng ta tiếp xúc với bên ngoài, tức phương tiện hay học được pháp của Phật ứng hóa thân thuyết.

Đối với người theo tinh thần Đại thừa Phật giáo, nhất là học kinh Hoa Nghiêm hay Pháp Hoa, Phật là Phật đã thành hiện thân lại làm người ở nhân gian và từ thân người này, Ngài tu thành Phật để hướng dẫn chúng ta đi theo lộ trình của Ngài, đó là ứng thân Phật.

Nhờ nghe Phật ứng thân Thích Ca Mâu Ni thuyết pháp, chúng ta lần thâm nhập, thấy được Báo thân Phật, mới phát hiện được con người thật của chính mình, gọi là Báo thân. Bằng Bồ đề tâm của con người thật của chính mình nghe Báo thân Phật thuyết pháp mà tự giác ngộ; ta trở thành Pháp thân Phật, biết được Pháp thân Phật thuyết cho ta nghe.

Như vậy, chúng ta học Phật trải qua ba giai đoạn. Trước tiên, ta học pháp của ứng thân Phật thuyết là mười hai bộ kinh Phật đều là phương tiện. Đến đây, chưa đủ, vì chỉ mới thông qua hình thức. Cần bước sang giai đoạn hai quan trọng hơn, đó là phát Bồ đề tâm.

Bồ đề tâm là trí giác, từ trí giác quán sát điểm cuối cùng của mười hai phần giáo theo Đại thừa là Phương Đẳng, hay Phương Quảng. Phương Đẳng chỉ cho Phật Báo thân và Phương Quảng chỉ cho Phật Pháp thân, không thể với tới bằng vọng thức.

Những điều ta học, suy nghĩ, lãnh hội, nói hay chưa phải là đạo. Đó chỉ là phương tiện ban đầu để ta bước vào hành trình tâm linh, thấy theo Hoa Nghiêm. Theo đó, chúng ta thấy sự đa dạng của phần bên trong mỗi người, mỗi loài, tạo thành lục đạo, tứ sanh, cho đến thế giới của Hiền Thánh, Bồ tát, Như Lai. Những điều này chúng ta học được từ Phật Thích Ca Mâu Ni, từ những lời dạy của Ngài còn lưu lại.

Nhưng tiến hơn, những điều chúng ta học từ Báo thân Phật thuyết pháp là những gì Phật đã làm và để lại cho loài người, giữ cho Phật pháp tồn tại lâu dài, lợi lạc cho nhơn thiên. Và cao hơn là Pháp thân Phật chuyển, gồm có vi trần bài kệ. Mọi việc, mọi sự sống, mọi hành động của chúng ta đều thể hiện Pháp thân Phật. Những gì chúng ta làm, tư duy và có kết quả là Pháp thân Phật thuyết. Không phải Pháp thân là cái vô hình nào thuyết.

Hiếu kinh Hoa Nghiêm là từ văn tự đi vào tư duy, vào Thiền định, phát sanh được trí tuệ và dùng trí tuệ quán sát mọi sự, mọi vật. Kinh Hoa Nghiêm dẫn chúng ta vào Pháp giới, hay nhìn thế giới chân thật. Và biết được việc ở dạng chân thật, thì ta không còn lỗi lầm trên sinh hoạt hiện tượng của cuộc đời. Kinh Hoa Nghiêm muốn dạy ta cốt lõi ấy.

Theo phán giáo của ngài Trí Giả, Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm trong hai mươi một ngày. Chỉ có hai mươi một ngày ngắn ngủi, làm sao Phật nói được vô lượng bài kệ gọi là vi trần; trong khi các bộ kinh khác, Đức Phật nói trong thời gian dài hơn mà lại không nhiều.

Phật nói Hoa Nghiêm hai mươi một ngày trong Thiền định. Hai mươi một ngày của cuộc sống vật chất theo đời thường tất nhiên quá ngắn ngủi; nhưng hai mươi một ngày tư duy Thiền định thiết nghĩ thật lớn lao không thể tính được. Ai không hành đạo, không công phu tu tập, không thể nào biết được điều này. Một niệm tâm trong Thiền định, Bồ tát cứu độ được vô số chúng sanh. Ngài

Thiên Thai chứng được ba ngàn pháp biến dịch trong một niệm tâm. Và ba ngàn pháp này tác động lẫn nhau, tạo thành trùng trùng duyên khởi theo Hoa Nghiêm.

Hai mươi mốt ngày Phật tư duy dưới cội Bồ đề lại càng lớn không thể tưởng, vì hoạt động dưới dạng Pháp thân, trở thành đại tự nhiên. Tư duy bằng vọng niệm chẳng là bao; nhưng tư duy dưới cội Bồ đề nghĩa là ở dạng bản thể của sự vật, ở chơn như tâm thì Phật, chúng sanh và tâm, tuy ba nhưng thông làm một.

Từ Bồ đề đạo tràng, Phật thuyết kinh Hoa Nghiêm trong hai mươi mốt ngày, nhưng thuyết được tất cả. Thuyết tất cả, nghĩa là thuyết những gì xảy ra từ khi Ngài phát tâm Bồ đề và giáo hóa chúng sanh cho đến ngày thành Phật. Và hiện giờ, Ngài đang tiếp tục giáo hóa. Tất cả mọi người trên khắp năm châu bốn biển vẫn đang tiếp tục học pháp với Tỳ Lô Giá Na Phật, là ý nghĩa quan trọng nhất của lịch sử kinh Hoa Nghiêm theo tinh thần Đại thừa. Thật vậy, Đức Phật vẫn còn giáo hóa và hộ niệm cho chúng ta, chúng ta mới tu học được. Nếu không có lực gia trì đó, Phật pháp không thể tồn tại đến ngày nay.

Thái độ của người học Phật giáo Đại thừa nói chung và lịch sử kinh Hoa Nghiêm nói riêng, là phải thấy cái bao la vô cùng tận, cái chúng ta hiểu được giống như con muỗi uống nước biển. Tôi thấm thía ý này trong kinh Pháp Hoa dạy rằng khi nào tu tròn hạnh Bồ tát, thành Phật mới hiểu được Phật. Vì vậy, cho rằng học hết giáo lý là xong, quả là sai lầm lớn.

Trên tinh thần bao la vô tận của Phật pháp, chúng ta phải nhận ra sự thọ mạng Phật pháp tồn tại thường hằng miên viễn ở dạng Pháp thân vĩnh hằng bất tử. Đức Phật chỉ phương tiện hiện Niết bàn, nhưng kỳ thật Ngài vẫn hiện hữu ở khắp mọi nơi, ở bên cạnh chúng ta trong từng niệm tâm.

II - Lịch sử truyền thừa và phát triển kinh Hoa Nghiêm

Kinh Hoa Nghiêm phát xuất từ Ấn Độ, nhưng được phát triển mạnh ở Trung Quốc, Nhật Bản. Thật vậy, theo sự nghiên cứu, kinh Hoa Nghiêm chỉ còn tìm thấy rải rác trong vài tác phẩm ở Ấn Độ. Đó là bộ Đại Trí Độ Luận của ngài Long Thọ có dẫn dụng kinh Hoa Nghiêm và những tác phẩm chú sớ như Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận, hoặc Thập Địa Kinh Luận giải thích về hai phẩm là Thập Trụ và Thập Địa của kinh. Như vậy, chỉ có một phần nhỏ của kinh được truyền thừa; còn toàn bộ kinh Hoa Nghiêm không có. Tuy nhiên, về sau, kinh Hoa Nghiêm được truyền sang Trung Quốc có ba bộ, nhưng đều phát xuất từ nước Vu Điền của Trung Á (Ngày nay thuộc khu tự trị của Trung Quốc).

Kinh Hoa Nghiêm mang về Trường An, đến đời Tấn thì ngài Phật Đà Bạt Đà La (Giác Hiền) là người đầu tiên dịch sang tiếng Trung Quốc bộ Lục thập Hoa Nghiêm, gồm có sáu mươi quyển, thường gọi là bộ Cựu dịch.

Cách hai trăm năm sau, đến đời Đường, ngài Thập Xoa Nan Đà dịch, chia thành tám mươi quyển, gọi là Bát thập Hoa Nghiêm hay bộ Tân dịch. Và cũng ở đời Đường, ngài Bát Nhã dịch riêng phẩm Nhập Pháp Giới, gọi là Tứ thập Hoa Nghiêm gồm bốn mươi quyển.

Kinh Hoa Nghiêm phát triển mạnh ở Trung Quốc, tiến đến thành lập tông Hoa Nghiêm. Sơ Tổ của tông này là **ngài Đỗ Thuận (557- 640)**, nhưng đến **ngài Trí Nghiêm (602-668)** là nhị Tổ mới chính thức thành lập tông Hoa Nghiêm. Và Tổ thứ ba của tông này rất nổi tiếng, đó là **ngài Pháp Tạng (Hiền Thủ, 643-712)**. Phải nói là đến thời của ngài Pháp Tạng mới luận giải kinh Hoa Nghiêm và giảng kinh này cho Tắc Thiên hoàng hậu.

Ngài Đỗ Thuận và Trí Nghiêm cùng giảng giải kinh theo bộ Lục thập Hoa Nghiêm. Nhưng ngài Đỗ Thuận chịu ảnh hưởng của hệ Bát Nhã, vì lúc ấy Pháp Tánh học thịnh hành. Còn ngài Trí Nghiêm chịu ảnh hưởng của Duy Thức, tức Pháp Tướng học do ngài Huyền Trang xương minh và theo đó mà phát triển Hoa Nghiêm.

Ngài Pháp Tạng lý giải theo bộ Bát thập Hoa Nghiêm. Ngài giảng giải đầy đủ hơn, vì đã tổng hợp được hai hệ tư tưởng Bát Nhã và Duy Thức của sơ Tổ và nhị Tổ, kết hợp thành bộ Hoa Nghiêm sơ. Đây là cốt lõi của tông Hoa Nghiêm, làm cho Phật pháp thịnh hành ở thời này.

Hai vị Tổ Đỗ Thuận và Trí Nghiêm đều là người Hán. Riêng ngài Pháp Tạng sanh ở Trung Quốc mà gốc người Trung Á. Vì vậy, ngài thừa hưởng được tư tưởng triết học Ấn Độ và văn minh Trung Quốc; đồng thời tổng hợp được tinh ba của hai luồng tư tưởng vĩ đại này, tạo thành nét đặc thù nổi bật của tông Hoa Nghiêm, khiến cho giới trí thức đời Đường bấy giờ phải thán phục.

Có thể nói tông Hoa Nghiêm phát triển mạnh ở Trung Quốc vì tư tưởng kinh Hoa Nghiêm thích hợp với người Trung Quốc. Trước khi kinh này được truyền sang, tư tưởng Lão Trang thịnh hành ở Trung Quốc, có cái nhìn về vũ trụ gần giống với tinh thần Hoa Nghiêm, nên người trí thức đương thời dễ tiếp thu được tư tưởng Hoa Nghiêm. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng kinh Hoa Nghiêm phát triển được là nhờ các vị cao đức thông suốt được áo nghĩa Hoa Nghiêm và biết kết hợp với tinh thần Lão Trang để triển khai thành tư tưởng chỉ đạo của tông Hoa Nghiêm.

Tư tưởng Lão Trang quan niệm mọi sinh hoạt của vũ trụ vận hành theo lý "Tự nhiên", tự nhiên là "Vô", và tính chất của "Vô" là bản thể của vũ trụ. Và theo Trang Tử thì "Đạo không chỗ nào không có, ở chỗ con kiến, con dế, ở chỗ cỏ Đế cỏ Bại, ở chỗ gạch gói, ở chỗ phân tiểu ...". Người trí thức chịu ảnh hưởng Lão Trang có thể thấy vấn đề nói trên của họ sáng hơn khi tiếp thu tư tưởng Hoa Nghiêm do các vị cao Tăng lý giải; theo đó, mọi sự, mọi vật

đều bình đẳng, trong tốt có xấu, trong xấu có tốt. Tất cả sinh hoạt tương quan tương duyên chẳng chịt trong Pháp giới.

Người chúng đạo thấy rõ sự tác động của mối tương quan sâu xa ấy, mà thuật ngữ gọi là Lý sự Vô ngại Pháp giới, thì sẽ hóa giải được tất cả. Còn chướng ngại, vướng mắc, không dung thông thì trở thành đối nghịch, đối đầu, từ đó phiền não trùng trùng duyên khởi.

Thực chất của sự hành trì theo yếu nghĩa Hoa Nghiêm là thiện ác đều do chính ta tạo nên, kinh gọi là muôn pháp duy tâm tạo. Liễu ngộ Hoa Nghiêm thì tất cả viên dung vô ngại vì mọi loài trong Pháp giới cho đến con ong, cái kiến, cỏ cây, hoa lá đều là pháp âm của Tỳ Lô Giá Na Phật.

Kinh Hoa Nghiêm chuyên chở một tư tưởng quá lớn lao, người bình thường không tiếp thu nổi, không hiểu thì làm sao ứng dụng được. Vì thế, dù là tư tưởng siêu tuyệt như vậy, vẫn bị mai một. Phải có những bậc danh đức ngộ đạo hiện hữu, như ngài Đỗ Thuận, Trí Nghiêm, Pháp Tạng nắm trọn được tinh yếu của Hoa Nghiêm và lý giải, cũng như thể hiện trong cuộc sống, mới có thể phát triển tư tưởng này sáng chói lên. Nhưng về sau, không có người thừa kế đủ khả năng tiếp nối đạo nghiệp, ngọn đèn Hoa Nghiêm cũng phải tàn lụi.

Tiếp theo, kinh Hoa Nghiêm được một nhà sư Trung Hoa mang sang Nhật Bản, nhưng không thuyết giảng. Đến đời Thánh Vũ

thiên hoàng, ngài Thăm Tường là nhà sư Triều Tiên sang Nhật Bản, kinh này mới được ngài giảng giải và tông Hoa Nghiêm ra đời.

Đặc biệt là nhờ công đức thuyết pháp của ngài Thăm Tường khiến cho Thánh Vũ thiên hoàng phát tâm xây dựng ở Nara tượng Tỳ Lô Giá Na bằng đồng lớn nhất thế giới. Có điều kỳ lạ cần nhắc lại, theo truyền thuyết, người ta chỉ đúc được pho tượng này tới cổ, vì phần đầu của tượng quá lớn, đường kính của mặt tượng Tỳ Lô Giá Na rộng đến năm thước, nên rót đồng vô chảy xuống đến cổ là bị rã.

Sau đó, nhà sư Phật Triết, từ Giao Châu, Việt Nam đóng bè tre sang Nhật Bản. Ngài Hạnh Cơ Bồ tát ra đón ngài Phật Triết ở bờ biển về để chỉ dạy phương cách đúc tượng. Pho tượng được hoàn thành một cách hoàn hảo, nên Thánh Vũ thiên hoàng thỉnh ngài Phật Triết về chủ lễ điểm nhãn tượng. Và ngài soạn ra nghi thức cúng dường khai quang, còn truyền tụng đến ngày nay.

Như đã nói, tư tưởng Hoa Nghiêm quá trác tuyệt, khó tiếp thu. Vì vậy, công đức hoàng truyền kinh Hoa Nghiêm mà ngài Thăm Tường đã tu tạo, không có người tiếp nối đạo mạch. Những gì tiêu biểu còn lưu lại dấu vết như tông Hoa Nghiêm, chùa Đông Đại và tượng Tỳ Lô Giá Na, thì chỉ còn hiện hữu như một kỷ niệm mà thôi.

Tóm lại, kinh Hoa Nghiêm phát xuất từ Ấn Độ, nhưng vì quá cao siêu, hiếm người tiếp thu được và tất nhiên việc phát triển càng khó hơn nữa. Phải đợi đến khi truyền sang Trung Quốc hay Nhật Bản và phải gặp những vị vua chúa có phước báu và quyền thế phát tâm mới đủ điều kiện hỗ trợ cho công việc phiên dịch, truyền bá kinh, cũng như xây dựng chùa chiền, đúc tượng được thành công.

Riêng ở Việt Nam, Phật giáo đương nhiên cũng có phần ảnh hưởng tinh thần Hoa Nghiêm. Một số vị cao Tăng cũng thọ trì kinh này, ứng dụng được phần nào tinh ba của kinh trong cuộc sống. Tuy nhiên, nói chung, bộ kinh này không phát triển mạnh được ở Việt Nam.

III - Nội dung kinh Hoa Nghiêm

Theo phán giáo của Thiên Thai Trí Giả đại sư, sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài thuyết kinh Hoa Nghiêm trong hai mươi một ngày và sau đó Ngài đến Lộc Uyển độ năm anh em Kiều Trần Như, bắt đầu lập giáo khai tông. Trên đường hoằng truyền chánh pháp, Đức Phật giảng kinh Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn.

Cách phán giáo của Trí Giả đại sư được Phật giáo Đại thừa tán đồng. Phật giáo Nguyên thủy cũng ghi nhận giống ở điểm sau khi thành đạo, Phật ngồi tư duy ở Bồ đề đạo tràng trong hai mươi một ngày. Theo kiến giải của Phật giáo Đại thừa, trong hai mươi một ngày tư duy ấy, Ngài thuyết kinh Hoa Nghiêm trong Thiền định.

Thiết lập pháp hội Hoa Nghiêm với hội chúng, hội trường có điểm khác lạ. Theo kinh Hoa Nghiêm Lục thập quyển thì có tám hội, nhưng kinh Hoa Nghiêm Bát thập quyển ghi nhận có chín

hội. Đến phần kết của hội Hoa Nghiêm vẫn có mặt Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Nan, nhưng các ngài không nghe được. Ý này được kinh diễn tả rằng chúng Thanh văn như người mù, người điếc dự hội.

Vì khó hiểu như vậy, một số người cho kinh Hoa Nghiêm có tính cách giả tưởng. Ngày nay, chúng ta có thể hiểu ý này qua thực tế như vấn đề trình bày trong cuộc hội thảo dành cho các nhà bác học thì người có trình độ Đại học trở xuống có tham dự cũng không thể nào hiểu được.

Pháp Phật nói cho Bồ tát, hàng Nhị thừa không thể biết, huống chi là phàm phu. Cần hiểu rằng không riêng gì Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... mà kể cả chúng ta cũng hiện diện trong hội Hoa Nghiêm, nhưng không thấy, không nghe vì bị ngũ ấm ngăn che, vướng mắc sắc ấm. Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm, tức hành đạo trong Thiền định, dùng tâm chuyển vật. Chúng ta chưa thấy tâm, làm sao thấy được sự chuyển vật.

Thực tế cho thấy các vị chân tu hành đạo dưới dạng tâm, tâm họ thanh tịnh, an vui, tác động cho người trông thấy họ liền phát tâm Bồ đề và an vui theo. Trái lại, người dùng lời nói ngọt ngào, nhưng phát xuất từ tâm gian ác bên trong, nên chúng ta cảm nhận ghê sợ và không tin được.

Từ đó, hành đạo của Đại thừa đặt nền tảng trên sinh hoạt của tâm là chính. Nếu tâm thực sự tốt sẽ kết thành quả tốt, dù cho hành động bề ngoài không tốt. Sức mạnh phi thường của tâm chi phối, khiến việc thành tựu, không cần phải cử thân động niệm, kinh gọi là vô tác diệu lực. Đó là ý chính mà kinh Hoa Nghiêm muốn đề cập đến.

Khi Đức Phật đắc quả Vô thượng giác ở Bồ đề đạo tràng, không còn lệ thuộc ngũ ấm thân, phát hiện ra con người thật bên trong, tức chân linh, thấy được quyền thuộc là Bồ tát vây quanh.

Riêng chúng ta chưa đắc đạo, còn bị ngũ ấm bao vây, phiền não khống chế, không thể thấy con người chân thật và thế giới thật. Thí dụ khi thức, chúng ta có quyền thuộc là người bằng xương thịt, mang ngũ ấm thân như ta. Khi ngủ, thế giới ấy khép

lại và chúng ta sinh hoạt với thế giới chiêm bao, tức thế giới của thần thức, của nghiệp. Bấy giờ dù phú quý, quyền uy ở trên cuộc đời cao tột đến đâu chẳng nữa, nhưng đã tạo ác nghiệp thì trong giấc chiêm bao hay lúc lìa đời, sẽ bị những cảnh ác xấu ấy hiện ra lôi kéo, hành hạ. Như vua Đường, vua Tần Thủy Hoàng đủ quyền sinh sát thiên hạ trong tay, có hàng rào gươm mác, hầu cận che chở an lành; nhưng nhắm mắt ngủ, vòng rào an toàn này chẳng còn tác dụng gì. Trái lại, họ phải gánh chịu những cảnh ác độc, nợ máu hoành hành dữ dội đến mức ngã bệnh, phải nhờ ngài Huyền Trang cầu nguyện. Đó chính là thế giới của nghiệp thức chủ động toàn bộ mọi sinh hoạt sau khi chúng ta chết.

Người tu thanh tịnh, cuộc sống thực tế dù hẩm hiu, nhưng đến khi ngủ hay nhập Thiền định, trần gian tạm bợ khép lại, mở ra cho họ thế giới an lành của Phật, Bồ tát, thần tiên. Đây vẫn còn thuộc thế giới của thần thức, chưa phải chơn tâm, chơn thật. Tuy nhiên, vọng thức này thiện cũng tốt hơn là ác, vì còn giúp được ta tiến bước thêm vào cảnh giới thần tiên.

Bước đầu thuộc vòng tương đối, bỏ ác để thiện pháp sanh ra, làm cho ta được an lạc. Trên nền tảng ấy, bước chân vào đạo, trước tiên cần an tâm, chỉ cần bình yên để tu là đủ. Không được an lạc tối thiểu, có tu cùng kiếp cũng đọa. Dù cuộc sống bên ngoài có khó khăn, mà lòng an vui, vẫn tiến tu đạo nghiệp được.

Thế giới của Thức biến thuộc vọng, chúng ta chỉ nhờ nó để thấy cảnh giới Cực Lạc hay dạo chơi lên Đâu Suất, đánh lễ Bồ tát Di Lạc, cảm nhận sự an lành. Đến khi thức giấc lại chạm trán với cuộc sống khác hẳn, nghĩa là kinh Hoa Nghiêm muốn nhắc nhở chúng ta tu như vậy vẫn còn ở trong quỹ đạo của nghiệp thức.

Bắt đầu Đức Phật nhập định, ma quân đến quấy phá, nhằm chỉ cho tất cả sự liên hệ trong vòng thức ấm, tất cả nghiệp chướng trần lao tiêu tan, mới được bình yên. Thế giới thứ nhất có ác ma hiện, dẹp tan được chúng, không còn gì có thể quấy rầy. Trời trong mây tạnh mới tạo thành Bồ đề đạo tràng. Chơn tâm hay Tỳ Lô Giá Na Pháp thân hiện, mới thấy Bồ tát vi trần. Và Phật Pháp thân ấy nói với các vị Bồ tát trong Thiền định, không phải người bằng xương thịt nói và cũng không nói cho người nhân gian. Vì

vậy, người nhân gian làm thế nào biết được và tặng kinh Hoa Nghiêm phải đợi đến Long Thọ Bồ tát kiết tập.

Đến pháp hội thứ hai, đi vào thế giới Quang Minh điện của Phật, nghĩa là ánh quang Phật thuyết pháp. Ánh quang này chiếu đến Trời Phạm Thiên, vị Đại Phạm Thiên vương xuống Bồ đề đạo tràng thỉnh Phật thuyết pháp.

Ở pháp hội một, thuyết bằng Thiên định dành cho người trụ định mới nghe được. Đến pháp hội thứ hai, Phật thuyết bằng ánh quang, đòi hỏi người có trí tuệ, nghe bằng Bồ đề tâm, huệ giải thoát mới thâm nhập được. Lúc ấy, người tu ngộ đạo nhìn sông núi, cá chim đều là Phật thuyết pháp.

Sau đó, Phật thuyết ở Trời Dao Lợi, đến Dạ Ma thiên, Đâu Suất thiên, Tha Hóa Tự Tại. Đến đây, Ngài giảng Thập Hồi hướng, Thập Địa của Bồ tát. Có thể hiểu rằng đạt đến trình độ tu chứng ở Tha Hóa Tự Tại mới có khả năng hành Bồ tát đạo. An trụ cảnh giới Tha Hóa Tự Tại, việc giáo hóa chúng sanh của hành giả hoàn toàn tự tại, không ai ngăn cản, phá rối được, đến nơi nào thì việc đều thành tựu viên mãn.

Trái lại, ta còn bị chướng ngại nhiều, phải tự biết chưa nghe được pháp Bồ tát, chưa làm được việc của Bồ tát. Tốt nhất chúng ta chỉ là quyến thuộc, nương theo Bồ tát làm việc để tu tạo công đức. Thật vậy, chúng ta tu ở nhân gian có đồng nguyện, đồng hạnh với Phật, Bồ tát. Các Ngài muốn thực hiện việc cứu khổ độ sanh, phải mượn chúng ta làm thay, hộ niệm cho việc ta thành công và ta được chia nửa phần công đức.

Phật nói kinh Hoa Nghiêm ở Trời Tha Hóa Tự Tại nhằm chỉ cho biết đối tượng của pháp cao sâu này phải là Bồ tát, là người có đầy đủ phương tiện giáo hóa chúng sanh. Trên tinh thần ấy, kinh Hoa Nghiêm thích hợp với các bậc vua chúa. Sang Trung Quốc, bộ kinh này hình thành nhờ Tắc Thiên hoàng hậu bảo trợ công tác phiên dịch và chú sớ kinh.

Đến Nhật Bản, Thánh Vũ thiên hoàng chịu ảnh hưởng tinh thần Hoa Nghiêm đã ra lệnh cho toàn dân phải nộm đồng để đúc tượng Tỳ Lô Giá Na lớn nhất thế giới, đến nay vẫn còn ở Nara.

Tượng này phải trải qua mấy đời vua mới hoàn thành. Nếu không phải là người có thể lực nhất nước để xướng thì không thể nào thực hiện được những kỳ tích như vậy. Kinh diễn tả sức mạnh hành đạo ấy dưới dạng Trời Tha Hóa Tự Tại, còn đối với người nghèo đói mà khuyên điều đó thì thật khó nghe.

Bồ tát pháp trong kinh Hoa Nghiêm rất cao sâu. Hàng thấp nhất là Bồ tát Sơ địa cũng phải có khả năng làm vua một cõi, tức tiểu vương mới có thể hành đạo tự tại. Bồ tát Nhị địa phải là Chuyển luân Thánh vương cai quản bốn phương thiên hạ, ai nghe đến danh cũng phải kính nể. Bồ tát đệ Tam địa phải làm vua Trời Đao Lợi, cai quản ba mươi ba tầng trời. Cứ như vậy lần lên cõi Trời Dục cao nhất là Tha Hóa Tự Tại.

Đức Phật giảng cho các vị trời, đồng nghĩa với sự nhắc nhở những người có phước báu, quyền uy ở trần gian nên phát tâm làm Phật sự, dễ tu tạo công đức lớn lao. Nếu không, hưởng hết phước rồi đọa, lúc đó không còn điều kiện tạo công đức, như vua Tần Bà Sa La bị A Xà Thế nhốt vô ngục rồi mới phát tâm.

Từ cõi Trời Tha Hóa Tự Tại, Đức Phật trở lại Phổ Quang đường thuyết Thập Nhẫn, Thập Định. Cuối cùng, Ngài trở lại thực tế cuộc sống ở rừng Thệ Đa nói phẩm Nhập Pháp giới.

CHƯƠNG II - QUAN NIỆM VỀ ĐỨC PHẬT THEO KINH HOA NGHIÊM

I - Quan niệm về Đức Phật trong thời kỳ Phật giáo

Nguyên thủy

Sách / Lược Giải Kinh Hoa Nghiêm / CHƯƠNG II - QUAN NIỆM VỀ ĐỨC PHẬT THEO KINH HOA NGHIÊM
I - Quan niệm về Đức Phật trong thời kỳ Phật giáo
Nguyên thủy

Đạo Phật bắt nguồn từ Đức Phật lịch sử, Ngài đản sanh năm 624 trước Công nguyên, là hoàng tử duy nhất của vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Gia ở nước Ca Tỳ La Vệ, thuộc miền Trung Ấn Độ. Với hoài bão tìm một cuộc sống giải thoát khổ đau sanh tử cho con người, Ngài đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, dấn thân tìm chân lý. Sau sáu năm học hỏi và thiết thân thực nghiệm các pháp tu của ngoại đạo, Ngài đến núi Già Da, nhập định dưới cội Bồ đề. Qua bốn mươi chín ngày tư duy, Ngài đắc quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Từ đó, Đức Phật bắt đầu hoằng hóa lợi sanh. Ngài đến Lộc Uyển giảng pháp, độ năm anh em Kiều Trần Như, hình thành Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng đầu tiên. Giáo đoàn của Ngài dần dần mở rộng, tập hợp một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ kheo cùng sống với Đức Phật. Giữa Ngài và các vị Tỳ kheo này gần gũi nhau, gần bó trong tình thầy trò. Tuy nhiên, điều cần lưu ý là những đệ tử theo tu học với Phật đều kính nể Ngài như bậc Thầy sáng suốt nhất. Phần lớn các Tỳ kheo đều xuất thân từ ngoại đạo hay các tổ chức khác thời bấy giờ, họ trở về quy phục với Đức Phật vì Ngài là vị mô phạm sáng suốt nhất, thường được họ tôn danh là bậc đại Đạo sư, là vị Thánh cao cả nhất trong hàng Thánh.

Đó là hình ảnh Đức Phật tại thế toàn giác, toàn trí được tôn sùng như vậy trong thời Phật giáo Nguyên thủy. Với trí tuệ vô lậu, sáng suốt hoàn toàn, Ngài giảng dạy các pháp khác nhau tương ưng với căn tánh, hành nghiệp của đối tượng căn giáo hóa. Vì

vậy, Phật giáo Đại thừa đã chia pháp Phật thành Tam thừa hay Ngũ thừa, nhưng tựu trung, người hữu duyên tiếp nhận pháp Phật, đều được thăng hoa, giải thoát.

Phật tại thế, Ngài là đấng Đạo sư minh triết bậc nhất, lời dạy của Ngài là chân lý và người ứng dụng có kết quả tốt là Thánh Tăng. Nhưng Phật diệt độ, thì Tam bảo mất phần Phật bảo, vị Thầy sáng suốt không còn nữa. Từ đó đặt ra vấn đề ai là người có đủ tư cách quyết định sinh hoạt của giáo đoàn.

Trước tình trạng khó khăn không ai đủ khả năng thay Phật lãnh đạo, đã dẫn đến chủ trương sử dụng giáo pháp Phật làm tiêu chuẩn quyết định. Vì vậy, Thượng tọa bộ đã đề ra giáo pháp còn, tức Phật còn, không ai có quyền thay đổi giáo pháp.

Nhưng sau một trăm năm, chủ trương này không được toàn thể Tăng chúng tán thành. Theo họ, Phật tại thế, tùy thời, tùy chỗ giảng dạy các pháp khác nhau. Nay, không còn Phật trực tiếp ứng xử các pháp tương ứng một cách đúng đắn, lợi lạc, thì không thể áp đặt lời Phật, khống chế mọi người.

Từ sự bất đồng này phát sanh ra nhiều ý kiến khác nhau giữa các bộ phái, gọi là thời kỳ bộ phái, nhưng chính yếu có Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ.

Thượng tọa bộ cố gắng giữ nguyên hình thái sinh hoạt của thời Đức Phật tại thế, chỉ có vài thay đổi nhỏ. Họ cho rằng khi không có Phật, nên lấy giáo pháp làm Phật, gọi là Phật Pháp thân, nghĩa

là Phật sanh thân không còn nữa, thì chúng ta nên nương giáo pháp của Ngài để sống, lấy đó làm kim chỉ nam hành đạo, không được sửa đổi. Như vậy, Phật hiện hữu dưới dạng giáo pháp Pháp thân.

Quan niệm của Thượng tọa bộ đặt nặng Phật Pháp thân hay giáo pháp chính là Phật, đã không được đại chúng chấp nhận. Từ tưởng Đại thừa từ đây nảy sinh với lập luận rằng từ Lộc Uyển đến Sa La song thọ, hơn ba trăm hội, Phật thuyết pháp không giống nhau. Vấn đề đặt ra cho người hiện tại nên lựa chọn, sử dụng pháp nào thích hợp và những gì không thể thích nghi, có thể tự quyết định cách khác.

Từ ngã rẽ này, Đại chúng bộ lấy chư Tăng làm chuẩn, cho rằng Phật hiện hữu trong Tăng đoàn. Khi cần sửa đổi điều gì trong sinh hoạt Phật pháp, thì ý kiến được tập thể chư Tăng tán đồng kể như có giá trị quyết định.

Như vậy, từ niềm tin tuyệt đối vào giáo pháp đã chuyển đổi thành chủ trương tin Tăng đoàn. Vì Phật tại thế, sinh hoạt chắc chắn phải khác hiện tại; thời đại và quốc độ khác, tất yếu dẫn đến sinh hoạt phải khác.

Những gì Phật dạy hay chưa nói đến, khi có sự kiện xảy ra, phải họp Tăng quyết định; đại chúng bằng lòng thì Phật hoan hỷ. Trên tinh thần lấy Tăng làm chính, phạm Phật, Tăng cứu được, nhưng phạm Tăng, Phật không cứu. Ngày nay, trên thế giới, tinh thần

này vẫn có giá trị, chúng Tăng thay Phật đưa ra quyết định chung. Phật không nằm trong giáo pháp nữa, nhưng nằm ngay trong sự suy nghĩ của Tăng đoàn.

Tinh thần Phật giáo Đại thừa sử dụng giáo pháp Pháp thân của Phật giáo Nguyên thủy, kết hợp với sự hiểu biết của chư Tăng trong hiện tại, sửa đổi thành Pháp thân của Đại thừa, gọi là thanh tịnh Pháp thân, mà về sau được kinh Hoa Nghiêm diễn dịch là thanh tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na.

Giáo pháp là di chúc và chư Tăng thanh tịnh là sự sống. Vì vậy, chư Tăng hòa hợp cùng nhau thanh tịnh chế định ra giáo pháp, tức nguyên tắc sống phù hợp, lợi lạc an vui, được coi là Pháp thân Phật thuyết ra, khác với Pháp thân theo Phật giáo Nguyên thủy là giáo pháp gồm có một số điều không thích nghi với sinh hoạt mới của thời đại.

Thực tế cho thấy những gì chư Tăng hợp lại, chế định ra, dễ được chấp nhận hơn là theo truyền thống. Mặc dù cần trân trọng truyền thống, nhưng cũng không thể không quan tâm nhiều đến sự nhận thức và tình cảm của người đang sống. Bỏ qua điều này sẽ đưa đến thất bại trầm trọng. Ý thức như vậy, Phật giáo Đại thừa chủ trương lấy thanh tịnh Pháp thân làm chuẩn mực tu hành. Tuy nhiên, cần chú ý phải hòa hợp thanh tịnh thực sự từ đáy lòng, không phải chỉ hòa ngoài mặt hay hòa trên đầu môi chót lưỡi. Thiết nghĩ khi chư Tăng hòa hợp thanh tịnh, chế định được gì, thì cái đó tồn tại.

Tóm lại, khi Phật tại thế, Ngài hiện hữu như đấng toàn giác, toàn trí, toàn thiện. Tư cách tuyệt mỹ ấy soi sáng tâm trí mọi người thăng hoa, đã được lịch sử ghi lại rõ ràng.

Vấn đề quan niệm về Đức Phật như thế nào chỉ đặt ra sau khi Ngài diệt độ. Ở thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy (tính từ Phật tại thế đến sau Phật nhập diệt một trăm năm), ngoài sanh thân Phật đã không còn nữa, người ta hình dung ra Đức Phật vẫn hiện hữu trong giáo pháp Pháp thân, Tăng đoàn Pháp thân, tức Ngài còn hằng hữu qua lời dạy trong kinh điển, qua sinh hoạt hòa hợp thanh tịnh của chư Tăng ở khắp năm châu.

II - Quan niệm về Đức Phật theo Đại thừa Phật giáo

Đức Phật tại thế, Ngài là đấng toàn giác, toàn trí, hướng dẫn mọi người thăng hoa tri thức và đạo đức. Sau khi Phật diệt độ, nảy sinh nhiều quan niệm khác nhau về Ngài.

Ở thời Phật giáo Nguyên thủy, khi sanh thân Phật không còn, người ta nghĩ Phật vẫn hiện hữu trong kinh tạng của Ngài lưu lại, gọi là giáo pháp Pháp thân. Quan niệm giáo pháp Pháp thân được Đại chúng bộ triển khai thành Tăng đoàn Pháp thân, nghĩa là Phật vẫn sống trong sinh hoạt của tập thể hòa hợp Tăng. Từ đó, mỗi người tin Phật, học Phật, thể hiện cuộc sống theo Phật thì Phật hiện hữu trong suy tư, trong việc làm của họ. Vì vậy có bao nhiêu người hướng tâm về Ngài, thì có bấy nhiêu Phật, dẫn đến

hình thành tư tưởng thiên bá ức hóa thân Phật của Phật giáo Đại thừa.

Theo tinh thần Đại thừa, Đức Phật Thích Ca là một ứng thân ở Ta bà, để khai thị cho chúng sanh con đường vào Phật tri kiến. Sau khi ứng thân Phật Niết bàn, những Tỳ kheo mang hình thức giống Phật và truyền bá chánh pháp, tiêu biểu cho Phật tại trần gian, gọi là hóa Phật.

Tư tưởng hóa Phật được dân Tây Tạng đổi thành Phật sống, người ta tin và gần gũi với Phật sống hơn là Phật vô hình. Theo họ, chỉ có Lạt Ma mới có khả năng tiếp cận với Phật và vị này là nhịp cầu tâm linh truyền thông giữa mọi người và Phật. Vì vậy, theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng, Đức Đạt Lai Lạt Ma tiêu biểu cho Phật tại thế, được kính trọng tuyệt đối.

Mỗi vị Tăng suy nghĩ về Phật, thì hiện hữu Phật; hóa Phật là Phật do chúng ta hình dung, nghĩ tưởng mà có. Từ góc độ ấy, Phật giáo Đại thừa đưa ra quan niệm Báo thân Phật hay thân phước đức trí tuệ của Phật. Báo thân Phật không phải là một thân lạ lùng ở nơi xa xôi nào, nhưng tồn tại ngay trong sanh thân Ngài, được cấu tạo từ sự kết hợp trí tuệ và những việc làm thánh thiện, lợi ích của Ngài đối với đời.

Thật vậy, trên bước đường hoằng hóa độ sanh, với tri kiến thấy đúng như thật, Phật hiểu rõ khả năng, hoàn cảnh của từng người và tùy theo đó mà chỉ dạy; họ đều trồng hoa trên đường đạo

hạnh, tăng trưởng phước lạc. Với nhân cách toàn thiện, trí tuệ toàn bích và đạo đức toàn mỹ, Đức Phật dễ dàng thành công trong việc giáo hóa. Báo thân hay hành vi đạo đức, không chút lỗi lầm và trí tuệ siêu tuyệt của Phật đã ảnh hưởng, tác động cho người, xây dựng thành một tập thể xuất gia và tại gia đạo đức, sáng suốt. Hướng dẫn và dung hóa một giáo đoàn gồm mười hai ngàn Tỳ kheo thuộc nhiều trình độ khác nhau, thành phần phức tạp, không phải là điều đơn giản. Trong tám mươi năm trụ thế, Đức Phật cảm hóa từ hàng vua chúa quyền quý, người giàu sang, học thức, cho đến người thứ dân nghèo khổ, thất học, từ người hiền lành đến kẻ sát nhân; tất cả đều được chuyển đổi, thăng tiến tốt đẹp.

Từ Báo thân viên mãn, đầy đủ phước đức, trí tuệ, Đức Phật dùng vốn quý giá ấy để cấu tạo một thân thứ ba gọi là Pháp thân. Pháp thân không phải là cái gì siêu hình, trừu tượng ở trong hư không. Bằng trí tuệ của bậc Chánh Biến Tri, Đức Phật biết rõ và vận dụng được nguyên lý tạo nên con người và thế giới. Từ đó, mọi vật, mọi hiện tượng trong trời đất, mọi việc của các loài đều không chướng ngại đối với Ngài. Và hơn thế nữa, Đức Phật chi phối toàn bộ các pháp, sử dụng chúng một cách tự tại; các pháp trở thành thân của Ngài. Đức Phật sử dụng Pháp thân chuyển hóa xã hội đương thời, lúc ấy sanh thân Phật trở thành Pháp thân, hay được coi là Pháp thân.

Chúng ta cũng có Pháp thân, nhưng vì không có Báo thân viên mãn, tức không đầy đủ trí tuệ, đạo đức nên Pháp thân không hoạt động được, kinh gọi là Như Lai tại triền; ví như vàng bạc có trong quặng mỏ, nhưng không biết khai thác, không dùng được.

Đức Phật cũng mang thân tứ đại ngũ uẩn như mọi người, nhưng Ngài biết dùng sanh thân ấy để tạo thành Pháp thân và Báo thân và đạt quả vị Vô thượng Đẳng giác. Trong khi chúng sanh phát triển nghiệp và phiền não, đời đời kiếp kiếp trôi lăn trong sanh tử khổ đau.

Trên nền tảng cuộc sống bình thường của sanh thân, Đức Phật phát triển tinh thần, tăng trưởng trí tuệ và đạo đức để nuôi lớn Báo thân. Và từ tinh thần này hội nhập lại sanh thân, tác động đến mọi người, mọi việc. Nói chung là Ngài điều động được các pháp một cách tự tại, tức sử dụng được Pháp thân.

Tuy Phật có ba thân là sanh thân, Báo thân và Pháp thân, nhưng thực sự chỉ là một thân hiện hữu trong con người thật, Thích Ca Mâu Ni, được lịch sử ghi nhận.

Tóm lại, **Phật giáo Nguyên thủy quan niệm Đức Phật có sanh thân và Pháp thân.**

Phật giáo trong thời kỳ bộ phái lại chủ trương Báo thân và ứng thân.

Sau đó, **Phật giáo Đại thừa kết hợp hai tư tưởng này lại để hình thành quan niệm tam thân Phật là ứng hóa thân, Báo thân và Pháp thân**. Nghĩa là quan niệm sanh thân của Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo thời bộ phái giống nhau, vẫn giữ nguyên, nhưng mang tên khác là ứng hóa thân. Ứng thân chỉ cho Phật Thích Ca, hóa thân là những vị gìn giữ chánh pháp Phật tồn tại trên thế gian.

Ngoài ra, Phật giáo Đại thừa đặt nặng vấn đề tri thức và đạo đức nên lấy Báo thân viên mãn, hay phước đức trí tuệ làm thân. Đây là điểm quan trọng khác biệt giữa Phật và chúng sanh, vì không tu đầy đủ hạnh Bồ tát và tâm đại bi, nên chúng sanh không thể nào đạt quả vị Phật.

Sau cùng, Đại thừa kết hợp giáo pháp Pháp thân của quan niệm Nguyên thủy với Tăng đoàn Pháp thân của thời bộ phái, chuyển đổi thành thanh tịnh Pháp thân. Như vậy, danh từ Pháp thân tuy giống nhau, nhưng tư tưởng cốt lõi bên trong khác nhau.

Theo tinh thần Đại thừa, ngày nay sanh thân Phật vắng bóng trên cuộc đời, tri thức và đạo hạnh của Ngài đã đầu tư cho loài người vẫn là mô hình kiểu mẫu hướng dẫn cho những người đồng hạnh đồng nguyện với Ngài trên khắp năm châu.

Sanh thân không còn hiện hữu mà Pháp thân vẫn thường trụ vĩnh hằng, được vô số tâm hồn lớn nối tiếp, tạo thành mạng mạch Phật

giáo lưu truyền, lợi lạc cho chúng hữu tình qua suốt hai mươi lăm thế kỷ.

III - Quan niệm về Đức Phật theo kinh Hoa Nghiêm

Kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm là hai bộ kinh nòng cốt của Phật giáo Đại thừa. Kinh Pháp Hoa đặt nặng về Pháp, trong khi kinh Hoa Nghiêm triển khai về Phật là vị có đầy đủ tư cách để tuyên thuyết Diệu pháp.

Quan niệm về Đức Phật theo Hoa Nghiêm tất nhiên cũng khởi đầu từ Phật nguyên thủy là Đức Thích Ca. Ngài cũng mang thân tứ đại giống như chúng ta và trải qua quá trình tu hành, đắc quả Vô thượng Bồ đề.

Quan điểm cho rằng Phật là người giống như ta và tiến tu thành bậc Chánh giác, được xét lại trong thời Phật giáo phát triển. Vì câu hỏi được đặt ra là tại sao người đều giống nhau, nhưng chỉ duy nhất có Phật thành tựu quả vị Toàn giác, còn những vị tu hành khác thì có người thành Tổ, có người làm trụ trì, hoặc có người chẳng đạt được quả vị nào.

Phật giáo phát triển bắt đầu mở tầm nhìn về chiều sâu, nhìn bên trong cái thực của con người, tức chân linh để định giá trị khác nhau của mỗi người. Theo tư tưởng Phật giáo phát triển, phần cốt lõi quan trọng hơn, vì lõi thế nào thì hiện ra bên ngoài thế đó. Bên trong hàm chứa cốt cách của Phật, Tổ, tất yếu bên ngoài phải hiện tướng hảo trang nghiêm. Đó là do các Ngài đã tích lũy

công đức tu hành nhiều đời, không phải một kiếp làm được, không phải một đời thành Phật được như chúng ta lầm tưởng. Chúng sanh tạo nghiệp ác, chất chứa trong nhiều đời cũng giống như vậy.

Từ đó, hình thành kinh Bốn sanh, Bốn sự nói về vô số tiền kiếp của Phật xả thân hành Bồ tát đạo. Thân xác giống như chiếc áo mặc cho chân linh. Đó là quan niệm mới của Phật giáo phát triển bắt đầu quán sát người ở hai mặt; đó là mặt bề ngoài là sanh thân hay thân mạng hữu hình và thân mạng vô hình bên trong là Báo thân, tức hành vi tạo tác của chúng ta.

Do công đức tu hành tạo nên con người là Bồ tát, Thánh Hiền, Phật. Nghiệp chướng trần lao thì tạo thành chúng sanh trôi lăn trong sáu đường sanh tử. Như vậy, chúng ta có hai con người là con người bằng xương thịt và con người bằng chân linh. Đại thừa chú trọng đến phần chân linh, căn cứ vào sanh thân Phật để tìm hiểu chân linh hay nhận ra Báo thân Phật.

Theo Đại thừa, Báo thân là phước đức, trí tuệ của Phật. Ngài giáo hóa người thành tựu dễ dàng vì lời nói, hành động, việc làm đều phát xuất từ trí tuệ siêu tuyệt và đạo đức hoàn toàn thánh thiện.

Đại thừa nhìn về Phật qua tri thức và đức hạnh của Ngài và triển khai Báo thân. Suy nghĩ về Báo thân, nương Báo thân Phật tu hành nhằm mục tiêu phát triển Báo thân của chính mình. Trên

bước đường tu, chúng ta xem Phật, Tổ, Bồ tát làm gì, ta cũng làm vậy để nuôi lớn Báo thân của riêng mình.

Đức Phật dạy rằng ai cũng có thể thành Phật nếu tu tập cho đầy đủ tâm đại bi, viên mãn hạnh Bồ tát. Vô lượng kiếp quá khứ, Phật, Hiền Thánh đều trải thân hành Bồ tát đạo, làm lợi ích cho chúng hữu tình, mới đạt đến Vô thượng Đăng giác. Ngày nay, muốn thành tựu quả vị như Phật, chúng ta cũng phải phát tâm Bồ đề, dẫn thân tu Bồ tát đạo. Đó là tư tưởng nòng cốt của Phật giáo Đại thừa.

Tiến đến đỉnh cao của hệ tư tưởng này là kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm giới thiệu Đức Phật và cách tu như thế nào để thành Phật, tức Bồ tát pháp. Tinh thần Hoa Nghiêm cho chúng ta ý niệm về Đức Phật hoàn toàn mới, khác hẳn các bộ kinh Đại thừa khác. Đức Phật không bị giới hạn trong một loại hình cố định nào.

Thật vậy, Hoa Nghiêm mở ra cho chúng ta tầm nhìn phóng khoáng, theo đó không có gì không phải là Phật, đó mới là Đức Phật chân thật. Phật này là Phật huệ, trí tuệ Phật hiện vô thân đồng nữ thì đồng nữ đó là Phật, hiện trong thân trưởng lão thì trưởng lão là Phật, v.v...

Tư tưởng đặc biệt của Hoa Nghiêm về sự hiện hữu vĩnh hằng của một Đức Phật toàn diện đòi hỏi chúng ta phải đạt đến trình độ nhất định nào đó mới có thể hiểu, sống và hành đạo như vậy.

Đứng trên lập trường bao quát, thấy Phật là tất cả, là Pháp giới, được kinh Hoa Nghiêm tiêu biểu qua hình ảnh **Phật với mười loại thân là Ngũ ấm thân, Quốc độ thân, Chúng sanh thân, Thanh văn thân, Duyên giác thân, Bồ tát thân, Như Lai thân, Trí thân, Pháp thân và Hư không thân**. Hay có thể nói mười loại hình này là diễn tiến của sự sống từ thấp nhất tiến đến quả vị Phật và từ Phật giới chi phối ngược xuống toàn bộ các loài hữu tình, vô tình.

1 - Ngũ ấm thân

Trái với quan niệm thông thường cho rằng Thượng đế tạo ra con người và vũ trụ, theo Hoa Nghiêm, trước tiên lấy ngũ ấm làm căn bản, vì tất cả muôn vật đều phát xuất từ ngũ ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đức Phật cũng hiện hữu từ ngũ ấm, Ngài tiến đến quả vị Toàn giác vì Ngài không bị ngũ ấm chi phối. Chúng sanh cũng mang thân ngũ ấm, nhưng bị nó ràng buộc triệt để, luôn gánh chịu khổ đau sanh tử.

Đức Phật khẳng định rằng ngũ ấm cấu tạo nên con người và con người bị lệ thuộc nó. Chính vì còn kẹt vào thân vật chất, tức sắc uẩn, chúng ta còn bị bốn thứ là đói, khát, nóng, lạnh hành hạ. Khi sống với thức uẩn, mặc dù chưa phải là chơn tâm, chúng ta cũng đã thoát khỏi sự ràng buộc của bốn tướng này. Thí dụ như trong giấc mơ, chúng ta không ăn cũng không thấy đói.

Hương vị giải thoát đầu tiên của người đắc được Sơ quả là xa lìa được đói khát, nóng lạnh. Vì vậy, Thiên sư trong lúc nhập định không cần ăn uống, ngủ nghỉ, mà không có cảm giác đói khát, mệt mỏi, vì họ đang sống với chân linh, vượt ngoài sự chi phối của thân xác.

Thân của Đức Phật khởi đầu cũng phát xuất từ thân ngũ ấm như chúng ta và Ngài cũng sử dụng nó. Nhưng chính yếu là Phật điều khiển được thân hoàn toàn theo mục tiêu mà Ngài đặt ra. Đối với Phật, Ngài mang thân ngũ ấm trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thành Vô thượng Đẳng giác để giáo hóa chúng sanh. Khi việc đáng làm đã làm, người đáng độ đã độ, Ngài rời bỏ thân một cách nhẹ nhàng. Đức Phật khác hơn chúng sanh là như vậy.

Chúng sanh thì bị thân ngũ uẩn dày xéo, hành hạ, sống khổ với thân, chết cũng không yên với nó. Đức Phật thì tự tại hoàn toàn vì chuyển đổi được ngũ uẩn thành Pháp thân mà kinh diễn tả rằng "Nhược năng chuyển vật tức đồng Như Lai".

Đức Phật sử dụng và phát triển ngũ uẩn thành ngũ phần Pháp thân, đạt đến đỉnh cao Tỳ Lô Giá Na chi phối muôn loài. Vì vậy, ngũ uẩn được kinh Hoa Nghiêm coi là một trong mười thân của Phật Tỳ Lô Giá Na.

2 - Quốc độ thân

Từ ngũ uẩn làm gốc, nảy sanh ra sự sống, hiện thân thứ hai là quốc độ thân chỉ cho sơn hà đại địa. Nói chung, sự sống đơn bào tiến lên đa bào, phát triển lần đến các sinh vật hữu tình và vô tình.

Theo tinh thần Hoa Nghiêm, nhìn sông núi hùng vĩ, ngắm dòng suối chảy, nụ hoa mon morn, cá bơi chim liệng, hay thấy tượng Phật trang nghiêm, cảnh chùa thanh tịnh, khiến ta phát tâm; đó là vô tình thuyết pháp. Thân Tỳ Lô Giá Na đã tác động vào cảnh quang, tạo thành lực hấp dẫn đưa ta đến với Phật đạo.

Trong kinh thường diễn tả quá trình hành Bồ tát đạo, Phật hiện thân trong tất cả các loài, không riêng gì loài người, Ngài đã từng làm nai, chim, sư tử ... Trong vũ trụ, cỏ cây hoa lá cho đến động vật đều có Tỳ Lô Giá Na ảnh hưởng đến và trong các hữu tình chúng sanh thuộc tứ sanh lục đạo cũng chịu lực chi phối của Tỳ Lô Giá Na để tồn tại.

3 - Chúng sanh thân

Loại thân hình thứ hai của thân Phật Tỳ Lô Giá Na là trải thân ra làm đất đai, làm cây cỏ, làm núi sông để che chở, nuôi sống, dung nhiếp muôn loài. Không loài nào mà tâm đại bi của Phật không tác động đến, thể hiện sự hiện hữu loại thân thứ ba của Phật gọi là chúng sanh thân.

Dưới mắt người hành đạo theo tinh thần Hoa Nghiêm, con ong cái kiến cho đến cọng cỏ, bụi gai, không cái gì mà không dễ

thương, không phải là Phật. Ngược lại, mọi sự vật trên cuộc đời đều chướng tai gai mắt với phàm phu, ràng buộc họ, làm cho khổ đau.

Trên tinh thần tất cả đều đẹp, những người thật dạ tu hành ở bên phiến đá, cạnh dòng suối trong núi rừng, nhưng có cảm nghĩ nơi đó hiện diện ba đời mười phương Phật, họ dễ dàng tiến tu giải thoát. Nhưng nếu khởi vọng tâm đòi hỏi phải ở chỗ này mới tu được, ở chỗ kia buồn khổ, thì không thể nào sống trong thiên môn. Riêng tôi, vào thời niên thiếu, có lúc hành đạo, ở dưới gốc cây, sống thật đạm bạc, nhưng cảm nhận được hạnh phúc kỳ diệu.

Thiết nghĩ, người nào vân du hành đạo dễ nhận ra ý này. Khi trụ tâm tu hành, cái gì cũng đẹp, nhưng bắt đầu xây cất tinh xá, chùa chiền, thu nhận đồ chúng thì cũng bắt đầu khổ với trần duyên. Thật vậy, tâm hồn chúng ta thoáng, không chấp vật, cái gì đối với ta cũng tốt. Nhưng chấp một cái là trùng trùng duyên khởi phiền não sanh ra.

Bước theo lộ trình Hoa Nghiêm, chúng ta cũng tập mang tinh thần rộng lớn như vậy, tập làm những việc bao dung, giúp đỡ người phát triển. Đó là con đường đưa chúng ta đến quả vị Toàn giác trong tương lai. Nói cách khác, ngũ uẩn phát triển đạt đến đỉnh cao Tỳ Lô Giá Na chi phối muôn loài.

4 - Thanh văn thân

Từ chúng sanh thân, Đức Phật nhận ra cuộc đời không bền chắc, nên Ngài khởi tâm đi tìm sự hằng hữu. Từ bỏ đời sống thế nhân, đi theo lộ trình Phật đạo, mang thân tu sĩ, tức Thanh văn thân, cũng là một loại hình thân của Phật.

Thanh văn có bốn hạng. Một là tăng thượng mạn Thanh văn học nhiều, nhưng chỉ để nói khoác. Chúng ta cần cân nhắc, đừng để rớt vô hạng này. Hạng thứ hai là thú tịch Thanh văn, học và chấp vào pháp đã được. Họ sống với pháp đó cho đến lần tách rời cuộc đời, không biết gì đến thế gian. Khi đắc đạo, họ hướng thẳng về an trú Niết bàn. Hạng thứ ba là thoái chuyển Thanh văn, phát tâm Bồ đề, làm lợi ích cho chúng hữu tình, nhưng nghiệp và phiền não bản thân còn nhiều, bị chúng sanh gây khó khăn. Họ không thể tiến tu Bồ tát đạo, phải lui trở lại tu hạnh viễn ly. Sau cùng là Bồ tát thị hiện Thanh văn, thực sự là Bồ tát, nhưng ở trong hàng Thanh văn để giáo dưỡng họ.

Bốn hạng Thanh văn trên đều mang hình thức đệ tử Phật, dù họ tu cách nào, Phật lực cũng chi phối đến thân họ. Đối với người Tây Tạng, hàng tu sĩ được quý trọng như Phật sống. Tinh thần này được kinh Pháp Hoa diễn tả là thế gian tướng thường trụ, tức ở trong loài người, mang thân người duy trì được Phật pháp qua hành động và tư tưởng trong cuộc sống.

Vì vậy, người tu theo pháp Phật, trải nghiệm ba mươi bảy Phẩm trợ đạo giữa lòng cuộc đời, được coi như là Pháp thân của Đức

Phật, hay Thanh văn thân là một phần trong tổng thân của Phật Thích Ca.

5 - Duyên giác thân

Trong hàng đệ tử Phật, Duyên giác thuộc tầng lớp trí thức, tinh thần rất bén nhạy. Họ quán nhân duyên để thấy được mối quan hệ giữa mọi người với nhau trong xã hội. Và theo lời Phật dạy, người nào thấy nhân duyên thì thấy được pháp chân thật, đó là điều tiên quyết để tiến đến quả vị Toàn giác.

Hàng Duyên giác hay Bích chi Phật ẩn tu, thâm nhập Thiền định, nhận chân được mối quan hệ của chúng sanh trong tứ sanh lục đạo và hành xử theo đúng với lý nhân duyên ấy, thì họ vẫn được coi là một hiện thân của Phật trên cuộc đời.

6 - Bồ tát thân

Thanh văn tu hành tập thể và Duyên giác hay Độc giác ẩn tu quán sát các pháp. Tổng hợp hai cách tu này, có mẫu người thứ ba vừa có đạo đức, vừa có trí thức và đi vào đời độ sanh gọi là Bồ tát.

Bồ tát hay bậc giác hữu tình, tức người đem ánh sáng giác ngộ đến các loài hữu tình. Họ phát tâm Bồ đề, khởi niệm thương chúng sanh và đến giúp đỡ, cũng là do Phật lực chi phối đến. Trên tinh thần hành đạo cứu đời vì tiếp nhận được lực Tỳ Lô Giá Na, nên Bồ tát thân cũng là thân của Phật.

7 - Như Lai thân

Khi người tu tròn đủ hạnh Bồ tát và tâm đại bi thì đạt quả vị Phật, tức Như Lai thân. Với thân Như Lai, không còn phải dẫn thân vào đời để cứu độ như Bồ tát, không phải ẩn tu như hàng Duyên giác, cũng không cần sống trong tập thể để trao đổi sách tấn nhau tu hành như Thanh văn. Vì Như Lai thân không từ đâu tới và cũng không đi về đâu. Chính thân đó tác động đến các loài chúng sanh và giáo hóa được tất cả mà không cần cử thân động niệm.

Ở quả vị Như Lai, không cần làm tất cả các việc trước nữa, nhưng các loài hữu tình chúng sanh tự phát tâm tu và tự giải thoát. Đó là đặc biệt của sự giáo hóa bằng Như Lai thân, không cần cứu độ mà mọi loài được nương nhờ, tự tôn kính, quy ngưỡng Phật.

8 - Trí thân

Trên bước đường tu, sử dụng thân của từng giai đoạn tu khác nhau, thành đạt đến vị trí Như Lai. Lúc ấy, như như bất động, mà vẫn hóa độ được chúng sanh. Hoạt động chính của Như Lai không phải bằng thân xác vật chất, bằng ngôn ngữ bình thường, nhưng bằng trí tuệ, nên gọi là Trí thân.

9 - Pháp thân

Dùng trí thân, tức dùng trí tuệ Như Lai tác động chúng sanh, khiến họ phát tâm Bồ đề. Chúng sanh chịu sự chi phối của trí thân gồm cả hữu tình và vô tình chúng sanh tức như thiết pháp.

Tất cả pháp, không có pháp nào mà trí tuệ Như Lai không chiếu tới được.

Trí Như Lai chiếu tới đâu thì chuyển các pháp ấy thành Pháp thân của Đức Phật. Đó là điểm then chốt của kinh Hoa Nghiêm quan niệm về Đức Phật. Trí tuệ Phật chiếu vào một tu sĩ hay cư sĩ, tác động họ phát tâm, chiếu vào tất cả sự vật thì làm vật đó biến chuyển thành pháp của Phật.

Thí dụ trí tuệ Như Lai tác động vào chúng ta, khiến chúng ta phát nguyện theo Phật đạo và cũng tác động qua các pháp, biến gạch ngói, đất đá thành chùa chiền. Tu sĩ, tín đồ, chùa, cảnh vật, pháp khí, v.v... hiện hữu để Phật pháp tồn tại, phát triển, thì tất cả đều là Pháp thân của Đức Phật. Quang cảnh thiên môn tuy không phát ra âm thanh, nhưng tác động cho người hình dung ra Phật, liên tưởng đến cách sống của Ngài và họ phát tâm tu theo, tức Pháp thân của Phật đã thuyết pháp.

Có thể nói Pháp thân Phật theo tinh thần Hoa Nghiêm được triển khai rộng hơn ý niệm Pháp thân của Phật giáo Nguyên thủy chỉ hạn hẹp trong giáo pháp Phật còn lưu lại.

Kinh Hoa Nghiêm quan niệm tất cả pháp, kể cả sơn hà đại địa đều nhận lực chi phối của huệ Như Lai, đều là Pháp thân Phật. Từ căn bản ấy, tất cả mọi sự vật trên cuộc đời đều chuyển thành Phật pháp nếu có huệ Như Lai rọi vào. Một miếng gỗ, cục đá hay đồng chì đều biến thành Phật khi người tạo ra nó, hoặc người

chiêm ngưỡng, kính lễ tượng Phật và nhận được huệ Như Lai, họ cũng có ý niệm về Phật. Trái lại, không có huệ Như Lai đầu tư vào, thì đất đá vẫn là đất đá. Triển khai mạnh về ý nghĩa này, kinh Hoa Nghiêm chủ trương bằng mọi cách phát huy được Như Lai huệ để chiếu sáng vào lòng cuộc đời, vào vũ trụ, chuyển tất cả thành Phật pháp.

10 - Hư không thân

Tiến theo lộ trình Hoa Nghiêm, đạt đến đỉnh cao nhất là Hư không thân, hay Tỳ Lô Giá Na thân. Tỳ Lô Giá Na dịch là phổ quang minh chiếu, chỉ cho trí tuệ rọi vô pháp, biến pháp thành Pháp thân. Lúc ấy, Trí và Lý bất nhị, kết hợp thành một. Thiết nghĩ đây là loại hình của thế giới tu chứng, khó diễn tả bằng ngôn ngữ bình thường.

Mười thân Phật nói trên là tổng thân của Tỳ Lô Giá Na Phật, kết hợp giữa chân lý và trí tuệ, chi phối ngược xuống chín loại hình, từ hàng Thánh giả đến người thường trên cuộc đời và cả loài hữu tình, vô tình.

Trong vô hình, lực Tỳ Lô Giá Na chi phối xuống hữu tình chúng sanh và vô tình khí thế giới, khiến cho tất cả phát tâm Bồ đề, tiến tu đạo nghiệp, kết hợp thành Pháp giới. Đó là thế giới huyền môn của đạo Phật dành cho những người tiến bước theo Bồ tát đạo, đạt đến bằng sự tu chứng thực sự, nằm ngoài sự lạm bàn của phàm phu điên đảo vọng tưởng.

CHƯƠNG III - Ý NGHĨA ĐỀ KINH HOA NGHIÊM

Sách / Lược Giải Kinh Hoa Nghiêm / CHƯƠNG III - Ý NGHĨA ĐỀ KINH HOA NGHIÊM

Kinh Hoa Nghiêm là tên tóm gọn của **Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh**. Chữ "Đại" trong tên kinh không có nghĩa đối lại với tiểu. Ở đây, "Đại" chỉ cho đại dụng hay tổng thể. Đức Phật đặc đạo, thấy được tổng thể sự vật, hay nắm bắt được chân lý.

Chúng ta đang bước theo dấu chân Phật, tức đang hướng tới chân lý, chưa nắm bắt được chân lý, làm sao chúng ta thấy chân lý, thấy đại dụng.

Trước tiên, chúng ta thấy chân lý qua giáo lý, mà Đức Phật thường ví như ngón tay chỉ mặt trăng. Phật chỉ đâu chúng ta thấy đó. Thực sự chúng ta không thấy, nhưng nhờ giáo lý soi sáng, từng bước nhận ra chân lý. Hàng Thanh văn tu theo lộ trình này. Tôi cũng vậy, trải qua hàng chục năm siêng năng đọc tụng kinh điển với tất cả tấm lòng, mới thấy từng phần chân lý tương đối chính xác. Tuy chỉ thấy mặt trăng hay chân lý ở đằng xa một cách mờ mờ, chưa nắm bắt được; nhưng ít ra cũng nhận biết được nó để chúng ta đi tới.

Kế đến, chúng ta suy nghiệm lời Phật dạy để hiểu sâu xa hơn. Trước chúng ta chỉ nghe thuyết giảng hoặc đọc kinh để tưởng tượng, hình dung ra chân lý. Nay, chúng ta hạ thủ công phu, tập

trung tư tưởng, suy nghĩ thì chân lý từ từ hiện rõ nét. Đó là cách tu của Duyên giác nỗ lực Thiền quán làm vấn đề sáng ra.

Đến giai đoạn ba, hành Bồ tát đạo vào đời trắc nghiệm sáu pháp Ba la mật và bốn pháp nhiếp, biết rõ căn tánh hành nghiệp của chúng sanh. Từ đó, thay đổi nghiệp thức, hành uẩn của ta và người. Bồ tát bắt đầu nắm bánh xe tạo hóa, chuyển đổi từng phần sự vật theo ý muốn.

Quá trình tu Tam thừa giáo như vậy, giúp chúng ta nắm được phương tiện trong tay, mới chuyển được vật. Không trải qua ba giai đoạn này, việc tu hành không thể đạt kết quả tốt. Tùy theo phương tiện mà chúng ta nắm được phần nào thì vận dụng được phần đó.

Trên lộ trình Bồ tát đạo, chúng ta khám phá đại dụng và càng làm, càng thấy nhiều điều chưa biết. Chúng ta vẫn sinh hoạt trong tổng thể, phần phá vô minh, phần chứng Pháp thân. Có thể nói ở giai đoạn này, chúng ta tu sáng hơn, tự tin hơn và có thành công hơn. Tiến tu như vậy, ánh sáng trí tuệ cho ta thấy được tổng thể của sự vật, thấy được sự chi phối toàn bộ của Phật Tỳ Lô Giá Na.

Đức Phật trong kinh Hoa Nghiêm là Tỳ Lô Giá Na Pháp thân hay Đại Nhựt Như Lai hằng hữu bất sanh bất diệt, nắm bắt toàn bộ tổng thể của sự vật. Ý này được kinh diễn tả là Phật đắc đạo,

khám phá ra bàn tay tạo hóa hay người thợ xây ngôi nhà và từ đó Ngài chủ động hoàn toàn vận mạng của Ngài.

Kinh Hoa Nghiêm muốn chỉ cho chúng ta lộ trình tu hành khám phá và nắm bắt được tổng thể của sự vật. Đại là tổng thể. Từ tổng thể phân ra thời gian và không gian. Thời gian luôn di chuyển và không gian luôn biến động và chúng luôn tác động lẫn nhau, cũng như chi phối tất cả sự vật. Mọi vấn đề đều phát sanh từ thời gian và không gian.

"Phương" là chiều đứng và "Quảng" là chiều rộng, cộng lại là vũ trụ. Hay thời gian và không gian hợp lại tạo thành vũ trụ và sự sống của muôn loài, sự vật vận hành, tức vũ trụ biến đổi, xoay vần đều không nằm ngoài thời không.

Pháp thân Phật vĩnh hằng, nhưng từ tổng thể phát sanh ra Báo thân và ứng hóa thân Phật có đổi khác. Thật vậy, giáo lý Phật bất biến nhưng thường tùy duyên. Trên nền tảng ấy, tổng thể hay Phật giáo muôn đời không thay đổi. Tuy nhiên, để tồn tại thích nghi, thì sinh hoạt từng chỗ, từng lúc có chuyển đổi. Nếu giữ nguyên khuôn mẫu cố định, thì phải bị loại ra ngoài cuộc sống của trời đất.

Đại hay tổng thể bất biến, nhưng nhờ phần dụng là Báo thân linh hoạt, tức đạo đức và tri thức được vận dụng thích nghi lợi lạc nên tồn tại mãi. Trong thực tế cuộc sống, chúng ta thấy rõ nếu giữ được hai thứ vốn quý giá là đạo đức và tri thức, thì ở đâu chúng

ta cũng được quý trọng. Tu theo Hoa Nghiêm là tu trong tổng thể của sự vật, lấy những gì đẹp nhất của nó trang nghiêm cho ta, chứa đựng tri thức và đạo đức của nhân loại trong đầu ta, trong trái tim ta, thể hiện thành Báo thân Phật.

Chư Phật đều giống nhau ở điểm tri thức và đạo đức vẹn toàn, làm Thầy trời người, được cung kính cúng dường. Tuy nhiên, cách hành đạo của các Ngài khác nhau. Thí dụ Phật Tịnh Lưu Ly chỉ giữ tâm trong sáng và dùng tâm ấy cảm hóa người trong sáng theo. Phật Hương Tích thì dùng mùi hương cảm hóa người phát tâm tu thành Phật. Phật Di Đà thì sử dụng phương tiện lầu các, ao thất bảo, chim nói pháp, v.v... để giáo hóa.

Từ tổng thể Pháp thân hiện ra hoạt động của Báo thân trong trời đất, tùy duyên cứu độ chúng sanh bằng mọi cách, không ngừng nghỉ. Đó là sự hiện hữu của Như Lai, bất động mà biến hóa lợi ích không cùng.

Tinh thần này được Phật giáo Đại thừa triển khai thành "Dĩ bất biến ứng vạn biến", theo đó sự vật thay đổi như thế nào, ta vẫn thích nghi được, để tồn tại. Không thích nghi thì chắc chắn bị tiêu diệt, như lịch sử đã từng ghi nhận thảm họa đổ lên Phật giáo Ấn Độ xưa kia và ngày nay ở một số nước theo Phật giáo Nguyên thủy.

Đức Phật cũng trụ ở trạng thái bất biến, tức an trú đại Thiên định ở cung trời Đâu Suất. Từ trạng thái Phật ở thể tĩnh, Ngài khởi

tâm đại bi, ứng vạn biến, chọn thành Ca Tỳ La Vệ làm nơi Đản sanh vào thời gian cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm, đó là sự hiện thân của Phật Thích Ca Mâu Ni ở thể động.

Hiện hữu trên cuộc đời, Đức Phật vận dụng đạo đức và tri thức chuyển hóa mọi tư tưởng và việc làm sai lầm của hàng trí thức đương thời. Đức Phật chỉ cho mọi người nhận ra chính họ làm chủ cuộc đời của họ, đừng đại khờ giao vận mạng cho người mà mình không hề biết rõ. Trước đó, tất cả mọi người đều lệ thuộc thần linh, nhưng nay Phật dạy ngược lại, dạy chúng ta chủ động, sử dụng ngay tri thức của ta để tự quyết định mọi sự thành bại của đời ta. Tu sĩ Đại thừa nối gót theo Phật, hành đạo ở nơi nào đều sử dụng Ngũ minh để giải quyết sự nghèo đói, ngu dốt, bệnh tật cho người dân nơi đó.

Kinh Hoa Nghiêm nối kết lại những tư tưởng Đại thừa Viên giáo, gồm có ba mươi sáu ngàn bài kệ nói về việc làm cao quý của các Bồ tát, tiêu biểu bằng hoa. Hoa ở đây là tất cả loài hoa, không phải chỉ có hoa sen như kinh Pháp Hoa.

Bồ tát theo Hoa Nghiêm góp nhặt được tất cả hoa, hay tinh ba của muôn loài. Dưới mắt Bồ tát, mọi người thuộc mọi tầng lớp xã hội đều tốt, quan trọng là phải thấy được điểm tốt đẹp của người và quan hệ với họ ở mặt tốt đó. Thật vậy, thể nghiệm lời Phật dạy, Tổ sư Pháp Tạng không thấy bà Võ Hậu hoàn toàn xấu ác như người ta thường chê bai. Và ngài đã khai thác được mặt tốt, cảm

hóa bà trở thành người bảo trợ cho việc phiên dịch kinh Hoa Nghiêm.

Chúng ta không nói cái nào hay, cái nào dở. Mỗi thứ đều có nét đẹp riêng. Tu Bồ tát đạo, ai có điều gì tốt, chúng ta học cái tốt ấy. Theo Hoa Nghiêm, chúng ta lấy tinh ba của cuộc đời, văn minh của nhân loại để trang bị cho trí năng và phục vụ lợi ích cho đời, không phải chỉ sử dụng một cái duy nhất để rút vô cực bộ.

Theo tôi, hiểu biết càng nhiều càng tốt. Triết học Đông Tây, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v... chúng ta đều am tường. Biết để sống với đời, cảm hóa người, mới hành Bồ tát đạo được và chỉ có con đường này dẫn chúng ta đến quả vị Toàn giác.

Tóm lại, đề kinh Hoa Nghiêm tuy ngắn gọn, nhưng hàm chứa ý nghĩa sâu xa, chỉ cho chúng ta thấy **Đức Phật của kinh Hoa Nghiêm là tổng thể của vũ trụ, tức Tỳ Lô Giá Na Pháp thân**. Đức Phật này chi phối muôn sự muôn vật, vì Ngài đã trang nghiêm bằng chân thiện mỹ vẹn toàn, nghĩa là đạo đức và tri thức Phật bao trùm muôn loài, tác động cho tất cả hữu tình vô tình chúng sanh thăng hoa trên đường thánh thiện.

Có thể nói đề kinh có vài chữ, nhưng bao hàm tất cả kinh. Vì vậy, theo tinh thần Hoa Nghiêm, tất yếu không chỉ giới hạn ở việc học ngữ ngôn văn tự, nhưng học và ứng dụng trong cuộc sống như thế nào để chúng ta xứng đáng làm Thầy, đúng như ý Phật dạy.

Thế nghiệm pháp Phật, chúng ta biết rõ tâm tư, nguyện vọng, tình cảm, năng lực của đối tượng và tùy theo đó giúp họ trưởng thành. Chúng ta tự khẳng định vai trò Đạo sư của người tu sĩ; theo ta thì người được lợi lạc nhiều mặt, nương vào đạo đức của ta thì người trưởng dưỡng được đạo tâm, nhờ sự chỉ dạy của ta mà người nâng được nhận thức sáng suốt hơn, cuộc sống an lạc hơn, phát triển hơn. Không phải người theo để nuôi ta, làm tôi mọi cho ta. Đức Phật không bao giờ đào tạo những người ăn hại.

Bước theo lộ trình Hoa Nghiêm, nối tiếp sự nghiệp hoằng hóa độ sanh của Đức Phật, thể hiện đúng tư cách nhà truyền giáo, chúng ta hiện hữu trên cuộc đời vì lợi ích và hạnh phúc cho số đông.

CHƯƠNG IV - BỒ TÁT ĐẠO

I - Bồ tát Thập Tín

Kinh Hoa Nghiêm được phiên dịch ra chữ Hán có ba bản là Tứ thập Hoa Nghiêm gồm bốn mươi quyển, lục thập Hoa Nghiêm gồm sáu mươi quyển và bát thập Hoa Nghiêm gồm tám mươi quyển. Theo tôi, dù là bộ nào, trọng tâm của kinh Hoa Nghiêm vẫn ở ba phần chính. Phần đầu là tánh khởi, hay Như Lai xuất hiện làm chúng ta hình dung được Đức Phật. Đức Phật của kinh Hoa Nghiêm không có mô hình cố định, nhưng đó là sức sống của muôn loài, muôn vật trong vũ trụ, không có gì không phải là Phật. Nghĩa lý này đã được triển khai trong phần trước. Phần quan trọng thứ hai của kinh Hoa Nghiêm nói về Bồ tát đạo.

Kinh Hoa Nghiêm vẽ ra lộ trình Bồ tát trải qua năm mươi hai chặng đường tu chứng là Thập Tín, Thập Trụ, Thập hạnh và Thập Hồi hướng, từng bước tiến tu lên.

I - BỒ TÁT THẬP TÍN

Chặng đường thứ nhất của Bồ tát đạo là phát tâm hay tín tâm. Kinh Pháp Hoa gọi là căn lành, vì có căn lành mới tin được, người không có căn lành, dù chúng ta nói gì, họ cũng không nghe. Từ căn lành khởi lên tín tâm.

Thực tế cho thấy người tu được đều có một cái gì man mác trong lòng, đó là căn lành. Vì vậy, từ thuở nhỏ chưa thấy chùa bao giờ, nhưng sau gặp giáo lý Phật, họ tự phát tâm mạnh, cảm thấy thân thương, gần gũi lạ thường. Điều này thể hiện rõ nét trong cuộc sống của người tu vì phát Bồ đề tâm, khác với người bất hạnh đi tu, hay tu vì miếng ăn, vì quyền lợi. Vì Bồ đề tâm đi tu, tức đã có trông căn lành với Phật, họ sanh tín tâm một cách vững mạnh, xả bỏ dễ dàng tài sản, thân mạng. Từ xưa đến nay, người thật lòng cầu đạo không hề nghĩ đến ăn mặc, phải trái hơn thua, hiện tượng giải thoát thật dễ thương. Họ luôn luôn nhường quyền lợi cho người và gánh vác việc cực khổ, có thể vào rừng sâu hay lên núi cao cầu đạo.

Đức Phật đấng đạo cũng vì phát Bồ đề tâm cầu đạo. Chúng ta không thấy được điều này, nhưng khi Ngài thành Phật rồi, chúng ta mới biết. Bản thân tôi cũng vậy, cái tôi cầu người xung quanh

không biết, nhưng thành quả của tôi có thì người mới biết nhân lành tôi gieo trồng.

Vì vậy, người thành nên đạo nghiệp đều phải có quá trình hành đạo và việc hành đạo này đều tùy thuộc vào Bồ đề tâm; tất yếu họ phải có sự hy sinh đánh đổi. Còn người khác thì là đà dưới mặt đất, kinh ví như cỏ, chỉ cầu cơm ăn áo mặc, suốt đời tu cũng ở trong nhân gian. Cầu Vô thượng Bồ đề tu, mỗi ngày phải kết thành quả khác.

Tại sao chúng ta phát Bồ đề tâm. Chắc chắn tín tâm sanh ra không đơn giản. Phải gặp Phật, tức gặp được đấng trọn lành nương theo tu dễ lắm. Ta có căn lành rồi và gặp Phật là phát tâm liền. Nhưng ta chưa gặp Phật, mà phát tâm Bồ đề và gặp được Thánh Tăng thì cuộc đời cũng thay đổi. Gặp Thánh Tăng, lòng chúng ta an ổn liền, như Huệ Khả cầu đạo khắp nơi, nghe nhiều cũng đã chán nản mệt mỏi. Chỉ gặp Tổ Bồ Đề Đạt Ma chưa nói gì, mà lòng ngài đã an.

Có thể khẳng định rằng muốn phát Bồ đề tâm phải gặp Phật hay Bồ tát, Thánh Tăng thì hình ảnh thánh thiện của các Ngài bắt đầu đập vào tim óc ta, sẽ dẫn chúng ta đi suốt cuộc đời và nhiều đời sau nữa trên con đường Thánh đạo. Ý này được kinh Hoa nghiêm diễn tả là Sơ phát tâm thủy thành Chánh giác, nghĩa là bắt đầu từ đó, chúng ta thành Phật, tức có một ông Phật trong tâm ta rồi và dùng đức hạnh nuôi lớn tâm ta.

Mới vào đạo phải ăn chất đề hồ, không thể ăn thứ khác. Nương được bậc chân tu cao đức, niềm tin chúng ta lớn dần. Trái lại, gặp thầy tà, bạn ác, Bồ đề tâm chúng ta sẽ chết. Thật vậy, nếu thấy bạn đồng tu đủ thứ xấu ác, người lớn thì mệt mỏi, bệnh hoạn, chúng ta sẽ chán nản, bỏ cuộc. Riêng tôi, nhìn thấy Xá lợi của Hòa thượng Thiện Hoa, thì cảm nhận đó là kết tinh của những tháng ngày quyết lòng phụng sự đạo mà tôi đã ký thác tình cảm với ngài. Chính bậc Thầy đức hạnh ấy sẽ nuôi lớn Bồ đề tâm của chúng ta. Không có vị chân tu làm chứng tín, sao tu được, vì phát tâm dễ, nhưng nuôi được tâm này mới khó. Sống thọ, làm nhiều việc lợi ích cho đạo, mãn duyên thì an nhiên thị tịch. Con đường tu của vị Thầy làm biểu tượng cho chúng ta theo là như vậy.

Phật tại thế, phát Bồ đề tâm ở Phật, Thánh Tăng dễ dàng, nên ở thời đó, nhiều người được an lành, đắc đạo. Thời kỳ chúng ta không có Phật hay không có người tiêu biểu cho Pháp thân Phật, làm sao chúng ta phát tâm được. Vì vậy, người phát tâm được ở đời này phải biết là nhờ căn lành lớn. Các bậc chân tu đều cho biết họ sống bình thường như mọi người, nhưng tự nhiên có ý thức tu hành, nhằm chán thế gian. Có thể nói nhiều đời trước chúng ta đã tu và căn lành đời trước mới tác động cho chúng ta phát tâm Bồ đề được.

Tìm được thiện tri thức hay Linh Sơn cốt nhục, dù họ không cùng quốc tịch với ta, ta vẫn cảm nhận được họ là bạn đồng hành. Ta và họ hiểu nhau, thân thương với nhau, tin tưởng, kính trọng

nhau một cách kỳ diệu. Linh Sơn cốt nhục, tức bạn chơn linh, chơn tánh, đồng ý nguyện cầu Vô thượng Bồ đề như ta. Giữa ta và họ tác động qua lại, giúp đỡ nhau. Điều này rất cần cho việc hành đạo, thăng hoa tri thức, đạo đức; không hiểu nhau, thì chỉ làm bạn dắt nhau lên quả đường!

Từ chơn tánh hiện thân Đại sĩ,

Giữa hồng trần chẳng nhiễm bụi trần.

Từ chơn tánh hiện lên cuộc đời, họ là Đại sĩ, Bồ tát lớn, tất nhiên không quan tâm đến tầm thường của thế gian. Tuy sống trên cuộc đời, nhưng họ thường trú ở chơn tâm, vượt qua hàng rào thức uẩn, tức những nghĩ tưởng lăng xăng mà kinh thường gọi là tâm viên ý mã. Kết bạn với những người như vậy, chúng ta dễ tiến tu.

Với tín tâm phát xuất từ chơn tánh, gặp Phật ở chơn tánh và được Phật gia bị, họ thường nghĩ đến Phật, trí tự sáng ra, tạo thành thế giới quan, theo đó sống giữa cõi hồng trần mà không bị mọi người tác động quấy rầy. Thật vậy, thâm nhập và an trú trong thế giới thanh tịnh tuyệt vời, buông bỏ tất cả một cách nhẹ nhàng, người có nói gì, làm gì họ cũng không để tâm đến. Được an vui hạnh phúc trong pháp mầu, thì bước ra cuộc đời, gió bụi còn làm gì được họ, đó là thế giới của Hoa Nghiêm. Còn sống bình thường ngày ba bữa, nghe chỗ có tranh chấp thì vội chạy đến góp ý là thế giới của chúng sanh quay cuồng trong sanh tử.

Tu đến đây, niềm tin không lay chuyển, dù là cư sĩ hay tu sĩ, làm mọi việc đều vì đạo. Hành Bồ tát đạo theo tinh thần Hoa Nghiêm, lấy niềm tin làm chuẩn. Đức Phật dạy niềm tin là mẹ sanh ra tất cả công đức lành. Đúng về mặt quan hệ giữa con người với nhau trong đoàn thể, trong xã hội, người mà không được ai tin, chắc chắn không làm được gì. Đối với người Nhật, chữ tín rất quan trọng, người thất tín coi như bỏ đi. Tượng Tỳ Lô Giá Na bằng đồng thật vĩ đại ở Nhật Bản, do Thánh Vũ thiên hoàng đề xướng đúc vào thế kỷ thứ chín, là biểu thị của niềm tin theo tinh thần Hoa Nghiêm, lấy lời Phật dạy làm lẽ sống. Nhờ niềm tin, chúng ta mới trở thành tốt, thăng hoa cuộc sống từ địa vị phàm phu tiến đến Phật quả.

Riêng tôi, nếu không tin Phật thì giờ này chẳng thể tồn tại. Nhờ niềm tin tuyệt đối mới dám xả thân hành đạo, vượt qua mọi gian nguy. Tôi thường nghĩ chỉ cần Phật biết và chứng minh công đức, nên không sợ, không tiếc gì cả. Những người thiếu đức tin thì khó có thể đi xa, gặp cám dỗ, đe dọa, họ thay đổi liên, tất nhiên luẩn quẩn trong sanh tử, chỉ lấy khôn dại của cuộc đời để lừa dối nhau.

Bước đường tu của chúng ta trong giai đoạn Thập Tín nhằm xây dựng niềm tin của mình cho vững chắc ở Tam bảo. Phát tâm Bồ đề và trụ Thập Tín, làm sao gắn liền niềm tin tuyệt đối với Phật, sống chết với đạo và truyền niềm tin vững mạnh ấy cho người. Thiết nghĩ nếu chúng ta chưa tin trọn vẹn vào giáo pháp Phật,

làm sao chúng ta có thể dạy người tin Phật. Tôi trầm mình sống trong giáo nghĩa Đại thừa, tin tuyệt đối, không gì có thể làm thay đổi; từ đó, từng bước sống với áo nghĩa kinh. Chúng ta thọ giới Đại thừa cũng thọ từ niềm tin vững chắc. Chúng ta tin chắc chắn giới thể thanh tịnh. Người thọ giới tướng, nhưng không tin kiên định, một lúc họ phá giới. Trái lại, với lòng tin kiên cố, dù ta phải gặp nhiều khó khăn, nhưng dần dần phiền não cũng rơi rụng, kết cuộc ta cũng là con Phật, thủy chung với Phật. Không có niềm tin vững chắc như vậy, dù có làm gì chẳng nữa, chẳng qua chỉ là lừa dối nhau.

Ngoài ra, tôi thường tâm niệm cuộc đời là quán trọ. Tranh thủ làm việc tốt rồi về với Phật. Việc càng khó tôi càng thích thú, tự nghĩ đó là dịp may để chứng tỏ tấm lòng của tôi đối với Phật. Giả sử ta bỏ mạng nửa chừng, tất cả đều chấm dứt, nhưng ta tin anh linh trong sáng còn tồn tại, sẽ đưa ta đến với Phật, hoặc làm hành trang tốt đẹp hơn cho kiếp lai sanh. Tin chắc như vậy, ta nỗ lực hành Bồ tát đạo để tâm hồn trong sáng, càng làm tâm càng sáng.

Đi theo lộ trình Hoa Nghiêm, chúng ta tin Phật là đấng giác ngộ hoàn toàn và tin chúng ta sống theo lời Phật dạy, cũng sẽ đạt quả vị Phật như Ngài. Ngoài ra, chúng ta tin rằng nếu sống đúng chánh pháp, thì Như Lai sẽ khiến người tốt đến làm bạn đồng học. Theo Bồ tát đạo, chúng ta không tu một mình, phải có Bồ tát quyến thuộc là những người tốt, có Bồ tát mười phương nhiếp trì,

các ngài cảm đức mà đến với chúng ta. Vì vậy, chúng ta quyết tâm tu, không sợ đơn độc, có Bồ tát hộ niệm và Hộ pháp Long thiên che chở.

Đây là điểm khác biệt với chủ trương chỉ tin tự lực, kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta đi tắt, ta chưa phát huệ, không phải là Bích chi Phật, chưa thấu triệt Tứ Thánh đế, không phải là A la hán, nhưng muốn phát Bồ đề tâm, tu Bồ tát đạo, phải lấy niềm tin làm chính, tin vào tha lực. Ta không có trí tuệ, không quán được sanh khởi, vận hành của các pháp, nên không giải quyết việc được. Tuy nhiên, vì là việc của Phật, ta làm cho Phật, nên trở thành dễ dàng. Nếu việc thực sự là của Phật thì chư Tăng hoan hỷ, Phật tử nhiệt tình đóng góp, còn việc của riêng ta thì ta phải tự lo.

Thật vậy, theo kinh nghiệm hành đạo của riêng tôi, các khóa đào tạo Giảng sư ở cả hai miền Nam, Bắc vừa qua đã thành tựu viên mãn. Tôi tự nghĩ việc này hoàn toàn vượt ngoài khả năng, nhưng tôi tin ở lực Phật gia bị để tôi có thể thừa hành công việc cho Ngài. Cảm nhận như vậy, tôi làm trong niềm thanh thản. Mọi việc tổ chức, tiền bạc, giáo sư, Tăng Ni học hành... đều do Phật quyết định, thời tiết nhân duyên đến thì việc phải thành. Vì là việc của Phật, nên Ngài tác động cho đàn việt phát tâm hiến cúng, các vị tôn đức, những nhà trí thức có học vị, cũng phát tâm tham gia. Tôi không có gì, ngoài niềm tin vững chắc nơi Phật.

Thiền nghĩ người tu Đại thừa phải trụ pháp Không, ta không có gì, ta phải thay Phật giữ Như Lai tạng. Nói cách khác, chúng ta

"làm tôi" cho Phật, đừng khởi niệm tham, dù chỉ một đồng xu cũng thọ quả báo. Tất cả đều của Phật, ta đóng góp phần mình là hành Bồ tát đạo.

Theo lộ trình Hoa Nghiêm, hành Bồ tát đạo mà không có trí tuệ, không đức hạnh mà phải vượt ba a tăng kỳ kiếp, nhưng làm được việc nhờ phát tâm Bồ đề, tin ở Phật. Phật không gia bị, chắc chắn không làm được gì. Riêng tôi, không bằng ai, xuất thân từ tu sĩ nghèo, nhưng Phật lực gia bị tạo thắng duyên cho tôi làm đạo. Chưa chứng Duyên giác quả, mà thành tựu việc, là nhờ Phật huệ soi sáng, tự nhiên ứng xử đúng trong từng tình huống khác nhau. Qua những chứng nghiệm tự thân ấy, tôi càng tin vững ở sự liên hệ chặt chẽ giữa ta và Phật, các Ngài hộ niệm cho ta và Bồ tát mười phương giúp đỡ, cũng như Hộ pháp thiện thần hộ trì cho người truyền bá chánh pháp sau khi Phật diệt độ.

Hành đạo với niềm tin sâu sắc ấy, trải qua tất cả thử thách của cuộc đời, tiêu biểu bằng con số 10, mười lần chúng ta vượt khó, để khẳng định niềm tin kiên cố của chúng ta trên đường tiến tu Bồ tát đạo, gọi là Thập Tín.

III - Bồ tát Thập Hạnh

Trên bước đường hành Bồ tát đạo, ở giai đoạn Thập Trụ thì đặt nặng vấn đề Thiền định, tức giữ tâm đứng yên, an trụ vững chắc ở Phật pháp. Tiếp xúc với đời, nghe thấy đủ thứ việc, nhưng tâm không được dao động, không bị cuộc đời lôi kéo. Giữ tâm tốt,

mai kia còn hành Bồ tát đạo được; nhưng cố làm cho được việc mà mất tâm là đọa. Riêng tôi, sẵn sàng bỏ tất cả để không bị hư tâm; trong khi cố gắng giữ đủ thứ, chẳng những không giữ được mà còn mất mạng và tệ hơn nữa, mất luôn giới thân huệ mạng là vốn quý báu nhất của người tu, thì quả thật chua xót.

Khi Bồ tát thành tựu pháp Thập Trụ, Đức Phật dạy Thập Hạnh là chánh hạnh của Bồ tát. Từng bước Bồ tát nâng tâm thức để quan sát bề trái của cuộc đời, biết được tâm lượng chúng sanh, thì tùy theo đó mà hành động, làm lợi ích cho người. Bồ tát phải bước chân vào đời, chạm trán với thực tế, mới kiểm được tâm chúng ta. Vì lý thuyết rất đẹp, nhưng thử áp dụng mười hạnh như Phật dạy trong cuộc sống đời thường. Đụng chạm với đủ hạng người, đủ loại việc mà tâm không dao động và chỉ nuôi tâm giúp đỡ người cùng thăng hoa.

Tôi tâm đắc nhất pháp này, trong cuộc sống dù họ đối xử thế nào, ta cũng tìm được điều tốt của họ, tâm chúng ta mới an lành, mới tiến tu được. Còn buồn giận, không tu được.

Hoàn tất pháp Thập Tín và Thập Trụ ở cung Trời Đao Lợi, tiến sang giai đoạn ba của Bồ tát đạo là Thập Hạnh. Đức Phật nói pháp này ở cung Trời Dạ Ma. Chúng ta phải hiểu đó là pháp dành cho những người có phước đức, trí tuệ.

Đương nhiên, hàng phàm phu không thể nghe, hiểu, tin và không thực hành được. Hàng Nhị thừa cũng vậy. Những người phước

đức đầy đủ mới sanh ở cõi Thiên, còn ở nhân gian là phước đức không đủ. Nếu phước đức đầy đủ, chúng ta sanh ở cõi trời và phát tâm đại bi trở lại nhân gian cứu đời. Lúc ấy, mang thân người, nhưng trang bị phước đức của thiên thượng, làm công việc cứu nhân độ thế của Bồ tát được.

1 - Bố thí

Trong Thập Hạnh của Bồ tát, hạnh bố thí đứng đầu. Đây là pháp của Bồ tát phát xuất từ tâm định tĩnh (vì đã thành tựu pháp Thập Trụ), có suy nghĩ, cân nhắc tại sao bố thí, bố thí cho ai và hậu quả ra sao. Người đáng được bố thí thì Bồ tát sẵn sàng bố thí cả thân mạng, không phải chỉ cho tài sản. Nhưng bố thí như vậy để làm gì, Bồ tát thấy ngay hậu quả bằng tâm định tĩnh, nghĩa là việc làm của Bồ tát có mục tiêu rõ ràng.

Chúng ta thường nghe nói bố thí không cầu danh lợi, cho mà không chấp, không nghĩ. Điều này chúng ta đừng hiểu lầm. Tại sao không chấp, không nghĩ. Theo tôi, Bồ tát bố thí không cần suy nghĩ vì có trực giác, biết quá rõ như biết trái xoài trong lòng bàn tay, thì còn cần suy nghĩ gì. Thấy người đáng độ, đáng giúp thì Bồ tát làm rồi, biết rồi, suy nghĩ chi nữa.

Người đến xin, Bồ tát biết trước họ đến xin gì, tại sao xin và Bồ tát chờ họ đến để cho. Không suy nghĩ, không biết, để bị người lừa gạt, thì không phải là pháp bố thí của Bồ tát. Hành Bồ tát đạo mà không có trí tuệ là Bồ tát nhập ám, hành động theo người ngu

thì không thể có kết quả tốt. Không phải dốc cả sự nghiệp để bố thí rồi trắng tay, nghèo khổ, sanh oán hận. Ngoài ra, Bồ tát đủ trí khôn để thấy trực tiếp cho có lợi hay qua trung gian cho có lợi hơn. Có việc Bồ tát phải tự làm, giao cho người sẽ thất bại.

Theo ngài Nhật Liên dạy, muốn giáo hóa độ sanh, chúng ta phải phân ra bốn điều, đó là nói với ai, nói lúc nào, nói ở đâu và nói nhằm mục tiêu gì. Giải được bốn việc này xong, mới làm; không phải lúc nào, chỗ nào cũng cho, ai cũng cho thì làm sao có đủ của để cho.

Bồ tát bố thí nhằm mục tiêu đưa người đến Vô thượng Bồ đề. Quả Bồ đề này thuộc chúng sanh, không cầu mang giúp họ, ta không thành Phật, không làm cho họ giỏi, ta không thành Thầy. Bồ tát phải xây dựng, giáo dưỡng người, mới lên ngôi vị Vô thượng Đẳng giác, vì đồ chúng của Phật phải có đầy đủ Thanh văn và Bồ tát.

Bồ tát hành đạo tìm người có duyên để độ, độ một người cũng được, nhưng đã độ ai là người đó phải nên Hiền Thánh. Mục tiêu thành tựu chúng sanh đối với Bồ tát là điều dứt khoát. Thấp nhất là chấp gối, đỡ người đứng dậy để họ có thể giáp mặt với đời, không phải cho rồi không cần suy nghĩ.

Tại sao Phật dạy cho không suy nghĩ. Vì nếu cho rồi nghĩ họ phải biết ơn, trả ơn ta, nhưng họ không như vậy, ta lại sanh tâm thù nghịch. Đối với người này, Phật dạy họ bỏ đi, đừng nghĩ, vì ngu quá, lỗ đại, nhắc lại chỉ cho người cười thêm.

Ông bà ta thường nói giúp ngặt, không giúp nghèo, vì ai cũng có khó khăn nhứt định trong một giai đoạn nào đó, thí dụ như cần giúp người bị thiên tai. Về đời sống lâu dài thì họ phải tự vươn lên, không thể biến họ thành người ăn hại suốt đời chờ bố thí.

Người Trung Hoa có câu: Khát thời nhứt tích chi cam lồ, nghĩa là khi khát nước, thì một tách nước lạnh cũng quý giá như là nước cam lồ. Chúng ta bố thí đúng lúc, lúc ngặt cứu nhau, thể hiện ý nghĩa cứu nhân độ thế của Phật dạy. Ta tìm người có nhân duyên là họ có ngặt và ta có khả năng cho; kẻ cần, người có, hai cái ráp lại ăn khớp. Nhưng người đồng tu cùng chùa mà lười biếng, thì một đồng cũng không thí. Người không cùng huyết thống, nhưng họ cần thì ta giúp cho họ phát triển.

Tu bố thí đặt căn bản trên trí tuệ chỉ đạo, nhưng ta chưa đủ sáng suốt, chưa định tâm, phải nương Phật, nương kinh điển. Phật chỉ đạo ta giúp đúng người, đúng chỗ, đúng lúc thì xây dựng được bao nhiêu chúng sanh, họ đều nên người.

Đối với thực tế xã hội ngày nay, chúng ta hiểu và ứng dụng pháp bố thí ra sao. Tôi ngại nhất việc Tăng Ni học từ chương, phân tích đủ mười hai bộ kinh, nhưng kinh không dính líu gì đến cuộc sống của quý vị, không san sẻ gì cho xã hội, thì cũng đành bị xếp qua một bên.

Để tránh tình trạng chúng ta sai lầm, làm cho giáo lý Phật trở thành tụt hậu, không lợi lạc cho sự thăng hoa của con người, ngài

Nhật Liên dạy rằng giáo lý phải thích hợp với quốc độ, thời gian và căn cơ, trình độ của người. Trình độ của người ngày nay chắc hẳn khác với con người ở hai ngàn năm trước và mỗi nước đều có sinh hoạt văn hóa, phong tục khác nhau. Vì vậy, pháp Phật du nhập vào nước nào cũng uyển chuyển thích hợp lợi lạc với nơi đó. Có thể nói phần lý bên trong không thay đổi, nhưng phần giáo bên ngoài thay đổi, ngôn từ diễn tả Phật pháp cùng hình thức sinh hoạt tu tập khác nhau, nhưng tinh ba giáo điển vẫn là một.

Thể hiện tinh thần này, trong sinh hoạt hiện tại theo người Nhật thì Bồ tát phải thực hiện ba việc khi tu hạnh bố thí. Trước nhất, hành Bồ tát đạo phải nâng cuộc sống cho người, vì chẳng những không làm người khổ, mà chúng ta còn có trách nhiệm giúp họ được an lạc.

Theo kiến giải của Phật giáo Nhật, tài thí được hiểu thực tế nhất là giải quyết công ăn việc làm cho người. Người theo ta bị nghèo khổ thêm, chắc chắn đó không phải là mô hình của Phật dạy. Thể hiện việc nâng cao đời sống kinh tế của người dân theo yêu cầu của xã hội đang sống, xưa kia Phật giáo Nhật đã phát triển về nông thôn. Các Thiền sư đến vùng xa cật am tranh, sống ở nơi đó để giúp đỡ người dân địa phương. Nhà sư dạy họ trồng cây thuốc và hoa màu, nhờ phương pháp canh tác tốt, họ thu hoạch được nhiều. Từ việc tạo ra của cải, lợi lạc cho người dân mà các nhà sư được vua chúa và dân chúng thương quý. Chùa chiền được dựng

lên theo cảm tình tốt đẹp ấy và dần dần Phật giáo đi sâu vào quần chúng, trở thành một phần đời sống của họ.

Đến khi Minh Trị Thiên hoàng duy tân nước Nhật. Với tình trạng đô thị hóa, sinh hoạt Phật giáo đã được thay đổi theo nếp sống của thành thị. Ở thôn quê đất rộng, chùa lớn. Nhưng ở thành phố, tắc đất tắc vàng và phải làm việc liên tục thì cất chùa cao lớn mà không sinh hoạt thường xuyên, đóng cửa hoài, trở thành lãng phí.

Vì vậy, Phật giáo phải sinh hoạt thích nghi theo hướng phát triển mới của dân chúng ở đô thị. Dân thường tập hợp sống ở chung cư, nên các hội đoàn Phật giáo thành lập ở mỗi chung cư một niệm Phật đường, chỉ rộng độ một hay hai gian phòng dùng thờ Phật, để dân nơi đó đến sinh hoạt tôn giáo. Vì theo họ, đạo Phật lấy con người làm chính, không phải lấy chùa làm chính.

Nhà truyền giáo gần gũi cũng thấy nguyện vọng chính đáng của người dân đô thị. Họ có nếp sống bận rộn, không có nhiều thì giờ để tham Thiền, tụng niệm, hành hương. Với hoàn cảnh như vậy, nhà lãnh đạo Phật giáo tạo điều kiện thuận tiện cho dân chúng tập trung ngay tại chung cư đang sống, rút tĩa những tinh yếu của Phật pháp đặt vào thời kinh ngắn gọn cho họ tụng niệm và nghỉ sớm để mai còn có sức khỏe đi làm.

Theo tinh thần Pháp Hoa, Phật dạy hoặc ở điện đường, tăng phòng hay nhà dân, hoặc ở đồng trống, ngã ba đường, nơi nào có người trì kinh Pháp Hoa, chỗ có đó Phật. Nhờ vậy, ai cũng tu

được; chúng ta phải thấy rõ và đáp ứng yêu cầu giúp cho người thăng hoa, đừng bắt buộc họ lệ thuộc vô bất cứ điều gì, làm khổ thân tâm họ.

Ngày nay, tổ chức Tân Hưng Phật giáo Nhật thể hiện tinh thần tài thí bằng cách lập xí nghiệp, giải quyết đời sống cho Phật tử. Đó là cách gắn bó thiết thực nhất giữa tín đồ và Phật giáo. Làm như vậy, giới Phật giáo ít nhất cũng thực hiện được việc mang lại sự no cơm ấm áo cho tín đồ, chưa nghĩ đến việc lớn lao là cứu giúp tất cả chúng sanh.

Việc thứ hai là giải quyết vấn đề học hành, vì đạo Phật là đạo trí tuệ. Phật giáo Nhật mở trường từ mẫu giáo đến Đại học, để đào tạo người có tri thức. Và họ cũng nhắm đến đào tạo thực dụng, bố trí người tốt nghiệp vào làm việc tại xí nghiệp của Phật giáo, giúp cho người có cuộc sống phát triển. Theo họ, điều đó thể hiện tinh thần Pháp thí. Tất nhiên, ngày nay xã hội được hiện đại hóa, công nghiệp hóa, việc đào tạo không thể thiếu phần khoa học kỹ thuật. Người theo ta có công ăn việc làm, có thu nhập cao, phát triển được kiến thức, thì ai mà không theo.

Sau cùng, thể hiện tinh thần Vô úy thí, giới Phật giáo Nhật thường tham chính. Lịch sử Nhật cho thấy có Hòa thượng làm Thủ tướng, hoặc Bộ trưởng, là việc bình thường. Vì có tham gia vào guồng máy chính quyền mới bảo vệ được quyền lợi chính đáng của giới Phật giáo. Điều này dễ hiểu, trên thực tế người nắm được kinh tế, văn hóa, chính trị thì quyết định được tất cả.

Diễn hình như Phật giáo Lý Trần mạnh, rõ ràng vì đã chủ động trong lãnh vực chính trị, văn hóa. Nếu chúng ta từ bỏ sức mạnh này, để cho người ác xấu nắm lấy, thì họ đàn áp, gây khó khăn và ta cúi đầu nhịn chịu hay sao. Người có trí tuệ theo Phật chắc chắn không làm như vậy.

Ông Ishibashi là Viện trưởng Đại học Rissho, Tokyo, nơi tôi theo học. Ông tham chính, làm nghị sĩ Quốc hội và tiến lên làm Thủ tướng Nhật. Nhờ vậy, ông giải quyết được bao nhiêu việc của Phật giáo. Có thể nói đó là hình thức cứu nhân độ thế ở mức độ cao nhất. Trên nền tảng ấy, mới dễ dàng thực hiện được tinh thần Vô úy thí.

Bồ tát khoác áo Thầy tu hay cư sĩ thành tựu pháp bố thí theo hình thức trên, đương nhiên giúp cho Phật giáo tồn tại vững mạnh. Khi chúng ta còn nghèo đói, kém cỏi, phải nhờ vả người. Nhưng đủ tư cách thăng Tu Di sơn, bằng với Trời Đế Thích, thì hành đạo sẵn có trí tuệ, của báu, thế lực mà không có đối tác, làm sao thi thố tài năng được. Thật vậy, có chạm trán với việc khó của cuộc đời mới biết trí khôn của ta đến đâu, có đối diện với kẻ ngang bướng, mới thấy năng lực của ta, có người xin, chúng ta mới có dịp cho, để bớt lòng tham lam bòn xén. Nhưng thực hành pháp bố thí, che chở cũng nhằm nâng người lên thành quyến thuộc, bạn đồng hành với ta.

Tu Thập Hạnh, Bồ tát mới tập sự làm thử, vừa tự tu, vừa giúp người, cho đến hàng Thập Địa mới đạt được Ba la mật.

Trong khi tu hạnh bố thí, Bồ tát phải luyện tâm hoan

hỷ. Làm sao người hoan hỷ với ta và ta hoan hỷ với người, với việc. Tuy nhiên, ta cứu giúp mà người vẫn hại và nói xấu, ta cũng phải hoan hỷ. Vì hạnh Bồ tát là hạnh lợi tha, nhằm mục tiêu cứu giúp người, không vì quyền lợi riêng, nên vô ngã hoàn toàn.

Phật dạy rằng nếu không có chúng sanh, thì Bồ tát không thành Vô thượng Đăng giác. Ta không nghĩ chúng sanh gây khó khăn, phải thấy nhờ họ ta mới có cơ hội hành Bồ tát đạo được. Trên tinh thần ấy, dù gặp hoàn cảnh nào trong cuộc sống, chúng ta cũng tha thứ cho người vô tình hay cố ý gây khó khăn với ta, vì không hoan hỷ, không thể tu Bồ tát đạo.

Bồ tát thể hiện hạnh hoan hỷ đối với lục thú tứ sanh, lòng không buồn phiền, không chấp nhứt việc gì. Sẵn sàng hoan hỷ đối với người đổ việc xấu cho ta và hơn thế nữa, làm cho chúng sanh đang khổ đau trong chốn tam đồ thấy Bồ tát thì quên khổ và được an vui liền. Đối với Bồ tát, mô hình kiểu mẫu phải đạt được là "Kỳ hữu kiến ngã tướng, nãi chí văn ngã danh, giai phát Bồ đề tâm, vĩnh xuất luân hồi khổ...".

Noi theo gương Bồ tát, chúng ta phải tự thấy mình có lỗi lớn khi chưa làm cho người phát tâm Bồ đề và lại còn làm cho người phiền não. Ý thức như vậy, chúng ta cần thành tâm sám hối cho sạch nghiệp ác. Bồ tát sạch nghiệp khi tu Thanh văn, Duyên giác và đắc La hán, mới phát Bồ đề tâm hành Bồ tát đạo, việc độ sanh của các ngài dễ dàng và không gặp chướng ngại. Chúng ta chưa

đắc La hán, hành Bồ tát đạo, mang ác nghiệp đến với người, tất nhiên phải gặp tai họa.

2 - Trì giới

Pháp tu thứ hai của Bồ tát là trì giới. Kinh Hoa Nghiêm lấy Thập thiện giới làm chính để giúp cho ba nghiệp thanh tịnh. Trong ba nghiệp, chủ yếu là ý nghiệp, vì ý nghiệp thanh tịnh thì hai nghiệp thân và khẩu cũng thanh tịnh theo.

Theo Bồ tát đạo, quan trọng ở giới tâm, tự ta quyết định làm gì để tâm mình thanh tịnh. Tu theo hình thức, chấp giới điều, tướng tốt, nhưng tâm cứ bực tức, buồn phiền, tham nhiễm, vẫn đọa.

Thân nghiệp thanh tịnh, đối với tôi quan trọng nhất là thân không tật bệnh, vì bệnh thì nghiệp dễ sanh. Làm sao ta có thân khỏe mạnh, ngoại hình dễ coi thì người dễ nghe theo. Thân khỏe mạnh vì không tạo sát nghiệp, ngoại hình dễ coi là nhờ đoạn trừ dâm dục và không trộm cắp, lừa đảo. Được như vậy, người tin ta. Khẩu nghiệp thanh tịnh thì giọng nói êm tai, mát lòng. Giọng nói cộc cằn, nói láo, nói đâm thọc thuộc ác khẩu, không thanh tịnh. Ý nghiệp thanh tịnh là người thiếu dục, tri túc, nhìn sự vật chính xác, thấy rõ từ nhân đến quả, không tham, lòng bực tức, buồn phiền không có. Ta có nhiều tướng xấu, tự biết nghiệp của chúng ta, cần siêng năng tu để giải nghiệp ngay trong đời này hay kiếp sau mới giải được.

Tu pháp bố thí để có thêm bạn, nhưng bạn nhiều mà giới không thanh tịnh thì giao tiếp nhiều, làm chúng ta khổ, không tu được. Ba nghiệp thanh tịnh mới tiếp Tăng độ chúng được, vì người buồn khổ, thấy ta dễ thương, lòng họ tự hết khổ.

Tiến xa hơn nữa, Bồ tát trì giới thanh tịnh, có đức hạnh, nghĩa là tâm niệm và việc làm luôn lợi ích cho mình, cho người trong hiện tại cũng như tương lai. Bồ tát hiện hữu nơi nào phải nâng cao đời sống vật chất và phát huy đời sống tinh thần cho người.

Làm cho đời sống kinh tế kiệt quệ và bày ra việc mê tín làm tinh thần của người lụn bại, không phải Bồ tát đạo. Trên nền tảng ấy, hành Bồ tát đạo, chúng ta chỉ đến chỗ nào cần ta giúp. Khi người không cần, nhất định ta không đến. Lịch sử cho thấy Phật pháp suy đồi vì chúng Tăng cần chúng sanh. Phật pháp hưng thịnh khi chúng sanh cần Bồ tát che chở.

Đức hạnh của Bồ tát thể hiện bằng cách không làm những gì mọi người không bằng lòng và chỉ làm những việc lợi ích cho người. Không phải chấp chặt giới điều 1, 2, 3... Bồ tát đến với chúng sanh để phục vụ họ, không vì quyền lợi riêng mình. Tuy nhiên, theo tôi, việc nào cũng có phản ứng phụ, nghĩa là chúng ta làm vui lòng người này, chắc chắn sẽ làm mất lòng người khác. Ít khi nào ta làm vui được cả hai phía.

Hành đạo, chúng ta phải cân nhắc coi việc giúp người này, họ được lợi gì và làm thiệt hại cho người khác việc gì. Thí dụ như

Đức Phật trong tiền kiếp hành Bồ tát đạo, Ngài đã giết tên cướp để cứu năm trăm thương buôn. Chắc chắn Ngài đã gây oán thù với nó. Nhưng đối với Đức Phật, Ngài chấp nhận như vậy để cứu mạng đến năm trăm người và về sau, họ tái sinh lại là Phú Lâu Na và năm trăm La hán, xuất gia theo Phật, hết lòng với Ngài vì đã thọ ơn cứu độ này. Còn linh hồn tên cướp oán hận Phật, luôn theo đuổi Ngài, tìm sai quấy của Phật để trả thù. Nhưng trải qua nhiều đời theo dõi Phật, tên cướp chỉ thấy Ngài làm việc thánh thiện, nên sau cùng cũng giải được oan nghiệp này.

Bồ tát luôn cân nhắc, không bao giờ làm tổn hại chúng sanh. Bất đắc dĩ phải hy sinh một người để làm lợi cho số đông và tất nhiên món nợ này, Bồ tát sẽ trả. Phải có dũng lực như vậy mới hành Bồ tát đạo được. Thể hiện tinh thần lợi lạc cho mọi người, Bồ tát có thể làm vua, làm tướng..., tạo phước đức nhiều nhưng hại ít, không việc nào mà không phải trả giá. Còn kẻ thấp chí bạc tài, việc gì cũng sợ, không dám làm.

Thể hiện rõ nét tinh thần vì đại nghĩa là Phật giáo Lý Trần. Nếu các ngài không dẫn thân đánh đuổi giặc thì chúng tàn sát hết dân ta còn gì. Các ngài sẵn sàng chịu quả báo để cứu nhân dân an lành. Không có sự hy sinh cao cả ấy, chúng ta không có trang sử vàng son của Phật giáo.

3 - Nhấn nhục

Hành Bồ tát đạo, phải có đức kiên nhẫn, vì làm có mục tiêu, không phải bạ đâu làm đó. Nhắm đến mục tiêu thành Phật và cứu nhân độ thế, chúng ta kiên trì độ người. Tôi hạ quyết tâm độ người nào, dùng mọi cách theo Phật dạy, nay không được, mai cũng không được thì hẹn đến kiếp sau hay nhiều kiếp nữa cũng phải độ được.

Thiếu đức tánh kiên nhẫn, độ được một phần rồi chúng ta chán nản, bỏ nửa chừng thì công lao xây dựng coi như mất trắng. Hoặc đại khờ để họ đổ trút tội lỗi lên ta, không nhin nổi nữa và phản ứng xấu thì còn tệ hại hơn.

Thiết nghĩ độ một người không đơn giản và nhất là đối với chúng sanh càng cứng ở thế giới ngũ trược này, ta phải có vô số phương tiện để nhin chịu. Tôi có kinh nghiệm độ sanh. Nay chưa hiểu, nên họ chống phá, mai kia họ hiểu thì thương kính ta. Chống nhiều thì sẽ hiểu nhiều, miễn chúng ta đừng sai.

Tôi tâm đắc nhất pháp Phật dạy về nhẫn lực. Hoàn cảnh nào, mình cũng ung dung tự tại, vui vẻ với người. Người nhiều sân hận, ham muốn rồi thói chí, nhưng ta quyết không như vậy. Người chống tôi mãnh liệt, mà nay họ thương, chỉ vì họ hiểu lầm, nghe người khác nói xấu. Qua quá trình hành đạo, họ thấy được sức kiên nhẫn của chúng ta, suy nghĩ lại thấy ta tốt. Chúng ta phải chấp nhận, chờ đến lúc họ hiểu đúng.

Khi Đại hội thống nhất Phật giáo cả nước, không ít những tiếng xấu ác đổ lên người tu hành có tâm huyết với đạo pháp. Nhưng với thực tế trải qua gần hai mươi năm, thành quả của việc Tăng Ni và Phật tử tu học tốt đẹp đã là minh chứng hiển nhiên cho việc làm đúng đắn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam chúng ta.

Theo tôi, chỉ sợ mình sai trái, không sợ người hiểu sai. Hiểu sai thì hiểu lại, càng thương mình hơn. Chúng ta nhận chịu để sau độ họ, không phải nhận để họ gõ đầu chơi. Phật dạy Bồ tát phải lập chí kiên trì giữ đạo, nguyện độ chúng sanh, không thay đổi.

4.- Tinh tấn

Bồ tát lập hạnh siêng năng, không sợ khó, khổ, chỉ sợ ta không đủ tài đức. Riêng tôi, gặp việc khó càng vui, chỉ cầu Phật hộ niệm cho đủ sức khỏe để làm. Rèn luyện được đức tính này, chúng ta càng vững niềm tin ở Phật hơn nữa. Nhờ có Hạnh, mà phần Tín và Trụ vững chắc thêm. Vì càng nỗ lực làm, chúng ta càng gần đạo và nhận được lực bất tư nghì của Phật pháp.

Bồ tát khác Nhị thừa ở điểm ý chí không khuất phục, dẫn thân vào gian khổ. Nêu cao tinh thần này là hạnh nguyện của ngài A Nan: Nguyện là người đi tiên phong vào đời ngũ trược ác thế, còn một chúng sanh nào chưa thành Phật, thì ngài sẽ không bước lên quả vị Vô thượng giác.

Tôi nhắc nhở Tăng Ni sinh rằng khi ra trường nhận lãnh công việc khó thì có nhiều điều thú vị lắm. Việc dễ ai cũng tranh

giành, tôi buông tay. Việc khó thì ít người làm, mà ta gánh vác, chắc chắn sẽ được nhiều người thương và ủng hộ.

Theo dấu chân Phật, chúng ta cần luyện đức tánh kiên nhẫn của Bồ tát, chỉ nghĩ đến quyền lợi chung, quên mình, làm Phật sự không biết mệt mỏi như trong bài Sám Quy mạng mà chúng ta thường công phu buổi khuya: Thừa sự thập phương chư Phật vô hữu bì lao...

5 - Thiền định

Đức tánh quan trọng trên lộ trình hành Bồ tát đạo là tâm yên tĩnh. Làm nhiều việc, nhưng không cho tâm dao động. Mới khởi tu, ngồi yên thì tâm yên. Tuy nhiên, phải tiến xa hơn, đi vân thủy, nghĩa là lặn lội vào đời mà tâm vẫn lắng yên như trong Thiền định. Đó là pháp hành của Bồ tát, tìm sự yên tĩnh trong công việc. Làm không mệt mỏi, không nghỉ, nhưng tâm yên như Thiền sư trụ định. Làm nhiều, bực tức nhiều, dao động liên tục, thì không phải Bồ tát. Nhị thừa thì phải ngồi yên, tâm mới lắng yên.

6 - Trí tuệ

Bồ tát cứu đời nhưng tâm không bị cuộc đời chi phối, đạt được đức tính thứ sáu là trí sáng suốt. Bình tĩnh và sáng suốt là hai đức tính quan trọng nhất của Bồ tát trên đường hành Bồ tát đạo. Sáng suốt cao nhất theo Phật dạy đạt được từ việc thực hành văn, tư, tu, tức học tập giáo pháp, suy tư trong thiền định và đi vào đời giúp người.

Hàng Nhị thừa thấy biết do đọc sách, suy niệm, đó là hiểu biết trên lý thuyết. Bồ tát tiến hơn nữa, không chỉ biết theo sách vở, nhưng phát triển tu huệ bằng cách đi thẳng vào đời, giáp mặt với đời, lắng nghe quần chúng để biết yêu cầu, nguyện vọng, năng lực và hành nghiệp của người. Có biết rõ như vậy, mới tùy theo đó, giúp họ trưởng thành, phát triển trí tuệ, được sáng suốt, lợi ích ngay trong cuộc sống.

Có thể hiểu theo ngày nay, chúng ta trang bị huệ học của Bồ tát, nghĩa là chúng ta nắm vững tất cả hiểu biết, văn minh của nhân loại gồm có khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Như vậy, những gì chúng ta nói phải được người trí thức công nhận. Thời nay mà nói núi Tu Di có Trời Đế Thích thì khó có người nghe. Núi Tu Di ở đâu, nhà cửa ra sao. Việc bình thường hay văn minh khoa học mà con người biết, nhưng chúng ta không biết, thì làm thế nào thuyết phục được người tin rằng ta biết rõ chuyện trên trời.

Đức Phật trước khi tu, Ngài nắm vững văn minh thời đó và đặc đạo, sự hiểu biết của Ngài hơn gấp mười lần, nên người phải tin theo. Từ thực tế cuộc sống, Phật dạy cách hành xử đúng đắn và từ bình thường này, Ngài nâng người lên trình độ phi thường, chắc chắn người phải tin.

Thực tế chúng ta nắm vững và xa hơn, biết những việc mà khoa học không lý giải nổi, thì may ra họ tin. Huệ của Bồ tát phải thích hợp đúng với hoàn cảnh. Điều này chúng ta thấy rõ Phật giáo thịnh hành là khi nhà truyền giáo nắm bắt được tình hình xã hội,

chủ động được sự vận hành của nó. Ngày nay làm đạo, khi người không nghe, phải tự biết chúng ta đã đi lệch hướng, cần phải chấn chỉnh lại.

Trong sáu pháp Ba la mật, trí tuệ là chính, kinh Hoa Nghiêm gọi là Vô thượng Bồ đề, không có gì mà Bồ tát không biết. Phật khác người thường là nhờ có trí tuệ chỉ đạo ba nghiệp thân, khẩu, ý. Người tu theo dấu chân Phật, lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Chưa có huệ mà hành Bồ tát đạo, phải nương với người có trí tuệ, vì làm sai, nguy hiểm; thà không làm còn hơn làm sai. Tôi làm việc gì cũng suy nghĩ cân nhắc, khi chưa biết rõ, tôi không giúp vì kết thân với người ác, tội lỗi, ta dễ bị lây nhiễm. Có bạn xấu thương ta, nhưng cũng hại ta không ít.

Thiền định và trí tuệ, ngày nay gọi là bình tĩnh và sáng suốt, luôn song hành. Tu định, không trí là tà định. Tu trí, thiếu định là phiền não trí. Đó là hai đức tánh căn bản trên bước đường hành Bồ tát đạo. Đối với tôi, nếu không bình tĩnh và thiếu sự nhận thức chính xác thì tôi ngưng việc. Vì không sáng suốt, người xúi bẩy, dễ nghe theo. Còn nóng nảy, dễ bị người khích tiết làm bậy, thọ quả báo. Thiết nghĩ làm việc thành công phải luôn luôn chủ động. Nhưng muốn vậy, phải sáng suốt, nắm rõ vấn đề; nếu không, dễ biến thành bị động, ta lệ thuộc người.

Trong sáu pháp Ba la mật, tôi chủ trương đi ngược, tức phải có trí tuệ và bình tĩnh mới bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn đạt kết quả tốt.

Bình tĩnh, sáng suốt, cộng thêm ba nghiệp thanh tịnh, cùng một số quyền thuộc giỏi tốt, hành Bồ tát đạo nhất định thành công.

Ngoài phần Lục độ Ba la mật, kinh Hoa Nghiêm triển khai thêm bốn pháp là phương tiện, nguyện, lực, trí, thành mười hạnh.

7 - Phương tiện

Trên bước đường hành Bồ tát đạo, có tiếp cận với đời, mới thấy mặt yếu của ta. Tuy nhiên, thất bại hôm nay là kinh nghiệm giúp chúng ta thành công mai sau, nên không nản chí, không bỏ cuộc. Nhờ vậy, chúng ta đã học được phương tiện hành đạo.

Thật vậy, có lúc chúng ta tưởng nhận thức đúng, nhưng khi bắt tay vào việc, mới nhận ra còn bao nhiêu vấn đề chưa biết hoặc biết sai. Có chạm trán với thực tế thấy được nhược điểm của mình và khắc phục mặt yếu này, phát huy cho thành mạnh toàn diện; đó là tu theo Bồ tát đạo. Trên bước đường tiến đến quả vị Toàn giác, mỗi Bồ tát làm được một số việc khác nhau, gọi là Bồ tát đa hạnh. Chỉ có Phật mới thành tựu trọn vẹn tất cả việc thánh thiện.

8 - Nguyện

Vì còn nhiều việc chưa biết, chưa làm được, nhiều chúng sanh chưa độ được, Bồ tát phải rèn luyện đức tánh thứ tám là nguyện độ tận chúng sanh để hoàn thiện tư cách của người cứu nhân độ thế.

9 -10 - Lực và Trí

Hành Bồ tát đạo đòi hỏi Bồ tát dứt điểm việc trong tầm tay và việc ngoài khả năng cũng thấy rõ, để đến năm sau, nhiều năm sau nữa, thậm chí phải đến kiếp sau mới làm được. Chắc chắn không thể một bước giải quyết được tất cả. Nhiều khi chúng ta tham, nghĩ rằng làm được tất cả, đến khi không thành công thì ta hối hận, đau khổ.

Riêng tôi, thấy việc cần làm, nhưng thấy thời cơ chưa đến, tôi cũng sẵn sàng gác lại, chờ có điều kiện sẽ thực hiện. Hành Bồ tát đạo, phải biết tiến thoái, không nên sốt ruột, không nhất định phải làm ngay. Ý này được Trí Giả đại sư ví như hoa sen trong hồ, có hoa đã nở thơm ngát hương, có hoa còn búp, có hoa vừa lú lên mặt nước, có cái còn kẹt trong bùn, cần phải nuôi nó. Hành đạo thấy người căn cơ thuần thực, ta độ, chưa thuần, phải chờ dù là nhiều kiếp. Quan sát Bồ tát mười phương làm việc, tự so sánh ta với người, thấy việc nào ta chưa thực hiện thì hạ quyết tâm theo gót các ngài và cuối cùng giải quyết tốt đẹp mọi việc, độ được tất cả chúng sanh.

Ở giai đoạn Thập Hạnh, Bồ tát luyện được tâm vững, đã trụ đại định, có sức kiên nhẫn chịu đựng. Ví như con rùa khi bị tấn công, nó thu mình trong vỏ từ một đến hai ngày, thậm chí cả năm, không ăn vẫn sống được. Chờ rình mãi mà rùa vẫn không ló đầu ra, không bắt được, nên địch thủ phải bỏ đi.

Bồ tát trụ ở Thập Hạnh cũng vậy, có đức kiên trì, chờ cơ hội làm được mới làm. Nhân duyên chưa đến, vẫn nằm yên, chịu đựng. Ác ma đi rồi thì tiếp tục hành đạo.

Ngoài ra, đặc điểm của rùa là có khả năng sống ở dưới nước và trên đất liền. Bồ tát cũng vậy, sống trong thế giới loài người, nhưng cũng ở Thiên định. Hành đạo đối tác với chúng sanh ở trần thế, thấy Bồ tát giống mọi người; nhưng tâm họ ở Niết bàn, không phiền muộn, khổ đau.

Bồ tát Thập Hạnh lăn xả vào đời làm việc nhiều, từ đây bắt đầu có tích lũy phước đức; tốt hơn là làm ít, hưởng nhiều, thì không thể dài lâu. Thực tế, người đồng tu với tôi từ thuở nhỏ, đối với công tác của chúng, của chùa hay của Giáo hội, họ thường lờ đi, trong khi vẫn hưởng quyền lợi. Nhưng đến lúc hết phước, họ phải đọa. Người ở lâu trong đạo phần lớn bước đầu đều chịu đựng gian khổ, nhờ đó, tích lũy được công đức.

Tỳ kheo nỗ lực tu hành, người nhìn thấy đạo hạnh của ta mà cung kính cúng dường. Ta tiếp nhận, hưởng hết phước này, nhưng cứ tưởng là còn, buộc họ phải cung kính, đòi hỏi đủ thứ, mà họ lại xem thường, không đáp ứng cho ta nữa, thì phiền não nổi dậy, trở thành nghiệp chướng Tăng.

Thời gian hành Bồ tát đạo trải qua Thập Trụ, Thập Hạnh cho đến Thập Hồi hướng, lúc nào Bồ tát cũng phải nương Phật để hành

đạo, không phải tự ý làm. Nhưng Phật trong kinh Hoa Nghiêm khác với Phật theo Nguyên thủy.

Theo tinh thần Nguyên thủy, Đức Phật là con người bằng xương thịt, tu đắc đạo và thành Phật. Người may mắn sanh cùng thời với Ngài, được nghe Ngài giảng dạy và theo đó tu hành, được an lành hoàn toàn, không bị quả báo xấu. Ở đời sau, khi các vị Tổ sư gặp khó khăn, không giải quyết được, thường tự trách mình gặp một trong tám nạn. Nói cách khác, không có người sáng suốt lãnh đạo, dễ phạm sai trái và phải thọ quả báo liên tục. Theo Phật, gặp Phật chắc chắn dễ tu.

Theo quan niệm của Phật giáo quyền thừa, tuy Đức Phật nhập diệt, nhưng nương theo Thánh giáo và công đức của Ngài để lại, chúng ta vẫn tin được, tu được. Điều này thực tế cho thấy có việc lớn lao, tốn kém mà bản thân người tu không làm được, thí dụ như xây chùa thờ Phật. Tuy nhiên, việc này thành tựu dễ dàng nhờ người hăng tâm, hăng sản tin tưởng ở việc xây chùa có phước, họ đem của cải, công sức đầu tư vô.

Hoặc ta là người tầm thường, nhưng mặc áo Phật, ở nhà Phật, vị trí chúng ta hoàn toàn thay đổi. Đó là nhờ công đức của Phật quá lớn bao phủ cho người tu thọ hưởng. Và hơn thế nữa, trí tuệ chúng ta được phát triển là nhờ giáo lý Phật hướng dẫn. Từ đó, quyền thừa tin Phật là tin công đức và trí tuệ của Phật không mất. Ta quy y với Phật là Phật Bảo thân, tức phước đức, trí tuệ thân.

Tiến lên kinh Hoa Nghiêm, nhìn Phật là nhìn thẳng vào cuộc đời, khẳng định rằng không có gì không phải là Phật mới là Phật. Ngày nay ta thường diễn tả ý này là học quần chúng để lãnh đạo quần chúng. Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm dạy quả Bồ đề thuộc chúng sanh. Từ đó, hành đạo mà không thấy khả năng, yêu cầu của người, tự áp đặt ý của mình, làm sao người nghe theo.

Theo Hoa Nghiêm, mọi người đều là Phật. Nhưng nếu ta thấy Phật trong họ, thì họ là Phật, thấy ác ma thì họ là ác ma. Xấu tốt cũng là họ, dùng tâm xấu thấy họ là ma, phải biết lòng ta là ác ma. Nhưng lòng chúng ta là Phật, tức ta thấy đối tác của ta nghĩ gì, muốn gì, để đáp ứng, giúp đỡ họ, thì họ sẽ quý trọng ta. Thỏa mãn yêu cầu của một người, người đó kính trọng ta, giúp mười người thì được mười người kính trọng.

Khi tu Thập Trụ, Thập Hạnh thì nương Phật để làm, nghĩa là nương theo ba điều sau:

1- Khi có Phật xuất hiện hay có người thông minh, đức hạnh thì nương theo.

2- Nhìn về Phật nghĩa là ta theo học với người có đức hạnh và trí tuệ. Và chúng ta ý thức rõ rằng "Nhân vô thập toàn", mỗi người có điểm đặc sắc riêng, ta học cái hay của họ thôi, tức có lựa chọn. Còn cái dở, không thích, ta bỏ, không bàn đến. Gom tất cả điều tốt của người để chuyển thành cái tốt của mình là thái độ học

Phật. Học được mười điều tốt, ta có mười điều tốt, không phê phán.

3- Ta học tâm tư nguyện vọng của quần chúng, tùy theo yêu cầu mà giải quyết. Muốn độ người bình dân hay giới trí thức hoặc chánh khách, ta phải làm cách nào tương ứng với họ. Mọi người đều có hiểu biết ở lãnh vực riêng và đều có công đức. Nhưng theo Hoa Nghiêm muốn thành Phật phải có tri thức toàn diện, giải quyết được toàn bộ.

Trên bước đường hành Bồ tát đạo, ở giai đoạn Thập Trụ thì đặt nặng vấn đề Thiên định, tức giữ tâm đứng yên. Và từ đó quan sát bề trái cuộc đời, tâm lượng chúng sanh, rồi tùy theo đó mà hành động. Có thể nói tu Thập Hạnh nương Phật để làm, thực tế là nương uy tín của Thầy, làm đạo với danh nghĩa của Thầy, không phải danh nghĩa của riêng ta.

Cần cân nhắc kỹ ý này trên bước đường tu, vì nhiều khi chúng ta nương Thầy làm được việc, sau đó lại rơi vô tình trạng xem thường Thầy. Quán Đảnh đã phạm sai lầm này, là bài học chúng ta cần ghi nhớ. Quán Đảnh viết lời bạt trong tác phẩm của Thiên Thai Trí Giả đại sư rằng: Không có Quán Đảnh thì Thiên Thai không trọn công đức. Nói như vậy, Quán Đảnh đã phạm tội ngã mạn rất nặng, nên bị đọa, không còn được ai kính nể. Dù sự thật, công đức của Quán Đảnh biên soạn tất cả sách vở cho ngài Thiên Thai, làm thật vất vả suốt cuộc đời, mà chỉ nói một câu thiếu khiêm tốn là trắng tay, bị thiên hạ khinh ghét, chẳng được gì.

Việc làm của Bồ tát Thập Hạnh thuộc phần hành thâm Bát Nhã Ba la mật. Bồ tát đi trên lộ trình Hoa Nghiêm ở dạng tu tâm, nên phần sở hành và tác động của các pháp Thập Tín, Thập Trụ và cả Thập Hạnh, không thể thấy biết bằng tri thức bình thường của ngũ uẩn thân.

Thật vậy, vì là pháp hành bên trong, nên không ai thấy và kiểm soát để biết được. Khi chúng ta sử dụng được pháp hành bên trong, tự nhiên tác động được qua tâm chúng sanh.

Trên tinh thần ấy, người tu Thập Hạnh theo Hoa Nghiêm ngồi yên một chỗ, không thấy họ làm gì, nhưng tâm đến với mọi loài, ảnh hưởng không thể lường được. Từ đó, chúng sanh từ từ tìm đến, kính trọng quy ngưỡng. Điển hình như Đức Phật ở Bồ đề đạo tràng, không cử thân động niệm, nhưng không chúng sanh nào mà Ngài không độ, đó là pháp hành của tâm.

Giữa Phật với Phật, hay với Bồ tát, hoặc giữa Bồ tát với chúng sanh liên hệ với nhau qua tâm, không cần nói. Theo nghĩa lý ấy, tôi cảm nhận rằng lực Như Lai tới khiến tôi xuất gia, học đạo, thuyết pháp, không thể làm khác. Nhận được sức gia bị của Như Lai, tôi thuyết pháp không mệt, không chán.

Sự tác động của tâm rất kỳ diệu. Các bạn thử dùng tâm đại bi đến với người thân, người oán, với tất cả chúng sanh, sẽ thấy người tự động đến với bạn. Khi vận dụng tâm tốt của ta đối với người thân, họ quý trọng ta hơn; tâm tốt đến với người thù, họ

bớt ghét ta, cho đến không còn oán nữa và vận dụng tâm thánh thiện tới tất cả chúng sanh, kể cả loài vô tình, thì chúng cũng thể hiện tình cảm thân thiện với ta.

Trên nền tảng hành sử tâm, người tu Hoa Nghiêm cố tìm cho được mối quan hệ giữa ta và vũ trụ. Chúng ta không tu một cái gì xa lạ, không chấp chặt vào pháp nào, nhưng theo Hoa Nghiêm là tu trong sự sống của chúng ta, trong sự lớn lên của muôn vật chung quanh ta là chính. Nếu không nhận ra điều này, nghĩ cái gì xa xôi thì hỏng, không bao giờ đạt kết quả. Kinh Pháp Hoa gọi sai lầm này là mất bản tâm, Tổ quả là xả thực tế, nhận không hoa.

Kinh Hoa Nghiêm lấy tâm làm chính, phát huy tâm mình ngang qua tâm muôn vật, để cuối cùng hiểu được và điều động được muôn vật, thì chúng ta thành Phật.

Tâm thanh tịnh thường hằng của chúng ta là Phật và dùng tâm này duyên qua sự vật hay chúng sanh, tạo nên phần thứ ba là Phật. Vì vậy, theo Hoa Nghiêm, tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt, ba cái này là một. Nghĩa là khi tâm chúng ta ngang qua chúng sanh, làm họ phát tâm Bồ đề, tạo thành thế giới, gọi là Pháp giới của kinh Hoa Nghiêm dưới sự điều động của Tỳ Lô Giá Na. Người tu Hoa Nghiêm thấy tâm trí từ từ sáng lên, là do Tỳ Lô Giá Na biến chiếu hội nhập. Nhờ Phật hội nhập, dưới mắt ta, sự vật bên ngoài trở thành dễ thương và loài vật, cỏ cây được ta duyên đến đều hướng về ta bằng tình thân.

Thật tu, dễ nhận ra pháp này. Thử một hôm, trái tâm thương yêu con vật, chúng ta thấy nó mừng rỡ, quyến luyến với chúng ta ngay. Thử nghiệm pháp này, sẽ hiểu được tâm từ bi của Đức Phật tác động sâu xa khiến nai dâng hoa, khỉ cúng trái. Chẳng những con người hay loài thú, mà cả cỏ cây, hoa lá cũng vậy. Nếu các bạn đã từng trồng cây, săn sóc, ký thác tâm tình cho cây, nhận ra cây tăng sức sống rõ ràng. Giữa ta và chúng tất yếu có mối tương quan.

Tôi cũng đã thử pháp này. Tôi có trồng cây mai trước thất của Hòa thượng ở chùa Huê Nghiêm. Làm việc tại Ấn Quang, tôi ít về chùa Huê Nghiêm. Có điều lạ là hàng năm, tôi thường về Huê Nghiêm vào 25 âm lịch trước Tết, thì cây nở hoa vào đúng lúc đó. Nhưng khi tôi bận không về ngày 25, thì nó chờ mừng 3 Tết tôi về, mới nở hoa. Có lần tôi về mừng 7 Tết, thì nó nở đúng ngày đó.

Kinh Hoa Nghiêm muốn dạy ta nhận ra mối tương quan cần thiết ấy và sống với sự liên hệ hỗ tương ấy. Đối với người hay thú vật, chúng ta tạo tình cảm tương quan dễ, nhưng luôn cả với cỏ cây cũng vậy; dù chưa đắc đạo, ta và thiên nhiên cũng hài hòa được.

Không tu theo hướng này, chúng ta ở chùa mà lúc nào cũng bức bối vì tham vọng phát khởi. Tham vọng dâng lên, thì Phật huệ tự biến mất. Bây giờ, không có gì trên cuộc đời này làm cho chúng ta bằng lòng được. Ở chùa nhỏ thì muốn được chùa lớn, muốn gần người giỏi, sang giàu, thế lực để nhờ vả, nhưng cái muốn chẳng bao giờ đến, còn cái đang sống thì không bao giờ bằng

lòng. Vì vậy sanh ra sân si, mắng nhiếc người này, xỉ vả người kia, địa ngục ở ngay trước mắt.

Trái lại, tâm thanh thản, dù sống đăm bạc, ngồi gốc cây mà ta và vật hòa đồng, tạo thành cảnh giới an lạc. Đó là tinh thần Hoa Nghiêm muốn nhắc nhở chúng ta dẹp tham vọng, tâm sẽ lắng yên, Phật mới gia bị được.

IV - Bồ tát Thập Hồi hướng

Khi hoàn tất hai đoạn đường Thập Tín và Thập Trụ, việc làm của chúng ta là pháp hành trong tâm, không phải làm bên ngoài. Thực chứng Thập Hạnh của Hoa Nghiêm, ngồi yên một chỗ, nhưng tâm tác động cho muôn loài phát tâm.

Khi đã tạo được mối quan hệ với chúng sanh mười phương bằng vô tác diệu lực, chúng ta tiếp tục tiến tu pháp Hồi hướng. Những thành quả tu tạo được trên đường hành Bồ tát đạo, chúng ta đừng đánh mất. Chúng ta không nghĩ tới, nhưng không phải làm rồi bỏ, tức phải có gắn bó mật thiết. Phải giữ lại và biết chỗ gởi là tu Thập Hồi hướng. Tu Hồi hướng theo Hoa Nghiêm là nỗ lực đầu tư vào ba vấn đề chính là đầu tư về trí tuệ, đầu tư cho Pháp giới chúng sanh và đầu tư CHO chơn như thật tướng.

Đây là việc làm của Bồ tát trụ Hiền vị ở cấp ba, vẫn nương theo Thầy là bậc Thánh, làm với Thầy để có kinh nghiệm và tạo được cảm tình với người. Dùng thành quả này tu Hồi hướng, chuẩn bị tư lương để sau này làm thay Thầy.

1 - Hồi hướng Vô thượng Bồ đề

Nghĩa là dốc toàn tâm, toàn lực để phát triển sự hiểu biết. Vì muốn thay Thầy, ta phải chuẩn bị để có nhận thức chính xác nhất và được đại chúng chấp nhận. Muốn như vậy, ta phải lo học. Thực chất của Bồ tát Hiền vị bước sang hàng Thánh đòi hỏi có sức hiểu biết cao tột. Còn sống bình thường, hưởng lật vật, mai kia Thầy qua đời, ta làm được gì, có thể tiếp tục hưởng thụ hay không.

Sự hiểu biết của Thầy vượt trội hơn người đương thời, nay ta kế nghiệp Thầy, phải làm được hơn, không thì xấu hổ vô cùng. Theo tôi, thế kỷ XXI có nhận thức khác, văn minh mỗi ngày đi lên. Hôm nay, sự hiểu biết này là vô thượng, nhưng giữ nguyên thì ngày mai thành tụt hậu. Tôi giỏi trong thế hệ tôi, không giỏi trong thế hệ các anh em, vì những phát minh mới không có trong thời tôi. Tôi mong sao các anh em hơn tôi, làm thế nào cho mọi người đương thời của anh em phải công nhận tu sĩ Phật giáo có trí thông minh đáng nể.

Học kinh Hoa Nghiêm phải học theo Bồ tát Văn Thù Sư Lợi để cập nhật hóa sự hiểu biết. Chưa có sự hiểu biết cao nhất, chưa thể làm Phật; đối với người bước theo dấu chân Phật, việc đầu tư cho trí tuệ quan trọng nhất. Vì vậy, mục tiêu của Bồ tát là nâng trình độ tri thức đến độ cao nhất. Tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, không có gì Bồ tát không biết. Trong khi Thanh văn tu quán Không, bỏ hết việc thế gian và tách rời thế gian, thì trở thành người không biết gì, thậm chí trở thành con nợ, là đọa.

Bồ tát Tăng phát huy trí tuệ càng cao, quả chứng càng lớn. Mọi việc, đất đai, chùa chiền ... có thể bỏ, nhưng phải giữ trí tuệ, trí tuệ còn là còn tất cả. Nâng kiến thức, biết tất cả việc đời thường, mới hướng dẫn người sống cao thượng. Còn chỉ dạy người công quả, nhưng họ cũng không được lợi ích trong cuộc sống, hoặc thậm hại hơn nữa, cạo tóc cho họ thành người sống dở chết dở. Dạy và độ người đông như vậy, Phật giáo càng mau suy sụp.

Lịch sử cho thấy ở đời Trần, Thầy tu rất nhiều, nhưng tinh thần và vật chất của dân chúng thời bấy giờ rất mạnh, vì nhờ các nhà sư làm kinh tế giỏi, có văn hóa cao, chính trị vững. Đó là cách sống của người tu theo Phật, trở thành người tốt nhất, giỏi nhất, quả cảm nhất. Nếu lúc ấy, sư chỉ ăn hại thì đã mất nước rồi.

Riêng các anh em học Tăng không chịu học, mãi lo xây chùa, về sau coi chừng hỏng cuộc đời. Phải lo nâng trí giác vượt hơn người, vì dở hơn, chắc chắn không thể độ họ.

Rèn luyện Vô thượng Bồ đề theo Hoa Nghiêm không có nghĩa là lập lại lời Phật, lời của Tổ. Chúng ta chỉ mượn tạm ngôn ngữ văn tự để nhằm phát huy trí giác. Thật vậy, nếu không nương theo văn, tư, tu bên ngoài thì không có điều kiện phát triển Vô thượng Bồ đề, nhưng để kẹt văn, tư, tu, chấp vào đó, Bồ đề cũng không phát được.

Những gì chúng ta học từ bên ngoài được vỏ não tiếp thu, cho ta tất cả sự nhận thức về cuộc sống. Phần lớn, chúng ta từ địa vị

phàm phu cho đến hàng Nhị thừa đều đạt được tri thức ở dạng này. Nhưng, theo tinh thần Hoa Nghiêm, hiểu biết như vậy không phải là Vô thượng Bồ đề, không thể xem là sở đắc của Bồ tát.

Những gì Bồ tát tiếp thu từ văn tự tu không dừng lại ở phần tác động cho vỏ não, mà còn tác động sâu vào bên trong là trung não, khiến cho trung não hoạt động, sản sinh ra trí giác ở mức độ cao, một sự thấy biết chính xác, vượt ngoài sự hiểu biết thông thường do vỏ não cung cấp.

Phần tác động vô trung não khiến trung não hoạt động thì chỉ có Thiền sư mới sử dụng được khi nhập Thiền. Họ sẽ thấy Pháp giới, nhập Pháp giới, tức thế giới tâm, khác với thế giới bên ngoài là thế giới của ý thức, không phải thế giới Phật. Thế giới của ý thức là chỗ sinh hoạt của phàm phu trong sanh tử luân hồi. Người tu không sống với thế giới ấy, chúng ta chỉ tạm thời mượn nó ở bước ban đầu để làm thêm thang bước lên thế giới tâm linh. Theo tôi, điều đó giống như hỏa tiễn dùng để phóng phi thuyền lên, nếu giữ hỏa tiễn lại thì phi thuyền cũng không thể bay lên được. Là phàm phu, chúng ta phải chuẩn bị tư lương để đẩy phi thuyền trí tuệ lên.

Học ở giai đoạn một, ví như nhiên liệu đẩy trí lên và lên rồi, chúng ta cần bấm nút xả hỏa tiễn hay xả Thức, bỏ tất cả để đưa phi thuyền vào không gian hoàn toàn vô thức. Lúc ấy, vỏ não ngưng hoạt động, tâm hồn nhẹ nhàng lạ lùng, đầu hoàn toàn

thành thoi, trống không, ví như không bị trái đất, mặt trăng hút, đó là người học Vô thượng Bồ đề.

Thuở nhỏ, tôi học, đầu luôn nặng trĩu vì tất cả dữ kiện nhồi nhét vô quá nhiều, thành đau đầu. Sang Nhật, tôi mới nhận ra điều này, nếu tiếp tục, e bị điên. Phải xả Thức, tất cả những gì ta học không cần thiết nữa.

Tổ sư dạy: Học hành không thiếu cũng không dư, nghĩa là quên hết, để vỏ não ngưng hoạt động, đầu nhẹ liền. Ngày nay, mỗi khi tôi cảm thấy hơi mệt vì phải giải quyết nhiều việc, tôi xả Thức, chừng khoảng 15 đến 30 phút, không nghĩ ngợi gì, tất cả vui buồn vinh nhục, hiểu biết của cuộc đời đều được dẹp sạch. Nhờ ngưng lại như vậy, vỏ não được nghỉ ngơi thì phần chính là trung não hoạt động để phát sanh ra Vô thượng Bồ đề.

Khi vỏ não và cơ thể được nghỉ ngơi, chúng ta làm việc không cảm thấy mệt mỏi, mới nói: Thừa sự thập phương chư Phật, vô hữu bì lao. Không mệt vì chỉ làm bằng trung não, tức Pháp thân Bồ tát, nên làm mà không làm. Không đến, không nói, không dạy, nhưng làm trên Pháp giới. Lúc ấy, hoạt động của trung não có công năng tác động cho người phát tâm, người phát tâm rồi thì tăng trưởng Bồ đề. Đó là pháp hành của Bồ tát, đến đâu đều tác động qua các loài chúng sanh bằng tâm.

Chúng ta tu ở dạng Vô thượng Bồ đề, nằm ngoài tầm nhận biết của Thức và Trí thế gian, vượt ngoài lưới ma. Ma không biết được

vì họ hoàn toàn vô niệm. Đối với họ, có hình thì ảnh tự hiện, tất cả Pháp giới chúng sanh hiện đủ, nhưng không có vật thì trong tâm họ cũng chẳng có hình nào. Trong khi Thức của chúng sanh ghi nhận hình ảnh khi có vật, mà lúc vật đi rồi, Thức vẫn lưu lại hình bóng của vật.

Trạng thái của Bồ tát đạt Vô thượng Bồ đề được ví như tâm gương; có chúng sanh thì Bồ tát hiểu ngay họ muốn gì, nghĩ gì và thuyết pháp tương ưng với điều họ muốn. Tất cả tâm thức chúng sanh hiện lên tâm gương Bồ tát và Bồ tát tùy theo yêu cầu đó mà giáo hóa, nên không lỗi lầm.

Bồ tát nâng trí giác lên thành trực giác, không cần suy nghĩ tính toán mà vẫn biết đúng. Chúng ta thấy các vị đắc đạo làm việc rất nhàn hạ, nhưng sự hiểu biết của họ linh hoạt kỳ diệu. Phần vô lậu huệ này mới thông được chúng sanh, vũ trụ và Pháp giới, mới chúng được thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm thông, không nghe mà biết được người muốn gì. Chúng ta cần rèn luyện tri thức ở dạng này càng cao, thì sự truyền đạo càng dễ. Nếu không được như vậy thì nhà truyền giáo cũng chẳng khác gì mọi người trên cuộc đời.

Khi đắc được Vô thượng Bồ đề, việc học đạt đến đỉnh cao nhất của tri thức, kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta dùng trí Vô thượng để độ chúng sanh, phục vụ xã hội, không phải học để chơi; bấy giờ, tiến sang bước thứ hai, tu Hồi hướng Pháp giới chúng sanh.

2 - Hồi hướng Pháp giới chúng sanh

Ở giai đoạn này, đối tượng của Bồ tát là Pháp giới chúng sanh, vì nếu không được tiếp cận cuộc đời, chỉ là hiểu biết thuần lý của hàng Nhị thừa, Duyên giác. Chúng ta dễ nhận ra ý này, thực tế cho thấy sự hiểu biết có được ở nhà trường, nhiều khi đem ứng dụng trong cuộc sống lại khác. Vì vậy, nhờ có học mới giáo hóa được chúng sanh và nhờ giáo hóa chúng sanh, chúng ta tăng thêm sự hiểu biết, có được chân thật trí, hai phần này ví như hai chân để chúng ta đi tới.

Đức Phật dạy rằng quả Bồ đề thuộc chúng sanh, không có chúng sanh, Bồ tát không thành Vô thượng Đẳng giác. Y cứ theo tinh thần này, làm cho chúng sanh thành Phật là làm cho chính ta thành Phật. Hiểu đạo lý như vậy, từng bước chúng ta thăng hoa đạo hạnh. Không hiểu cốt lõi này, càng ráng tu càng khổ, nghiệp sanh và đạo.

Lo cho chúng sanh một phần, nghiệp của ta nhẹ được một phần. Nhưng với chúng sanh có thiện duyên với ta, ta lo trước. Vì mới tu, nghiệp ác ta còn nhiều, mà phải luôn đối phó với người ác duyên, họ chống đối ta, thì việc tu hành của ta sẽ bị trở ngại. Nhận ra ý này, bước ban đầu, tôi tìm người hiểu tôi, có cảm tình tốt hoặc đồng hành với tôi; kinh gọi là Bồ tát đồng hạnh nguyện. Tôi lo xây dựng gấp Bồ đề quyến thuộc này. Còn làm việc chung chung, ai cũng độ, nhưng ta giúp lầm người ác thì dễ bị chuốc

họa. Thật vậy, nghiệp ta còn và phước đức mỏng mà kết duyên thuộc xấu ác thường gây rắc rối cho ta.

Tôi lưu ý Tăng Ni sinh điều này. Người thương ta, tin ta, đồng hành đồng sự với ta, phải lo xây dựng họ trước. Nếu chúng ta không biết, khai thác họ cạn kiệt để phục vụ cái không phải là Bồ đề duyên thuộc, thì đến khi người hết lòng với ta cạn túi mà ác ma duyên thuộc tăng thêm, ta còn nhờ cậy vào đâu để làm đạo.

Tôi học được tinh thần này của Phật giáo Nhật. Đối với những người thương và gần gũi, ta cố gắng tạo công ăn việc làm hoặc lo cho họ học hành. Xây dựng người tốt làm nòng cốt cho lực lượng Phật giáo là điều tất yếu phải có.

Chúng ta đừng lầm là mình đang thực hiện tinh thần vị tha vô ngã. Phải biết đến khi nào chúng ta mới có thể thực hiện được hạnh này. Bước đầu, lo bao đồng thiên hạ, về nhà không có cơm ăn, chùa rách, đệ tử bỏ trốn, chúng ta sẽ ra sao.

Lo cho người có thiện duyên gần gũi vững rồi, bước thứ hai chúng ta xây dựng người ác duyên. Đức Phật cũng đã từng hoằng hóa độ sanh theo cách như vậy. Đầu tiên, Ngài giáo hóa năm anh em Kiều Trần Như, họ là những nhà hiền triết quyết tâm tu. Điều này cho thấy Đức Phật không thuyết giáo ngay, nhưng lựa người tốt trước; họ cùng hạnh thanh tịnh, cùng nguyện thành Phật, Ngài cấp tốc xây dựng họ đắc quả vị La hán, trở thành mẫu người thánh thiện đáng kính trọng. Bước đầu lập giáo khai tông, Đức

Phật đã xây dựng Bồ đề quyền thuộc như vậy, còn đồ chúng ô hợp, tranh cãi, thì khác gì ngoại đạo.

Ngày nay, chúng ta không ý thức điều này, chỉ lo xây dựng cơ sở, nhưng quên giáo dưỡng Tăng chúng để họ thất học, ốm yếu, bệnh hoạn là tự đẩy chính mình vào đường cùng.

Giáo dưỡng cho năm anh em Kiều Trần Như thành Thánh rồi, Đức Phật mới đến độ Xá Lợi Phất tiêu biểu cho hàng trí thức và Mục Kiền Liên tiêu biểu cho người làm ăn giỏi. Nói theo ngày nay, đây là thành phần thượng tầng kiến trúc của xã hội. Tuy không đông, nhưng họ đóng vai trò quan trọng, vì chính họ xây dựng mô hình xã hội. Vì thế lãnh đạo được giới trí thức là nắm được quần chúng. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy Phật giáo mạnh khi có thành phần trí thức ủng hộ.

Có thể nói mô hình xây dựng Pháp giới chúng sanh của Đức Phật bước đầu kết hợp người phạm hạnh thanh tịnh là nhóm Kiều Trần Như và tiếp theo là nhóm trí thức vẽ ra chương trình hành động và nhóm Mục Kiền Liên thực hiện. Tất cả gồm có hai trăm người cộng thêm năm mươi thanh niên thuộc nhóm Da Xá. Đó là những người có năng lực và chết sống với Phật, nhiều đời đã là quyền thuộc của Ngài, nên Phật tìm đến độ họ.

Xây dựng Bồ đề quyền thuộc vững, tập hợp thành thế lực mạnh, biểu tượng tốt, Đức Phật mới mở rộng tầm giáo hóa, hàng phục ác tri thức; nghĩa là phải có đạo quân Hiền Thánh rồi mới đến với

đối thủ. Tuy ác, nhưng họ cũng là người có duyên với Phật. Đó là ba anh em Ca Diếp gồm một ngàn đồ chúng, tức một thế lực mạnh được Đức Phật hướng đến tiếp độ.

Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp lãnh đạo nhóm này là quốc sư của Bình Sa vương. Ông chuyên dùng bùa chú để sai khiến rắn hại người và rất được vua trọng vọng, cung phụng đầy đủ. Khi Đức Phật đến thành Vương Xá để độ ông vua này, khiến cho Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp cảm thấy bị thiệt thòi quyền lợi. Đến đây, có dụng chàm thì mới ra lễ.

Chúng ta thấy Đức Phật hết sức thanh thản trong việc này. Ngài thản nhiên xin ở trọ trong tu viện của Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp. Ông ta rất mừng và sử dụng độc thủ nhất để hại Phật bằng cách xếp đặt cho Phật ở hang có rắn chúa. Tin chắc rằng Phật đã bị rắn mổ chết, nhưng khi ông tìm đến xem thì thấy Phật xoa đầu thọ ký cho rắn và con độc xà này quay ngược lại để giết ông. Chứng kiến đức độ của Phật quá lớn, tác động đến cả thú dữ cũng quy phục, khiến ông sanh tâm hổ thẹn và cảm phục lòng từ bi của Phật, phát tâm quy y với Ngài. Đó là giai đoạn Đức Phật giáo hóa người có ác duyên và chuyển thành thiện duyên với Ngài.

Đã xây dựng được người ác thành quyến thuộc, sang bước thứ ba, Đức Phật mới mở rộng tầm giáo hóa đến chúng sanh không có duyên. Trên bước đường độ sanh, Ngài không cần dụ dỗ, chỉ lo dung hóa được người thiện và ác, xây dựng được một ngàn hai

trăm năm mươi vị thành Thánh rồi thì tiếng lành đồn xa. Quần chúng thuộc mọi giới bắt đầu theo Phật, đó là chúng kết duyên.

Khi hàng trí thức và quần chúng theo Phật, thì vua chúa cũng phải theo. Tầm giáo hóa chúng sanh của Phật được mở rộng, tạo thành Bồ đề quyền thuộc là Pháp giới chúng sanh.

Tôi nhắc nhở Tăng Ni sinh ra trường cần xây dựng được Bồ đề quyền thuộc, tức người theo ta phải giỏi, tốt, khỏe. Còn toàn người nghèo đói, ngu dốt theo thì làm được gì.

Đức Phật khuyên hành Bồ tát đạo phải lo Hồi hướng Pháp giới chúng sanh, vì tiêu cực thì không làm được, còn làm mà không Hồi hướng, việc cũng thành mây khói.

Hồi hướng là biết gởi thành quả của ta vào chỗ còn sử dụng được về sau. Làm rồi bỏ, thì làm để làm gì. Phật bỏ tất cả để trở thành bậc siêu xuất thế gian, làm Thầy của trời người, không phải bỏ để thành ăn mày.

Việc mà chúng ta làm, vật của chúng ta tạo, hay nói chung tất cả pháp hữu vi là mộng huyễn bào ảnh, nhắm mắt xuôi tay là hết; dù ta có để cũng mất, mà bỏ cũng không còn. Chúng ta ý thức sâu sắc điều này, nhưng không bỏ nó để trở thành khô thân đoạn trí. Thật vậy, hành Bồ tát đạo phải biết lợi dụng mộng huyễn để có chân thật, sử dụng nó để tạo công đức. Mọi việc làm cuối cùng chỉ còn thiện hay ác mang theo, gieo vào lòng người tình cảm tốt đẹp hay nổi oán hận.

Biết rõ như vậy, chúng ta chỉ gởi vào lòng người điều tốt. Thí dụ hành bố thí, cúng dường, giúp người là gieo vào lòng người ý niệm tốt. Đó là cái còn lại của Bồ tát trên cuộc đời. Trong hiện đời, gặp một người có cảm tình, là biết ta đã gieo nhân lành cho họ trong kiếp quá khứ. Ngược lại, gặp người thù ghét, chống đối cũng tự biết nhân ác của ta đã trồng trong tâm họ.

Tu Hối hướng Pháp giới chúng sanh, bao nhiêu thiện căn công đức chúng ta đều gởi vào tâm chúng sanh thì không bao giờ mất. Phật pháp cửu trụ cũng ở dạng này. Và chúng ta tu được cũng nhờ Đức Phật Hối hướng Pháp giới chúng sanh. Chúng sanh nào nhận được sự ký thác đó của Phật mới phát tâm Bồ đề. Không nhận được sự ký thác ấy, cũng thành ngoại đạo chống phá Phật đạo.

Đức Phật khuyên chúng ta làm bao nhiêu cứ đưa vào lòng người ý niệm tốt. Vua chúa nắm quyền, nhưng Phật nắm lòng người. Bước theo dấu chân Phật, hành Bồ tát đạo, ta cố tránh không làm mất lòng người, không đưa ý niệm ác, chỉ đưa ý niệm thiện vào lòng người. Các Thầy sống chung đừng gieo vào lòng nhau hận thù, nhưng gieo vào ý niệm tốt, sau làm đạo gặp nhau, chúng ta dễ thành công. Thà mất tất cả, nhưng còn giữ được lòng người.

Trên tinh thần xây dựng lòng người, hành Bồ tát đạo bố thí tiền của, sinh mạng cũng chỉ nhằm thu phục nhơn tâm. Giúp tiền của cho người vượt khó khăn, họ khá được thì cũng thương ta. Còn ta

dư, trong khi họ thiếu thốn, tự nhiên họ cũng ghét ta. Phật khuyên ta bố thí ngoại tài để tạo cảm tình với người.

Kế đến bố thí nội tài, nghĩa là ta sử dụng sức khỏe, trí khôn và kỹ thuật tùy theo yêu cầu mà giúp người phát triển trí tuệ, giàu có, khỏe mạnh, đầy đủ bản lĩnh bằng với ta. Tất cả cũng chỉ nhằm gieo vào lòng người ý niệm tốt. Thí dụ đem công sức giúp dân địa phương, khiến cho người quý mến, kính trọng; điển hình như Hạnh Cơ Bồ tát của Nhật thường đắp đường, bắt cầu, xây dựng thành phố Nara hoặc đúc tượng Tỳ Lô Giá Na.

Trí khôn, sức lực, tài sản đưa vào lòng người trở thành bất diệt, còn giữ lại thì đến ngày nào đó, sức khỏe cũng suy kiệt, trí cũng hết, tài sản cũng mòn.

Hồi hướng Vô thượng Bồ đề và Hồi hướng Pháp giới chúng sanh có quan hệ hỗ tương. Nhờ có học mới giáo hóa được chúng sanh và nhờ giáo hóa chúng sanh, chúng ta tăng thêm hiểu biết, có được chân thật trí. Hai phần này ví như hai chân để chúng ta đi tới.

Đối tượng chúng sanh càng ngang bướng, khó dạy, trí khôn của chúng ta mới nảy sanh và khả năng điều phục mới phát triển. Nếu chỉ tìm người tốt kết thân, lâu ngày ta dễ trở thành ngò nghê. Trên bước đường tu Bồ tát đạo, càng dần thân dụng chạm cuộc đời bao nhiêu, trí chúng ta càng được mài dũa sáng bấy nhiêu.

Trên nền tảng độ sanh để phát triển trí giác, kinh Hoa Nghiêm dạy quả Bồ đề thuộc chúng sanh; không có chúng sanh, Bồ tát không thành Vô thượng Đẳng giác. Bồ tát hành đạo ví như Bồ đề thọ vương mọc giữa sa mạc sanh tử, chúng sanh ví như đất, chúng sanh nghiệp và chúng sanh phiền não ví như phân và nước. Không có đất, nước, phân, Bồ đề không sống và lớn được.

Cũng vậy, chúng sanh càng đau khổ, tâm Bồ đề chúng ta càng dễ phát. Chúng sanh ở cõi trời không chịu nghe pháp, không thích tu. Ở Ta bà đau khổ, chúng sanh gặp nhiều phiền não không tự giải quyết được; Bồ tát cứu họ, giải được nghiệp cho họ, chắc chắn niềm tin của họ đối với đạo rất lớn và không thể nào quên ơn tế độ.

Điều quan trọng cần ghi nhớ rằng giúp người, nhưng trí tuệ của chúng ta cũng phải theo đó phát triển. Đừng để rơi vào tình trạng làm nhiều mà quên tu học, phiền não bực phát, trí tuệ cùng mẫn. Thực tế chúng ta thường thấy có người hành bố thí một lúc rồi cạn kiệt, người cũng không nhớ đến ta.

Ta làm gì cũng được, nhưng phải luôn chuẩn bị con đường thành Phật của mình, đầu tư sao cho đạt được Vô thượng Bồ đề. Trên nền tảng ấy, ta bố thí, cúng dường cũng nhằm tăng sự hiểu biết, phước đức, tình cảm của chúng ta và đạt đến mục tiêu thành Phật. Còn giúp đỡ người khác mà bản thân ta lên không được, thì người sẽ thương hại, không kính trọng ta nữa, ta lại bất mãn. Người được giúp phải theo gương ta tu hành.

Theo tinh thần Đại thừa, đạo yếu Tăng hoằng, nhờ chư Tăng mà người biết Phật. Thực tế chùa nào có Tăng Ni đạo đức, học thức thì người ta thường tập hợp đến để học, gần gũi để được an lành. Có người nhờ cảm đức của bậc chân tu mà nghiên cứu Phật giáo. Đại thừa Tăng làm sáng danh Phật, nên được kính trọng; không phải vì kính Phật nên trọng Tăng.

Bồ tát phục vụ chúng sanh, khiến chúng sanh quy ngưỡng Phật đạo. Làm được bao nhiêu công đức, Bồ tát hồi hướng cho Pháp giới chúng sanh, là cúng dường tối thượng.

Trên tinh thần ấy, Phật của Đại thừa là tất cả người đang sống trong chánh pháp. Kinh Pháp Hoa gọi là thế gian tướng thường trụ, nghĩa là chúng ta tin Phật, tu theo Phật, thể hiện lời Phật dạy trong cuộc sống thì chúng ta là Pháp thân Phật. Pháp thân Phật hiện hữu ngay trong Tăng đoàn, trong sinh hoạt xã hội; tìm ngoài sự sống này, không thể có Pháp thân của Phật, kinh ví như tìm lông rùa, sừng thỏ.

Hồi hướng Pháp giới chúng sanh, phải nuôi dưỡng quyền thuộc của chúng ta thăng hoa. Nhiều Thầy trụ trì sợ học trò giỏi hơn, sẽ khi dễ mình, nên không cho đi học. Làm như vậy, rõ ràng là giết đạo. Người có quyền thuộc đông, chắc chắn làm được việc lớn. Thử nghĩ không có sức người, sức của, sao làm được.

Hành Bồ tát đạo, tất cả tư lương của chúng ta đem Hồi hướng cho Pháp giới chúng sanh, hay chia sẻ công đức để về sau người

cùng hợp tác với ta gánh vác Phật sự. Nhiều Thầy giỏi, nhưng không có ai cộng tác, cũng đành gác cái giỏi một bên. Có thể nói ta được việc hay không là tùy thuộc ở số người giúp việc. Họ giỏi, ta làm được việc lớn, họ tầm thường, ta làm được việc thường.

Nhờ có Vô thượng Bồ đề, không làm mất lòng đại chúng và hiểu được tâm tư đại chúng, làm được những việc mà người quý mến ta. Hoặc biết đại chúng chưa chấp nhận, ta cũng tùy thuận họ. Như Di Lặc chưa làm Phật vì chúng chưa thuần thực, tức quyền thuộc chưa giỏi, họ chưa phải là Bồ tát. Di Lặc còn phải tiếp tục lo cho Pháp giới chúng sanh.

3 - Hồi hướng Chân như thật tướng

Khi thành tựu được hai pháp Hồi hướng Vô thượng Bồ đề và Pháp giới chúng sanh, Bồ tát phải xả bỏ tất cả để thực hành pháp Hồi hướng Chân như thật tướng. Trước kia, với mục tiêu phấn đấu, Bồ tát tất yếu phải tích lũy công đức, tình cảm, trí tuệ; vì không có vốn này thì không hành Bồ tát đạo được. Nay cả Pháp giới chúng sanh đều biết uy đức của Bồ tát, thì cần giữ làm gì nữa. Xả tất cả, trở về Chân như thật tướng, Bồ tát trở thành biểu tượng cao quý, đến đâu cũng mang an lạc cho mọi người, thể hiện Vô trụ xứ Niết bàn. Tuy nhiên, chưa đạt đến vị trí này, mà bỏ tất cả thì trở thành ăn mày.

Xả bỏ, trong lòng không nghĩ đến thành quả nào mà tất cả việc đều thành tựu một cách tự tại như ý, mới thực sự đạt đến Chân

như thật tướng. Còn ôm giữ thì dễ mắc bệnh chấp thành quả của ta, hiểu biết của ta và đệ tử của ta, dẫn đến sanh tâm tăng thượng mạn. Kinh Hoa Nghiêm đưa ra pháp tu Hồi hướng Chân như thật tướng để giúp chúng ta xóa bỏ bệnh chấp pháp.

Tu Chân như thật tướng nghĩa là độ tất cả chúng sanh, nhưng không thấy ta độ và người cũng không cảm thấy bị độ. Nhờ vậy, tâm chúng ta luôn thanh thản, chúng sanh nhẹ nhàng phát tâm Bồ đề, mọi vật hiện trên tâm gương của chúng ta. Tùy theo tâm nguyện, tùy theo yêu cầu của chúng sanh mà việc được tự động giải quyết. Làm được tất cả nhưng buông bỏ tất cả, không làm nặng lòng ta và người. Đó là hành trang tối cần thiết để tiến tu Bồ tát đạo.

Các giai đoạn trước ta hướng về bên ngoài, nhưng nay, ở mức cuối cùng, buông bỏ mọi thành quả để ta hướng nội, tìm về cội nguồn chân như tâm. Sống với chân như tâm là chân thật bất hư, như như bất động; đó là thực chất mà Đức Phật muốn dạy.

Và từ chân như tâm, tùy theo nhân duyên, mà Bồ tát hiện thân tướng khác nhau, làm việc khác nhau. Nhưng duyên hết, việc hết, còn tâm chân như muôn đời không thay đổi.

Trên bước đường tu, phải tìm cho được Pháp thân vĩnh hằng của chính mình hay chân như tâm. Chính yếu là sống với tâm chân như và làm việc theo yêu cầu. Thí dụ thực chất của tôi không thay đổi, nghĩa là tâm chân như đa năng, đa dạng, không có hình

tướng cố định, nhưng tùy theo Giáo hội phân công, tôi làm Trưởng ban Hoằng pháp, làm Tổng biên tập, làm việc giảng dạy, v.v... Tùy từng giai đoạn, tùy yêu cầu mà có những việc khác nhau. Xong việc là hết, ta không bị kẹt với nó, nó không ngăn cản sự giải thoát của ta.

Đến đây đã vượt qua được ba chặng đường của tam Hiền. Cần phân biệt tam Hiền của Nhị thừa tuchúng khác với quả vị tam Hiền của Bồ tát đã hoàn tất pháp Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng.

Tam Hiền của Nhị thừa nhằm vô tu tự độ, lấy hạnh viễn ly làm chính và diệt được phiền não mới là Hiền. Vì vậy, từ hàng Dự lưu, tức Tu đà hoàn không bị xã hội chi phối được nhập vào dòng Thánh của Nhị thừa.

Đối với Đại thừa, tính từ Bồ tát Thập Trụ bắt đầu bước vào Hiền vị, nhưng khác với Dự lưu ở điểm hàng Dự lưu tu thoát ly cuộc đời, ở trong cảnh giải thoát được giải thoát để bước vào dòng Thánh, thì dễ tu hơn Bồ tát. Tuy nhiên, thành quả không cao bằng Bồ tát.

Thật vậy, Bồ tát ở Hiền vị phải nhập thế mà không bị trần tục quấy rầy mới có thể bước vào dòng Thánh. Kinh Duy Ma quy định tư cách Bồ tát là "Cư tài chi sĩ, cư gia chi sĩ, tại gia chí Phật đạo giả", nghĩa là Bồ tát ở thế gian, nhưng ý nghĩ và việc làm của họ giống với người xuất gia. Và Bồ tát còn hơn Thanh văn Tăng ở

điểm sống trong thế tục, nhưng tâm hồn xuất gia, quả thực là cao quý. Đó là tinh thần Đại thừa rèn luyện tư chất của Bồ tát vào đời đầy sóng gió, tâm vẫn trụ vững ở đạo pháp.

Bậc Nhứt lai của Thanh văn bằng với Thập Hạnh của Bồ tát. Nhưng hàng Nhứt lai đi sâu vào dòng Thánh, hay sâu vào nội tâm và tiến lên dòng Thánh dễ hơn Bồ tát vì càng tu, càng thoát ly cuộc đời, tâm dễ thoát tục.

Trong khi Bồ tát đi sâu vào cuộc đời, việc nhiều hơn, nhưng tâm hồn vẫn thanh thản. Họ tập sự tu Lục độ, không phải chính tu. Họ thân cận Phật. Vì vậy, hàng Thập Trụ, Thập Hạnh vẫn cần phải có Phật hay Bồ tát Thập Thánh xuất thế để nương theo tu. Không có điểm nương tựa này, Bồ tát tam Hiền không tiến tu được. Tu tiểu thừa theo Thanh văn, không có Phật xuất thế, không có Bồ tát để nương vẫn tu được.

Có thể khẳng định Bồ tát Hiền vị bắt buộc phải nương Thánh, mới thành Hiền được. Trong lúc nương bậc Thánh, điều gì xảy ra. Nương theo Thánh Tăng, chúng ta thành tựu được nhiều công đức; nhưng cũng dễ bị đoạ, nếu sai lầm. Theo kinh nghiệm của tôi, ai có Thầy nổi tiếng dễ nhận ra ý "Cha làm Thầy, con bán sách!".

Nương Thầy để làm việc cho Thầy, tu bồi cội đức của mình. Nhưng dựa hơi Thầy, gây khó khăn cho bạn đồng tu, làm việc lật vật, cuối cùng cuộc đời cũng không ra chi. Trong chùa, thị giả là

người có điều kiện nương Thầy, đời sống vật chất của thị giả thường cao. Tuy nhiên, nếu chỉ lo hưởng thụ, không tu, cuộc đời dễ tiêu tan nhanh chóng. Thực tế, nhiều Thầy lên được, nhưng bị như vậy lại rớt xuống. Hoặc có cư sĩ được các vị Hòa thượng tin cậy, cũng thường bắt nạt người khác, thâm lạm của Tam bảo. Và các bà nấu ăn cũng vậy, được hầu những vị tôn đức, nên ít ai dám nói động đến. Ý thế đó, họ thường bắt nạt các người nấu ăn khác, cho đến gây gổ, làm những việc tội lỗi, về sau cũng bị đọa, đáng sợ.

Tôi thân cận các vị đại Hòa thượng, thấy rõ các ngài có công đức lớn. Ba hạng người trên được phước duyên hầu cận các ngài, nhưng vì tu sai, mới ra nông nổi như vậy. Họ không ý thức được rằng thực sự là nhờ đức hạnh của Thầy, mới làm được việc, còn tự bản thân họ làm thì không ai chấp nhận. Cần nhớ là ta có nhân duyên làm việc và nương theo Thầy, phải khiêm tốn, lo phát huy khả năng, mới tu tạo công đức của ta được.

Bản thân tôi từ ban đầu không ai biết đến. Nhờ làm thị giả cho Hòa thượng Thiện Hoa, giúp việc cho Hòa thượng Trí Thủ, Hòa thượng Thiện Hào, người ngoài mới biết tôi. Tôi luôn tâm niệm nương theo các bậc thạch trụ tông lâm, quyết tâm phát huy tài năng, đức hạnh, làm cho được việc. Thầy tin, giao việc thì ta làm hết lòng. Càng được việc, càng khiêm nhường, từ chối cái Ta, nhận thức rõ ta làm việc của Thầy, không phải của ta.

Tôi tham gia vào hàng lãnh đạo từ lúc tuổi còn trẻ, thay thế các Hòa thượng lãnh đạo, nên khó vô cùng. Lúc ấy, tôi chủ trì buổi họp, nhưng không ngồi ghế chủ tọa, chỉ đứng một bên và truyền đạt ý của Hòa thượng lãnh đạo, thì các Hòa thượng khác dễ chấp nhận. Còn mình lãnh đạo thật thì chắc chắn bị phản đối. Khi tôi giúp việc với Hòa thượng Thiện Hào cũng vậy, Ngài cho phép tôi phát biểu thì tôi nói với tư cách đại diện Ngài, người mới nghe, họ ít bị tự ái hơn. Và khi ý kiến được đại chúng công nhận, là ta bước sang giai đoạn mới, thay thế Thầy để điều hành mọi việc.

Ở Nhật Bản có Bắc Điều Thời Lại xuất thân là Thiền sư thay triều đình làm chính sự cứu nước, nhưng ông không soán ngôi Thiên hoàng, không xưng tướng quân, cũng không xin tấn phong. Ông chỉ xưng chấp quyền, nghĩa là tạm điều hành để lo việc nước; khi tìm được người khác có khả năng lãnh đạo, ông sẵn sàng giao lại.

Thiết nghĩ hành Bồ tát đạo làm thế nào được việc, còn danh nghĩa là gì cũng được. Được người thương kính và làm được việc quá tốt, trở về chùa, ai cũng thương, thể hiện mẫu Bồ tát Tam Hiền luôn luôn có đức khiêm tốn. Đó là kinh nghiệm của tôi học về Tam Hiền của kinh Hoa Nghiêm, nương vào Thánh, chúng ta thành công được một phần và khi các ngài không làm nữa, ta đủ khả năng thay thế.

Quá trình hành Bồ tát đạo theo Hoa Nghiêm, từ Sơ phát tâm tu Thập Tín đến hoàn tất Thập Hồi hướng, đạt đến thêm thang thứ

bốn mươi, chấm dứt giai đoạn Hiền vị và chuẩn bị bước lên Thánh vị, tu pháp Thập Địa của Bồ tát.

V - Bồ tát Thập Địa hay Thập Thánh

Theo Thanh văn thừa, những vị đắc tam quả là Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm được xếp vào Hiền vị và hàng Thánh là A la hán.

Theo Đại thừa thì khác hẳn, hàng Tam Hiền gồm có những vị đang ở giai đoạn tu Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng. Hàng Thánh vị là chư Bồ tát đang thể nghiệm pháp Thập Địa ở mười cấp bậc khác nhau.

Kinh Hoa Nghiêm quy định Tam Hiền vị mới chỉ là quyến thuộc của Bồ tát, hay Bồ tát tập sự làm công việc của Bồ tát, chưa đủ tư cách Bồ tát thực thụ. Họ chưa chính thức nhận trách nhiệm, phải nương theo sự chỉ đạo của hàng Thập Thánh để phát triển đạo hạnh của bản thân.

Muốn hành Bồ tát đạo, trở thành Bồ tát chính thức hay Hậu tâm Bồ tát, hàng Tam Hiền phải viên mãn quá trình tu Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng.

Ở giai đoạn từ Thập Tín đến Thập Hồi hướng, nhờ nương Phật hay các đại Bồ tát, chúng ta thành tựu công đức một cách dễ dàng, đôi khi làm được những việc lớn, khó, vượt hơn cả khả năng của Thanh văn, Bích chi Phật, thậm chí hơn cả Bồ tát. Nói cho dễ

hiếu, kể từ khởi điểm cho đến giai đoạn tu Thập Hồi hướng, chúng ta chỉ là người cộng tác, chưa phải lãnh đạo. Lúc ấy, việc quan trọng là chuẩn bị cho đầy đủ để khi bước lên địa vị lãnh đạo, không gặp khó khăn và chắc chắn thành công.

Tuy nhiên, khi đăng địa Bồ tát, là bước sang giai đoạn phải tự phát huy bằng sức lực, khả năng của chính mình, không nương nhờ với Đạo sư nữa. Bồ tát Thập Địa đã có đầy đủ trí tuệ, có quần chúng ủng hộ và không còn vướng mắc các pháp, có điều kiện tự làm lấy.

1 - Bồ tát Sơ địa: Hoan Hỷ địa

Khi bước vào hàng lãnh đạo hay chuyển qua giai đoạn tu của Bồ tát Thập Địa, vị trí khởi đầu là Hoan Hỷ địa. Kinh Hoa Nghiêm quy định Bồ tát Sơ địa hiện thân làm **tiểu vương**, tức lãnh chúa một vùng. Công việc của họ tương đối nhỏ, chỉ lãnh đạo một nhóm người, điều hành tốt một lãnh vực nào thôi. Thí dụ như tôi chỉ chu toàn được công việc hoằng pháp là một ngành của Giáo hội, không thể đảm đương toàn bộ công việc.

Bắt đầu nhận một việc nhỏ trong việc chung của hàng lãnh đạo mới thấy cái khó của người lãnh đạo. Đơn giản như trong lớp học, chỉ làm chúng trưởng của một chúng đã có vấn đề. Ta thường cảm thấy khó chịu khi bị lãnh đạo, tìm cách chống phá; đến phiên ta lãnh đạo, ta còn tệ hơn họ. Điều hòa một chúng nhỏ còn không xong, nói chi làm được thật tốt công tác của lớp đề ra. Bản

thân không kiếm nổi cơm ăn cho cá nhân mình, nhưng ôm chí lo cho xã hội no cơm ấm áo thì chỉ là kẻ mộng du, nói chuyện của thiên hạ thì chỉ là hạng thực khách.

Khi tôi trưởng thành, bắt tay vào công việc lãnh đạo mới nhận chân được nhiều điều khó khăn, mới thấy được các bậc cha anh mình thật tài đức. Bắt đầu viết sách, dịch kinh, mới thấy Hòa thượng Trí Tịnh quá giỏi. Đến khi làm Trưởng ban Hoằng pháp, mới phục cố Hòa thượng Thiện Hoa.

Bắt đầu làm việc, va chạm với nhiều khó khăn, nhưng lòng vẫn hoan hỷ, không nhăn nhó, không cần nhần, không la rầy. Bình tĩnh, sáng suốt, vui vẻ là ba đức tính mà Bồ tát Hoan Hỷ địa an trụ. Tụng kinh Hoa Nghiêm, tôi luôn suy nghĩ về hạnh đức này của Bồ tát Sơ địa để ứng dụng trong cuộc đời hành đạo. Dù hoàn cảnh nào cũng cố gắng đem hết khả năng hoàn tất nhiệm vụ mà Giáo hội giao phó. Gặp việc khó, tôi luôn nhớ đức tính bình tĩnh của Hòa thượng Trí Tịnh. Đừng để người khích động, bị người chọc tức, đe dọa, mua chuộc, vẫn thản nhiên. Vì chúng ta biết rõ thiếu bình tĩnh sẽ hư việc liền. Thực tế cho thấy có người giỏi nhưng nông nổi, phạm sai lầm, tiêu cả cuộc đời. Hoặc khi cẩu kỉnh, mắng nhiếc người, họ không hoan hỷ và bỏ ta; không còn ai hợp tác, ta chỉ còn nước từ chức. Nếu biết bình tĩnh, chúng ta sẽ tìm được cách tốt nhất để thuyết phục họ.

Ngoài ra, tôi học được với cố Hòa thượng Thiện Hoa đức tính hoan hỷ. Gặp người kỳ dị mấy, ngài cũng cười. Ta không làm thì

ngài vẫn vui vẻ nói: "Thầy mệt thì cứ nghỉ, tôi làm". Nhưng để Hòa thượng làm, chúng ta chịu không nổi. Hòa thượng có niềm tin sâu xa ở Đức Như Lai và đức tánh hoan hỷ của ngài là chất keo gắn bó mọi người ngồi lại với nhau, giúp Hòa thượng lãnh đạo được Phật giáo ở giai đoạn có nhiều biến động. Tuy Hòa thượng vắng bóng trên cuộc đời, những người cộng tác với ngài vẫn nhớ thương, quý trọng.

Trên bước đường hành đạo, khi chúng ta đề xuất việc, người không làm, còn chống đối. Chúng ta làm sao vô hiệu hóa sự chống đối, không cho phép họ chống. Nhớ lời Phật dạy không ai có thể đổ xấu cho người tốt, chúng ta không trả đũa bằng cách đánh hay nói nặng họ. Trái lại, dùng đức tánh tốt, tài năng đức độ để sự xấu ác ấy không tác hại được. Ta phớt lờ, mỉm cười hoan hỷ như Đức Di Lặc và chỉ nỗ lực phát huy đức tánh tốt.

Tu Bồ tát đạo, bình tĩnh kiểm lại xem số người ủng hộ hay số chống đối mạnh. Nếu người chống đông và quyến thuộc theo ta còn quá yếu là biết thời cơ chưa đến. Nếu một nửa ủng hộ, một nửa chống mà thuộc hạ cái gì cũng chống, thì cũng chẳng đáng sợ. Chúng ta dùng tài đức thuyết phục được những người thân cùng chung sức hợp tác, thì người chống không giúp một tay cũng chẳng sao. Ta vẫn thản nhiên, vui vẻ với kẻ chống đối, nhiều khi lại có lợi, vì làm cho người tốt thương ta hơn. Tôi từng kinh nghiệm điều này, có người chống thì tự nhiên có người tốt bảo vệ. Quan trọng làm sao tranh thủ được Như Lai, Bồ tát ủng

hộ thì tà ma ngoại đạo không chống phá được, hay càng bị chống phá, chúng ta càng được các Ngài hộ niệm nhiều. Ngoài ra, đối với hạng không chống không theo, ta nên tranh thủ.

Như vậy, ra làm việc có đặng chạm, mới có cơ hội sửa đổi thái độ, lời nói, dần dần chúng ta mới tốt. Phải bắt đầu tập thực hành việc nhỏ và hoàn thành được, sau lần bước đi lên; nếu chê hay cãi nhau, rồi giận, bỏ không làm thì sự nghiệp đến đây cũng chấm dứt. Gặp những người như vậy, chúng ta cứ để họ đứng bên lề, một lúc cảm thấy buồn, họ cũng nhập cuộc với ta.

Tu hành trong cuộc đời này, chúng ta luôn gặp ba thế lực nói trên. Làm thế nào điều hòa, phát triển được người ủng hộ, chúng ta sẽ thành công. Bồ tát Sơ địa tu chính yếu là phát triển công việc ấy. Với tư cách lãnh đạo một nhóm nhỏ, ý thức được rằng sự tồn tại của ta là mối tương quan tương duyên với người, cho nên cố gắng mở rộng mối tương quan đó cho tốt đẹp.

Bước vào dòng Thánh, Bồ tát Sơ địa có tên là Hoan Hỷ địa. Ở vị trí này, làm Thánh đầu tiên, tuy chưa tu tạo được nhiều công đức, nhưng tối thiểu phải giữ được tâm hoan hỷ trong mọi tình huống. Thiết nghĩ tâm hoan hỷ là sợi dây thân ái liên kết chặt chẽ mọi người. Theo kinh nghiệm bản thân, tôi thấy nhiều Thầy học giỏi, nhưng kiêu ngạo, không ai dám gần, trở thành cô độc. Có Thầy không giỏi nhưng luôn hoan hỷ cũng kết hợp được người và làm được việc.

Bắt đầu dẫn thân, phải luyện cho được tâm hoan hỷ; nếu không sẽ khó thành công. Đó cũng là lời nhắc nhở của Bồ tát Phổ Hiền với chúng ta: "Đối với tôi lòng luôn hoan hỷ". Hoan hỷ đối với bạn đồng học, đồng tu và tất cả chúng sanh.

Nói thì dễ, nhưng thành tựu được tâm này khó vô cùng. Lúc tôi 38 tuổi, giữ chức vụ Tổng vụ trưởng Thanh niên vào giai đoạn nhiều bất an, khó khăn, nên tôi đâm chiêu đến độ ai cũng sợ, không dám gần. Nhưng trì kinh Hoa Nghiêm, tôi nhận ra ý sâu xa của Phổ Hiền dạy, lập hạnh này, đổi tâm một chút thì hoàn cảnh khác liền. Đổi từ tâm cố chấp, người không dám gần, thành mở rộng lòng, dung người, khiến người thương mến, thích thân cận. Tôi quan sát bề trong từng người, phát hiện được đức tánh tốt của họ, nên dễ sanh tâm hoan hỷ. Nhà thơ Trụ Vũ sau ba mươi năm gặp lại thấy tôi hoàn toàn thay đổi, anh đã cảm tác bài thơ:

Vào tâm Hoan Hỷ địa

Thể hiện nụ cười thơ

Trí Quảng Thiên sư độ

Ba ngàn giọt lệ khô.

Ở bước đầu của Thập Địa, **Bồ tát Sơ địa tu Thập Ba la mật và Tứ Nhiếp pháp**. Thập Ba la mật gồm có: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, phương tiện, nguyện, lực và trí. **Trong pháp Thập Độ, Bồ tát lấy bố thí làm pháp hành**

chính yếu, chín pháp còn lại thì tùy duyên mà làm. Trong Tứ Nhiếp pháp gồm bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự, **Sơ địa Bồ tát cũng hành sử bố thí là pháp chính;** vì giai đoạn này cần tranh thủ nhân tâm, hành bố thí rất có lợi cho Bồ tát đạt mục tiêu này.

Ý thức được sự lợi ích của bố thí theo Bồ tát Sơ địa, tôi rất cần nhắc trong việc thể nghiệm pháp tu này. Khi bố thí, tôi thường nhắm đến tìm pháp lữ đồng hành, tìm người đồng hạnh, đồng nguyện; vì thiếu quyền thuộc, chúng ta không làm được. Tìm xem ai có căn tánh Đại thừa để ta kết làm bạn tu, bất luận giàu nghèo, lớn nhỏ, họ cần ta và ta cần họ, ta giúp họ và họ hợp tác với ta, cả hai bên đều chung sức với nhau hết tình. Không được như vậy, khó làm nên đạo nghiệp.

Hành bố thí để phát triển, càng bố thí, quyền thuộc của chúng ta càng đông, càng giàu mạnh, đạo lực của chúng ta càng tăng trưởng. Trên bước đường hành đạo, tôi luôn theo dõi thành quả của việc bố thí, nếu thấy quyền thuộc tôi giàu thêm, tốt thêm, khỏe thêm, thì biết mình tu đúng pháp của Bồ tát. Vì chúng ta đang tập đóng vai tương tự như tiểu vương lãnh đạo một nhóm nhỏ, phải làm thế nào phát triển được nhóm quyền thuộc này và lấy đó làm nền tảng.

Trong mười pháp Ba la mật, song song với việc hành pháp bố thí, Bồ tát tu chín pháp còn lại làm trợ hạnh. Thí dụ vừa bố thí vừa trì giới để trở thành người đức hạnh. Theo Hoa Nghiêm, Bồ tát trì

giới lấy Thập thiện làm chuẩn, giữ cho ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, không phải thu hẹp trong giới điều của Tỳ kheo.

Tôi thấy nhiều người tốt lo bố thí, nhưng không tu trì giới, ba nghiệp không thanh tịnh. Lúc ấy người theo ta, tin ta, nhưng vì lời nói sai lầm, mất giá trị, người sẽ bỏ ta. Cần nhớ rằng khi phát triển hạnh bố thí, quyến thuộc chúng ta nhiều và họ càng gần gũi thì càng để ý đến ta; nếu phạm lỗi lầm, người không còn mến phục nữa. Hành bố thí đi kèm với trì giới, ráng giữ thân khẩu ý trong sạch, nhất là ý rất quan trọng. Hành đạo ở nơi nào, quan sát khả năng người để giúp đỡ họ đi lên, họ sẽ gần gũi chúng ta; như vậy đã thực hiện được ý niệm trong sạch trong việc hành bố thí.

Hạnh nhẫn nhục đi kèm với hạnh bố thí, luôn bình tĩnh chấp nhận việc không hay đổ lên cho ta. Chẳng hạn giúp người, lại bị họ chống ta. Ta nhẫn nhục đến khi họ hiểu được thì sẽ trở thành người hỗ trợ đắc lực nhất. Tu Đại thừa, nhẫn nhục của Bồ tát phải mang lại kết quả lợi ích trong tương lai.

Trợ hạnh tinh tấn giúp ta thấy việc đáng làm thì làm, không do dự. Trợ hạnh Thiền định giúp ta luôn giữ tâm sáng suốt, v.v... Nói chung, chín pháp khác trong Thập Độ thì tùy lúc, tùy người mà làm khác nhau, nhưng cũng chỉ nhằm hỗ trợ cho ta tiến tu hoàn mãn pháp bố thí, gọi là Đàn Ba la mật gồm: Tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Muốn bố thí tất nhiên phải có của cải, làm sao cho người hợp tác với ta có cơm ăn áo mặc. Ta xây dựng họ và cả gia đình họ cùng được hưởng sung túc, dứt khoát từng bước đi lên, không để họ thụt lùi. Vì vậy, Bồ tát càng bố thí càng có nhiều quyến thuộc và thế lực. Nếu không bố thí đúng pháp, không kết hợp với tri giới, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ..., giúp người mà lòng chúng ta như thế nào đó và tâm của người nhận thế nào mà kết cuộc họ trở thành kẻ ăn hại suốt đời, thậm chí tệ hơn nữa là ta không còn của để cho và họ sẽ thù ghét ta.

Pháp thí không có nghĩa là giảng kinh, vì giảng mà người không sử dụng được, cũng không ích lợi. Pháp là chân lý, tức nguyên tắc sống đẹp nhất trên cuộc đời, thí pháp rất quan trọng.

Người đến với tôi, tôi thường suy nghĩ nên giúp họ lời khuyên nào để có thể chuyển hóa cuộc sống họ tốt đẹp. Thực tế thường thấy người nghe pháp, sống được với pháp, họ rất an vui, sanh được công đức. Những người ở Mỹ đọc sách của tôi, họ đồng cảm. Đến thăm tôi, họ cho biết nhờ an trụ những lời chỉ dạy trong sách, họ nhận được nhiều điều mâu nhiệm trong cuộc sống.

Thiết nghĩ, trước nhất chúng ta chỉ họ cách sống ở thế gian có ý nghĩa và cao hơn mới dạy pháp xuất thế, ra khỏi sanh tử luân hồi, thành Phật. Sống an vui, chết giải thoát; được như vậy chắc chắn họ phải gắn bó cuộc đời với ta, theo ta mà không an lành thì ai theo làm gì.

Tôi tâm niệm rằng không làm cho người tốt được thì thôi, không thể làm cho họ xấu đi. Tôi thường thấy các Thầy lãnh đạo chỉ nghĩ được việc mình, những người tin mình, thương mình, thì xúi họ làm kẻ lót đường, thành thân tàn ma dại. Cổ nhân cũng nói: "Nhứt tướng công thành vạn cốt khô". Đức Phật của chúng ta không bao giờ như vậy, Ngài hiện hữu trên cuộc đời vì lợi ích cho chư Thiên và loài người. Ngài sẵn sàng hy sinh để cứu người, không để người chết vì mình.

Ngoài ra, Bồ tát Sơ địa thể hiện **hạnh vô úy thí**, ai gần Bồ tát phải cảm nhận được sự an lành. Tôi tu suy nghĩ pháp này nhiều. Muốn làm cho người yên, phải tự mình yên trước. Luyện cho được sức bình tĩnh vì không bình tĩnh, cuộc đời còn bi đát hơn. Ta che chở được người, có khả năng làm cho người an ổn, hay chỉ cần có ta là họ yên tâm. Sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần để bảo vệ ta và người rất quan trọng. Vì người đông, nhưng thiếu lãnh tụ, chẳng khác gì bầy cừu khờ dại, họ tha hồ giết. Nhưng nếu ta sử dụng được sức lực tổng hợp của nhiều người, có thể chống trả được.

Giúp người được như vậy rồi, Bồ tát cho họ biết rằng họ phải tự phấn đấu để mai kia không còn Thầy, họ vẫn sống tốt đẹp. Và đúng như vậy, nhờ Bồ tát giúp đỡ, xây dựng, trong tương lai họ cũng có khả năng tự sống an lành.

Thành tựu ba pháp tài thí, pháp thí và vô úy thí, người theo học với Bồ tát được no cơm ấm áo, sống cuộc đời có ý nghĩa, lợi lạc,

bình ổn. Làm được việc khó ấy mà lòng Bồ tát lúc nào cũng hoan hỷ, không dám xem thường người, không hãnh diện, tâm vẫn thanh thản, tự tại, mới được gọi là Bồ tát Hoan Hỷ địa. Phàm phu thì không giống như vậy, lòng họ tràn đầy phiền não, càng bố thí càng ngạo mạn khinh đời. Hoặc cho rồi đòi hỏi người biết ơn, đền ơn, không làm theo ý họ thì buồn giận, phiền trách.

Để tránh những sai lầm trên, trong lúc hành Bồ tát đạo, kinh Hoa Nghiêm dạy phải kiểm tra xem chúng ta thực hành có đúng với pháp Thập nhị Nhân duyên hay không, có lạc ra ngoài Tứ Niệm xứ và Bát Chánh đạo hay không. Nếu lạc ra ngoài các pháp này là rớt vào tà đạo. Đừng quên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, đừng quên ba mươi bảy Trợ đạo phẩm, đừng quên pháp quán nhân duyên. Quên những pháp này, chúng ta sẽ bị vui buồn vinh nhục tác động dẫn chúng ta đi mất hút vào sanh tử.

Hành bố thí mà quán được pháp nhân duyên sanh diệt mới có thể trụ được pháp Không, mới giải tỏa được phiền não của nhân gian và trụ ở ngôi vị Sơ địa. Chúng ta nhận thấy một số người hành Bồ tát đạo, bố thí một ít lâu thì bị thế tục hóa. Bước đầu họ phát tâm Bồ đề rất tốt, một khoảng thời gian sau, thường nổi sân si, chỉ vì đã rời niệm Phật, Pháp, Tăng và các pháp nói trên.

Viên mãn được công hạnh của Hoan Hỷ địa, Bồ tát Sơ địa từ vị trí tiểu vương bước sang việc làm khó hơn của Chuyển luân Thánh vương ở Nhị địa là Ly cấu địa.

2 - Bồ tát Nhị địa : Ly Cấu địa

Theo kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy tu mười pháp Ba la mật tương ứng với Thập Địa Bồ tát. Từ Sơ địa tức Hoan Hỷ địa, Bồ tát thành tựu chánh hạnh là bố thí, được mọi người quý mến và Bồ tát hoan hỷ với người. Ở vị trí này, Bồ tát thường làm Hộ quốc nhân vương, giữ gìn bờ cõi thái bình, được dân chúng yêu quý. Các vua đời Trần ở nước ta thể hiện được tư cách của Sơ địa Bồ tát. Thật vậy, họ được dân quý và họ thương dân, đặc biệt là thường hướng về việc tu hành, dìu dắt người tu.

Thành tựu được công đức của Sơ địa, Bồ tát và người nhìn nhau trong niềm hoan hỷ. Tuy nhiên, phải làm thế nào để tình thương này mỗi ngày gắn bó hơn, rộng lớn hơn từ kiếp này sang kiếp khác, mới đi đúng lộ trình Bồ tát đạo. Vì hành đạo theo Hoa Nghiêm, sự tương quan mật thiết, lâu dài giữa ta và người hay nói chung, giữa ta và các loài rất cần thiết. Nếu không theo đúng đạo lý Phật dạy, không phải là Bồ tát, vì sống chung lâu ngày, chúng ta thấy rõ khuyết tật của nhau, tình thương sẽ giảm dần theo thời gian cho đến chẳng còn thương nhau được, thậm chí thù ghét nhau.

Muốn giữ được tình thương bền lâu, không có cách nào hơn là chúng ta phải tự tốt, phải hạn chế tối đa các khuyết điểm. Cũng vậy, muốn lên đệ Nhị địa, phải tịnh hóa thân tâm, tức trì giới thanh tịnh. Trì giới của Bồ tát khác với Thanh văn theo chủ nghĩa

giới điều. Giới của Bồ tát tu nhằm diệt sạch ba nghiệp thân, khẩu, ý, không phải chỉ tính trên giới điều.

Làm thế nào để ba nghiệp được thanh tịnh, vì Phật dạy người có nghiệp không thể nào độ chúng sanh được. Trước nhất, không có hảo tướng, khó có thể hành Bồ tát đạo. Tu hành, hiện ra thân tướng được người thương, quý mến và muốn gần gũi, đó là thân giới của Bồ tát.

Muốn có thân mạnh khỏe, xinh đẹp, dễ thương, điều căn bản đầu tiên là phải hạn chế tối đa việc sát sanh, dù cho loài vật nhỏ nhất cũng không sát hại; vì biết rằng nghiệp sát sẽ tạo cho chúng ta thân thể yếu đuối, bệnh tật hay chết yểu. Kế đến, cần hạn chế dâm dục cho đến đoạn dục để giữ cho con người trong sạch. Càng đam mê tử sắc, người càng xấu và hôi dơ. Điều thứ ba là tuyệt đối không trộm cắp. Vi phạm ba điều này, sẽ rơi vào ba đường ác. Nếu đạt đến vị trí Hộ quốc nhân vương mà còn muốn tóm thu của người hay còn muốn bắt phái nữ làm của riêng, thì không thể giữ được tư cách thánh thiện của vua hộ quốc và phải bị đọa.

Từ Hộ quốc nhân vương muốn tiến lên vị trí cao hơn phải tịnh hóa thân, nhất là tịnh hóa từ bên trong, tự mình hạn chế ba nghiệp, đó là trì giới theo tinh thần Hoa Nghiêm. Ngoài ra, tiến tu khẩu nghiệp, đối với người hành Bồ tát đạo, điều gì nằm trong tầm tay, có khả năng làm được mới hứa. Và xa hơn nữa, Phật dạy chúng ta nên nói tốt cho nhau hơn là nói xấu. Người đời thường

tìm lỗi người khác để nói và che giấu lỗi mình. Theo kinh nghiệm tôi, không nói lỗi của người thì được hưởng quả báo là khi ta lỡ phạm sai lầm, cũng có người che chở ta, vì không ai hoàn toàn không lỗi. Chúng ta hạn chế lời ác, ý ác, không nói đồn sóc, nói lời hòa hợp, khiến người thích gần gũi, theo ta; chuyển đổi từ thế giới bươi móc sang thế giới bảo vệ, xây dựng nhau. Và sau cùng, tu sao cho giọng nói nghe êm tai mát lòng, việc chúng ta dễ thành công. Thực tế, có người mở lời cầu thỉnh điều gì mà chúng ta không thể nào từ chối họ được; nhưng trái lại có người vừa mở giọng là bị từ chối liền. Đó là điều cần suy nghĩ trên bước đường tu để rèn luyện khẩu nghiệp theo Phật dạy.

Thanh tịnh hóa thân, khẩu, ý, nhưng chúng ta biết rõ thân và khẩu lệ thuộc vào ý. Trên căn bản ấy, tu Bồ tát đạo nhằm vô điều chỉnh động cơ thúc đẩy bên trong, tức nội tâm là chính. Từ nội tâm phát triển ra ngoài hình dáng, lời nói, việc làm đều tốt. Tuy nhiên, khi trong lòng họ thánh thiện, thì dù bên ngoài không tốt, chúng ta cũng cảm thấy họ trong sạch. Thí dụ, tôi thấy người có giọng nói không hay, nhưng đời này nhờ trì kinh, tâm họ tốt, chúng ta cũng có cảm tình với họ được. Trái lại, người có giọng ngọt ngào dễ thương, nhưng đời này khởi nhiều niệm ác hàm chứa trong tâm, khiến chúng ta phải sợ, e dè.

Trong phần ý nghiệp là tham, sân, si, tham đóng vai trò chủ yếu. Tổ Quy Sơn dạy rằng chúng ta bị lệ thuộc vật chất, quyền lợi, bị nó sai khiến vì chúng ta tham ưa nó. Tu Bồ tát đạo, đoạn lòng

tham, chúng ta không bức tức, không mê muội. Giai đoạn đầu, tập bỏ, không ham những gì không thể với tới, chỉ ham những gì nắm bắt được. Nhưng tiến lên, luyện lần đến mức không quan tâm những gì ta sở hữu, cho đến mạng sống cũng không ham, đạt đến vô tham hoàn toàn mới thực sự giải thoát. Được vậy, quý thân còn không chi phối được chúng ta, hướng chỉ là nhân gian.

Bồ tát Nhị địa còn có tên Ly Cấu địa vì làm nhiều việc công đức mà lòng không bận nhớ, bỏ lại phía sau mọi quyền lợi thế gian, bỏ những vọng tình mê chấp, hơn thua tầm thường, mới trụ ở Thánh vị. Phàm phu lẫn hạp trong sanh tử hưởng ô uế, Thánh nhân thì thoát ly xấu ác đến mức hoàn toàn trong sạch, được Phật ấn chứng thành quả tu hành ấy, không phải Phật cho.

Bồ tát Ly Cấu địa chuyên tu Trì giới. Bắt đầu giữ ngũ giới tiến tu lần lên, đoạn dứt ba nghiệp tham, sân, si trong cuộc sống, cho đến tâm hoàn toàn thanh tịnh. Kế đến Bồ tát **tu Tam tụ tịnh giới**. Đối với Bồ tát, Tam tụ tịnh giới gồm nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới, nghĩa là sống trên cuộc đời, luôn luôn làm việc tốt, là mô phạm cho người. Bồ tát hành đạo hoàn toàn vì lợi ích cho chúng sanh, không có quyền lợi riêng nào cho bản thân.

Bồ tát tu Nhiếp luật nghi giới không rời niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đối tượng của Bồ tát là Phật, Pháp, Tăng. Đức Phật sống và suy nghĩ về chúng sanh như thế nào, Bồ tát cũng làm giống vậy. Chánh pháp luôn thể hiện trong cuộc sống

của Bồ tát, nên tâm lúc nào cũng thanh tịnh, hòa hợp, an vui, không bao giờ tranh cãi, hơn thua. Đời sống của Bồ tát được hình thành đầy đủ Phật, chánh pháp và nét giải thoát của Thánh Tăng, đưa Bồ tát lên bậc Thánh, tức từ tiểu vương lên Chuyển luân Thánh vương.

Thánh nhân luôn luôn làm gương sáng cho đời, người đời thấy Tam bảo trong cuộc sống của Thánh vương, nên quý trọng và tự nguyện làm theo, không cần bắt buộc. Bồ tát làm Thánh vương thì người nghe tên, nhìn hình tướng, phát tâm quy ngưỡng. Họ không làm gì, nhưng dưới trướng đầy đủ bốn binh chủng, người tài giỏi đều đầu phục khiến cho thiên hạ phải sợ, nên không cần đánh.

Ngoài ra, Bồ tát Ly Cấu địa nhiếp luật nghi giới an trụ quả vị A la hán, Bích chi Phật. Dù đóng vai nào trên cuộc đời, họ cũng giữ vững tư cách của bậc xuất trần thượng sĩ "Cư tài chi sĩ, cư gia chi sĩ, tại gia chí Phật đạo giả". Đó là hình ảnh Bồ tát đóng vai Chuyển luân Thánh vương không xuất gia, nhưng tâm thanh thản như bậc chân tu, làm tất cả việc đời mà không nhiễm bụi trần. Trong đạo, vị trí của họ hơn người xuất gia, vì đóng góp nhiều lợi ích cho đời vẫn không rời giải thoát và họ hơn người đời vì không vướng mắc lợi danh phiền não.

Chỉ có Bồ tát đệ Nhị địa mới làm được Chuyển luân Thánh vương. Sanh trên cuộc đời, sống trong tình huống nào, họ cũng là Chuyển luân Thánh vương. Trên bước đường tu, chúng ta thấy

rõ người thật giỏi, tốt thì làm việc nhỏ, họ vẫn được kính trọng. Bồ tát có khả năng làm Chuyển luân Thánh vương nhưng đóng vai nhỏ hơn, thì càng dễ cho họ. Chúng ta nên biết không phải sanh ra họ làm Chuyển luân Thánh vương ngay. Dù sanh vào gia đình nghèo ở nơi biên địa hạ tiện, từng bước khắc phục hoàn cảnh khó, một thời gian sau họ cũng trở thành lãnh tụ. Vì họ thông minh nhất, tài giỏi nhất, giàu nhất, khỏe nhất, nên ở hoàn cảnh nào, nhất định họ cũng là Chuyển luân Thánh vương.

Riêng tôi, ý thức sâu sắc điểm này, thường an phận với vị trí của mình, không tham vọng, nhưng có khả năng thì từ từ người phát hiện và đưa lên. Mới ra trường, Hòa thượng Thiện Hoa chỉ định tôi đến giảng kinh ở Bà Rá, Xuân Lộc hay những vùng xa xôi, nghèo khổ. Bước đầu tất yếu phải như vậy, nhưng khi giảng được thì trở về thuyết pháp ở các giảng đường lớn của thành phố, dần dần thăng hoa đạo nghiệp. Vị trí chúng ta ở đâu thì nhất định sẽ tới đó.

Bồ tát Nhị địa tu Tam tụ tịnh giới, lấy việc lợi ích cho người làm chính và trong Tứ Nhiếp pháp, thường dùng ái ngữ, vì có ngôn ngữ khó nghe thì không thể giữ lâu vị trí Chuyển luân Thánh vương. Bồ tát Ly Cấu địa đã sạch phiền não, ái ngữ phát xuất từ chân tình, từ lòng thương muốn làm lợi ích chúng sanh.

3 - Bồ tát đệ Tam địa: Phát Quang địa

Từ vị trí Chuyển luân Thánh vương ở đệ Nhị địa có khả năng lãnh đạo tất cả nước, nhưng Bồ tát không thỏa mãn với địa vị cao tột này của nhân gian. Dùng thành quả ấy để Bồ tát tiến tu lên quả vị cao hơn, tức từ đệ Nhị địa là Ly Cấu địa thâm nhập vào địa thứ ba, Phát Quang địa. Vì không màng đến quyền lợi thế gian, hướng tâm đi xa hơn, nên dập tắt tất cả ý niệm trần gian, từ cuối đường hầm sanh tử lóe lên tia sáng mở đường cho Bồ tát đi ra.

Nhờ đã hoàn tất Thập thiện nghiệp đạo ở giai đoạn Ly Cấu địa, rèn luyện được thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh, thân tâm hoàn toàn bình yên. Bấy giờ, xả Báo thân, Bồ tát hướng lên thiên thượng, thế giới gần chúng ta nhất là cõi Trời Đạo Lợi. Đế Thích Thiên vương đạt đến địa vị làm vua Trời Đạo Lợi, nhưng hưởng hết phước rồi cũng đọa. Riêng Bồ tát đệ Tam địa vào cõi **Trời Đạo Lợi** không phải bằng tham vọng, vì đã thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý, thường sống trong Diệu Pháp đường, suy nghĩ về pháp, nên thăng hoa, không bị đọa lạc. **Bồ tát Phát Quang địa tu pháp Nhẫn nhục, thành tựu được chúng sanh nhẫn, pháp nhẫn và đại nhẫn.** Nghĩa là người trên cuộc đời muốn gì, Bồ tát sẵn sàng nhường cho họ. Các loài chúng sanh không có khả năng tác hại Bồ tát. Tuy vượt hơn mọi loài về trí tuệ, đạo đức, nhưng Bồ tát nhẫn nhịn để làm lợi ích cho chúng sanh. Bồ tát không bị chúng sanh và hoàn cảnh chi phối, đứng ngoài mọi tranh chấp, đồng thời dùng pháp Lợi hành trong Tứ Nhiếp pháp để giáo hóa.

Ở giai đoạn tu Nhị địa, làm Chuyển luân Thánh vương chỉ điều hành được loài người. **Nhưng nay, làm Trời Đế Thích, Bồ tát Phát Quang địa phải chi phối được tất cả chúng sanh** gồm noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh.

Vì chi phối được toàn bộ các loài, trên căn bản ấy, Bồ tát nhẫn khác hẳn nhẫn nhục của Thanh văn. Thanh văn nhẫn bằng cách chịu đựng, rụt cổ lại trước những gì chúng sanh đổ lên. Trái lại, Bồ tát có trí tuệ, thấy rõ để cho họ đổ ô uế có lợi hay giết họ có lợi. Bồ tát suy nghĩ ứng xử cách nào lợi lạc cho người trong hiện tại và tương lai. Nếu nhịn để ta đau khổ và họ tham lam hơn thì lợi ích gì.

4 - Bồ tát đệ Tứ địa: Diệm Huệ địa

Đạt được nhẫn nhục Ba la mật, từ đó tiến lên đệ Tứ địa, **Diệm Huệ địa ở cõi Dạ Ma Thiên. Bồ tát lấy hạnh Tinh tấn và Đồng sự làm chính.** Muốn dìu dắt người, vào đời độ sanh, Bồ tát phải sống chung với họ. Vì có kiến thức cao tột ở cõi Trời Dạ Ma mà sinh hoạt với người thường, Bồ tát thành công dễ dàng. Đối với việc bình thường, Bồ tát không cần nhọc công, với việc khó mà người không kham nổi, Bồ tát cũng hoàn tất. Bồ tát lập hạnh mang lợi lạc cho người, không biết mệt mỏi: "Thừa sự thập phương chư Phật vô hữu bì lao".

5 - Bồ tát đệ Ngũ địa: Nan Thắng địa

Với trí tuệ đã phát sanh ở Diệm Huệ địa, Bồ tát **tiến tu Thiền định** ở Ngũ địa là Nan Thắng địa, nên không rớt vô tà định. Bồ tát đã từ bỏ quyền uy cao nhất của vua cõi Trời Dạ Ma để thâm nhập giáo nghĩa Phật dạy và đi sâu vào Thiền định, thấy cuộc đời sáng lên, không phải Thiền định để thành than nguội củi mục, không biết gì.

Từ Diệm Huệ địa, Bồ tát thâm nhập Phật pháp, vào Thiền định, tức từ cảnh giới bên ngoài vào cảnh giới bên trong là **Đâu Suất Đà Thiên của Di Lặc**. Nếu chúng ta không có trí tuệ vào tà định thì gặp thiên ma. Phải ngang qua cung Trời Đâu Suất, gặp Di Lặc, học tình cảm của tất cả các loài, biết chúng nghĩ gì và vào Thiền định thì tùy theo điều gì hiện ra, Bồ tát hóa giải điều đó.

Hòa thượng Trí Tịnh nhắc nhở tôi, khi sống trong Thiền định sẽ có trực giác; rời định, chúng ta sống với vọng thức, tính toán thường gặp rắc rối. Sống trong Thiền định, có trực giác, thấy việc biết ngay tốt xấu, vì lòng chúng ta yên tĩnh như gương, cái gì hiện lên, chúng ta biết rõ, đúng được tám mươi phần trăm, không cần suy nghĩ; còn suy nghĩ kỹ cũng chỉ biết đúng năm mươi phần trăm. Tôi thử áp dụng điều Hòa thượng dạy trong cuộc sống. Thấy rõ những gì tôi suy nghĩ cân nhắc rồi làm thì ít đạt kết quả. Việc không suy nghĩ mà làm lại chính xác.

Bồ tát Nan Thắng địa hơn người ở điểm người moi óc tính toán vẫn không giải được bài toán đời, Bồ tát không cần suy nghĩ mà

biết rõ. Bồ tát đạt được định thứ nhất kiểm tra được thân; định thứ hai, kiểm tra phiên não và định thứ ba để có trực giác.

Bồ tát thâm nhập Thiền định, việc làm trở thành phi thường; vì pháp hành của Bồ tát diễn ra trong tâm, người thường không thể hiểu được, nên gọi là Nan Thắng địa. Diễn hình như các Tổ đắc định, ngồi yên mà thú dữ kéo đến để thọ nhận sự giáo hóa.

6 - Bồ tát đệ Lục địa: Hiện Tiền địa

Trải qua năm chặng đường hành Bồ tát đạo, hoàn tất được năm pháp Ba la mật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định, giúp Bồ tát bước qua địa thứ sáu, **chúng Bát Nhã Ba la mật, tức trí tuệ** của Bồ tát Hiện Tiền địa. Ở vị trí này, Bồ tát thường làm Thiện Hóa Thiên vương ở cõi Trời Dục giới thứ năm gọi là Hóa Lạc Thiên. Bồ tát này có trí tuệ siêu tuyệt, thấy biết chính xác tam thiên đại thiên thế giới như thấy vật để trên bàn tay.

Kinh Bát Nhã chấm dứt ở đỉnh cao là trí tuệ Ba la mật. Nhưng theo tinh thần Hoa Nghiêm, không kết thúc ở điểm này, vì từ chơn không của Bát Nhã phát sanh diệu hữu. Vì vậy, **kinh Hoa Nghiêm triển khai thêm bốn pháp ba la mật là phương tiện, nguyện, lực và trí**; đó là bốn pháp hành sau cùng của Bồ tát để hoàn tất Bồ tát đạo.

7 - Bồ tát đệ Thất địa: Viễn Hành địa

Từ các giai đoạn tu trước kia cho đến bước sang đệ Thất địa, tuy làm nhiều, nhưng kết quả ít vì hiểu biết chưa rốt ráo, nhận định còn sai lầm, còn ở trong sanh tử. Thật vậy, mặc dù tu đến đệ Lục địa, chứng được Bát nhã Ba la mật, thấy đúng, nhưng vẫn thiếu Hậu đẳng trí, nghĩa là mới có hiểu biết về lý thuyết, chưa có kinh nghiệm, mà kinh nghiệm hay thực tế cuộc sống thì không giống như lý thuyết.

Lúc đó, Bồ tát mới biết phước đức còn kém, tức thiếu phương tiện. Thí dụ, nếu không có sức khỏe thì tu đắc đạo rồi, xác thân theo đó cũng bị hư hoại. Hoặc người giỏi, có trí, nhưng không được mọi người chấp nhận, vì phước tướng không có. Hành Bồ tát đạo đòi hỏi phải có hảo tướng, bề ngoài xấu xí, khó thuyết phục được người. Trên bước đường tu, tuy lấy trí tuệ làm chính, nhưng đừng hủy hoại thân thể.

Sức khỏe và ngoại hình có thể coi là phương tiện làm đạo của Bồ tát. Đức Phật cũng mang thân ngũ uẩn như chúng ta. Tuy nhiên, người nhìn thấy ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Ngài là họ phát tâm Bồ đề. Còn ta cũng nói giống Phật, nhưng người không nghe, vì không có tướng phước.

Ở đệ Thất địa, Bồ tát tu Phương tiện. Nay được phương tiện này, ngày mai thấy việc người thành tựu, nhưng Bồ tát chưa làm được, thì phải tu nữa để có phương tiện đó. Khi nào đầy đủ phương tiện, làm gì cũng xuất sắc là đã đạt phương tiện Ba la mật.

Phương tiện có thể **hiểu theo thực tế, trước tiên là sức khỏe**.Tu phương tiện này, tức điều chỉnh thân thành khỏe mạnh, oai nghi, đổi thân nghiệp ác thành thân phước đức. Vì không có sức khỏe, không làm được gì; sức khỏe là phương tiện căn bản cần có của Bồ tát.

Phương tiện thứ hai **theo Kim Cang Tạng Bồ tát là những gì chúng sanh cần, Bồ tát đều biết rõ và đáp ứng được**. Kinh thường diễn tả là Bồ tát hành đạo tùy phương tùy tiện, hay tùy không gian và thời gian mà thỏa mãn yêu cầu của mọi người. Cho đến khắp Pháp giới, chỗ nào, người nào, lúc nào, Bồ tát cũng làm được, thỏa mãn trọn vẹn sự cần thiết của mọi người, là thành tựu phương tiện Ba la mật.

Kế đến, Bồ tát sử dụng **Ngũ minh** làm phương tiện để dẫn dắt chúng sanh vào đạo. Đến đâu truyền đạo, điều tất yếu là phải thông suốt văn tự, ngôn ngữ nơi đó mới có thể truyền đạt tư tưởng, chỉ dạy người. Ngoài ra, để giáo hóa chúng sanh được phổ cập, Bồ tát phải hiểu biết về kỹ thuật, thuốc men, lý luận học và Phật học.

Thực tế cho thấy rõ các nhà sư Tây Tạng rèn luyện được sức khỏe vượt hơn người thường và có trình độ khoa học, ngoại ngữ, nên đã hướng dẫn được người Tây phương, đáp ứng được yêu cầu về tâm linh của họ trong thời hiện đại. Thật vậy, người Tây phương rất thích Thiền học của Phật giáo và Lạt Ma giáo mà người thường không thể đáp ứng được. Còn phương tiện của chúng ta

chỉ giới hạn, không thông thạo ngôn ngữ cũng như không giải đáp được sự bế tắc của người, tất nhiên không thể giáo hóa.

Ngoài việc thông thạo ngôn ngữ của Tây phương, các sư còn có sức thuyết phục của nhà tôn giáo. Đó là điều cốt lõi của người tu. Chúng ta thấy các Giảng sư bình thường, nhưng họ hơn người ở sức thuyết phục và năng lực giáo hóa. Kinh Hoa Nghiêm gọi đó là phương tiện.

Theo Hoa Nghiêm, **Bồ tát đệ Thất địa đạt được Phương tiện Ba la mật, giải quyết trọn vẹn yêu cầu của chúng sanh.** Bồ tát này thường làm Đại Tự Tại Thiên vương, đến đâu, gặp ai cũng giáo hóa được. Chúng ta chưa đến vị trí này, nay người nghe ta, nhưng mai họ lại không nghe, vì điều ta nói đã thành lỗi thời.

Tuy nhiên, ở địa vị Tha Hóa Tự Tại Thiên vương vẫn còn trong tứ sanh lục đạo. Nếu đến đây mà thiếu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và tự mãn là vẫn rớt xuống, tức còn thoái chuyển. Trên bước đường tu, chúng ta gặp những việc tầm thường, xấu xa, nếu được Phật lực gia bị, chúng ta nghĩ phải còn cái gì cao thượng hơn. Có cảm nhận như vậy, chúng ta mới tu được, bằng không, khó ở lâu trong đạo. Riêng bản thân tôi, không bằng lòng chúng hội, nhưng thường nghĩ còn cái gì đó cao hơn chưa thấy và mình sư chưa gặp, nên vẫn nuôi ý chí cầu tiến.

Có thể nói, đạt đến đệ Thất địa có phương tiện Ba la mật, nhưng nếu không được Phật lực gia bị, không thể lên tiếp. Tiếp nhận

được Phật lực, Bồ tát tiến tu đệ Bát địa, được Phật ví như giữa hành tinh này và hành tinh khác, ở khoảng giữa có chơn không. Thiết nghĩ ở thời kỳ còn lạc hậu, mà Đức Phật đã nghĩ ra điều này quả thật là quá siêu đẳng. Ngày nay, chúng ta dễ hình dung ý Phật dạy. Chúng ta đều biết giữa trái đất và mặt trăng có khoảng trống là chơn không. Vượt được khoảng không này mới qua được mặt trăng.

Người tu đến đệ Thất địa tưởng đến đây là chấm dứt, nhưng Phật dạy, bên kia Chơn không còn có cái thật mầu nhiệm của Phật, Bồ tát. Chưa qua được khoảng chơn không này, dù đứng trên thiên hạ, có đủ phương tiện, Bồ tát đệ Thất địa vẫn còn bị sự chi phối của người, vẫn rớt lại dễ dàng.

Muốn qua chơn không này, phải dùng phi thuyền thứ hai bắn đi, nghĩa là ý chí phải thật mạnh, vươn lên đẩy qua thế giới kia. Ý này được Tổ Huệ Năng diễn tả rằng bản lai vô nhất vật, nghĩa là tu chúng đến đây, không có gì để làm. Nhưng nếu được Phật hộ niệm thì thế giới Phật hiện ra và mười phương Phật phóng quang tiếp độ thì chúng ta mới thấy "Hữu hoa, hữu nguyệt, hữu lầu đài".

Ai tu hành cũng phải trải qua biết bao thử thách gian nan, cám dỗ, đe dọa không ít. Tuy nhiên, vượt được chặng đường gai góc, thấy được thế giới huy hoàng bên kia, mới đi tới được. Còn thấp chí, bạc tài, tất nhiên phải ở lại thế giới này để hưởng thụ áo cơm.

Bồ tát rớt vô Chơn không, nhưng phải được Diệu hữu, tức "Vô nhất vật trung vô tận tạng". Hay điều đó nhằm diễn tả Đức Phật không sở hữu vật gì trong tay, nhưng Ngài có kho vô tận chứa nhóm toàn công đức đã tu tạo được từ quá trình hành Bồ tát đạo trải qua vô lượng kiếp, không có chúng sanh nào mà không thọ ơn giáo dưỡng của Ngài. Đức Phật xả bỏ tất cả, để được tất cả, không phải bỏ để không có gì.

Tu đệ Lục địa, xả tất cả, không được gì; nhưng nay được tất cả vì nhờ Tha Hóa Tự Tại, tức giáo hóa chúng sanh tự tại, tạo thành kho công đức vô tận thì thế giới Phật mới hiện lên. Thấy được thế giới Cực Lạc ở phương Tây, thấy sự giáo hóa của Phật Hương Tích bằng mùi hương, vì được Phật lực gia bị tạo cho Bồ tát có sự tương giao đó và có ý chí phấn đấu đi lên.

Bồ tát Hiện Tiền địa có trí tuệ thấy biết đúng như thật. Tuy nhiên, hành đạo giáo hóa chúng sanh, làm cho họ hiểu và ứng dụng được pháp trong cuộc sống không phải là điều đơn giản. Bồ tát phải khai ra vô số phương tiện để dẫn dắt người tiến gần đến chân thật pháp, đó là pháp hành của Bồ tát ở địa thứ bảy, Viễn Hành địa.

8 - Bồ tát đệ bát địa: Bất Động địa

Thành tựu được việc sử dụng phương tiện độ sanh, Bồ tát bước sang đệ Bát địa, Bất Động địa. Bấy giờ chuyên hành pháp

Nguyện Ba la mật là dùng nguyện lực tác động chúng sanh phát tâm Bồ đề.

Bồ tát không cần đi, chỉ khởi tâm nghĩ đến người hay ngược lại, người nghĩ đến Bồ tát, thì được cứu độ. Đó là ý nghĩa Bồ tát không giáo hóa mà mọi loài đều nhờ ơn giáo hóa. Vì tàng thức của Bồ tát Bất Động địa đã xóa sạch phiền não nhiễm ô, chuyển đổi thành Bạch tịnh thức, nên tiếp nhận được Phật lực, trang nghiêm thân tâm bằng công đức của chư Phật mười phương. Và công đức này tự động giáo hóa chúng sanh, họ nghĩ đến Ngài, liền nhận được sự thanh tịnh giải thoát khiến họ phát tâm tu.

Vì làm bằng công đức Phật, tuy không thấy cứu chúng sanh ở địa ngục, nhưng bước đi của Bồ tát trong trần gian làm vui khổ cho chúng sanh ở địa ngục. Ý này được kinh diễn tả là từ bàn chân của Bồ tát phóng quang cứu chúng sanh ở địa ngục. Và đầu gối Bồ tát phóng muôn đạo hào quang cứu chúng sanh ở loài súc sanh. Từ bụng Bồ tát cũng phóng quang cứu chúng sanh ngạ quỷ. Tùy theo nghiệp thức của chúng sanh mà hào quang tác động, khiến ngạ quỷ thấy no đủ, khiến các loài trong địa ngục không thấy bị hành hình và súc sanh không khổ.

Chúng sanh có tám mươi bốn ngàn phiền não, thì Phật có tám mươi bốn ngàn pháp môn tu, tùy theo yêu cầu của chúng sanh, mà Bồ tát hiện thân giáo hóa họ hết khổ; trong khi Bồ tát vẫn an tọa trên hoa sen lớn.

Trở lại kinh Pháp Hoa, Đức Phật nhập Vô lượng nghĩa xứ định, thì chúng sanh thấy địa ngục A tỳ đến Trời Sắc Cứu cánh và cũng thấy Thanh văn, Bồ tát hành đạo. Đó là vị trí của Bồ tát đệ Bát địa, Bất Động địa mới vào thế giới Phật.

Có thể nói, **sau khi nỗ lực tu tập từ Sơ địa đến đệ Thất địa, đạt được Phương tiện Ba la mật, rồi mới mở cho Bồ tát cánh cửa khác để bước vào thế giới không sanh tử.** Còn ở giai đoạn trước, từ Sơ địa đến đệ Thất địa, tuy giỏi nhưng bất cứ lúc nào nghiệp duyên khởi, công phu tu tập cũng bị tiêu tan, tức còn bị sanh tử chi phối.

9 - Bồ tát đệ cửu địa: Thiện Huệ địa

Ở địa thứ tám, với trạng thái tâm hoàn toàn thanh tịnh, Bồ tát ngồi một chỗ mà thành tựu mọi việc giáo hóa chúng sanh và thọ pháp với mười phương Phật. Đối với Bồ tát, mọi việc tự động sáng ra, dễ dàng tiếp nhận pháp âm Phật, **đạt được Phật huệ, hiểu biết đồng với Phật,** bước lên địa vị thứ chín gọi là Thiện Huệ địa Bồ tát.

Thiện Huệ nghĩa là huệ tròn đủ, **sử dụng được Tứ Vô ngại biện tài** để giáo hóa chúng sanh, gồm có:

* **Pháp vô ngại:** Không có gì mà Bồ tát không thấy rõ từ nhân đến quả. Còn đối với chúng ta, một pháp cũng không thấy rõ ráo, huống gì tất cả pháp. Hoặc thấy nhân mà không thấy duyên, nên cái thấy luôn sai lầm.

Thấy trọn vẹn từ nhân đến quả không sai lầm, trong kinh Pháp Hoa gọi là Thập Như thị. Mười như thị tác động vào Thập giới biến thành một trăm và một trăm pháp này hỗ cù với nhau thành một ngàn pháp. Tất cả pháp này Bồ tát đệ Cửu địa thấy chính xác.

* ***Nghĩa vô ngại***: Bồ tát Thiện Huệ hoàn toàn thông suốt nghĩa lý tất cả các pháp.

* ***Từ vô ngại***: Thông thường, chúng ta biết, nhưng không có từ sử dụng, hoặc thiếu ngôn ngữ để diễn tả cho người hiểu. Đó là trở ngại lớn trong việc hoằng hóa.

Bồ tát Thiện Huệ địa không bị vấn đề này cản trở vì ở nơi nào, đối với chúng sanh nào, Bồ tát cũng có đủ ngôn ngữ để dẫn dắt tất cả thâm nhập Phật đạo.

* ***Nhạo thuyết vô ngại***: Một chữ, một câu, một ý được Bồ tát Thiện Huệ triển khai vô hạn mà người nghe không biết chán, không thấy mệt. Kinh Pháp Hoa có nói Đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh thuyết pháp trải qua sáu mươi tiểu kiếp mà chúng hội tưởng như nửa ngày.

Ngoài ra, Bồ tát Thiện Huệ địa **tu chứng được Lục Ba la mật, tức mười lực của Như Lai**. Bồ tát sử dụng Như Lai lực để giáo hóa chúng sanh. Như Lai không từ đâu đến và không đi về đâu, Ngài ở trạng thái như như bất động mà vẫn cứu độ chúng sanh.

10 - Bồ tát đệ thập địa: Pháp Vân địa

Trên bước đường tu, Bồ tát phát triển Như Lai lực đến độ cao, bước sang đệ Thập địa, Pháp Vân địa, ví như mây bao trùm Pháp giới, không còn giới hạn nào, thành tựu viên mãn đạo Bồ đề. Bồ tát Pháp Vân địa **hoàn tất Trí Ba la mật, đạt đến đỉnh cao của Hoa Nghiêm** khác với trí thuần lý của Bồ tát chứng Bát Nhã Ba la mật ở địa thứ sáu.

Trí ba la mật theo Hoa Nghiêm là **Lý và Trí bất nhị** giúp Bồ tát thâm nhập Pháp giới. Nghĩa là Bồ tát sử dụng Trí thân quán sát các pháp. Các pháp biến thành thân của Bồ tát, nên Pháp thân và Trí thân kết hợp thành một, đưa đến Nhất nguyên viên mãn.

Bồ tát Pháp Vân địa là Bồ tát Quán đảnh vị, kể từ đây, được mười phương Phật công nhận sự hiểu biết và việc làm của Bồ tát đồng đẳng với Phật. Ở trong biển trần khổ, Bồ tát Pháp Vân địa phát hiện được vô số châu báu và dùng châu báu đó cứu độ chúng sanh. Còn ở các giai đoạn trước, sự hiểu biết và việc hành Bồ tát đạo thành công là nhờ Phật lực gia bị.

Tóm lại, kinh Hoa Nghiêm quy định Bồ tát hoàn tất lộ trình Bồ tát đạo, phải trải qua mười cấp bậc tu chứng trong Thánh vị và chờ thành Phật, là Nhứt sanh bổ xứ Bồ tát.

Thiết nghĩ, đó là quá trình thiết thân kiểm nghiệm không đơn giản mà Bồ tát phải xả thân hành đạo đến ba ngàn đại kiếp theo

như kinh đã ghi. Như vậy, pháp hành của Bồ tát chắc chắn không phải là việc bàn suông của phàm phu.

Mong rằng những kiến giải sơ lược về Bồ tát đạo theo thiện nghĩ của chúng tôi, chỉ là phương tiện gợi ý cho các pháp lữ nhận được phần nào thế giới Tỳ Lô Giá Na bất tư nghì, dù chỉ trong một ít phút giây ngắn ngủi cũng đáng quý.

Thế giới này là một, nhưng tùy theo nhân cách của từng người mà hiện hữu loại hình thế giới khác nhau. Thí dụ cùng nghe giảng trong một lớp học, nhưng có người buồn khổ, thì đó là địa ngục đối với họ. Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm dạy nhứt thiết duy tâm tạo, hay chính yếu là vấn đề nhân cách. Không thể phê phán một người tốt hay xấu. Tùy theo thái độ của ta mà họ tốt hay xấu. Trên bước đường tu, khi người đối xử tệ ác với ta, phải tự biết ta xấu. Ở đây tiêu biểu bằng hình ảnh Thiện Tài đi vào Pháp giới, học hỏi được với mọi thành phần xã hội, chuyển tất cả mặt xấu thành tốt. Theo tinh thần này, cải tạo được xã hội với điều kiện tự cải tạo được tâm ta trước.

Trước khi đi vào Pháp giới, Bồ tát phải trải qua năm mươi hai chặng đường tu chứng từ Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng, đến Đẳng giác Bồ tát là hoàn tất giai đoạn một, được coi như tương đương với Phật, nhưng thực sự không làm Phật được vì phước đức chưa có. Ví như tốt nghiệp, có học vị chỉ mới đủ tư cách thôi, còn cần quá trình làm việc sau đó mới quan trọng hơn.

Thuở nhỏ, Hòa thượng Thiện Hoa dạy tôi rằng trong đời người có ba việc. Giai đoạn một, xuất gia học đạo, lấy việc học làm chính. Chúng ta vẫn tu và truyền bá đạo nếu có duyên, nhưng đó là việc phụ. Vì thế, làm gì mà trở ngại cho việc học thì không làm. Hòa thượng Thiện Hoa chỉ cho tôi giảng mùa Phật đản, Vu lan, còn lại thì giờ phải lo học. Thời khóa tu cũng vậy, ngài không bắt tôi hành trì nhiều. Một ngày chỉ tụng niệm một thời, vì chỉ học mà không tu, nội lực chúng ta bị mất.

Giai đoạn hai, tu là chính, nhưng học và làm việc là phụ, vì học tốt nghiệp xong, chưa làm việc được do công đức chưa có. Các Hòa thượng không làm gì vẫn được kính trọng vì đã có đức hạnh. Chúng ta phải nghĩ đến trau dồi đức hạnh; trên bước đường tu, không có nội lực không làm được gì.

Các vị chân tu khi học xong đều kiết thất năm, mười năm như Hòa thượng Huệ Nghiêm sau khi thọ Cụ túc giới, ngài trì kinh Pháp Hoa năm năm. Hòa thượng không quan tâm đến việc ăn uống, trong khi chùa đã hết gạo. Ngài tụng kinh nhất tâm đến độ dân làng nằm mơ thấy Long thần Hộ pháp đến gọi họ đem gạo lên chùa cúng dường. Thành tựu được pháp này, Hòa thượng chữa bệnh rất tài. Dù bị ung thư bao tử, bác sĩ cho biết không thể sống quá năm năm, nhưng ngài vẫn kéo dài được tuổi thọ đến 91 tuổi. Hoặc nhìn gương sáng của Hòa thượng Bửu Huệ, ngài kiết thất tu chưa đạt kết quả, nên nhập thất suốt mười hai năm. Sau đó, Hòa thượng Thiện Hoa mời ngài trông coi Phật học viện Huệ

Nghiêm. Nhờ công đức tu hành, ngài thành công trong việc lãnh đạo Tăng chúng, được quý Thầy kính mến như là người cha.

Nếu không có quá trình tu thành đức, ra làm việc một lúc, sẽ bị mất Tăng thể. Ý thức như vậy, khi người chưa kính trọng, tin tưởng, phải nỗ lực tu, vì ta mới học giáo lý, chưa ứng dụng được pháp Phật vào cuộc sống, nên càng nói Phật pháp, người càng thấy ta cách xa Phật.

Tu hành có kết quả, được quần chúng kính ngưỡng, chúng ta bắt đầu sang giai đoạn ba là truyền đạo. Theo tinh thần ấy, tôi thấy Hòa thượng Huệ Nghiêm không nói, nhưng ta nhìn ngài mà sanh tâm kính trọng và tự sửa mình, đó là cách giáo hóa của bậc chân tu. Còn nhiều vị rầy la liên tục, chẳng ai nghe theo và họ bỏ đi.

Rút kinh nghiệm của Hòa thượng Thiện Hoa dạy, tôi trì kinh Hoa Nghiêm và thay đổi sinh hoạt tu hành theo hoàn cảnh của chính mình. Đối với tôi, khi mới lớn lên, còn nhiều nhiệt tình và sức khỏe, không nên lười biếng, cần dồn tất cả nỗ lực cho việc học, tu và làm việc.

Giai đoạn một, tôi tìm các bậc cao đức nương tựa, vì biết mình thuộc loại sẵn bìm, không tự lên được, phải tìm Thầy để học, nương với Thầy để làm. Bản thân tôi nương với các Hòa thượng Huệ Nghiêm, Vạn Đức, Ấn Quang, Xá Lợi, Già Lam để học hỏi và phục vụ. Nói chung, tôi tôn thờ tất cả các vị tôn đức Trung, Nam, Bắc, gặp lúc cần học thì học, đáng tu thì tu, đáng làm thì làm.

Vì vậy, lúc mới 18 tuổi, nhưng gặp việc, tôi vẫn xả thân, vì nghĩ rằng gặp việc không làm, về sau không có cơ hội, muốn làm cũng không được. Ở giai đoạn một, không nương được Thầy hiền, bạn tốt, thì không xây dựng được nền tảng này, các giai đoạn sau coi như vứt bỏ.

Tôi khuyên các anh em còn ngồi ghế nhà trường phát hiện được người tốt hay xấu. Từ đó, ta cố tranh thủ được tình cảm thân thương với người bạn tốt, với các giáo sư. Ở trường mà không được Thầy thương, bạn quý, thì sau này ra trường cũng bỏ đi. Vì vậy, không biết nương tựa Thầy hiền bạn tốt, đến lúc rời trường, xa bạn, xa Thầy, có muốn tạo tình cảm thân thiện cũng không được.

Nhờ giai đoạn một gắn bó với các bậc danh đức, các ngài thấy rõ tấm lòng của ta đối với đạo, biết rõ ta có năng lực, có nhiều điểm tốt và sẵn sàng dấn thân chịu đựng mọi gian khổ, các ngài mới giao việc cho ta. Bản thân tôi được Hòa thượng Thiện Hoa chọn vì nhờ quá trình trước, ngài giao việc gì, tôi đều hết tình làm trọn. Được vậy, sau này ngài mới yên tâm giao phó, tôi mới có cơ hội tiếp tục làm đạo.

Giai đoạn một ta dùng sức để làm, nhưng trách nhiệm là Thầy chịu. Tiến lên giai đoạn hai, ta trở thành lãnh đạo, làm việc bằng trí giác, làm sao cho tầm nhìn phổ quát, càng chính xác càng tốt. Nhờ lãnh đạo sáng suốt, chúng ta thành công. Bước qua giai

đoạn ba của cuộc đời là tuổi từ 60 trở đi. Lúc đó, sức đã hết, trí đã mòn, nhưng còn thành tích là đức hạnh.

Trải qua quá trình tu ba mươi năm, từ 30 đến 60 tuổi, tất cả những gì làm được đều trở nên thành quả của chúng ta. Có thể nói, người lớn lãnh đạo được là nhờ thành tích, cảm hóa được người là nhờ đức hạnh, trong khi thực sự không còn nhạy bén nữa. Giai đoạn một không phát huy năng lực, giai đoạn hai không đủ tư cách lãnh đạo thì giai đoạn ba không thể thành công.

Trở lại kinh Hoa Nghiêm, ở giai đoạn một, Bồ tát hành trì từ Thập Tín đến Thập Địa. Đến giai đoạn hai tu Thập Định, Thập Thông, Thập Nhẫn và giai đoạn ba mới thâm nhập Pháp giới, diện kiến Đức Tỳ lô giá na.

Căn cứ vào thứ bậc tu hành nêu trên của kinh Hoa Nghiêm, khi chúng ta hành Bồ tát đạo, tu Thập Ba la mật mà thấy không có kết quả, phải biết mình chưa đủ tư cách. Cần điều chỉnh đến khi người thấy ta thực sự là hành giả Đại thừa mới bước qua giai đoạn hai được. Chúng ta chỉ bước vào Pháp giới với điều kiện người nhìn thấy ta phải phát tâm Bồ đề.

VI - Bồ tát Thập Định

Sau khi hoàn tất việc hành Bồ tát đạo của Thập Địa, kinh Hoa Nghiêm quy định Bồ tát cần tiếp tục thể nghiệm ba mươi chặng đường sau cùng của các vị Bồ tát lớn là Thập Định, thập Thông và Thập Nhẫn.

Thập Định, Thập Thông, Thập Nhẫn là pháp hành của đại Bồ tát, vượt ngoài sự hiểu biết và lạm bàn của chúng ta. Vì vậy, chúng tôi trình bày một ít kiến giải thô thiển để chia sẻ cùng pháp lữ đồng hành như là phương tiện tiến tu trên bước đường giải thoát.

Theo Hoa Nghiêm, thế giới vật chất là một, nhưng thế giới tâm thức thì muôn ngàn sai biệt; vì nghiệp thức khác nhau, nên thấy có mười loại hình thế giới. Tuy nhiên, không phải là mười thế giới riêng biệt, nó xen lẫn với nhau, tạo thành một loại thế giới của tâm thức thay đổi tùy theo nghiệp, gọi là thế giới quan. Thí dụ xã hội Việt Nam là một, nhưng mỗi người có phước đức, nghiệp quả và tội chướng khác nhau, nên hoàn cảnh sống của mỗi người cũng khác nhau.

Đi vào Pháp giới là đi vào thể tánh của sự vật, tạo thành thế giới an lành của chư Phật ở ngay trong cái không an lành. Quá trình tu Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát là bắt đầu xây dựng thế giới an lành ngay trong thế giới chúng ta đang sống. Đi đúng con đường Phật dạy, tâm hồn chúng ta trong sáng hơn, điều kiện sinh hoạt của chúng ta đi lên, tức đã cải tạo cuộc sống từ tâm thức trước.

Người đau khổ vì tham sân si, tạo thành thế giới khổ. Muốn cải tạo thế giới này, phải dứt bỏ tham sân si, thế giới an lành của hàng Nhị thừa hiện ra ngay lập tức. Và từ đó, chúng ta khởi tâm đại bi, xây dựng trên bốn tâm của Bồ tát là từ bi, hỷ xả. Bấy giờ vào đời thấy người đối xử với chúng ta khác hẳn. Thật vậy, vì không tham, sân, si, nên chúng ta dừng dừng với mọi lợi danh,

cám dỗ và vì người, nên chúng ta mang tâm niệm giúp đỡ người, chắc chắn được tiếp đón vui vẻ.

Không nhận được ý này, tu suốt đời trên căn bản tham, sân, si, cuối cùng vào địa ngục. Vì vậy, tu lâu, nhưng dễ giận, dễ buồn là biết họ tu ác nghiệp. Mặc áo tu mà còn buồn giận phải xấu hổ, lo sửa đổi.

Thế giới chúng ta tạo được tùy theo quá trình tu. Riêng tôi, xây dựng thế giới tâm linh, bắt đầu đi vào Pháp giới, nghĩa là tạo thế giới quan có Phật, Bồ tát, Thánh Hiền để an trú tâm hồn. Không có thế giới riêng để sống, không hành đạo được. Dù thế giới vật chất không có, hay không cần có, nhưng chúng ta cần có thế giới tinh thần để sống gọi là nhập Pháp giới. Kinh Pháp Hoa gọi là nhập tri kiến Như Lai, dùng tri kiến Như Lai làm tri kiến mình, không dùng tri kiến chúng sanh tham, sân, si.

Đức Phật dạy vào Pháp giới nên theo gương của Phổ Hiền Bồ tát; vì vậy trong phẩm Bồ tát Thập Định, Thập Thông, Thập Nhẫn, Đức Phật không thuyết, nhưng bảo Phổ Hiền thuyết. Hoặc có thể hiểu Phật thuyết dưới dạng Phổ Hiền hạnh, không nói bằng lời, nhưng nói bằng hành động.

Theo tinh thần Hoa Nghiêm, từ trí tuệ Văn Thù thấy được chân thật nghĩa và đi vào Pháp giới bằng mười hạnh Phổ Hiền, tức có quá trình hành đạo mới hiểu được, nói đơn giản là có làm mới biết. Phổ Hiền dạy muốn vào Pháp giới phải đắc mười Định.

1 - Phổ Quang Trí Định

Đắc được định này thì thấy ánh sáng tràn ngập trong phòng tối. Tôi cũng nghe các Thiền sư kể điều này. Không biết có phải Phổ Quang Trí Định là như vậy hay không; nhưng tôi nghĩ có lẽ đắc định, huệ sanh, đốt các nghiệp ác, nghiệp ác trong tứ sanh lục đạo không hiện ra. Phiền não bị đốt sạch, tâm hồn hoàn toàn trống không, nhà tối của vọng thức tự tan mất, biến nó thành ánh quang minh. Đó là pháp đầu tiên vào Pháp giới nhận được.

2 - Diệu Quang Định

Từ Định thứ nhất, chỉ thấy ánh sáng, bước sang Định thứ hai, thấy trong ánh sáng có Phật, Bồ tát. Chưa đắc định, chúng ta thấy chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não bao vây ta. Bước thứ hai thấy Phật và Bồ tát, nghĩa là thấy đạo cũng ở ngay trên cuộc đời tốt đẹp này, còn trước kia, chúng ta thấy cuộc đời là ác.

Dưới nhãn quan của Hoa Nghiêm, tất cả đều là Phật, vì ánh quang minh đã đốt sạch phiền não, nên Phật xuất hiện, thấy không có gì thực sự đáng bận tâm, khiến chúng ta không khổ. Lợi và danh không dính vào ta, nên không có tranh chấp nữa. Nhờ vậy, họ đối với ta thành pháp lữ đồng hành, cùng sống trong Bồ tát học xứ.

Tâm niệm chúng ta khác, vật cũng đổi khác theo. Khi tâm chúng ta tranh chấp với họ, họ là ác ma quyết tử với ta, nhưng lòng chúng ta không tranh chấp thì họ cũng không tranh chấp với ta.

Và lòng chúng ta khởi đại bi, mang vui cứu khổ, họ sẽ trở thành hiền như Phật và tốt với ta như Bồ tát. Ý này được kinh diễn tả là thấy Phật và Bồ tát phóng ánh quang là Diệu Quang Định.

3 - Thứ Độ Biến Vãng Hành Chư Phật Quốc Độ

Đắc được định thứ hai, Bồ tát sẽ có định thứ ba, nhìn thấy tất cả Phật, Bồ tát đều có thể giới riêng và các Ngài ra vào tự tại các thế giới này. Có thể hiểu rằng trước kia, tâm ác độc, nên người là đối tượng ác. Nay tâm Bồ tát rộng mở, vào ra tâm người một cách nhẹ nhàng và trở thành pháp lữ của họ. Do đó, đắc được định thứ ba, Bồ tát đi thẳng vào tâm của người và hợp tác với phần tốt của người là hành Bồ tát đạo theo Phổ Hiền. Lúc ấy, điều kỳ diệu hiện ra, có bao nhiêu pháp lữ đồng hành với Bồ tát, thì có bấy nhiêu hiện thân Bồ tát đến với họ.

Phổ Hiền Bồ tát diễn tả năng lực của tam muội này rằng: "Nhứt thân phục hiện sát trần thân, nhứt nhứt biến lễ sát trần Phật...". Nghĩa là có bao nhiêu Phật, bao nhiêu Phật tâm thức, Bồ tát đều có đủ thân hiện ra trước các Ngài cùng một lúc. Tuy ngồi một chỗ, tâm Bồ tát thông khắp Pháp giới, đến với chúng sanh hữu duyên, khiến họ phát tâm Bồ đề, tạo thành thế giới có vô số Phật và Bồ tát.

Đạt đến định này, có những điều kỳ diệu như nhiều người cùng một lúc, trong giấc mơ thấy Bồ tát giáo hóa họ; nhưng thực sự, Bồ tát cũng không biết là đang giáo hóa. Có thể nói đó là cách

giáo hóa mà không giáo hóa, vì giáo hóa người dưới dạng tâm Định, làm cho họ phát tâm Bồ đề; trong khi thực tế không thấy giáo hóa, chỉ thấy họ tự phát tâm mà thôi.

Cách giáo hóa theo Hoa Nghiêm đặc biệt như vậy, không đến, nhưng vào ra các cõi nước tự tại, là cõi nước của tâm hồn và khai thác Bồ đề tâm của họ; không giáo hóa theo hình thức, nhưng thực sự đạt kết quả vô cùng.

Tuy nhiên, đắc định vào ra các thế giới bằng tâm thức, không phải thế giới thật. Vì vậy, xả định, trở lại thực tế, vẫn là ông Thầy tu nghèo, vì chưa tu phước. Thật vậy, đắc pháp và đắc định, nhưng phước đức chưa tạo, nên trở lại đời thường phải chấp nhận thực tế vậy.

Tóm lại, ở giai đoạn này, vào ra các cõi nước Phật và đánh lễ Phật cũng trong Định. Tu theo Hoa Nghiêm, ngồi yên, nhưng hoạt dụng của tâm thức đi khắp Pháp giới. Vì vậy, không thấy Bồ tát làm cực khổ, nhưng tu chứng được tam muội này, quần chúng tự tìm đến.

4 - Thanh Tịnh Tâm Tâm Hành là Định thứ tư.

Tâm thanh tịnh rồi, tự động có hoạt dụng của nó. Ở trong Định không làm, nhưng thiên biến vạn hóa, chúng hữu tình đều tiếp nhận được tâm Bồ tát và họ tự phát tâm. Thật vậy, bản tâm thanh tịnh của Bồ tát đến với bản tâm thanh tịnh của chúng sanh và họ tự phát tâm từ bản tâm của chính họ.

Hàng Thanh văn nghe Phật thuyết pháp, thâm nhập vào tâm, tức từ bên ngoài đi thẳng vào. Phổ Hiền không dạy như vậy, ngài dạy Phật thừa, là tâm thanh tịnh của hành giả ngang qua tâm thanh tịnh của chúng sanh. Và tâm thể của hành giả cũng như tâm thể của chúng sanh đồng thể đại bi, nên tâm họ tự phát.

Từ thể tánh thanh tịnh hữu duyên tác động cho thể tánh thanh tịnh của người, nên họ dễ đắc đạo. Dù không thuyết pháp, nhưng ở trong đại Định, cùng tột đáy lòng thanh tịnh, đồng thể đại bi, nên ảnh hưởng cho người. Tuy không khuyên bảo, mà người tự động tốt.

Tu theo Hoa Nghiêm, tâm thanh tịnh có hoạt dụng tác động cho tâm chúng sanh thanh tịnh theo, tức tâm thanh tịnh tự hoạt động, không phải có ý thức muốn độ, mà tâm thể tự nó làm.

5 - Tri Quá Khứ Trang Nghiêm Tạng là Định thứ năm.

Bồ tát đắc định này, có hoạt dụng của tâm, đến với tâm thể từng người, biết được tất cả nghiệp duyên quá khứ của họ. Từ đó không làm, nhưng biết và tháo gỡ được nghiệp nhân thì nghiệp quả cũng không còn.

Tu Tiểu thừa, bằng kinh nghiệm, chỉ sửa đổi được một phần nào thôi. Nhưng theo Hoa Nghiêm, biết rõ ta đã làm gì và phải giải quyết bằng cách nào là giải quyết tận gốc. Dưới nhãn quan của Hoa Nghiêm, phiền não trùng trùng duyên khởi, càng cắt, nó

càng mạnh. Không cắt, không cần phân trần, nhưng cắt gốc, mọi thứ tự tốt.

6 - Trí Quang Minh Tạng Định

Thấy được quá khứ, Bồ tát đắc định này. Vì thấy được tánh của từng người, kinh Pháp Hoa gọi là các thứ tánh, các thứ ham muốn rất nhiều, thấy rõ nghiệp của chúng sanh, tức thấy thực chất tốt xấu của người; cho nên sự giáo hóa của Bồ tát trở thành đơn giản.

Chúng ta không có Định này, không thấy thực chất, đung vào nghiệp của họ, chắc chắn họ không vui và chúng ta cũng khổ.

Bồ tát có Trí Quang Minh Tạng Định biết rõ căn tánh hành nghiệp của chúng sanh. Bồ tát chỉ khai thác căn lành của họ, còn phần nghiệp ác của họ thì để nguyên. Và khi căn lành sanh thì nghiệp ác tự diệt, đời sống của họ đi lên, nghèo khó tự mất.

7 - Liễu Tri Nhứt Thiết Thế Giới Phật Trang Nghiêm

Bồ tát thấy nghiệp của chúng sanh và thấy mỗi chúng sanh là một thế giới. Vì vậy, gọi một con người là một tiểu thế giới, tức thế giới tâm thức. Có bao nhiêu người, Bồ tát thấy hết bấy nhiêu loại hình thế giới của họ, thấy được nội tâm hay nghiệp, phiền não của họ, là thâm nhập thế giới tâm thức của con người, không phải thế giới vật chất. Bồ tát thấu biết các loại hình của chúng sanh, chúng sanh có hai chân, nhiều chân, hay không chân, hoặc

lăn lóc đi bằng bụng, v.v... Thế giới quan của chúng sanh như thế nào, tạo thành hình hài của chúng như vậy. Vì tâm thức khác nhau, tạo nên vô số hình hài mập ốm, đẹp xấu khác nhau và cuộc sống nghèo khổ, giàu có, hạnh phúc, khổ đau, v.v... cũng khác nhau.

8 - Bồ tát từ Định trong Pháp giới thấu suốt cuộc sống sai biệt bên ngoài rõ ràng như vậy, Định này gọi là **Liễu Tri Chúng Sanh Sai Biệt Thân.**

9 -10 : Pháp Giới Tự Tại Định và Vô Ngại Luân Định

Đắc hai Định này, Bồ tát vào ra tất cả tâm thức của chúng sanh một cách tự tại, tùy theo đó giáo hóa, nhưng cũng hoàn toàn trong Định. Khi thì mang thân người, khi làm thân trời hay thân quỷ, Bồ tát nhập xuất tự do, vào loại hình nào hành đạo cũng không bị kẹt trong thế giới đó. Vì Bồ tát tâm là một, nhưng giáo hóa hiện thiên sai ngàn biệt.

Theo Phổ Hiền, muốn hành Bồ tát đạo, phải tu đắc mười Định này và sử dụng cùng một lúc mười Định. Tuy nói mười, nhưng chỉ một niệm tâm, sử dụng được mười Định tương ứng với tất cả nghiệp của chúng sanh. Bồ tát ngồi một chỗ, đồng một lúc giáo hóa toàn diện khắp Pháp giới và chúng sanh hữu duyên tiếp nhận được mười Định lực này, tự phát tâm tu hành.

Có thể nói, Thập Định là pháp tu Định của Bồ tát Đẳng giác, không phải sở đắc của chúng ta, nằm ngoài sự lạm bàn của ngôn

ngũ phạm phu; cho nên sự lý giải này chỉ là sự cảm nhận được phần nào pháp Bồ tát trên bước đường tu mà thôi.

Thiết nghĩ đối với chúng ta, tập tu Định, nghĩa là giữ cho tâm không dao động trước bất cứ tình huống nào. Trụ tâm được thì vào đời mới không vấp ngã. Trong nhà Thiền, Thiền sư thường thử Thiền sinh bằng cách tạo điều kiện cám dỗ, xem tâm của học trò mình có bị tham nhiễm hay không.

Quán sát tất cả mọi việc trên cuộc đời đều là ảo hóa, không thực, tâm ta vẫn an nhiên là Định. Như vậy, Định theo Đại thừa đi kèm với Huệ, không phải nhắm mắt, không biết gì.

VII - Bồ tát Thập Thông

Từ Thập Định bước qua Thập Thông, Bồ tát lý giải tất cả vấn đề dễ dàng, vì đã từng trải qua sanh tử nhiều đời. Phổ Hiền dạy ý này là thấy đúng sự thật của tam thế gian. Sự vật thế nào thấy như vậy, kinh Pháp Hoa gọi là Thập Như thị. Nhìn mọi diễn biến của cuộc đời tất yếu phải như vậy, không thắc mắc buồn phiền, sự vật không thể chi phối Bồ tát. Bồ tát vượt qua mọi chướng duyên, biết rõ tất cả các loài nghĩ gì, làm gì, theo đó đáp ứng, độ thoát chúng sanh. Nếu không thông thì vào đời, đụng vô đâu là mắc kẹt đó.

Bồ tát nhập minh khác với Nhị thừa nhập ám, tái sanh bị ngũ ấm ngăn che. Bồ tát Thập Thông vào đời, không bị ngũ ấm ngăn che,

không bị thân ngũ ấm hành hạ, lý giải được mọi việc, không bị bất cứ thứ gì ràng buộc, gây khó khăn cho việc hành đạo.

VIII - Bồ tát Thập Nhẫn

Thập Nhẫn chắc chắn không phải là nhẫn nhịn của phàm phu, cũng không phải nhẫn của hàng Nhị thừa. Nhẫn của phàm phu cần răng chịu đựng đau khổ hoặc ráng chịu việc gì để đạt được việc khác cao hơn. Hàng Nhị thừa đạt nhẫn lực thoát ly sanh thân, trụ ngoài sự nhận thức phân biệt, ai làm gì mặc họ, thậm chí bị giết chết cũng không hay. Nhẫn của phàm phu dễ biết và nhẫn của Nhị thừa cũng bình thường vì người gây sự nhưng ta không quan tâm cũng không khó.

Tiến lên pháp Nhẫn của Bồ tát thuần thực, người gây khó khăn là thắng nhân để Bồ tát độ họ. Không phải Bồ tát không để tâm, nhưng để tâm kỹ hơn, xem ai gây khó và tùy theo hoàn cảnh mà giải quyết tốt đẹp. Có người chống đối, Bồ tát vui, vì có cơ hội để thể nghiệm pháp.

Bồ tát nhẫn được vì biết rõ mọi việc, hoàn toàn thanh thản. Người đời thấy Bồ tát chịu đựng, bị đổ lên những việc xấu ác; nhưng Bồ tát thấy đó là huy hoàng, vì trên bước đường tu, không khó thì không khôn và cũng không được ai thương. Thật vậy, càng vượt được gian nan mới đáng kính trọng và giỏi thật. Xưa kia, thái tử Tất Đạt Đa bỏ ngai vàng đi tìm chân lý. Ngài đi trên gai góc, ai cũng thương xót. Nhưng đối với Ngài, con đường tìm đạo trải đầy

gian khổ lại tràn ngập vinh quang, sáng lạn và mọi người mới nhìn thấy được tâm chí cao cả của Ngài.

Nhẫn lực của Đức Phật thể nghiệm để chứng minh tinh thần của kinh Hoa Nghiêm mà Ngài tuyên thuyết, đó là nhẫn mà không nhẫn; vì thực sự mang đến cơ hội tốt cho Bồ tát hành đạo, thành tựu công đức.

Hoàn thành chặng đường cuối cùng này thì niệm Ma ha Bát Nhã Ba la mật đa, tức trí tuệ đạt được trong việc hoàn tất Bồ tát đạo.

Sau đó, Bồ tát đi vào Pháp giới cứu độ chúng sanh mà kinh Hoa Nghiêm gọi là nhập Pháp giới. Nếu chúng ta may mắn gặp những vị Bồ tát này, thân cận tu hành, nghiệp trần lao của chúng ta tiêu dần, từng bước được an vui giải thoát. Phải biết đó là Bồ tát thị hiện đi vào Pháp giới mới giúp cuộc sống của chúng ta thay đổi tốt đẹp như vậy, khác với gần gũi người trần gian làm chúng ta đau khổ.

CHƯƠNG V - PHẨM NHẬP PHÁP GIỚI

Pháp giới là thế giới không thấy bằng mắt, chỉ có độ cảm bằng tâm mới thâm nhập được và tùy theo tâm được tinh lọc ở mức độ nào mà hiểu về Phật khác nhau. Ngoài ra, mỗi loài chúng sanh còn có cái thấy khác nhau tùy theo nghiệp tương ưng của chúng. Ngay cả thế giới của loài người chúng ta, thấy bằng mắt, nghe bằng tai, mà còn không giống nhau. Không giống vì phát

xuất từ tâm, từ nghiệp không giống. Thậm chí những người cùng chung một ngôn ngữ dĩ nhiên chuyện trò với nhau được, nhưng vẫn không hiểu rõ nhau là không hiểu cái nghiệp. Tuy nhiên, nếu trình độ tâm linh của chúng ta được nâng cao thì có thể thấy được nghiệp của các loài, từng bước cũng nghe được âm thanh của chúng. Dù sao, cùng là loài người thì dễ cảm tâm, hiểu nhau hơn. Các nhà sư truyền giáo thể hiện khả năng cảm tâm cao độ, như ngài Phật Triết là Thiền sư Việt Nam gặp Bồ tát Hạnh Cơ đón ngài ở bờ biển nước Nhật. Tuy cả hai vị không nói cùng một ngôn ngữ, nhưng các ngài đã truyền thông với nhau bằng tâm, nên một vị tự động đến Nhật hành đạo và một vị tự động đi đón, không cần phải hẹn trước, báo trước.

Tuy nghiệp của chúng ta khác nhau, nhưng nếu sống trong Định thì hiểu nhau được. Các vị Thiền sư Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, v.v... đã vượt qua nghiệp thức và sống bằng tâm thanh tịnh, nên giữa các ngài có sự cộng thông, cộng hưởng bằng tâm, không cần sử dụng ngôn ngữ mà còn chính xác hơn là dùng lời nói. Và chính cái tâm thanh tịnh mới hiểu tinh thần Hoa Nghiêm và thâm nhập được Pháp giới.

Chúng ta đi vào Pháp giới bằng niềm tin và xa hơn, dùng tâm, dùng huệ. Đó là ba tầng khác nhau để hiểu Phật. Bằng niềm tin, chỉ hiểu Phật lơ mờ. Chúng ta kính tin Phật, vì thấy đức hạnh và việc làm của Ngài siêu tuyệt hơn mọi người. Hoặc hiện tại không thấy Phật, nhưng gặp những bậc cao Tăng sống bình dị, mà được

mọi người thương kính một cách dễ dàng; là thấy trong họ có cái phi thường mà chúng ta muốn học.

Đến đây cần phân biệt giữa chánh và tà. Trong cuộc sống có rất nhiều người tà, họ có ma thuật, quyền biến. Điểm chính để nhận ra người tà là họ luôn dùng thủ đoạn tính toán, luôn muốn chiếm đoạt, sở hữu; nhưng thực tế cho thấy, việc làm của người tà ác thường không tồn tại lâu dài. Tiếp xúc với họ, chúng ta cảm giác rợn người, ngại sợ. Riêng với các bậc cao Tăng đạo đức có tâm hồn và ngôn ngữ giải thoát, không bận tâm với sự nghiệp vật chất của thế gian. Thế mà họ lại có phước báu lạ lùng, người đến cầu học đều tỏ lòng cung kính và người nào hữu duyên tiếp xúc, thân cận đều được an lành và cuộc sống được thăng hoa. Như vậy là biết người này tu chánh đạo.

Trong thực tế cuộc sống, tà dễ gặp hơn chánh. Tôi cảnh giác quý vị vì chúng ta còn mang thân nghiệp thì tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến có đủ và tà đạo cũng có đủ những ác xấu này. Trong vô hình, nghiệp của quý thân, của tà đạo cũng nhiều và tâm ta còn đầy phiền não; nên ta dễ tiếp cận họ và lực tác động của họ khiến chúng ta cũng có được những điều kỳ bí lạ lùng. Hòa thượng Trí Tịnh thường nói rằng khi mình khởi niệm ác thì thế lực ác xấu có sẵn trong Pháp giới rất nhiều sẽ tác động ta liền. Vì vậy, những người tham sân si lên núi tu để trở thành phù thủy và họ cũng có những điều linh nghiệm. Đối với người còn sân, chúng ta tin dè dặt thôi, Hòa thượng nhắc tôi như vậy. Qua kinh nghiệm tranh

đầu năm 1963, tôi thấy lời Hòa thượng dạy rất đúng, mình bức tức mà gặp Đạo sư cũng bức tức tác động thêm thì hậu quả không lường được. Vì vậy, gặp Thầy giỏi mà nổi sân, tôi thường bỏ đi.

Vị Đạo sư của chúng ta ít nhất không biểu lộ tham, sân, nhưng biểu lộ giải thoát trong lời nói, trong cuộc sống. Mặc dù ở mặt nào đó, chúng ta thấy việc này tiêu cực, nhưng cũng còn đỡ hơn là tích cực phiền não. Và tiến lên, chúng ta vào đạo qua con đường tích cực giải thoát. Nên đi sâu vào con đường này, thường bắt đầu kết hợp lời Phật dạy với cuộc sống tu hành của chúng ta, từng bước mới hiểu Phật và lời dạy của Ngài, chúng ta mới thăng hoa.

Phẩm Nhập Pháp giới đề cập nhiều đến chuyện thần biến, thần quyền, khiến chúng ta nghĩ là không thật. Ở đây có điều lạ là tất cả người vận dụng được thần bí lại sống đời thường trong xã hội. Nói cách khác, tất cả thành phần xã hội đều có thần bí. Đó là đặc sắc của kinh Hoa Nghiêm không đề cao người nào, thành phần nào, vị Thánh nào. Nhìn đời theo Hoa Nghiêm, tất cả mọi người, mọi loài chúng sanh khác nhau, hầu như loài nào cũng có điểm cao quý riêng. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm không dùng biểu tượng hoa sen như Pháp Hoa. Hoa Nghiêm chủ trương bình đẳng, tất cả loài hoa từ nhỏ đến lớn, đủ màu sắc, đều có nét đẹp riêng, hương thơm khác nhau. Các loài chúng sanh cũng vậy, loài nào cũng hữu ích cho sự sống trên trái đất này, người nào cũng cần thiết

trong một giai đoạn nào đó. Vì vậy, Hoa Nghiêm đa dạng, đa hình, nếu thấy thuần nhất thì rơi vào Nhị thừa. Nhị thừa phải ăn mặc, sinh hoạt giống nhau, nhưng theo Hoa Nghiêm thì tất cả đều khác nhau. Đó là tinh ba của pháp này mà Tăng Ni phải suy nghĩ để quán sát cuộc sống. Và từ góc độ này, chúng ta đi vào Pháp giới sẽ có cái nhìn khác, vượt ngoài lịch sử và xã hội để nhận chân được cái đẹp toàn diện.

Trong pháp hội này, Phật ở rừng Thệ Đa, hay nói rõ là Kỳ Hoàn tịnh xá. Phật cũng thuyết kinh Di Đà ở đây, nhưng kinh diễn tả dưới dạng khác. Tịnh xá Kỳ Hoàn ở Ta bà, nhưng Phật giới thiệu Cực Lạc của Đức Phật Di Đà cách Ta bà mười muôn ức thế giới. Nghĩa là kinh Di Đà muốn tách chúng ta từ thực tế cuộc sống vật chất, hướng lên đời sống tinh thần. Kỳ Hoàn là tịnh xá bình thường và Phật cũng thuyết bình thường, chủ yếu Ngài gọi Xá Lợi Phất để giới thiệu Cực Lạc của Đức Di Đà là một thế giới xa xăm. Vì nếu Phật nói sự thật là Tịch Quang chơn cảnh ở đây, Tịnh độ ở ngay đây thì đại chúng không thể nào thấy được.

Trong kinh Duy Ma, Phật cũng giới thiệu thế giới khác bằng cách nói rằng tâm tịnh là độ tịnh. Xá Lợi Phất mới thắc mắc rằng tâm Thế Tôn thanh tịnh thì tại sao thế giới của Phật Thích Ca lại có hầm hố gai chông. Phật giải thích rằng hầm hố gai chông mà các ông thấy là vì nghiệp thức mà có; còn thế giới của Đức Thích Ca tốt đẹp hơn cả cõi Trời Phạm Thiên. Như vậy, kinh Di Đà nói thế

giới Ta bà xấu, Cực Lạc tốt. Nhưng kinh Duy Ma lại nói thế giới này còn tốt hơn thế giới của Phạm Thiên.

Kinh Hoa Nghiêm chủ yếu nói về tâm, tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức. Các thế giới do vọng thức biến ra, tạo thành sơn hà đại địa, khổ vui trên cuộc đời này. Kinh Hoa Nghiêm muốn diễn tả Kỳ Hoàn tịnh xá là Tịnh Quang chơn cảnh của Phật cũng ở ngay vườn của Cấp Cô Độc mà thôi. Học Đại thừa phải nhận thức điều này. Tuy thế giới Phật ở tại đây, nhưng có người thấy, người không thấy, người hiểu, người không hiểu. Phật ví như ánh sáng luôn có, mà người mù không thấy được ánh sáng. Thanh văn cũng như vậy, không thể thấy sinh hoạt của Bồ tát nương theo lực Phật mà giáo hóa chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm diễn tả Bồ tát nghe pháp bằng căn lành của họ đối với Phật, bằng nhân duyên của họ đối với Phật pháp. Phật hành đạo đã giáo hóa các Bồ tát thuần thực, nên thấy Phật là họ kính tín và phát tâm ngay. Ý này muốn đưa chúng ta vào thế giới Hoa Nghiêm ở dạng khác, là ở ngay Ta bà này, nhưng có Phật, Bồ tát, Thiên long Bát bộ hiện hữu để chúng ta so sánh với hai kinh Di Đà và Duy Ma.

Phẩm này phát xuất từ rừng Thệ Đa là rừng của Kỳ Đà, vườn của Cấp Cô Độc, nơi đây có tịnh xá và chư Tăng tu hành, Phật tử đến cúng dường. Đó là thực tế lịch sử của cảnh quan. Nhưng kinh Hoa Nghiêm không chấp nhận cách nhìn đơn giản này, vì cuộc sống bình thường thì không thể nào có được những hiện tượng kỳ vĩ. Thật vậy, nếu nhìn sâu sắc, sẽ thấy thực tế có những bậc cao

Tăng mà người kính trọng đến độ dâng cúng cả tài sản hay thân mạng. Như Cấp Cô Độc dùng tất cả vàng để quyết tâm mua cho được khu đất đẹp nhất của thái tử Kỳ Đà để xây tịnh xá cúng Phật. Hoặc kinh Bát Nhã nói đến tiền thân Phật Thích Ca chín mươi kiếp trước làm quốc vương. Ngài thỉnh Phật Nhiên Đăng thuyết pháp và phải mở đường đi về hoàng cung. Nhưng khi đi ngang chỗ có vũng nước, Ngài vội vàng nằm xuống cho Phật Nhiên Đăng bước qua. Ngài được Phật Nhiên Đăng thọ ký chín mươi kiếp sau thành Phật Thích Ca. Người thường thấy Phật là Sa môn bình thường, còn ông vua này lại kính trọng Phật đến mức nằm xuống vũng bùn cho Phật bước đi. Đó là những điều chưa từng có mà người thường không làm nổi. Hoặc ông Cấp Cô Độc có phước báu kỳ diệu là kho vàng của ông lấy đi bao nhiêu cũng đầy trở lại. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa của Phật sự này. Theo Hoa Nghiêm, Bồ tát đệ Bát địa trở lên mới có được phước báu như vậy, nhằm chỉ cho chúng ta hiểu rằng y báo tùy thuộc chánh báo. Người tu không lo phát huy chánh báo, chỉ lo chăm chút y báo, chẳng hạn như lo kiếm tiền xây chùa, toan tính đủ cách. Nhưng khi chánh báo mất, là đánh mất tâm giải thoát, chỉ còn lo lắng buồn phiền dẫn đến thân bệnh và kết thúc đời mình một cách vô ích.

Tôi nhắc quý vị là phước báu của chúng ta đến mức nào thì sống như vậy, hay sống thấp hơn càng tốt. Có phước báu và tu hành để phát sanh trí tuệ, mới thấy nhân duyên chỗ nào xây chùa được và biết ai là người làm được việc này. Như có một vị phạm Tăng đi

ngang khu đất, biết đó là đất Phật và cũng biết là năm trăm năm sau sẽ có Thánh Tăng đến đó xây chùa Tào Khê.

Đức Phật cho biết Trúc Lâm và Kỳ Hoàn tịnh xá là nơi mà ba đời các Đức Phật đều ngự. Quá khứ Phật đã thành đạo, thuyết pháp ở nơi đó, Đức Thích Ca và Phật ở đời sau cũng thành đạo, thuyết pháp nơi đó. Hai khu vườn này rất đẹp, là thánh địa để Phật thuyết pháp, ai làm gì khác không được. Thật vậy, Trúc Lâm tịnh xá ở trong khu vườn mà vua Tần Bà Sa La đã dùng làm vườn thượng uyển vui chơi, nhưng không được. Vì đó là thánh địa nơi Đức Phật thành đạo, thuyết pháp ngày xưa, nên các cung nữ và vua đến đây không còn hứng thú vui chơi trần tục nữa. Theo tôi, khi đức của mình chưa cao thì không nên đến những nơi có người xấu ác, vì sẽ bị họ tác động mình bực bội, phiền não theo. Trái lại, đến những nơi có bậc tu hành giải thoát, chúng ta sẽ tiếp nhận được lực gia bị thánh thiện. Riêng tôi khi chiêm bái nơi Phật Niết bàn, tự nhiên cảm thấy bụi ngùi đến rơi nước mắt. Hòa thượng Thiện Siêu cũng cảm động rơi lệ khi đến Bồ đề đạo tràng. Trên bước đường tu, chúng ta có độ cảm về Phật, đó chính là nhân duyên giúp chúng ta tu được. Nhập Pháp giới hướng chúng ta có độ cảm như vậy.

Từ niềm tin vào đạo, tiến đến dùng tâm vào đạo, an trụ Định để thâm nhập Pháp giới. Vào Pháp giới rồi thì nhìn xã hội ở bề trái, thấy Kỳ Hoàn tịnh xá khác hẳn. Chưa nhập Định thấy đó là khu vườn rất đẹp có tịnh xá để chư Tăng và Phật ngự. Nhưng vào

Định, kinh Hoa Nghiêm nói rằng thấy khác là thấy Báo thân viên mãn của Phật, thấy Pháp thân Tỳ Lô Giá Na. Nói cách khác, thấy được thân vô hình của Phật kết tinh bằng phước đức và trí tuệ trọn vẹn. Báo thân và Pháp thân Phật mới nhiếp được toàn bộ Pháp giới và tất cả chúng sanh. Còn sanh thân thì không có khả năng làm như vậy.

Thật vậy, chúng Báo thân viên mãn hay thân đầy đủ phước đức, trí tuệ, Phật mới chi phối trải rộng cho sáu ngàn Tỳ kheo tu ở đây. Thực tế cho thấy nếu chúng ta thân cận vị Thầy có phước đức, trí tuệ sẽ thấy họ tác động tâm đại chúng thanh tịnh hơn, đời sống của chúng tốt hơn. Trái lại, chỉ có nghiệp thân thì làm cho chúng bất an.

Chúng ta thấy Phật không làm gì, nhưng sức chi phối của Ngài vô cùng và trải rộng cả Pháp giới. Nếu trụ Thiên định thì thấy tất cả Bồ tát mười phương đến đây nghe pháp và thấy chư Phật ở quốc độ mình. Các Ngài phóng quang đến Phật Thích Ca và Phật Thích Ca cũng phóng quang đến các Ngài. Đó là sự giao tiếp bằng tâm mà ở trong Thiên định mới nhận ra mối tương quan, tương tác giữa Phật và Bồ tát, giữa Phật và Hộ pháp Long thiên cùng Hộ quốc nhân vương. Lực tương quan siêu hình ấy đã làm cho rừng Thệ Đa sáng lên; nói cách khác, phước đức và trí tuệ của Phật tỏa ra cho các Tỳ kheo ở đây và chi phối cả Pháp giới.

Diễn tả một cách thực tế cho dễ hiểu, lấy cái gần để hiểu việc cao xa nói trên như sau. Thí dụ Hòa thượng Minh Châu có phước

đức, trí tuệ lớn. Quan hệ của ngài và các bậc thức giả trên thế giới rộng. Ngài quan hệ với các vị Hòa thượng có tâm cỡ, nổi tiếng trên thế giới. Và các vị này cũng hướng tâm đến Hòa thượng Minh Châu. Vì tầm ảnh hưởng của ngài mạnh như vậy, nên dù ngài bệnh mà khó có người thay thế. Mỗi quan hệ có được là do công đức tu hành.

Công đức của Phật Thích Ca tỏa sáng mười phương, nên chư Phật mười phương cũng quan tâm đến Ngài và Bồ tát mười phương cũng đến cầu học với Phật Thích Ca. Tại sao Bồ tát phải đến Ta bà học. Vì tu hành cần có môi trường để thực hiện pháp. Trí luôn đối cảnh mới sinh ra. Trí là sự nhận thức; có người hung dữ thì chúng ta mới nhận biết được thế nào là hung dữ. Thế giới Cực Lạc toàn là thượng thiện nhân thì làm sao biết được người xấu ác như thế nào. Các loại hình thế giới Phật mười phương là thanh tịnh nhất như, nên không có những hiện tượng sai biệt như ở Ta bà. Chúng ta ở đây nếm đủ mùi quái ác, nên ngán sợ. Các ngài chưa được thực tập với những thứ này bao giờ, nên đến đây học hỏi, thử nghiệm là điều tất yếu. Chư Phật bảo các vị Bồ tát muốn biết vô số tam muội phải đến Ta bà học với Phật Thích Ca. Cứ đến đây là biết người tham ra sao, ở thế giới Phật muốn gì được nấy thì không thể biết tham là gì.

Kinh Hoa Nghiêm diễn tả rừng Thệ Đa đối khác, tỏa ánh sáng rực rỡ, vì có chư Phật và Bồ tát mười phương cùng Bát bộ Thiên long, Hộ quốc nhân vương hiện diện đông đủ. Trong thế giới hùng vĩ vô

cùng như vậy, các vị Thanh văn cũng có mặt ở đó mà không biết các vị Bồ tát đang kính lễ và sinh hoạt với Phật, không nghe được pháp âm Phật truyền trao cho Bồ tát. Phật thuyết pháp cho Bồ tát không bằng ngôn ngữ, nên vô âm, nhưng Ngài dùng pháp ngữ gọi là pháp âm. Từ tâm thanh tịnh của Phật truyền thẳng đến tâm Bồ tát, nên giữa các Ngài thông nhau, hiểu nhau, không nói. Trong khi pháp Thanh văn phải dùng ngôn ngữ để diễn tả mới nghe được. Còn pháp Bồ tát dùng tâm để cảm. Bồ tát cảm tâm Phật, nên nhận được sự an lành và tự phát triển phước đức, trí tuệ của chính mình.

Cũng là rừng Thệ Đa, nhờ có Phật, Bồ tát gia bị, mới tạo thành sức sống vô hình kỳ diệu. Con người vật chất chúng ta tuy không thấy thế giới vô hình, nhưng có độ cảm với Phật để từ đó bước vào thế giới Tịch Quang chơn cảnh của Ngài, hay là rừng Thệ Đa theo Hoa Nghiêm. Điều này có thể tạm hiểu bằng thí dụ như Hòa thượng Minh Châu sử dụng mạng Internet. Ngài ngồi tại Học viện này và đang tiếp xúc qua mạng với các vị thức giả trên thế giới. Chúng ta cũng đang ở Học viện này mà không nghe, không biết ngài nói gì. Hoặc tôi đang thuyết pháp ở Thiên viện, nhưng người trong thành phố này không nghe được; trong khi những người ở Pháp, Mỹ, Anh, v.v... chẳng hạn, mở mạng vẫn nghe được. Có thể hiểu Phật Thích Ca quan hệ với Phật và Bồ tát mười phương cũng giống như vậy. Lấy thí dụ này để hiểu tại sao Phật ở thế giới này và Phật ở thế giới khác quan hệ với nhau được, còn chúng ta, chúng Thanh văn lại ở ngoài lề. Phật nhập định, dùng

tâm liên hệ được với tất cả. Thiết nghĩ ở thời xa xưa mà Đức Phật đã chỉ dạy mối tương quan siêu vật chất như vậy quả thật là vĩ đại vô cùng. Đối với lực tác động của Phật, Bồ tát, chúng ta khó với tới. Tuy nhiên, bằng niềm tin, chúng ta có thể cảm nhận được sự thay đổi của cảnh vật. Tôi thường nhận ra được những thời kinh có hồn, những buổi Thiền định có ý nghĩa. Thời kinh tụng để tụng, không có hồn, người nghe không cảm được. Thiền định có ý nghĩa là tâm thanh tịnh được sẽ tạo cho chúng ta có độ cảm với Phật, Bồ tát. Và tùy theo mức độ cảm tâm cao thấp mà chúng ta vào được dòng Thánh, thấy họ bình thường, nhưng thành tựu những việc phi thường. Học Đại thừa phải tiếp nhận được tinh thần này.

Chúng Thanh văn cũng đang ở trong pháp hội mà không thấy, không biết sự kỳ diệu đang diễn ra. Kinh nói rằng Bồ tát Văn Thù mới khai ngộ cho sáu ngàn Tỷ kheo tham dự pháp hội này qua trung gian Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ nhất thế gian. Văn Thù Sư Lợi là bậc trí tuệ nhất trong hàng Bồ tát. Nghĩa là trí của Thanh văn và trí của Đại thừa cảm nhau được. Vì thế, Xá Lợi Phất thấy Văn Thù, mà các Thanh văn khác không thấy; vì Văn Thù siêu hình.

Dùng trí Thanh văn cảm trí tuệ Đại thừa là từ trí thuần lý do học mà biết, tiến qua trí của Bồ tát do thể nghiệm trong cuộc sống mà có được. Hai trí này khác nhau, nhưng ít nhất cũng phải hiểu biết trên sách vở mới nhận ra được trí thể nghiệm. Có thể nói trí

hiếu biết của Xá Lợi Phất là cánh cửa để mở ra cho ngài bước vào Pháp giới.

Văn Thù Bồ tát từ trong lầu các Đại Trang Nghiêm đánh lễ Phật xong, từ lầu các đi ra và du hóa về phương Nam, thì Xá Lợi Phất thấy Văn Thù. Điều này gợi ý chúng ta rằng Xá Lợi Phất thấy Văn Thù bằng trí tuệ, vì ngài có trí tuệ bậc nhất trong Thanh văn và dùng trí ấy để soi rọi giáo lý Phật, mới phát hiện ra Bồ tát Văn Thù. Thực tế các anh em đọc kinh cảm thấy chán là không thấy Văn Thù. Người đọc thấm thía ý Phật dạy, thì đời sống họ sẽ thăng hoa là hiểu được pháp và gặp được Văn Thù khai ngộ.

Học Đại thừa phải hiểu Văn Thù Sư Lợi là đại trí. Ngài là thầy của ba đời các Đức Phật, không phải là con người thật, nhưng là trí tuệ hay nhân cách hóa trí tuệ thành Văn Thù Sư Lợi Bồ tát. Trí tuệ này chúng ta tìm ở văn, tư, tu, tức có nghe, suy nghĩ và thực hành thì trí tuệ mới phát sanh.

Xá Lợi Phất thấy Văn Thù từ Đại Trang Nghiêm lầu các đi ra và đi về phương Nam. Ở đây, bao hàm ý nghĩa triết học. Lầu các chỉ cho kho pháp bảo, kho tàng trí tuệ. Đức Phật và đạo Phật có giá trị vĩnh hằng, vì hàm chứa trí tuệ tuyệt vời. Văn Thù từ kho trí tuệ đi ra, nghĩa là nương theo kinh điển của Phật giúp chúng ta phát hiện ra cuộc sống bất tử được xây dựng bằng phước đức trọn lành, bằng sự hiểu biết siêu tuyệt. Thí dụ tôi đọc kinh, tâm đắc được điều gì thì cảm thấy sung sướng và việc tự sáng ra, thực hiện đạt kết quả tốt nhất; đó là thấy Văn Thù xuất hiện.

Xá Lợi Phất thấy được Văn Thù và ngài cũng được đại chúng kính trọng, mới bảo các Tỷ kheo nên quán sát Văn Thù Bồ tát, cũng có nghĩa là bảo đại chúng học giáo lý rồi thì phải thể nghiệm lời Phật dạy trong cuộc sống của chính mình; còn chỉ biết suông thì chưa đủ.

Xá Lợi Phất đã thể nghiệm tinh ba của Phật dạy nên ngài mới nhận ra Văn Thù trước nhất. Ngài bảo đại chúng quán sát Văn Thù là quán sát hành trạng của Văn Thù, hay con đường đi của Văn Thù, viên quang của Văn Thù và quyến thuộc của Văn Thù.

Học Phật, chúng ta so sánh con đường của Văn Thù Bồ tát hay của Phật đi với con đường mà chúng ta đi. Con đường của Phật và của Văn Thù thật là huy hoàng, con đường chúng ta đi sao mà gian lao, thảm hại. Mới tu, tôi đã nhận ra ý này. Các Hòa thượng tu hành được mọi người kính trọng, được mọi thứ phước báu; còn mình tu thì khổ sở quá, cơm không đủ ăn. Nhận ra đời sống của Thanh văn không bằng Bồ tát, chúng ta mới phát Bồ đề tâm.

Con đường của Văn Thù Bồ tát đi là con đường mà Đức Phật đã dạy, là con đường đạo có thể nghiệm mới thấy được. Đường Văn Thù đi huy hoàng sáng lạng, đến đâu cũng làm cho người phát tâm, kính trọng, cúng dường. Văn Thù có trí tuệ và sử dụng ngay trí tuệ để chuyển xấu thành tốt. Trái lại, người vô trí hành sử thì tốt cũng thành xấu. Thực tế người có hoàn cảnh tốt, nhưng tu thế nào mà thành tàn tạ; trong khi người hẩm hiu mà cuộc sống vươn lên được. Cần có trí để thay đổi cách suy nghĩ, cách sống. Người

xử sự nông nổi thường buồn phiền, bất mãn. Tuy có chùa cao Phật lớn, nhưng vì vô trí, nổi sân, buồn khổ, bức tức, tham lam, nên đã dẫn họ vào con đường cụt, tự mình hành hạ mình, tự làm khổ mình. Chúng ta tu hành nên đi con đường giải thoát của Phật, đừng đi lạc con đường tham, sân, si. Đi đường giải thoát để tâm chúng ta an lạc, giáo hóa chúng sanh và đến đâu cũng làm cho người phát tâm Bồ đề và quý mến ta. Đó cũng là con đường của Văn Thù. Hoặc đi con đường trí tuệ của Phật, chúng ta nhớ đến Tam minh của Ngài. Nhìn xã hội hay quán sát một người, chúng ta cũng phải thấy theo tinh thần Tam minh mà giải quyết. Tôi gặp một người vô cớ hủy nhục, gây sự với tôi. Tôi tự nghĩ mình là người tu, họ là người đời, mà cãi lý với họ thì ai thiệt đây. Có chút trí tuệ, chúng ta nhận ra ngay, chỉ cần xin lỗi hay cho họ ít tiền là xong. Ít nhất họ cũng nghĩ Thầy chùa tốt! Chúng ta quán nhân duyên thấy họ và ta có nhân duyên quá khứ không lành, thì trả là xong. Thiên sư gặp tên cướp định giết ngài, ngài đưa tiền cho hắn và nói rằng ngài nợ tiền, chớ không nợ mạng. Xử sự của người trí theo cách ấy là yên thân. Con đường của Phật, của Văn Thù, của đại Sa môn rất bằng phẳng, mọi việc giải quyết tốt đẹp bằng trí tuệ sáng suốt, thấy rõ ba đời nhân quả.

Đức Phật không xây dựng sự nghiệp vật chất. Ngài nhìn đối tượng, tùy theo chúng sanh muốn gì, nghĩ gì, thì Ngài giúp để họ phát tâm Bồ đề và sanh thiện cảm với Ngài. Là đệ tử Phật, ta cũng lấy việc giáo hóa chúng sanh làm sự nghiệp của mình. Còn anh em vì quyền lợi mua đất, cất chùa mà lấn ranh là sai lầm quá

lớn, không phải hạnh Sa môn, nên bản thân không bao giờ được an ổn. Xây dựng chùa phải kiếm tiền đến mất ăn, mất ngủ, đó không phải là việc của người tu. Phật đã ủy thác việc này cho quốc vương, vương tử, đại thần. Việc xây chùa, làm kinh tế của Phật tử, tôi khẳng định như vậy. Việc của chúng ta là giải thoát. Người đến với tôi, tôi suy nghĩ xem họ muốn gì, với người chỉ cần vài ngàn đồng thì mình cho họ, mình sẽ được yên ổn liền. Con đường giải thoát là vậy, ôm vật chất vô mình nhiều, nó sẽ gây khó khăn cho ta nhiều, không đi xa được. Nhiều việc không đáng, nhưng nó cũng thành vấn đề làm ta khổ, nếu không biết xử sự. Con đường của Văn Thù bằng phẳng đầy hoa thơm; người được bố thí, giúp đỡ thì họ cười là một cánh hoa đã nở rồi đó, dù đó là hoa đói, hoa nghèo, hoa khổ, hoa dại, hoa ăn mày, nhưng cũng là hoa. Đó chính là ý nghĩa chúng hoa của Hoa Nghiêm. Áp dụng tinh thần Hoa Nghiêm, tôi làm một số việc từ thiện xã hội mới thấy ý nghĩa cuộc đời nở hoa như thế nào. Đến nơi nào mà chúng ta đáp ứng được yêu cầu của người thì họ vui ra mặt là hoa nở theo Hoa Nghiêm.

Trở lại kinh Duy Ma, Loa Kế Thiên vương thấy thế giới Phật Thích Ca đẹp hơn cõi Trời Phạm Thiên. Ý này cũng bao hàm tính triết lý. Nói thực tế một chút, chúng ta thấy rõ bước chân du hóa của Đức Phật đẹp hơn tất cả giáo chủ đương thời. Thật vậy, không ai có sức cảm hóa siêu tuyệt như Đức Phật, từ người tốt đến người ác xấu, hại Phật đều quỳ dưới chân Phật để sám hối và xin làm đệ tử. Thế giới của Phật như vậy không đẹp tuyệt vời là gì nữa. Con

đường của Phật đi chuyển khổ đau thành an lạc, phước đức. Đường chúng ta đi gian lao quá, phải gõ cửa xin từng người mà cũng không có đủ, nói khô cổ mà cũng không ai cho. Con đường của chúng ta sai lầm nên mới thảm não như vậy, phải thấy để sửa đổi.

Quán sát Văn Thù thấy rõ ngài rất khỏe, còn chúng ta thì ốm yếu, bệnh rề rề. Văn Thù luôn luôn vui tươi; chúng ta thì luôn buồn chán. Văn Thù hiện thân làm đồng tử, nghĩa là thể hiện anh nhi hạnh, sống thanh thản, vui vẻ, làm việc nào cũng tốt; chúng ta thì ngược lại. Thấy trí lực và cuộc sống của Văn Thù để chúng ta phát tâm tu cho đúng Bồ tát pháp. Nếu tu đúng thì viên quang phải sáng; nghĩa là học đạo, trí bừng sáng mới thấy được chân thật tướng của các pháp từ hữu tình vô tình đến hữu vi, vô vi. Mọi người kính trọng Văn Thù vì ngài có viên quang từ đỉnh đầu soi rọi khắp mười phương; nói cách khác là trí tuệ của Văn Thù quá siêu việt. Quán sát thấy Văn Thù rất giống Phật; còn chúng ta giống ai?

Các Tỳ kheo được Xá Lợi Phất chỉ cho thấy Văn Thù Bồ tát, liền đánh lễ và cầu ngài chỉ dạy. Văn Thù chỉ nói với các Tỳ kheo những pháp mà Đức Phật đã dạy là Tứ Thánh đế, Thập nhị Nhân duyên, Lục Ba la mật. Nói xong, ngài khuyên mọi người cố gắng tu hành và từ giả đại chúng, vì còn bận đi đến Phước Thành để dạy Bồ Tát đạo cho Thiện Tài đồng tử. Điều này nhằm gợi ý rằng hành Bồ tát đạo phải có phước mới làm được. Có năm thứ phước,

quan trọng nhất là tâm an lạc, kế đến là sức khỏe, trí sáng suốt, được mọi người thích gần gũi và có nhiều tiền của. Theo tôi, rất cần sức khỏe để chịu đựng. Thật vậy, muốn làm việc lớn, phải lăn lóc gánh chịu những gian khổ mà không tổn hại bản thân mới được. Không có thể lực tốt, không chịu nổi. Phải rèn luyện cho mình thể lực thật tốt. Ngoài ra, phải có tấm lòng khoan dung, người mới thân cận, hợp tác với ta; khó khăn và chấp quá thì ai dám gần.

Văn Thù Bồ tát nhắc các Tỷ kheo phải lo tu ba mươi bảy Trợ đạo phẩm, sáu pháp Ba la mật, mười hai Nhân duyên để tạo phước; không lo thể nghiệm những pháp này, mà lo hỏi chuyện hành Bồ tát đạo lớn lao làm gì. Các Thầy phải làm cho được việc thoát ly sanh tử trước mắt mà Phật đã dạy. Văn Thù chỉ dạy các Tỷ kheo, hay còn có nghĩa là ngài nhắc khéo chúng ta.

Văn Thù sang Phước Thành để dạy Thiện Tài tiếp tục con đường Bồ tát, ở đây bản cùng cô lộ thì sao làm được. Còn ở Phước Thành có Thiện Tài phước báu nhiều nên ngài hiện thân ở đó thì nước này giàu có, trù phú.

Văn Thù dạy chúng ta từ tâm Thanh văn chuyển sang Đại thừa Bồ tát. Nhưng vì chúng ta nghiệp nặng, không hành Bồ tát ngay được, nên phải chuyển đổi bản thân của chúng ta trước. Bệnh hoạn, xấu xí, buồn khổ là do nghiệp của chính mình. Cần phải sám hối cho tiêu nghiệp. Nhận ra ý này, ngày nào tôi cũng lạy sám hối để tiêu ác nghiệp. Và ác nghiệp tiêu được thì đầu tiên là

tánh ganh tỵ không còn nữa. Trước kia, thấy người giàu có, hoặc giỏi hơn mình, chúng ta buồn bực, ganh tức. Với tâm xấu như vậy sẽ hiện ra nét mặt khó coi và tác động cho thân chúng ta trở thành bệnh hoạn. Trái lại, nếu lo lạy sám hối, quên hơn thua phải trái, thì Phật sẽ tạm chấp nhận chúng ta. Có thể khẳng định rằng chúng ta không có con đường nào thoát được phiền não, sanh tử bằng con đường Thanh văn; còn việc Bồ tát phải để ngày khác, đời khác có phước báu mới làm được.

Tóm lại, chúng ta từng bước rèn luyện, sửa đổi thân tâm, tu tạo phước đức, trí tuệ để làm hành trang cho việc tiến tu Bồ tát đạo. Riêng đối với Thiện Tài đã có đầy đủ của báu và trí khôn thì việc học đạo, thể hiện Bồ tát hạnh, nhập Pháp giới chắc chắn dễ dàng. Giới thiệu mẫu người Thiện Tài tốt đẹp như vậy cũng nhằm chỉ cho chúng ta Đức Phật siêu tuyệt. Không siêu tuyệt sao được khi Ngài chỉ cần học sáu năm là thành đạt quả vị Vô thượng Bồ đề, thành Phật. Chúng ta học suốt đời mà cái được là bao, chưa nói đến quả vị Hiền Thánh. Thiện Tài tiêu biểu cho Phật đầy đủ tất cả những gì thánh thiện nhất, phước báu nhất, đức hạnh nhất, sáng suốt nhất, v.v... và với hành trang siêu đẳng này mà dẫn thân vào đời hành Bồ tát đạo là thành Vô thượng Chánh đẳng giác ngay. Chúng ta tu hành tự biết mình giống như ngựa yếu, ngựa què, thì lết cũng tới, nhưng phải nỗ lực trải qua thời gian khá dài lâu là điều tất yếu. Chỉ cần tinh tấn, phát tâm Bồ đề, nỗ lực tu hành thì có ngày đến được Bảo sở.

Bồ tát đi vào đời dưới dạng Pháp giới được kinh Hoa Nghiêm diễn tả bằng hình ảnh Thiện Tài cầu đạo gặp năm mươi ba thiện tri thức. Tôi đọc phẩm Nhập Pháp giới, suy nghĩ và theo dấu chân Thiện Tài, quan sát xem Thiện Tài làm gì, rồi nhìn kỹ lại mình xem đã học được và có thể làm được gì, để nhắc nhở các pháp lữ cùng nhau tu hành.

Mở đầu hiện tượng nhập Pháp giới, Xá Lợi Phất hướng dẫn sáu ngàn Tỳ kheo đến Bồ đề đạo tràng nghe Phật thuyết pháp, nhưng không thấy Phật, nên đến rừng Thệ Đa, ở Ta La song thọ để tìm.

Từ Bồ đề đạo tràng đến Ta La song thọ gợi cho chúng ta nghĩ về một đời giáo hóa của Đức Phật, nếu nhìn dưới dạng tâm linh sẽ khác với cách nhìn theo lịch sử. Theo lịch sử, sinh hoạt của Phật giáo đạt đến đỉnh cao vào thời điểm mà trưởng giả Cấp Cô Độc đổi vàng lấy đất để xây tịnh xá cúng dường Phật. Hoặc lúc vua Ba Tư Nặc hết lòng hộ đạo, kính trọng Tăng đoàn.

Ngài Hiền Thủ gọi thời kỳ cực thịnh mà mọi người đều quy ngưỡng Đức Phật là "Nhật thăng phổ chiếu". Nghĩa là mặt trời lên đến đỉnh đầu sẽ chiếu tận hang cùng ngõ hẻm, ai cũng được hưởng phước lạc của Phật pháp. Nhưng khi có nhiều người đến với Phật đạo vì danh lợi thì đương nhiên nổi lên những thành phần không tốt. Mầm mống suy đồi đã xuất hiện trong thời kỳ vàng son. Điển hình là nhóm lục quân Tỳ kheo chuyên gây rối ở thành Xá Vệ.

Tuy nhiên, theo nhãn quan của Bồ tát thì thấy khác, không thấy tốt xấu như trên. Bồ tát thấy ở dạng siêu hình. Sở dĩ vua chúa phát tâm, hàng trí thức quy ngưỡng và Tỳ kheo theo Phật đông là nhờ lực tác động vô hình của Phật, Bồ tát, chư Thiên, thiện thần ủng hộ. Chính sức mạnh siêu nhiên này mới tạo thành cảnh giới bình yên thực sự cho đại chúng tu học, hình thành Pháp giới của Phật.

Trên bước đường tu, chúng ta cần thấy và phát huy được mặt siêu nhiên của đạo. Nếu chỉ thấy hình thức, chùa cao Phật lớn, thì cách đạo còn xa. Bồ tát thấy thế lực vô hình thu hút vua chúa, trí thức Bà la môn, chư Thiên đến với Phật, hình thành Pháp giới để thâm nhập.

Trong hàng Thanh văn chỉ có Xá Lợi Phất là bậc trí tuệ bậc nhất mới thấy được thế lực siêu hình của Phật thực sự vô cùng tận, có khả năng che chở cho người phát tâm Bồ đề và nuôi dưỡng mạng mạch Phật pháp. Thật vậy, Xá Lợi Phất biết rõ năng lực của bản thân không làm gì nổi. Việc lớn thì phải nhờ tâm hồn lớn và khả năng lớn mới thực hiện được. Xá Lợi Phất thấy điều ấy bằng tuệ giác và năm trăm La hán cùng đi với ngài, thì thấy bằng niềm tin. Đó là hai cách thấy đạo và thâm nhập đạo.

Trên bước đường tu, khi thấy được đức độ của Phật, ta tin Phật dễ dàng. Nếu không, cũng có thể dùng niềm tin để đến với Phật. Như tôi tin Phật gia bị cho mình thành tựu mọi việc, không phải do tài của tôi. Một số người thường nghĩ tự thấp đuốc đi. Theo

tôi, Phật là người cầm đuốc soi đường và ta nương theo ánh đuốc của Ngài, ta tự thấp không được.

Xá Lợi Phất bảo năm trăm La hán nên biết Văn Thù Sư Lợi Bồ tát cũng như phần lớn các Bồ tát đóng vai cư sĩ, nhưng thực sự các ngài đóng vai trò quan trọng trong việc hộ đạo. Đừng nghĩ rằng cư sĩ không bằng hàng Nhị thừa. Phải thấy từ chư Thiên, chư Thần, nhân vương, người trí thức, người giàu có, thậm chí cả công nhân, thợ thuyền, v.v... Họ đều có thể là Bồ tát hiện thân lại trên cuộc đời để hộ đạo, tạo điều kiện cho các Tỳ kheo tu hành. Như vậy, hàng Nhị thừa đã thọ ơn của Bồ tát. Nhận thức điều này, Hòa thượng Trí Tịnh cho biết ngài rất ngại dự trai tăng, vì sợ rằng trong hàng cư sĩ cúng dường, quỳ lạy, nếu có Bồ tát hiện thân lại, thì ngài bị tổn phước.

Lời Hòa thượng dạy làm chúng ta phải suy nghĩ. Trên thực tế, chúng ta thấy trong giới Phật tử có thành phần trí thức như giáo sư, bác sĩ... trình độ học thức hơn ta và về phước báu, họ cũng giàu có hơn ta, nếu ta không mặc áo tu. Khi thực sự phát Bồ đề tâm, chúng ta phải thấy như vậy.

Ở đây mượn nhân vật Xá Lợi Phất dùng trí tuệ bậc nhất, đưa chúng nhân từ Bồ đề đạo tràng đến Ta La song thọ, không phải nhằm diễn tả việc dẫn đi bằng đường bộ theo động tâm; nhưng hàm ý rằng Xá Lợi Phất dạy các Tỳ kheo nên quan sát, theo dõi bước chân Phật từ thành đạo đến nhập Niết bàn, Đức Phật đã làm gì. Phải nhìn suốt cuộc đời du hóa của Phật để học và làm theo.

Đến rừng Thệ Đa không thấy được Phật đang phô diễn thần lực, nói cách khác, không gặp Phật mà lại gặp Văn Thù Sư Lợi đang giáo hóa chúng sanh. Điều này cũng nhằm chỉ rằng trước kia chúng ta quen quan sát theo lịch sử. Nhưng nay cần quan sát việc làm của Phật ở dạng Văn Thù hay dùng trí tuệ xem Phật xử trí với cuộc đời như thế nào.

Phẩm Nhập Pháp giới phát xuất từ rừng Thệ Đa. Kinh diễn tả do thần lực của Phật mà rừng Thệ Đa rộng lớn bằng vô số quốc độ của Phật. Nơi đó lại có vô lượng hoa báu, đài báu, lưới báu, diệu hương, kỹ nhạc để ca ngợi công đức của Phật.

Theo tôi, mỗi người có cách nhìn riêng về khu vườn này. Người thế gian, ngoại đạo nhìn về khu vườn chắc chắn khác với cái thấy của Tăng Ni, tín đồ. Và hàng Bồ tát sống trong khu vườn lại càng thấy khác hơn nữa. Cảnh là một, nhưng tâm trí khác nhau, nên nhận xét không giống nhau.

Theo sự nhận thức tham vọng của người đời hay ngoại đạo, họ không hiểu tại sao đạo Phật không có giáo quyền, giáo sản, không ép buộc, đe dọa, dụ dỗ, mà lại tồn tại lâu dài, truyền bá rộng rãi. Không hiểu tại sao người giàu có như Cấp Cô Độc lại cúng vàng xây tịnh xá cho Phật mà chẳng thấy ông được quyền lợi gì.

Cách nhìn thứ hai của Thánh chúng thường được diễn tả bằng câu nói rằng chỉ có người uống nước mới cảm nhận được mùi vị

như thế nào. Người ngoại cuộc như phàm phu, ngoại đạo mang cặp kính nghiệp thì làm sao biết được. Hàng đệ tử theo bằng chân tình mới hiểu đạo Phật; còn theo do hoàn cảnh thì không thể sống lâu dài trong đạo.

Chỉ người tu chân chính mới thấy Phật và Thánh chúng ngồi yên lặng trong rừng Thệ Đa, không nói, không làm, nghĩa là tu Thiền. Ngồi như vậy, họ hiểu được Phật. Ngồi mà không hiểu thì một lúc chán cũng bỏ đi, ngoại đạo khó thâm nhập Phật đạo là vậy.

Phật và Thánh chúng tọa Thiền tạo thành cuộc sống hỷ lạc, nên ngồi Thiền nhiều năm cũng cảm thấy không đủ, không chán. Thật tu chúng ta dễ hiểu điều này. Người say mê Thiền quán, vui thích chánh pháp mới thấy được những gì khác hơn người thường. Họ đắc đạo nên tâm họ và Phật cảm thông, đó là tâm Phật ấn tâm đại chúng và thần của Phật truyền qua đại chúng, kinh gọi là Phật phóng quang gia bị. Nhờ vậy, tâm họ yên tĩnh lạ lùng, thần họ minh mẫn, sáng thêm. Theo tôi, điểm này quan trọng nhất đối với người tu, nếu không cảm nhận như vậy, e rằng khó tu lâu. Cuộc đời tôi từng kinh nghiệm, khiến tôi nhận chân được giá trị của Phật ấn tâm, Phật hộ niệm. Thật vậy, có những lúc cực kỳ khó khăn, nguy hiểm, người sợ, nhưng tôi rất tỉnh táo, không cảm thấy sợ bất cứ thế lực nào. Và tôi bình tâm giải quyết thỏa đáng từng việc thích hợp với từng lúc.

Thiết nghĩ, trên bước đường tu, gặp việc vui ta vui, gặp buồn ta buồn, thì dù có khoác áo tu sĩ cũng chưa hẳn là người tu. Vì điểm

đặc biệt của người tu là tâm lúc nào cũng bình ổn, hoàn cảnh nào cũng tự tại, lóe lên tia sáng để giải quyết việc khó.

Thánh chúng sống đạm bạc, không có quyền lợi gì, nhưng hoàn toàn an vui. Đó chính là tinh thần Đại thừa phát triển để hình thành thế giới quan của Hoa Nghiêm gọi là Nhập Pháp giới. Tại sao sống hẩm hiu, tu cực khổ nhưng có sức thu hút người tu chịu nổi. Thực tế, người an trú lâu trong đạo có nguồn vui riêng và lý tưởng để sống. Còn người thường không tìm thấy niềm vui đạo, tu một lúc rồi cũng bỏ cuộc.

Người tu sĩ Nhật có câu phương châm: Khi tâm hồn yên tĩnh thì cái thấy của chúng ta sáng ra, thấy cái đẹp. Thế giới của người tu đạt đến trạng thái tâm hồn yên tĩnh, sáng ra là thế giới của Hoa Nghiêm hay Pháp giới. Và với tâm hồn Hoa Nghiêm nhập Pháp giới, phóng khoáng, bao la, dung được các pháp, tất cả đều đẹp. Từ đó, dưới cái nhìn theo Hoa Nghiêm, Thánh chúng ngồi xung quanh Phật dưới gốc cây, tâm hồn nhẹ nhàng, sung sướng, hình thành được thế giới đẹp, trong sáng, từ cọng cỏ, cho đến dòng suối, con cá, con chim, hòn đá... không có gì không đẹp. Hàng trí thức bỏ ngoại đạo trở về theo Phật cũng vì nhận được hạnh phúc vô giá ấy. Họ cảm đức của Phật, nhận được tình thương bao la của Ngài và Thánh chúng tạo thành thế giới an vui giải thoát. Trái lại, theo ngoại đạo, họ luôn kẹt trong tham vọng, nghĩ đến khống chế, mua chuộc người, nên tâm hồn không yên tĩnh thì thế giới của họ luôn đen tối.

Đức Phật không bắt ai theo, người tự nguyện theo Ngài vì họ được an lành, thanh thản. Nhập Pháp giới hay đi vào thế giới bao la của Phật, thế giới của tình thương, của trí tuệ. Bây giờ, cũng là rừng Thệ Đa mà hàng Nhị thừa và Phật tử thấy nơi đó an lành nhất, hoàn toàn khác với thế giới khổ đau bên ngoài. Đó là cái nhìn về Đức Phật và đạo Phật của người xuất gia và tín đồ.

Tiến hơn một nấc, cái nhìn của bậc cứu thế Văn Thù Sư Lợi và Phổ Hiền Bồ tát tiêu biểu cho Trí và Hạnh đi vào cuộc đời. Trong thế giới yên tĩnh, tâm sáng, tức trí Văn Thù chỉ đạo, mở ra cho chúng ta thấy nơi có đạo đáng quý hơn bất cứ nơi nào. Và nhìn xa hơn, thấy mọi việc trên cuộc đời tốt đẹp hay không đều do phước đức, trí tuệ quyết định. Thấy như vậy là thấy thế giới Báo thân của Phật hiện ra. Trí Văn Thù hướng dẫn kết hợp với hành động dẫn thân vào đời làm lợi ích chúng sanh của hạnh Phổ Hiền, tạo thành kinh Hoa Nghiêm với phần quan trọng là Nhập Pháp giới.

Đức Phật cho biết mười phương Phật thuyết pháp đều phóng quang đến đỉnh đầu của Văn Thù Sư Lợi Bồ tát. Văn Thù tiêu biểu cho Trí thân Phật, một thân quan trọng theo kinh Hoa Nghiêm. Nhìn thế giới qua lăng kính của Văn Thù hay trí tuệ, khác với người tham vọng nhìn đời bằng cặp kính hẹp của vô minh.

Người vô minh, chấp trước nghe ai nói động tới là tự ái, nổi giận, mất khôn. Trái lại, người trí thế gian lắng nghe, suy nghĩ xem lời nói của người tác động có hại hay lợi cho họ, theo đó mà giải

quyết. Điển hình như các chính khách Nhật gặp việc khó, họ thường tĩnh tâm để sáng suốt, thấy được cách đối phó nào lợi nhất. Đó là người trần gian dùng thủ đoạn chọi với thủ đoạn.

Nhưng cao hơn là cách xử trí của Phật, Bồ tát, thấy rõ mối liên hệ sâu xa của họ và người trong vô lượng kiếp trước và cả đời sau, nên chuyển hóa khổ, ác thành vui, tốt. Muốn như vậy, Đức Phật phải trải qua quá trình tu Bồ tát đạo, chứng được Trí thân, hay trí tuệ viên mãn mới giáo hóa người trở nên sáng suốt, đạo đức và chuyển đổi thế giới trần lao ô nhiễm của họ thành Pháp giới của Phật. Từ Trí thân Phật đầu tư cho hữu tình và vô tình chúng sanh, chuyển đổi tất cả thành một phần tương ưng với Phật, gọi là Pháp thân. Trí thân và Pháp thân ấy hợp lại thành Tỳ Lô Giá Na Phật chi phối và điều động được muôn người, muôn vật trong vũ trụ.

Về phần chúng ta vì vô minh, sống với nghiệp thân, giải quyết theo nghiệp và phiền não, nên phiền não cứ lần lần bao vây, xiết chặt ta lại. Đầu tiên, ta chỉ đối phó với người bên ngoài và với hoàn cảnh xa, nhưng vì vô minh chi phối, lần lần thế lực xấu ác thâm nhập vào gia đình, làm con cháu, phá hại chúng ta đến tàn mạt. Thực tế lịch sử cho thấy rõ điều này. Một người mới dựng nghiệp có nhiều quyền thuộc tốt, trung thành, nhưng vì nghiệp ác, khiến họ hành động ngu muội, giết lẫn những người thân cận giỏi, trung tín. Cuối cùng chỉ còn thế lực ác theo họ và sử dụng việc độc ác để đối phó, chống lại họ.

Đức Phật thì hoàn toàn khác hẳn. Ngài hành động theo trí tuệ và lòng từ bi vô hạn nên càng cứu độ chúng sanh, thì tình thương Ngài càng mở rộng. Người đã thương Ngài thì thương nhiều hơn, người không thương phải thương, người ghét thì thành người thương.

Xá Lợi Phất nhắc đại chúng phải quan sát việc làm của người trí, kinh điển tả là phải nhìn viên quang của Văn Thù Sư Lợi. Viên quang là trí tuệ tuyệt luân của Văn Thù, ngài hiểu biết mọi việc. Ý này gợi nhắc chúng ta tu hành, phải nhìn lại giới cư sĩ, có người đáng kính trọng là bậc Thầy của ta. Trên thực tế, có cư sĩ Lê Đình Thám là Thầy dạy chư Tăng, nhưng trước khi dạy, ông đánh lễ chư Tăng. Quả thật, có thể nói trí tuệ và đức hạnh của ta không bằng bậc Thám. Tuy nhiên, không phải tất cả cư sĩ đều là Bồ tát. Phải biết rằng Bồ tát hiện thân vào nhân gian thì khác hẳn người thường. Họ giàu sang, thông minh, nhưng rất đức hạnh.

Xá Lợi Phất nhìn thấy viên quang của Văn Thù, tức trí tuệ của Văn Thù vượt hơn Thanh văn nhiều. Kinh điển tả là viên quang bất muội, nghĩa là ánh sáng trí tuệ của Văn Thù không bao giờ tắt, phiền não không bao giờ nổi dậy. Còn nhận định của chúng ta không phải lúc nào cũng sáng suốt, hễ nổi giận là mờ ám ngay.

Trí tuệ của Văn Thù siêu tuyệt, thấy sự việc chính xác, làm việc hoàn hảo. Những thành quả tốt đẹp hoàn toàn do tâm trí chỉ đạo

như vậy, ảnh hưởng đến thân tướng, tạo thành thân Bồ tát có tướng hảo trang nghiêm thanh tịnh, không tội lỗi, bận nhơ, buồn phiền, nhưng đáng quý, đáng nhìn.

Đặc điểm thứ ba là quang vãng của Bồ tát Văn Thù bao trùm chúng sanh, tức trí tuệ của ngài ảnh hưởng cho chúng sanh được giải thoát. Trong khi trí tuệ của Thanh văn chỉ làm cho bản thân họ được giải thoát mà thôi. Chính nhờ sự tác động của trí Văn Thù phổ cập toàn diện, nên việc giáo hóa chúng sanh của ngài không cùng tận.

Đặc điểm kế tiếp của Bồ tát là có được chúng hội đạo tràng khác hẳn chúng hội của Thanh văn. Phần lớn theo Thanh văn đạo, không quan tâm đến vật chất, cơm ăn, chỗ ở. Thực tu như vậy, chúng hội Thanh văn được thanh tịnh, nhưng nghĩ đến vật chất thì phiền phức vô cùng, khó tránh khỏi tranh chấp.

Chúng hội Bồ tát hay quyến thuộc của Văn Thù thì khác, họ là người hăng tâm hăng sản chuyên cúng dường, đầu tư trí tuệ và công sức cho Phật đạo. Chúng hội Thanh văn, sau khi an cư, làm pháp yết ma, phân chia vật dụng. Còn quyến thuộc của Bồ tát thì kết hợp lại để cúng cho Thanh văn hưởng. Người làm, ta hưởng, thì phước sẽ về họ.

Xá Lợi Phất nhắc nhở đồ chúng, hay đó là tinh thần Phật giáo Đại thừa muốn chấn chỉnh việc tu hành của giới xuất gia, không khéo rơi vô tình trạng chỉ tiêu thụ hơn là đóng góp. Hãy quan sát Văn

Thù Sư Lợi xây dựng quyền thuộc lo cho đạo, không lo hưởng thụ, mới thành tựu được những Phật sự lớn lao, mới giữ vững được mạng mạch đạo pháp.

Kế đến, Xá Lợi Phất bảo đại chúng nên quan sát con đường đi của Bồ tát Văn Thù khác với đường của Thanh văn đi. Văn Thù Sư Lợi đi đến đâu đều làm lợi ích, cứu khổ ban vui, nghe chỗ nào có nghèo khổ, hoạn nạn thì chuẩn bị cơm áo đến ban phát. Bồ tát bố thí, cúng dường là việc chính, không đến để nhờ vả. Đó là lập trường cố hữu của Phật giáo Đại thừa.

Ngày nay, chúng ta đi theo con đường của Bồ tát Văn Thù là con đường mà không có đường. Nghĩa là mỗi người tự vạch ra con đường cho mình. Tôi gọi đó là đường đời hay cách hành xử khéo léo của chính mình, mọi việc đều nhằm mục tiêu mang an vui hạnh phúc cho đời. Riêng tôi thường quan sát đường đi của Phật, của các bậc cha anh, của đồng bạn, của người thuộc giới khác. Từ đó tự vẽ ra con đường riêng của tôi và điều chỉnh dần cho phù hợp với bước đi của Văn Thù.

Con đường của người chinh lược đầy máu xương, nước mắt. Con đường của Thanh văn tu vất vả khổ cực mà không được gì. Chỉ có con đường của Bồ tát, của Phật quá đẹp, quá trong sáng và vĩnh cửu. Thiết nghĩ đó là khởi niệm của chúng ta cũng như của đại chúng muốn theo Xá Lợi Phất đến gặp Văn Thù Sư Lợi.

Đặc điểm thứ sáu là chỗ đứng của Bồ tát Văn Thù rất dễ thương. Ngài là Thầy của ba đời các Đức Phật, nhưng đến với Phật, tức học trò của Văn Thù, ngài lại đứng chỗ thấp nhất, cung kính cúng dường học trò. Học gương của Văn Thù, khi hành Bồ tát đạo, dù năng lực ta vượt hơn người, nhưng nếu cần làm việc nhỏ có lợi cho đạo, ta cũng không từ chối. Phải khiêm tốn, đừng tự coi mình xuất gia là Thầy của thiên hạ.

Văn Thù Bồ tát đóng vai thấp nhất, nhưng không ai dám xem thường ngài. Chỉ sợ mình đứng trên cao, mà đức hạnh và tài năng không bằng ai, mới đáng hổ thẹn. Tu Đại thừa, phát tâm Bồ đề, làm mọi việc Phật sự, không từ nan. Đứng ở vị trí thấp có cái lợi là luyện được tâm cung kính người khác.

Đặc điểm thứ bảy là hai bên Văn Thù có vô số Bồ tát hết lòng hợp tác với ngài trong mọi Phật sự. Điều này cho thấy hạnh Bồ tát khác hẳn Thanh văn. Tu hạnh Thanh văn, chỉ lo phần mình, không lo cho người, tất nhiên khó làm được việc.

Văn Thù Bồ tát đã giáo dưỡng đệ tử thành Phật, những người được ngài cứu mang tế độ sẵn sàng đến hợp tác khi ngài cần họ. Văn Thù hành Bồ tát đạo được "Nhứt hô bá ứng", toàn người giỏi, tốt, đầy quyền uy kính nể, hợp lực với ngài; cho nên việc khó nào mà không thành. Còn ta có một mình, hay chỉ có người ăn hại theo, đành phải thua.

Chẳng những người trí thức, dòng dõi cao quý, trời rồng phủ phục dưới chân Văn Thù, mà còn có **chư Thiên đến cúng dường, nhân vương kính trọng**. Bồ tát được việc là vậy. Chư Thiên cúng dường nên kho báu của ngài không bao giờ cùng tận. Vua phải kính trọng vì ngài giải quyết được việc cho chúng sanh.

Và đặc điểm thứ mười của Văn Thù Bồ tát là được chư Phật trong mười phương luôn phóng quang gia bị và công nhận Văn Thù là Thầy của các Ngài, thì còn ai dám xem thường Bồ tát này.

Mười đặc điểm nêu trên của Bồ tát Văn Thù có thể tóm gọn thành ba việc chính là sự hiểu biết siêu tuyệt, việc làm lợi ích cho đời và sức tập hợp quần chúng. Đó là ba điều mà người tu phải học và thể hiện trong cuộc sống theo Phật giáo Đại thừa.

Xá Lợi Phất thấy thực chất của Văn Thù Bồ tát qua mười điểm nổi bật vừa nêu trên, ngài khai ngộ cho năm trăm Thánh đệ tử, họ mới chịu ra mắt đánh lễ Bồ tát. Đến đây đưa ra hình ảnh chư Tăng đánh lễ Văn Thù Bồ tát để cầu học, nhằm chuyển mạch từ tinh thần Tiểu thừa sang Đại thừa, nhắc nhở hàng xuất gia không nên tự ái, nếu sợ xấu hổ, không dám học với cư sĩ, thì không giỏi được.

Đại chúng được Xá Lợi Phất hướng dẫn đến gặp Văn Thù ngấm chỉ rằng trong cuộc sống cần phải có trí tuệ chỉ đạo. Hàng đệ tử

Phật tuy đông, nhưng ở đây chỉ nêu sáu ngàn Tỳ kheo do Xá Lợi Phất giáo hóa. Trong lịch sử không thấy điều này, chỉ ghi rằng Xá Lợi Phất có một trăm đồ chúng.

Cần hiểu rằng sáu ngàn Tỳ kheo không phải là người thật, nhưng nhằm nói lên dụng ý từ Tiểu thừa chuyển sang Đại thừa. Theo kinh Pháp Hoa, khi lục căn thanh tịnh, hành giả sẽ có được sáu ngàn công đức, cũng muốn chỉ rằng Tỳ kheo thanh tịnh lấy trí tuệ làm sự nghiệp mới theo Xá Lợi Phất đi tìm trí tuệ, hay tìm Văn Thù Sư Lợi.

Nói về trí tuệ, trong hàng Thanh văn, Xá Lợi Phất là người bậc nhất và trong chúng Bồ tát, Văn Thù là nhất. Nói cách khác, nhìn con người ở hai mặt là thế gian và xuất thế gian. Xá Lợi Phất, người bậc nhất của thế gian đi tìm Văn Thù là người bậc nhất của xuất thế.

Sự hiểu biết của cuộc đời dù có giỏi đến đâu cũng có giới hạn, trong khi ngũ trí của Văn Thù là sự hiểu biết trọn vẹn. Vì vậy, theo Phật, không tự mãn, phải đi lên, không bằng lòng với sự hiểu biết thế gian và đi tìm cái cao hơn là sự hiểu biết xuất thế. Điển hình như Đức Phật, 16 tuổi, văn võ toàn tài, không ai có khả năng dạy. Ngài phải tìm cái trên thế gian, gọi là xuất gia học đạo.

Xá Lợi Phất có trí tuệ bậc nhất thế gian, không ai bằng ngài. Ngài dìu dắt được đại chúng rồi mới dẫn dắt họ tiến xa hơn, theo pháp xuất thế. Rõ ràng kinh này muốn đưa ra mẫu người tu lý

tượng tiêu biểu cho vị Đạo sư khả kính không phải là người tu ăn bám.

Sáu ngàn Tỳ kheo đến thăm Bồ tát Văn Thù được ngài dạy điều quan trọng nhất là phát tâm Bồ đề. Bồ đề tức trí giác để thấy được chân thật pháp, thấy được công hạnh của các Đức Phật và việc làm của Bồ tát; từ đó tự xét việc của mình để từng bước làm giống Phật và Bồ tát.

Văn Thù cho biết kinh nghiệm của bản thân nài trong vô lượng kiếp theo Phật tu hành, chỉ làm một việc duy nhất là phát tâm Bồ đề. Và nhờ thành tựu trí tuệ, ngài tạo được muôn ngàn công đức. Tu học Phật theo tinh thần Đại thừa, phải nỗ lực phát huy trí tuệ, vì có trí tuệ là có tất cả. Trên nền tảng quan trọng của trí tuệ, theo Trí Giả đại sư, người có trí mới có Thiền định, có đạo đức. Không trí tuệ, mà có lòng tốt, thì lòng tốt ấy sẽ tác hại cho ta và người, giống như khi thương con, ôm con lội qua sông làm cho con chết ngộp.

Ngoài việc phát triển trí tuệ, Văn Thù Sư Lợi khuyên đại chúng phải có sức kham nhẫn, không nên mệt mỏi, buồn phiền, dù Thầy có hành hạ. Giống như Đức Phật trong kiếp quá khứ đã từng khổ cực mà vẫn quyết tâm theo học với Đề Bà Đạt Đa. Tôi cũng có kinh nghiệm về việc học đạo. Khi chúng ta đến học, trước nhất Thầy phải thử xem chúng ta có thông minh không, có sức chịu đựng và có lòng tốt thực sự hay không. Phải vượt qua sự thử thách về trí tuệ, về nghị lực, chứng tỏ chúng ta tốt, hết lòng cầu

đạo, Thầy mới truyền pháp. Người chỉ muốn được đề cao, ăn ngon, hưởng thụ, chỉ là hạng giá áo túi cơm, không thể dùng được, chẳng ai muốn dạy cho uống công.

Hành Bồ tát đạo phải liên tục, không ngừng nghỉ mới thành Phật được. Chư Phật phát tâm Bồ đề dũng mãnh tinh tấn từ đời này sang đời khác. Có thể nói tăng thượng duyên rất quan trọng, dừng lại thì về sau tu rất khó.

Ngoài ra, Văn Thù còn dạy rằng trải qua vô lượng kiếp tu hành, tích lũy công đức, ngài mới được thành quả như ngày nay. Ngài dạy Thiện Tài phải quan sát sự tập hợp công đức của chư Phật, vì Phật kết tinh bằng phước đức. Chúng sanh trong địa ngục kết tinh bằng tội lỗi, trần lao nghiệp chướng.

Trên bước đường tu, hơn nhau ở việc tích lũy công đức. Chúng ta thấy rõ quá trình hành đạo của Phật chứa nhóm toàn là phước đức. Đối với việc lành nhỏ bằng cây kim, Ngài không hề từ bỏ và việc ác dù nhỏ như hạt cát, Ngài cũng không làm.

Trong sinh hoạt thực tế, tôi thấy những Thầy đồng tu biết tích lũy phước đức, đều thành tựu nhiều Phật sự. Những Thầy bước đầu có điều kiện vật chất hơn người, nhưng hưởng thụ thì cuộc đời họ dần dần đi xuống; vì phước cạn, đòi hỏi tăng, không đáp ứng được, tất nhiên phải bị suy sụp. Số bạn của tôi không ít người vấp phải sai lầm này, tiêu hết công đức, nhưng tạo thêm nhiều tội ác, khó tiến tu. Thực tế chúng ta thường thấy nhiều Thầy tri sự cực

khổ lo cho chư Tăng; dù họ không giỏi, nhưng nhờ tích lũy được công đức, sau cũng làm trụ trì, cũng được kính mến. Còn giỏi mà không làm lợi ích gì, chỉ hưởng thụ thì cuộc đời cũng mai một.

Dứt khoát rằng muốn hành Bồ tát đạo phải tích lũy công đức. Phước đức không có không thể nào cứu giúp người. Thật vậy, chúng sanh nhiều vô cùng và sự đòi hỏi của họ thì vô tận. Diễn hình sơ sơ một việc trước mắt như chúng ta đến vùng nghèo khổ, tất yếu phải đem tiền của đến giúp đỡ, xây dựng. Có như vậy mới dễ cảm hóa họ.

Kinh nghiệm bản thân tôi không làm được việc lớn vì phước có giới hạn, nên việc làm cũng giới hạn. Chư Phật thì phước đức vô hạn, vì thế những việc của các Ngài thành tựu thì siêu tuyệt vô tận. Ý thức như vậy, đòi hỏi chúng ta nỗ lực tu tạo nhiều phước đức để sau này dùng phước đức trang nghiêm thân, còn toàn nghiệp chướng thì không tự cứu nổi mình, nói chi đến độ người.

Riêng đối với Văn Thù, công đức lớn nhất của ngài là kính trọng người, không bao giờ ngã mạn, xem thường người, cũng giống như hạnh của Thường Bất Khinh Bồ tát. Có ý niệm hơn người sẽ bị tổn đức, dù hơn thật, huống chi là không hơn.

Hạnh Bồ tát là gieo trồng thiện căn, tích lũy công đức bằng cách làm cho đời càng nhiều càng tốt. Tu Thanh văn mệt mỏi, chán nản thì nghỉ ngơi. Hành Bồ tát đạo không được quyền nghỉ, tất cả

công việc bao vây, chúng sanh đòi hỏi. Ra làm việc mới thấy điều này, việc đang chờ mà bỏ hay bệnh là hư việc liền.

Công đức phải tích lũy sẵn, cần tiền chúng ta đáp ứng ngay, cần công sức, chúng ta cũng giúp được. Tu một mình thì khác, nhưng vì đại chúng thì khác, không lo cho họ không được. Bản thân ta không thoái chuyển là việc dễ, làm cho người không thoái chuyển không đơn giản. Vì vậy, dìu dắt họ nên người là tạo được công đức lớn.

Xá Lợi Phất cảm nhận được công ơn giáo hóa của Phật khiến cho ngài đắc quả La hán thật lớn lao vô cùng, nên bạch Phật rằng dù đầu đội, vai mang trải qua vô số kiếp, ngài cũng không đáp đền được ân đức ấy.

Ngày nay, chúng ta chỉ nhìn thành quả của Phật, cho rằng Ngài nói đơn giản vài lời là độ được người. Còn công lao nuôi dưỡng người trải qua nhiều đời của Phật cực lắm, chúng ta đâu thấy. Thử nghĩ một việc nhỏ đối với chúng ta như có một thị giả theo đã phát sanh vấn đề cho ta, có hai thị giả thì vấn đề lại khác nữa.

Kế tiếp, Bồ tát hết lòng thờ kính chư Phật, gần gũi cầu học với Phật để thành người hữu dụng, hiểu biết rộng. Văn Thù Sư Lợi đáng lẽ thành Phật từ lâu, nhưng vì ý thức cầu học mà ngài làm Bồ tát. Ngài cầu pháp không bao giờ mệt mỏi, không thấy đủ; vì theo ngài, sự hiểu biết thì không cùng tận, mỗi ngày có phát minh mới, cần phải cập nhật hóa cho kịp văn minh thời đại.

Văn Thù siêng tu sáu pháp Ba la mật, việc nào cũng nỗ lực đạt đến thành quả cùng tốt. Nhưng trên thực tế, mỗi ngày đều có cái mới, không thể làm cho cùng tốt được. Vì vậy, Văn Thù chưa trọn vẹn sáu pháp Ba la mật, nên chưa thành Phật. Ý này nhằm nhắc nhở việc làm của chúng ta còn giới hạn, còn nhiều mặt khiếm khuyết, cần trau dồi để thăng hoa, không tự mãn.

Khi hành Bồ tát đạo, tu sáu pháp Ba la mật, Văn Thù nhập Bồ tát Tam ma địa; nghĩa là Bồ tát nhập định trong công việc, làm việc nào trụ tâm trong việc đó. Trong khi Thanh văn nhập định phải ngồi yên nơi thanh vắng.

Bồ tát Định trong công việc, nên càng làm, thì trí Bồ tát càng sáng thêm, tâm càng yên ổn. Bồ tát đi, đứng, thuyết pháp, ăn..., nói chung mọi sinh hoạt đều luôn ở trong Định. Định của Bồ tát là làm cho trí tuệ sáng suốt liên tục. Thanh văn Định thì kéo dài trong khoảng thời gian nhất định nào đó, nên có nhập định, trụ định và xuất định.

Bồ tát nhờ luôn trụ định, nắm vững cả ba thời kỳ quá khứ, hiện tại, vị lai. Đối với Bồ tát, quá khứ không quên, tương lai vẫn thấy để tiến tới tốt đẹp và hiện tại vẫn làm được mọi việc. Một niệm tâm của Bồ tát thông cả quá khứ, hiện tại, vị lai. Thanh văn thì không được như vậy, hướng đến tương lai là quên thực tế hiện tại và nhớ đến quá khứ thì bị nó chi phối, cũng không làm được việc trước mắt.

Bồ tát giáo hóa độ sanh, thâm nhập được tâm chúng sanh và làm cho họ thanh tịnh. Tâm chúng sanh thanh tịnh là tịnh độ của Bồ tát hay Bồ tát nghiêm tịnh Phật độ bằng việc làm cứu giúp người.

Sau khi khuyên các Tỳ kheo, Văn Thù Sư Lợi từ giả Ta La song thọ, đi đến phía Đông Phước Thành, nghĩa là có đầy đủ trí tuệ rồi thì những gì tạo được sau đó, do trí tuệ chỉ đạo, mới thật là phước đức vĩnh viễn của chúng ta. Chưa có trí tuệ mà có phước báu rất nguy hiểm. Vì vậy các Tỳ kheo không được giữ của báu, vì sống rày đây mai đó, không nhà cửa sẽ bị kẻ cướp chiếm đoạt, giết chết.

Từ Ta La song thọ đến Phước Thành tìm Thiện Tài đồng tử, hay tìm người gánh vác tương lai đạo pháp sau Phật Niết bàn. Tất nhiên muốn phú chúc sự nghiệp phải tìm người trẻ khỏe, giỏi. Đạo Phật tồn tại mạnh hay không là tùy ở thành phần thượng tầng kiến trúc nhiều hay ít. Nếu chỉ toàn người già yếu, nghèo khổ, dốt nát theo thì chẳng ai hại, đạo Phật cũng tự chết.

Khi Văn Thù đến Phước Thành, có năm trăm Ưu bà tắc, năm trăm Ưu bà di, năm trăm Đồng tử đứng đầu là Thiện Tài. Khi ông sanh ra, tiền của đầy nhà, vàng bạc châu báu từ đất trời lên, nên đặt tên ông là Thiện Tài. Đến đây chúng ta bắt đầu nhìn về mặt vô hình của con người có phước báu. Chính vì vậy mà Văn Thù Sư Lợi đang thuyết pháp giáo hóa năm trăm Tỳ kheo ở rừng Thệ Đa, ngài lại bỏ đi để đến thăm cậu bé Thiện Tài vừa chào đời. Kinh Hoa Nghiêm muốn diễn tả Thiện Tài tiêu biểu cho Phật ra đời có

phước đức trí tuệ đầy đủ, có sức tập trung các Bồ tát lớn, như Văn Thù Sư Lợi trong pháp hội này là đệ tử của Phật Thích Ca. Nhưng ở trường hợp khác, Văn Thù Sư Lợi là Thầy của ba đời mười phương Phật. Đó là tinh thần phóng khoáng của kinh Hoa Nghiêm, Văn Thù vừa là Thầy của Phật, vừa là người trợ giúp cho Phật. Kinh Pháp Hoa gọi đó là Bồ tát thị hiện, tức các Bồ tát lớn đã thành Phật, tái sinh lại trợ hóa cho Phật.

Thiện Tài sanh ở Phước Thành là thành được xây dựng trên căn bản phước đức, nên hoàn cảnh tự thay đổi tốt đẹp, sung túc. Nhìn thực tế cuộc sống, chúng ta cũng thấy được điều này. Người có phước đức sinh hoạt ở đâu thì nơi đó trở thành tốt, của cải và may mắn tự đến với họ. Các vị cao Tăng không sở hữu tài sản gì, nhưng có sức tập trung, thuyết phục, đàn việt mang đến cúng dường tạo được chùa lớn. Còn người tham vọng đến chiếm đoạt, nhưng không phước đức thì đến ở, cơ sở bị xuống cấp, không phát triển nổi. Như vậy kết quả lên hay xuống là tùy ở phước báu quyết định, không phải do khôn ngoan, thủ đoạn mà được.

Đức Phật Thích Ca ra đời, dân chúng sống sung túc, mùa màng phát đạt. Đó là nhờ phước Phật quá lớn, được kinh Hoa Nghiêm diễn tả dưới dạng Thiện Tài sanh ra thì bảy báu đầy nhà. Thiện Tài đồng tử xuất hiện là thế giới lý tưởng và đem lý tưởng này đặt vào hiện thực cuộc sống của Đức Phật, theo tôi, hai sự kiện này là một.

Phước thành, nơi sanh của Thiện Tài gọi cho chúng ta ý thức rằng hành Bồ tát đạo cần phải có phước. Tu Thanh văn đạo không cần phước đức, nhưng cần giải thoát. Vì Thanh văn tu hạnh viễn ly, phải xả ly tất cả giàu sang vật chất, mặc áo phấn tảo; tạo phước sẽ thành nghiệp.

Hành Bồ tát đạo đòi hỏi phải có phước, thiếu phước không thể làm đạo. Phước lớn nhất của người tu là tâm. Người xuất gia lấy tâm làm chính, nên phát tâm Đại thừa; nghĩa là phải mở rộng tấm lòng dung được mọi người, dung được tất cả căn tánh hành nghiệp của chúng sanh. Bồ tát chấp nhận được, thương được, dung được mới có thể độ sanh. Tấm lòng hẹp là tiểu thừa, chỉ tu một mình.

Có thể nói tiếp Tăng độ chúng mà không có tấm lòng bao dung thì không được, vì những cái ta muốn không bao giờ theo ý ta. Riêng tôi, biết rằng muốn không được, nên thường lấy ý của người làm ý mình, lấy nghiệp của người làm nghiệp mình, thì dung được. Ngoài ra, hạnh phúc nhất của người tu là có được tâm hoan hỷ, trong sáng, không phiền não. Dù tu Thanh văn hay Bồ tát đạo đều cần phải có tâm hoan hỷ, người dễ chấp nhận, thân thiện với ta.

Có tấm lòng cũng chưa đủ, cần có sức khỏe tốt và ngoại hình dễ coi. Không khỏe không làm việc được. Nhiều sức khỏe, đi nhiều nơi, giải quyết nhiều việc rắc rối cho cuộc đời và có hảo tướng dễ thành công.

Phước báu kế tiếp là cần có quyền thuộc nhiều đời, không phải một đời. Từ quyền thuộc thấp kém, nghèo khó, ta xây dựng cho họ thành giỏi, khá, có nếp sống dư dả không phải là việc đơn giản. Vì hành Bồ tát đạo, tập hợp được người thông minh, giàu có, khỏe mạnh thì dễ làm nhiều việc lớn. Nhưng thành phần tốt như vậy cũng không dễ nghe theo ta, trừ khi ta đã từng cứu mang, cứu giúp họ ở nhiều đời trước, đời này họ mới chấp nhận ta là ân nhân, bằng lòng hợp tác. Muốn như vậy, tất nhiên ta phải giỏi, giàu và tốt hơn họ. Và sau cùng là có đủ phương tiện trong tay, thực tế là tiền bạc. Muốn xây dựng chùa, bố thí, cúng dường hay bất cứ hoạt động nào, tất yếu cũng cần có tiền.

Tu Đại thừa, có đủ các phước vừa kể thì dễ dàng hành đạo. Giới là điều cần thiết, nhưng tôi thấy **phước quyết định sự thành bại**, không phải tài quyết định. Phước cho chúng ta nhiều may mắn trên đường hành đạo, còn tài thì dễ bị người đố kỵ và thường kèm theo tai họa. Nhiều Thầy không giỏi, nhưng làm được nhờ có phước; nhiều người giỏi, nhưng "tài và tai một vắn".

Văn Thù Sư Lợi đưa đại chúng đến Phước Thành quan sát Thiện Tài là người có đủ phước rồi mới hành Bồ tát đạo. Chữ "Thành" (Phước thành) chỉ cho ngũ uẩn thân, chỗ ở của linh hồn. Ngũ uẩn thì giống nhau, nhưng khác nhau ở điểm cấu tạo bằng phước đức, hay bằng trần lao nghiệp chướng. Hành Bồ tát đạo, ta phải từng bước thay đổi cấu trúc bên trong, từ nhà ngũ uẩn trần lao nghiệp chướng chuyển đổi thành nhà phước đức hay vô lậu ngũ uẩn. Để

chọn người truyền trao chánh pháp, Văn Thù tìm Thiện Tài có đầy đủ phước đức, tâm hồn phóng khoáng, dễ thương, sức khỏe tốt, ông đến đâu thì của báu tự trời lên.

Phát xuất từ Phước Thành hay người có phước mới lên được. Với bản chất thông minh và phước đức của Thiện Tài, Văn Thù dạy rằng trên bước đường cầu Vô thượng Bồ đề, đừng bao giờ tự mãn, thấy đủ; học cùng kiếp cho đến khi không có gì không biết, tức thành Phật mới thôi.

Văn Thù cũng nhắc nhở Thiện Tài cầu học với thiện tri thức, đừng vội vã đánh giá họ hay việc làm của họ. Vì họ hơn ta một cái đầu, ta không thể hiểu nổi phương tiện thiện xảo của các thiện tri thức. Thật vậy, kinh nghiệm tôi thuở bé đã từng đi mua rượu thịt cho ông Thầy dạy học, tôi không hề khi dễ ông và học được với ông rất nhiều điều hay. Con đường tu của tôi thăng hoa cũng nhờ đi theo hướng mà ông chỉ dạy.

Các Hòa thượng cũng thường nhắc ta rằng vì viên ngọc quý, đừng chấp cái da, là "Y pháp bất y nhơn". Ta giận trụ trì, ghét Pháp sư mà không tiến thân được, là tự hại mình. Tôi thấm thía điều này. Mình nhỏ mà thấy những cử chỉ không hay của người lớn, rồi xem thường họ là tự chuốc họa vào thân, vì họ đuổi ta được, hại ta được dễ dàng. Ta chỉ học điều hay của họ thôi. Còn điều dở xấu nhưng họ chưa bị quả báo, thì ta nên suy nghĩ. Họ thọ quả báo, thì ta học và tránh được điều này. Nếu bất mãn, vận động gây uy thế để lật đổ người, rồi cuối cùng phải xách gói

ra đi. Theo tôi, thất bại hay thành công của người đều là kinh nghiệm cho ta học, đó là thái độ đúng đắn của người học Phật. Trên bước đường tu, có lúc tôi bỏ đi, nhưng Thầy nhìn nhận rằng nhờ ra đi mà tôi có được thành quả tốt, vẫn lưu lại cảm tình với Thầy.

Chúng ta nên cân nhắc cách xử trí của thiện tri thức, nghĩa là học khôn của người, không phải học chữ nghĩa. Học được tất cả hay dở của thiện tri thức dùng làm kinh nghiệm cho ta và trả ơn rồi thì tạ từ mà đi, đừng ở lâu, mọc gốc rễ. Chùa cao Phật lớn đi không đành là đọa. Văn Thù Sư Lợi nhắc dù khó mấy cũng gắng học cho xong, dù sướng mấy cũng bỏ đi, tất cả đều nhằm tiến đến mục tiêu.

Thiện Tài sanh ra đời, việc đầu tiên là phải gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ tát trước. Thế giới Hoa Nghiêm gọi cho chúng ta rõ điểm này. Chúng ta tu được nhờ nhân duyên căn lành, sanh nơi nào có Bồ tát lớn hiện thân giúp đỡ. Trên bước đường tu, mở đầu không gặp thiện tri thức chỉ dạy, rất khó tu. Thực tế thường thấy có người muốn tu không được vì luôn gặp hoàn cảnh xấu, gặp người xấu dẫn dụ họ theo đường tà.

Nhờ gieo trồng căn lành sâu dày, Thiện Tài được Văn Thù tự tìm đến khai ngộ và khuyên nên đến Đức Vân Tỳ kheo để tu học. Thiện Tài vâng lời, sau khi học đạo với Đức Vân, Thiện Tài tiếp tục xả thân cầu đạo khắp nơi, học hỏi với năm mươi ba vị thiện tri thức. Điều này cho thấy trong quá trình tu, được khai ngộ, cũng

chưa đủ, mà còn đòi hỏi chúng ta phải hạ thủ công phu. Không ngại gian lao để tầm sư học đạo và chịu cực khổ rèn luyện đức tánh tốt, trau dồi trí năng mới trở thành mẫu người có khả năng giữ gìn giếng mối đạo pháp.

1- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Đức Văn Tỳ kheo

Thiện Tài đồng tử là Bồ tát tái sanh nên căn lành sâu dày, rộng lớn vô cùng, mới được ngài Văn Thù tìm đến khai ngộ, dạy cho đồng tử đạo Bồ đề để nhận thức được khổ đau sanh tử trầm luân mà tránh được nhiễm ô trần thế. Trên bước đường tu, gặp được minh sư hướng dẫn là điều vô cùng quan trọng. Vì trong thực tế cuộc sống, chúng ta thấy nhiều người tuy có căn lành, nhưng không được phước duyên gặp Bồ tát chỉ dạy, thì sẽ bị người đời nhồi nặn một lúc, họ cũng trôi lăn theo dòng sông mê bể khổ.

Thiện Tài thì khác hẳn, nhờ Bồ tát Văn Thù khai tâm, liền nhớ ngay cõi này là chốn giả tạm, khổ đau, không phải là chốn quê nhà vĩnh hằng của ông. Nhận thức sâu sắc như vậy, Thiện Tài một lòng cầu thỉnh Bồ tát Văn Thù chỉ dạy phương cách thoát ly trần ai khổ lụy.

Văn Thù Sư Lợi khẳng định chỉ có một cách duy nhất là tầm sư học đạo. Thật vậy, khi đã ý thức rõ cuộc đời là huyễn ảo, xấu xa, chúng ta phải hướng tâm đi tìm cái chân thực, tốt đẹp vĩnh hằng. Thiện Tài có cả gia nghiệp đầy đủ của báu, không thiếu gì, nhưng ngài thấy nó chỉ tạo thêm ràng buộc, nên sẵn sàng từ bỏ để dẫn

thân tìm đạo. ĐứcPhật Thích Ca xuất gia cũng với ý thức hoàn toàn buông bỏ dục lạc mới đạt được quả Vô thượng Đăng giác. Còn chúng ta không có gì mà còn muốn tạo thêm, nhiều tham muốn quá, chắc chắn cách đạo còn xa, khó lòng đi trọn con đường giác ngộ.

Tuy nhiên, việc tầm sư học đạo không đơn giản. Riêng tôi, từ lúc mới 12 tuổi đầu, mang chí xuất gia cũng khổ vô cùng với vấn đề tìm chùa để tu, tìm Thầy để theo học đúng chánh pháp. Vì vậy, có người tu một lúc rồi cũng quay trở về. Đi một đoạn đường tu tương đối còn nhiều người, nhưng đi cho trọn Phật đạo thì thật là hiếm.

Nếu may mắn gặp Văn Thù trên đường tìm đạo thì còn gì hạnh phúc hơn. Thuở nhỏ, tôi được nhiều người giúp đỡ. Đặc biệt có một Hòa thượng rất giỏi về thuốc Bắc và uyên thâm Hán học. Bất chợt, ngài gặp tôi ở Đức Hòa và bảo tôi nên về chùa Huệ Nghiêm ở Thủ Đức tu với Hòa thượng Trí Đức là cố Viện chủ Tổ đình Huệ Nghiêm. Nghe lời chỉ dạy đó, tôi lợi bộ từ Củ Chi đến Đức Hòa, rồi đi ngược trở về Thủ Đức, không có một đồng xu lặn lưng. Với duyên may ấy đã đưa tôi đến nương với Hòa thượng Huệ Nghiêm, tiến tu đến ngày nay.

Thiện Tài được khai ngộ và phát tâm Bồ đề rồi, Văn Thù cho biết việc của ông đến đây là xong và khuyên từ đây về sau Thiện Tài nên hành Bồ tát đạo, dẫn thân vào đời để tìm chơn thiện tri thức, không phải ngụ thiện tri thức.

Văn Thù chỉ dạy Thiện Tài nên đi về phương Nam, trên đỉnh núi Diệu Phong học đạo với Tỳ kheo Đức Vân đang tu Bồ tát hạnh. Muốn hành Bồ tát đạo mà lại tìm Thanh văn để học là chuyện trái ngược, nhưng Thiện Tài vâng lời dạy không chút nghi ngờ, rồi hướng về hư không lạy, đền ơn tri ngộ.

Tìm Tỳ kheo trên đỉnh núi cao, nghĩa là người cầu đạo phát tâm Bồ đề phải hướng ý chí đến quả vị cao nhất là Phật. Tìm đạo với Tỳ kheo, vì đó là đệ tử Phật đang tiến trên lộ trình cầu thành Phật quả. Thật là Tỳ kheo thì phải thể hiện năm đức tánh tiêu biểu. Trước nhất, Tỳ kheo có hình tướng giải thoát khiến người từ xa trông thấy đã phát tâm. Khi đến gần, nhận thấy lời nói, dáng đi, cử chỉ của Tỳ kheo đều đáng cho ta kính trọng. Và càng tiếp xúc, gần gũi nhiều năm với Tỳ kheo, ta chỉ thấy những điều tốt của họ và cuộc sống thánh thiện ấy tác động cho ta hưởng hương vị giải thoát. Tâm hoàn toàn thanh thoát, hướng thượng, gần gũi và học với người cao thượng là con đường mà Văn Thù dạy chúng ta phải trải qua trên bước đường tu, đi tắt vào đời không được. Tỳ kheo Đức Vân ở trên núi nhiều năm cũng làm bao nhiêu việc bình thường, nhưng hơn người thế tục ở năm đức tánh thánh thiện trên.

Nghe lời Văn Thù, Thiện Tài khao khát đến núi Diệu Phong tìm Đức Vân Tỳ kheo, nhưng tìm hoài không gặp. Sau khi đi vòng quanh núi bảy ngày, mới thấy một vị sư đang chậm rãi đi kinh

hành ở đỉnh núi toát ra đức hạnh cao cả như ngọn núi cao mà ngài đang sống.

Phải mất một tuần mới tìm được Đức Vân, hay nói cách khác, chúng ta tu hành luôn luôn có giai đoạn thử thách. Trong một tuần cầu đạo, lòng chúng ta thường quyết tâm đến độ cao, dù tan thân mất mạng cũng cam chịu. Khi nghĩ lên núi tu tưởng là đơn giản, dễ dàng, nhưng thực tế không như ta mơ tưởng. Chẳng hạn như từ chân núi Thị Vải leo lên, một thở không ra hơi, chẳng thấy bóng lai tiên cảnh hay bóng dáng tiên nào cả, chỉ có nắng chang chang, toàn là đá với đá, khiến ta bắt đầu nản chí tang bồng. Suốt một tuần tìm đạo, người không có căn lành cảm thấy buồn thiu, chán ngắt và bắt đầu nhớ gia đình. Trái lại, với người có căn lành sâu dày nơi Phật đạo, cảnh u tịch của núi rừng tác động cho tâm hồn họ trở nên nhẹ nhàng, trong sáng. Từ một ngày đến bảy ngày, họ quên hết thế sự, kể cả gia đình. Lúc đó, chỉ một lòng thiết tha cầu đạo mới gặp được Đức Vân.

Thiện Tài trong một tuần quyết tâm tìm thì Đức Vân xuất hiện. Và với căn lành có sẵn, khi thấy đạo hạnh của ngài sáng ngời, chỉ trong khoảnh khắc, thân tâm Thiện Tài liền thanh tịnh. Người có căn lành tu dễ dàng, chỉ nhìn thấy là đắc đạo liền, vì đời trước đã từng tu, đã thực hiện các pháp lành của Phật, nên nay thấy quen thuộc. Giữa Thầy và họ liền hợp nhau, thông nhau và bằng quyết tâm cầu giải thoát, chỉ trong chớp mắt tiếp nhận được sở đắc của Thầy.

Văn Thù bảo Thiện Tài tìm Đức Vân, nhằm nhắc nhở chúng ta sơ tâm học đạo cần phải tìm một vị danh Tăng, một người đức hạnh để nương theo. Đó là ý thức đầu tiên cần có, vì trên đường tu, người sơ tâm mà gặp người phiền não thì nghiệp chướng trần lao phát sanh.

Đức hạnh là việc quan trọng chính, trước nhất xuất gia phải nương tựa với người phước đức, ví như cây tùng không bị phong ba bão táp quật ngã. Bước đầu tu không giữ đức hạnh thì càng về sau, cuộc đời tu của chúng ta càng khó khăn vì bị người bơi mót tội lỗi. Riêng tôi may mắn được cầu pháp với Hòa thượng Huệ Nghiêm. Niềm tin của Hòa thượng đối với Phật rất cao và tấm lòng của Hòa thượng đối với đạo cũng hiếm người có được. Cách hành đạo của Hòa thượng tôi thấy rõ là Ngài không đòi hỏi bất cứ quyền lợi nào, chỉ mong được đến trả ơn Phật. Ngài sợ thời gian trôi qua mà đạo quả chưa thành, nên lúc đại chúng ngủ, Hòa thượng vẫn tiếp tục lạy Phật, trì chú, khiến tôi sanh tâm kính trọng và cũng bắt chước nỗ lực công phu tu tập như ngài. Nghĩa là tôi đã nương được đức hạnh của Hòa thượng. Ngược lại, chúng ta theo vị Thầy chỉ lo tham đắm thế gian thì rõ ràng đang tiến bước trên đường ác.

Để thâm nhập Pháp giới, kinh Hoa Nghiêm đảo ngược thứ tự, theo đó thứ nhất tu chùa, thứ nhì tu chợ, thứ ba mới tu nhà. Nói cách khác, vào chùa học đạo Vô thượng của Như Lai xong, mới đem Phật pháp vào xã hội và sau cùng trở về hướng dẫn gia đình.

Bước đầu tìm cao Tăng học đạo, tìm người đức hạnh sánh bằng trời cao, tiêu biểu bằng hình ảnh Đức Vân Tỳ kheo, để rèn luyện mình thành người đạo đức. Từ đây, phải làm theo tất cả phương tiện mà vị thiện tri thức dạy. Ở giai đoạn này, phần lớn thiện tri thức dạy chúng ta tích tụ công đức, nên làm việc nặng nhọc thay cho mọi người không biết nhàm chán, mới là cầu đạo thật. Như Huệ Năng bửa củi, gánh nước, giã gạo, sau ngài thành Tổ, thể hiện rõ nét gương sáng nhập Pháp giới. Trái lại, chúng ta thấy phần lớn những người lánh nặng tìm nhẹ, thích làm việc nổi cho nhiều người biết, thì cuối cuộc đời của họ cũng chẳng ra sao.

Tôi sớm ý thức sự quan trọng của việc tích lũy công đức trên bước đường tu, từ thuở ấu thơ mới vào đạo, đã siêng năng làm những việc nặng nhọc mà người khác thường chê bỏ, trốn tránh. Nhờ cực khổ công quả cho Phật lâu ngày, tích tụ thành công đức, giúp tôi thăng hoa cuộc sống đạo hạnh đến ngày nay.

Biết nương theo người đạo đức để tự sửa mình cho trong sạch, mới dễ tiến xa. Tôi thấy trên thực tế, có nhiều chùa vắng người ở, nhưng có Thầy lại kiếm không được chùa để ở. Chúng ta phải tự xem tại sao người không dung chứa mình. Theo ý tôi, rõ ràng là tại ta không có đức hạnh, xuất gia tu học không đúng pháp mới ra nông nổi ấy. Thiết nghĩ lo tu bồi cội đức thì sau này có điều kiện tốt cho ta phát triển khả năng. Những người thiếu đức hạnh, dù giỏi cũng không dùng được. Việc tu hành trước tiên phải lo rèn luyện đức hạnh tốt khả dĩ thay Phật giáo hóa độ sanh.

Luyện mình thành người đức hạnh, tức ba nghiệp thuần hòa, chỉ quyết tâm làm đạo, việc bình thường khác không nghĩ đến và không làm. Một người có đức hạnh thật, chắc chắn người khác nhìn thấy phải có cảm tình ngay. Không đức hạnh, ăn nói bừa bãi, hiện tướng hung dữ, thì có năn nỉ, người ta cũng không cho mình ở, dù chùa còn phòng rộng thênh thang.

Thuở nhỏ, tôi may mắn gặp quý Thầy thường nhắc nhở, dạy tôi phải làm những việc gì để trở thành người đức hạnh. Tôi vâng lời làm đúng vậy, nên đến đâu cũng được thương mến. Chỉ nhìn những gì tốt, hay, phải mà bắt chước theo. Tôi thấy những Thầy khác thường phạm sai lầm vì chỉ biết những việc xấu của người, còn việc đáng làm, nên biết, thì lại ở ngoài tai, không đụng đến. Nghe lời Thầy, tôi không màng quan tâm đến việc lật vạt của người khác, nỗ lực học kinh điển và sống hòa với đại chúng. Tôi công quả, làm được việc, thì người mới cho ở và thương được. Tôi làm Hương đăng thì trang hoàng bông trái đẹp để, quét dọn sạch sẽ. Làm vệ sinh nhà cầu thì cũng siêng năng làm sạch không ai bằng. Thiết nghĩ chúng ta hiện hữu nơi nào đều cần thiết, lợi ích cho người; nói cách khác, có tài và đức tánh tốt, đó là đức hạnh.

2- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Hải Vân Tỳ kheo

Khởi đầu bước đường tu học, Văn Thù Bồ tát khuyên Thiện Tài lên núi cao tìm Đức Vân Tỳ kheo để học giới đức, tu tạo đức

hạnh. Lên núi cao, hay nói cách khác là nâng đức hạnh ta cho cao, tức thành tựu việc làm lợi tha và ý niệm tốt nhờ nương tựa với người đức hạnh. Vì muốn xuất trần, phải tìm Thượng sĩ.

Không rèn luyện đạo đức, chúng ta cũng y như người đời. Thực tế, không ít giáo sư giảng hay, nhưng không ai theo vì họ thiếu đức hạnh, thiếu tư chất của người tu. Học đạo, tìm người đức độ thân cận, nhất định một thời gian sau, ta cũng trở thành người đạo hạnh.

Tìm được Thầy có đạo đức để học hỏi rồi, khi vị này không có gì để dạy bảo nữa, thì nếu họ thương đạo, chắc chắn cũng khuyên ta nên tiếp tục con đường phát triển tri thức với một vị Thầy khác. Sau đó, tiếp tục con đường tu bằng cách vào Phật học đường tìm tri thức, nhưng lúc nào trong lòng ta cũng ghi đậm hình ảnh vị chân sư khả kính đã un đúc cho ta đức hạnh ở bước đường tu tập ban đầu. Nhờ vậy, hành động, lời nói, ý tưởng của ta vẫn thể hiện đạo đức đã học được với Thầy. Song song với việc mở mang kiến thức, chúng ta vẫn giữ được tinh thần giải thoát và đạo hạnh trong cuộc sống thường nhật.

Theo tôi, những Tăng Ni vào trường học mà không có mẫu Thầy lý tưởng để tôn thờ, để nương tựa tâm linh, thì dù có tri thức, cũng khó tiến tu được. Tôi thấy nhiều người học rất giỏi, nhưng thiếu đức, thường sử dụng thủ đoạn, cuối cùng kết thúc cuộc đời thật bi thảm.

Thiện Tài học với Đức Vân, rèn luyện thành tựu đức hạnh và đến đâu cũng thể hiện được việc tốt, thì Đức Vân cho biết sở đắc của ông chỉ có chừng ấy, còn pháp Bồ tát thì vô lượng, Thiện Tài nên tiếp tục tham phương học đạo với vị Tỳ kheo Hải Vân.

Thiện Tài đánh lễ Đức Vân tạ từ ra đi về phương Nam đến nước Hải Môn tìm Hải Vân để biết thế nào là đạo Bồ tát và hành đạo Bồ tát như thế nào. Giai đoạn hai, học với Hải Vân là học trí tuệ, sau khi đã hoàn tất việc học đạo đức ở giai đoạn đầu. Kinh ghi rằng Hải Vân tu bằng cách quán sát biển cả.

Quán sát biển rộng bao la và sâu thăm thẳm, tâm của Hải Vân cũng trở thành rộng sâu, dung chứa được muôn loài. Từ loài nhỏ nhất đến lớn nhất, hình dáng, sinh hoạt của chúng đều hoàn toàn khác nhau, nhưng đều dung hòa, sống yên ổn trong lòng Hải Vân.

Chúng ta sinh hoạt trong pháp hội đạo tràng ở nhân gian có người thiện, kẻ ác, đầu tiên chúng ta chỉ dung được người tốt, không thể thương người xấu. Bước theo gót chân của Thiện Tài đến học đạo với Hải Vân, chúng ta cũng tập nhìn biển cả để mở rộng lòng mình. Khi có những trận mưa to, nước nguồn khắp nơi đổ về, mà biển không đầy thêm; lúc không mưa, biển cũng không vơi đi. Từ đó, chúng ta luyện tâm bình đẳng, nhìn mọi loài, mọi người bằng ánh mắt dung thông và nỗ lực giúp đỡ những gì nằm trong tầm tay ta.

Ngoài ra, quán sát biển cả, thấy nhiều cửa báu nằm trong lòng biển. Phật dạy trong tâm người cũng có cửa báu, nếu biết khai thác thì sẽ đạt Thánh quả. Quán sát biển mênh mông, tâm chúng ta rộng theo, biển chứa nhiều cửa quý, tâm chúng ta dung chứa được nhiều người. Đó là pháp thứ hai của Bồ tát lần đi vào Pháp giới.

Hai vị thiện tri thức đầu tiên tiêu biểu bằng hình ảnh hai Tỳ kheo. Tỳ kheo là một trong bốn chúng đệ tử của Phật. Phật đã diệt độ, chúng ta không gặp Ngài thì trước tiên phải tìm vị Tăng cao thượng, có đức độ, có tâm hồn bao la dung chứa được muôn loài hữu tình.

Hải Vân cho biết ngài đứng ở bờ sanh tử thấy cuộc sống nhân sinh ở dạng như vậy, nhưng hành đạo phải vào cuộc đời để trải nghiệm pháp đã học, thì Thiện Tài nên tìm Thiện Trụ Tỳ kheo. Giai đoạn hai, học kinh luật với Hải Vân để phát triển tri thức và giai đoạn ba, học với Thiện Trụ để ứng dụng trong cuộc sống tu hành.

3- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Thiện Trụ Tỳ kheo

Nhờ học với Hải Vân là người thâm nhập Phật huệ, trí sâu như biển cả, Thiện Tài quán sát được mọi loài, phát tâm từ rộng lớn với tất cả chúng sanh. Từ đó, Như Lai xuất hiện, thọ học được với Như Lai, thành tựu được công đức hải, Thiện Tài đi về phương Nam, gặp Thiện Trụ Tỳ kheo đang đi kinh hành trong hư không.

Đi kinh hành trong hư không, hay an trú pháp Không, lòng Thiện Trụ hoàn toàn thanh thản, không cố chấp, không vướng mắc bất cứ điều gì. Vì khéo an trú trong Phật pháp như vậy, mới có danh xưng là Thiện Trụ. Đối với người lòng không chấp trước thì sống ngay trong ngũ trước mà chẳng khác Niết bàn.

Với quá trình đã vượt qua hai chặng đường trước, sống với bát ngát của biển cả, lòng rộng như trời cao, đức hạnh bao trùm như mây phủ bầu trời. Từ đó, Thiện Tài mới nhẹ nhàng bỏ lại phía sau những tầm thường, nhơ bẩn của thế gian, thâm nhập Thiền quán, an trú pháp Không, phiền não trần lao không làm hoen ố được. Điều này nhắc nhở chúng ta nếu chưa đạt được trí tuệ và thành tựu đức hạnh mà vào Thiền định thì chỉ là giả danh Thiền sư.

Tu tập Thiền quán tức vận dụng trí tuệ, sự hiểu biết của ta được nung nấu đến tâm thành trống không, đắc được pháp Không mà kinh điển tả là Thiện Tài đến núi Lăng Già gặp Thiện Trụ. Kinh Lăng Già nói về pháp Tổng trì, tức đại định, tâm Không.

Với tâm Không, hoàn toàn an định, Thiện Tài mới diện kiến được Thiện Trụ đang kinh hành trong hư không và hiểu được pháp hành của vị thiện tri thức này. Ngược lại, nếu tâm còn kẹt những kiến thức bình thường bên ngoài, thì không thể nào gặp được Thiện Trụ.

Trước khi vào Thiền định, đã có phước đức, trí tuệ, thì vào Định khỏi phải bận tâm lo việc ăn mặc chỗ ở, hay các thứ lặt vặt khác.

Trong Thiên định, chúng ta mới có thời gian quán sát lại Phật pháp đã học được. Chưa học mà tu, chỉ là tu mù, vì vào Định lấy gì để suy tư, nếu chỉ suy tư việc thế gian là rơi vào tà định. Còn Định để không biết gì là than nguội, củi mục. Theo Trí Giả đại sư, phải chuẩn bị hai mươi lăm phương tiện trước khi vào Định và pháp thứ hai mươi sáu là những gì ta học được với Hải Vân, nhờ đó không rơi vào cảnh giới ma.

Vào Thiên định rồi, cuộc sống không liên hệ với con người bình thường, sống hoàn toàn với nội tâm. Người ngoài không thể thấy được sinh hoạt nội giới ấy, nhưng việc đó mới thực sự quan trọng đối với người tu. Từ đó, đi lần vào thế giới tâm thức, Thiện Trụ dạy Thiện Tài tham quan thế giới chư Phật mười phương.

Tỳ kheo vào Định, tập trung tư tưởng tạo thành linh giác đi khắp Pháp giới, thấy được chư Phật hiện tiền và nghe được pháp âm Phật. Nhưng người ngoài thấy họ ngồi bất động, không đi, không tu, nhưng đó mới thật là đi, thật là tu. Thiện Trụ cho biết ngài thấy rõ thế giới Phật. Mỗi một lần vào Định là một lần tham quan Pháp giới, nhưng tham quan bằng tâm thức, nên thực tại vẫn ngời yên. Sau khi thâm nhập thế giới Phật, trở lại tham quan sáu đường chúng sanh xem chúng suy nghĩ và hành động như thế nào. Từ đó, thấy chúng sanh không theo hình tướng bên ngoài, nhưng thấy rõ căn tánh, hành nghiệp của chúng từ địa ngục A tỳ đến Trời Hữu đánh, mà chúng không hề hay biết có người gần gũi, sống cạnh chúng.

Đó là việc làm của Thiện Trụ tuy ngồi một chỗ, sống trong đại định, nhưng lực tác động tỏa ra ảnh hưởng lợi lạc cho mọi loài. Tất cả hàm linh đều nhận được sự giáo hóa của ngài. Chư Thiên, Dạ xoa, Càn thất bà, Long vương... và các loài vô hình đều đến cúng dường ngài.

Sau khi học thành tựu trí tuệ vô lậu với Hải Vân rồi, mới nhìn thấy pháp hành thực sự của Thiện Trụ Tỳ kheo. Nếu không có trí, nhìn chung chung sẽ thấy Thiện Trụ cũng giống như các Tỳ kheo khác. Quan sát bằng mắt huệ thì thấy không ai giống nhau, thấy Thiện Trụ chẳng làm gì, chỉ nhiếp tâm tu mà chư Thiên cung kính cúng dường, là đạo Bồ tát mà Hải Vân dạy Thiện Tài đến Thiện Trụ học cho được.

Chư Thiên vô hình, chúng ta không thấy, trừ khi phát huệ như Thiện Tài mới thấy. Tuy nhiên, chúng ta có thể hiểu trên thực tế, chư Thiên tiêu biểu cho phước đức, được người giàu có nhất trong vùng thường đến cúng dường, không cần đi xin. Dạ xoa, La sát hung dữ, kỳ khôi nhất cũng trở thành hiền lành, hộ đạo đối với Thiện Trụ.

Trên tinh thần ấy, học đạo Bồ tát là phải học cho được pháp hành vô hành của Thiện Trụ, không cử thân động niệm, nhưng mọi việc đều thành tựu, sống nhẹ nhàng, thanh thản, giáo hóa chúng sanh mà không hề bị chúng mê hoặc, hay làm trở ngại việc hành Bồ tát đạo.

Thiện Tài gặp Đức Vân, Hải Vân và Thiện Trụ Tỳ kheo tiêu biểu cho ba việc làm kiểu mẫu của người xuất gia, thành tựu đạo đức, tri thức và pháp vô vi nhơn phục. Rèn luyện được ba mẫu này rồi, mới có đủ tư cách dẫn thân vào đời độ sanh, đến học với vị thiện tri thức thứ tư là Di Già.

4- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Di Già

Trên lộ trình cầu đạo, Thiện Tài đồng tử gặp Tỳ kheo Đức Vân, Hải Vân và Thiện Trụ, hay đó là ba giai đoạn tu cần thiết cho bất cứ ai muốn hành Bồ tát đạo.

Có thể hiểu ở giai đoạn thứ nhất, chúng ta gặp người đức hạnh quá lớn nên cảm đức mà nghiệp trần lao của ta tự mất, phát tâm tu và tự rèn luyện đức hạnh đến khi thành tựu thì ở thêm cũng không lợi ích. Vì vậy, chúng ta cầu phát huy trí tuệ ở giai đoạn hai, gặp được Hải Vân Tỳ kheo, tiêu biểu cho sự hiểu biết rộng như biển cả, giải được tất cả thắc mắc cho ta. Và bước thứ ba, chúng ta học nhiều, nhưng không dao động, là nhờ gặp Thiện Trụ Tỳ kheo an tâm.

Tâm Thiện Tài ổn định rồi, Thiện Trụ mới khuyên đi về phương Nam, đến tụ lạc là chợ trời, tìm gặp ông Di Già để biết rõ đạo hạnh của Bồ tát. Di Già buôn bán ở chợ, nơi đó người buôn bán hơn thua, có đủ loại ngôn ngữ. Trên bước đường tu, nếu không học Thiện Trụ thì những thứ xấu ác này sẽ làm ta phát sanh phiền não và thối tâm Bồ đề. Ý này rất quan trọng. Gặp Thiện Trụ

xây dựng cho ta tâm kiên cố, từ đó bước chân vào cuộc đời dù gặp nhiều cám dỗ, chúng ta vẫn không bị ô nhiễm. Trí chưa sâu, tâm chưa an định, đức hạnh không có mà vào đời độ sanh thì chưa độ được ai, đã tan thân mất mạng. Vì tâm chưa ổn, gặp việc cuống cuồng, sân si; không đức hạnh thì bị người xem thường, đánh chết; không trí khôn thì bị người lường gạt.

Ở chùa, trang bị được tâm an định, trí tuệ cao và đức hạnh lớn. Đây đủ ba tư cách này mới dẫn thân vào đời, đi vào chợ, gặp ngay Di Già là Bồ tát hành đạo ở chợ với tâm hoàn toàn thanh thoát. Ta ẩn tu ở núi, chưa thực sự giải thoát. Đức Phật dạy giải thoát thực sự là giải thoát ngay trong cuộc đời. Đức Phật không dạy chúng ta thành người gỗ đá, nhưng luyện chúng ta thành người cứu đời, làm lợi ích cho người.

Thiện Tài quan sát thấy Di Già buôn bán ở chợ, nhưng không giống bất cứ người buôn bán nào ở trần thế. Đó là điều quan trọng khi chúng ta tìm bạn, tìm được người ở trong đời nhưng có hành động, ngôn ngữ, cuộc sống khác đời, cao quý hơn đời. Người buôn bán tốt, có đạo tâm khác với người đời buôn bán chụp giựt.

Thiện Tài vào học đạo với Di Già, quan sát thấy ông buôn bán giao dịch đã lâu mà phẩm chất Phật tử vẫn còn. Ông nhận thấy nơi Di Già cái gì cũng hay. Bên ngoài ông buôn bán bình thường, nhưng nội tâm hoàn toàn thanh tịnh. Trước ở chùa thanh tịnh là

điều bình thường. Nay tiếp xúc với đời, tâm vẫn bình thản, khác với người ở chùa mà tâm ở chợ.

Bồ tát ở chùa thì tâm cũng ở chùa, vào chợ tâm vẫn ở chùa. Tâm hoàn toàn không thay đổi, lắng yên và hành sử không phạm sai lầm. Đó là điều khó trên bước đường tu chuyển từ Thanh văn sang Bồ tát. Thật vậy, ta sống trên đời nhưng giữ tâm trụ lại thường dễ bị khờ; còn không nghĩ gì đến đời thì không biết đời. Tuy nhiên, Di Già dạy đồng tử Thiện Tài trụ tâm một chỗ, không kẹt pháp, nhưng vẫn thấy pháp một cách chính xác.

Từ đó, Thiện Tài bước vào chợ nhằm mục tiêu hướng thiện cho người. Ông làm hạt nhân tốt ảnh hưởng cho người tốt theo. Người buôn bán với ông dần dần trở thành ngay thẳng, lương thiện.

Thiện Tài không biết Di Già làm cách nào mà được như vậy. Di Già cho biết nhờ vào chợ mới đạt được Đà la ni, có sự phản ảnh tốt xấu, động tịnh trong chợ giúp ông phát hiện được pháp ấy. Nghĩa là ông nhìn cuộc đời, hiểu được người, biết được họ muốn gì và biết cả cách hành sử của họ. Ý này nhắc chúng ta vào đời cần phải biết rõ về người là điều quan trọng nhất. Vì biết được tánh và phản ứng của người, chúng ta mới cảm hóa được họ, chuyển họ thành người tốt.

Giai đoạn ở chợ chạm với thực tế là chỗ tranh giành, dối trá, lường gạt, gây gỗ... Tất cả xấu ác này đập vô mắt, vô tâm, Di Già lấy đó làm đối tượng hành Bồ tát đạo. Gặp người ương ngạnh,

ông dùng lời êm dịu; ở chợ đầy tham sân phiền não thì ông luyện được tâm thuần từ nhất; đụng chạm với cuộc đời quá khắc nghiệt mà ông thành tựu được ái ngữ. Chỉ có Di Già giải quyết được việc nhờ trí sáng suốt, lời nói êm tai mát lòng phát xuất từ tâm thương người, độ người; không phải lời nói ngọt trên đầu môi chót lưỡi. Luyện tánh này đến điểm cao nhất là chúng được được Đà la ni thì ai trông thấy ông đều hoan hỷ, đều vâng theo lời chỉ dạy, dù người hung hăng mấy cũng trở nên hiền lành đối với ông.

Tu ở chùa gặp việc tốt, bình ổn là điều bình thường; nhưng đi vào chợ thì hoàn toàn khác hẳn. Di Già ở chợ buôn bán không phải để kiếm ăn, nhưng vì đạo là việc chính yếu của Bồ tát. Nghĩa là đối với Bồ tát, Chơn đế và Tục đế đều dung thông. Ở Tục đế thì đời muôn mặt, nhưng người hành đạo phải hoàn toàn thanh thản, không vướng bận gì. Trên tinh thần ấy, đối với người tu Tiểu thừa, Phật dạy người tu không được liên hệ đến chính trị, buôn bán. Nhưng với người theo Đại thừa, hành Bồ tát đạo, Phật cho phép làm tất cả, nhưng phải giữ được tâm hồn giải thoát.

Tiếp xúc cuộc đời, chúng ta biết tất cả mảnh khoé của đời, không ai lừa được. Nhờ giai đoạn trước đã học, tu có trí tuệ, chúng ta thấy được cạm bẫy và dạy cho người tránh khỏi. Đó là mẫu Di Già mà kinh Hoa Nghiêm đưa ra cho những ai muốn dẫn thân vào đời hành đạo.

Di Già thấy Thiện Tài đến vội vàng đánh lễ Thiện Tài ba lạy và mang những kinh nghiệm sở đắc nói cho Thiện Tài. Điều này cho

thấy khi chúng ta tu hạnh Thanh văn, tự rèn luyện thành người cao cả, trí tuệ rộng lớn, không nhiễm trước. Sau đó, bước vào đời chẳng những không bị hại mà còn gặp người đối xử tốt hơn. Di Già lấy hải ngạn chiến đàn dâng cúng Thiện Tài, cũng có nghĩa là nhập được Pháp giới, tất cả đều chuyển thành Phật quốc.

5- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với trưởng giả Giải Thoát

Di Già dạy Thiện Tài nên học thêm nhiều lãnh vực sống khác, như ở phương Nam có tụ lạc Trúc Lâm, nơi đó trưởng giả Giải Thoát sinh sống. Ông có một sự nghiệp rất lớn, giàu có, nhưng không hề quan tâm đến mà tài sản vẫn không bị mất mát.

Chúng ta thường thấy có ba hạng người giàu có ở thế gian. Hạng thứ nhất do lừa đảo mà giàu, thì ngày trước sống sang trọng như ông hoàng, ngày sau vô nhà đá. Trong thoáng chốc, sự nghiệp tan như mây khói. Phật tử không nên làm giàu theo kiểu ấy. Việc tạo của cải, phước báu theo Phật đòi hỏi chúng ta phải có đức tánh chân thật, mới có thể tiến xa lâu dài được. Người xưa thường nói chỉ có thể lừa được một người, không lừa được tất cả, lừa được một lần, nhưng không lừa được suốt đời. Tôi có một người bạn giỏi, khôn, nhưng không lừa được ai nữa vì tướng lừa đảo đã hiện rõ. Hạng thứ hai giàu có là do sức lao động tay chân và trí óc của họ. Tuy nhiên, ráng sức tạo được sự nghiệp thì mệt hết hơi, mất mồ, tóc rụng. Nhìn thấy cách làm giàu theo kiểu suốt đời làm tôi mọi cho vật chất, chúng ta cũng khiếp sợ. Kinh Dược Sư

nhắc những người đã chết mà bỏn xẻn lo giữ của cải, thì phải sám hối những lỗi lầm ấy để nhẹ nhàng đi đầu thai.

Loại người kiêu mẫu giàu có mà Phật đưa ra cho các Bồ tát là trưởng giả Giải Thoát. Theo Phật, tu được phước, tạo được đức thì phước đức đó quyết định cuộc sống nghèo giàu của chúng ta. Và chỉ có phước đức mới gắn liền với linh hồn chúng ta, chúng ta đi đến đâu thì phước đức đi theo đó.

Đức Phật chia ra năm loại phước mà chúng ta nên tạo. Phước thứ nhất, sống trên cuộc đời không gì tốt hơn là tâm được an vui. Các Tỷ kheo không có tiền của nhưng là người hạnh phúc nhất vì tâm giải thoát an vui, chẳng khởi tham muốn gì.

Phước thứ nhất, tâm chúng ta luôn thanh thản, không phải tính lo gì. Tuy nhiên, người không biết lo, không biết tính, chẳng có sự nghiệp gì, đó không phải là mẫu trưởng giả mà Phật dạy cho Bồ tát. Trưởng giả theo Phật, tâm không lo, nhưng nắm trong tay cả một cơ nghiệp lớn lao, tốt đẹp.

Từ khởi điểm phước báu là tâm thanh thản, có được phước thứ hai là thân khỏe mạnh. Tâm thanh thản và thân khỏe là nội tài hay hạt nhân đưa ta đến chân hạnh phúc Niết bàn. Được hai phước này, chúng ta vào đời sẽ có bạn tốt. Tôi thấy rõ điều này, người khó tánh thì ít ai dám kết bạn. Người hiền lành, rộng lượng mới có nhiều bạn tốt, làm được nhiều việc. Hoặc tuy nghèo

nhưng có được bạn tốt cũng làm được việc. Phước kế tiếp là có được của cải và nhận thức không sai lầm.

Trưởng giả Giải Thoát giàu có không phải do lừa dối, chup giựt. Ông là người có phước, có đầy đủ năm điều là tâm an, thân khỏe, bạn đối xử tốt, tiền của dùng không hết và quyết định đúng đắn. Từ đó, của cải tự tìm đến ông. Nhưng nếu hết phước, năm thứ này tự ra đi, ta thường nói họa lai thành ám. Họa đến thì trí không còn thông minh, quyết định sai lầm, thường được kinh điển tả là hoa trên đầu chư Thiên bị héo tàn. Vì quyết đoán sai, tài sản bị mất thì người cộng tác cũng sa vào nghèo đói, bất mãn chống đối, ta phải đối phó, sanh tâm buồn bực, đau khổ đến ngã bệnh và chết.

Cuộc đời tốt đẹp, đi lên cũng từ năm phước trên và xuống dốc, mất đi cũng theo hướng đó. Chúng ta nhìn cuộc đời mình và người như vậy mà rút ra kinh nghiệm sống. Thiện Tài nhìn thấy cách sống của trưởng giả Giải Thoát làm giàu nhờ phước báu, mọi việc của trưởng giả đều có người lo liệu, làm thay tất cả. Ông thật an nhàn, không phải làm gì mà vẫn thành công.

Dưới mắt của người thường thấy trưởng giả Giải Thoát không làm gì. Nhưng Thiện Tài nhờ DiGià khai ngộ thấy trưởng giả không làm bên ngoài, nhưng thật làm bên trong. Việc làm trong nội tâm mới quan trọng hơn. Thiện Tài thấy trưởng giả Giải Thoát dưới ba dạng là trí tuệ, phước đức và lòng tốt. Ông làm việc bằng ba nội tài ấy, không giống người đời, mới là Bồ tát. Điều này gợi cho

chúng ta nên nhìn người qua phước đức, trí tuệ và tấm lòng của họ; nếu mất những thứ này sẽ mất tất cả.

Phước nhiều đời mà ta đã khổ công tạo nên, đời này ta mới có đủ năm phước thì phải gìn giữ. Giữ phước dưới dạng tu hành. Kinh nói rằng trong nội tâm, trưởng giả Giải Thoát thường suy nghĩ về thế giới Phật. Ông nuôi phước đức, trí tuệ bằng cách nay thấy thế giới Phật, mai nghe Phật thuyết pháp, ngày nọ thấy Đức Phật khác.

Có thể hiểu rằng trưởng giả tu hành, đọc tụng kinh điển, hình dung được thế giới Phật, nhận chân được chân lý Phật dạy thì trí tuệ sanh, bắt đầu có cái nhìn gần giống Phật. Trí sanh nên sự nhận thức về cuộc đời không còn lỗi lầm sai trái, làm sao sự nghiệp sụp đổ được. Nhờ tiếp cận chư Phật, luôn nghe pháp Phật nên hiểu biết tăng; trở lại cuộc đời thì ông là Phật, không ai hơn được ông. Từ đó, trưởng giả Giải Thoát không phải đối phó, nhưng không ai dám tranh chấp với ông. Vì bằng trí tuệ nhìn thấy căn tánh của người, chỉ một khởi niệm thay đổi trong lòng họ là ông đã nhận ra và ngăn chặn được hành động xấu. Học Phật, nghe pháp để nhìn cuộc đời thấy chính xác, càng chính xác càng quý, giúp chúng ta bảo vệ được tất cả.

Giải Thoát trưởng giả cho Thiện Tài biết sở dĩ người thấy ông không làm vì những chuyện không đáng làm, ông chẳng làm. Việc đáng làm là tiếp cận chư Phật mười phương để học trí tuệ Phật và dùng trí tuệ đó lãnh đạo việc thế gian thì ông đã hoàn thành.

Lãnh đạo theo Phật khác với thế gian; tuy sống nhàn hạ, nhưng hành động đạt được kết quả chính xác, không ai có thể che giấu, lường gạt được là mẫu hành đạo của trưởng giả Giải Thoát.

Trưởng giả nhờ Phật hộ niệm, quyết định sáng suốt, thành công mọi mặt mà vẫn coi như không, xem là huyễn hóa, không để tâm tham chấp sự vật, nên người đời tưởng lầm rằng ông không làm. Trên bước đường tu, nhìn gương trưởng giả, chúng ta tu sao để được Phật hộ niệm, mới có được quyết đoán đúng đắn, dần dần thành công, tạo thêm những phước báu khác. Phước đức có thì sanh ở đâu, của cải tự tìm đến với ta.

Hình ảnh Giải Thoát trưởng giả là mẫu người lãnh đạo ung dung tự tại theo kinh Hoa Nghiêm ngâm chỉ cho nhân vật sống thật là ông Cấp Cô Độc, một vị trưởng giả nổi tiếng hộ đạo thời Phật tại thế. Bề ngoài thấy Cấp Cô Độc không quan tâm đến công việc, chỉ dành thì giờ nghe Phật thuyết pháp, dốc cả tài sản để cúng dường mà phước báu vẫn tăng trưởng, của cải không bị cạn kiệt. Giải Thoát trưởng giả không làm giống như Cấp Cô Độc nhưng kết quả hành sử thì giống nhau.

Thật vậy, Giải Thoát trưởng giả sống trong Thiên định, không để ý đến bên ngoài, nhưng ông thấy được thế giới Phật mười phương, thấy tâm niệm của người làm việc cho ông, không ai qua mắt ông được. Ông không tiếp xúc, ràng buộc người, nhưng tâm thanh tịnh của ông tác động cho người tự phát tâm đến làm. Ông

chỉ ở trong Thiền thất, không quản lý, cũng không có người quản lý giùm, vậy mà công việc vẫn thành tựu tốt đẹp.

Người Nhật chịu ảnh hưởng kinh Hoa Nghiêm, nên các xí nghiệp thường áp dụng cách sinh hoạt như vậy. Họ đúc tượng Phật bằng đồng lớn nhất thế giới cũng mang tinh thần này. Nghĩa là người lãnh đạo ung dung, nhưng có lực chi phối vô hình. Bên ngoài không tiếp xúc mà thực sự tâm yên tĩnh của họ đến với tất cả người quen biết. Đó là lãnh đạo ở dạng tinh thần, tâm rất linh hoạt, đồng một lúc chi phối được tất cả người liên hệ; trong khi hành sự theo vọng động thì chỉ chi phối được một người, không thể ảnh hưởng hai người đồng một lúc. Trong Thiền định, một niệm tâm có sức linh hoạt truyền đến tất cả người, như Đức Phật nói trong yên lặng với vô số người, chẳng những trong hiện tại mà cả quá khứ và trong tương lai. Chính điều kỳ diệu của vô tác diệu lực là pháp mà Phật muốn dạy Bồ tát trong kinh Hoa Nghiêm.

Thiền Tài đồng tử thấy được đời sống tâm linh của trưởng giả Giải Thoát, vì đồng tử cũng có đời sống tâm linh như vậy và cũng nhờ Thiền Tài học đạo với các vị chân tu, qua kinh nghiệm của Di Già dạy nhìn về chiều sâu của linh giác. Nhờ vậy, Thiền Tài và trưởng giả Giải Thoát hiểu nhau qua tâm linh. Trưởng giả không nói gì, nhưng Thiền Tài nhận được tiếng nói truyền thông qua tâm, cho biết trưởng giả đang tham quan học đạo với mười phương Phật và đem về áp dụng cho người liên hệ. Đó là cách

lãnh đạo theo tinh thần Đại thừa, không tổ chức mà thật là tổ chức tốt, vì việc đầu vào đó một cách nhẹ nhàng, không ép buộc hay mua chuộc người.

Thiện Tài học được pháp lãnh đạo của Giải Thoát trưởng giả trong Thiên định xong, ông khuyên Thiện Tài nên đến cầu học với Hải Tràng Tỳ kheo, vì Thiện Tài thông minh có thể tiến xa hơn. Điều này rất quan trọng đối với Đại thừa Phật giáo, dạy người để giúp họ đi lên, không phải để bắt họ lệ thuộc ta. Học Phật, cần nhớ tinh thần ấy. Đừng nghĩ chúng ta giúp người thì ta và họ gắn bó nhau, không được tách rời. Không dạy người để nô lệ hóa họ, bắt họ kế nghiệp ta. Phật dạy khác, giúp được người theo yêu cầu của họ rồi, chúng ta không bận tâm nữa. Họ tiếp tục con đường của họ, việc của họ, đừng bắt buộc người theo ta.

Thật vậy, **các vị Thầy của Thiện Tài từ bước khởi đầu là Văn Thù Sư Lợi Bồ tát cho đến Hải Vân, Đức Vân, Thiện Trụ, Di Già, Giải Thoát trưởng giả và các vị kế tiếp sau nữa, không có người nào muốn giữ chân Thiện Tài và đều bảo Thiện Tài tiếp tục con đường riêng, đừng làm việc của họ.**

6- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Hải Tràng Tỳ kheo

Sau khi thọ học với trưởng giả Giải Thoát, Thiện Tài nghe lời chỉ dạy của trưởng giả tiếp tục đến cầu đạo với Hải Tràng Tỳ kheo tiêu biểu cho mẫu Tỳ kheo Bồ tát vào đời độ sanh, giải thoát ngay trong trần thế.

Thiện Tài đến đúng lúc Hải Tràng đang nhập Thiền định. Thiện Tài kiên trì đứng chờ từ một ngày đến bảy ngày, chờ ông xả định để hỏi đạo. Nhưng Thiện Tài càng chờ thì ông càng nhập Thiền lâu hơn. Thiện Tài quan sát, theo dõi, chịu đựng đến sáu tháng vụt bừng ngộ.

Sáu tháng thử thách mà Thiện Tài cố công mài dũa là phương cách để Hải Tràng luyện tập cho Thiện Tài tu Thiền định, khác với tu Thiền theo hình thức, chỉ dạy ngồi suông, Thiền Đại thừa nhắm vào việc quan trọng là tiếp tâm. Hải Tràng nhập Thiền tỏa ra lực thu hút Thiện Tài chú mục vào, nhiếp tâm theo dõi đến độ tâm vụt bừng sáng.

Cách truyền đăng tiếp tâm này cũng được Đạt Ma Tổ sư thể hiện qua chín năm ngồi xay mặt vô vách, tạo thành sức thu hút Huệ Khả cao đến mức ông đứng ngoài trời băng giá mà không biết lạnh, tuyết ngập đến đầu gối mà không hay biết.

Với cách giáo dưỡng bằng tâm, không dùng lời nói, tác động cho Thiện Tài sáng tâm. Và đắc đạo rồi, Thiện Tài thấy được cái vô hình, không chỉ đơn giản thấy Hải Tràng ngồi như củi mục. Nhưng từ bên ngoài tiến sâu vô thế giới nội tâm, thấy được chân linh của Hải Tràng và học với chân linh, mới là người thật tâm cầu đạo.

Nhìn bằng mắt, Thiện Tài thấy Tỳ kheo Hải Tràng không làm gì; tuy nhiên, nhìn bằng tâm thấy vị Tỳ kheo này học được với mười

phương Phật. Vì vậy, Hải Tràng im lặng mà Thiện Tài thấy được đạo. Đạo này là gì?

Trước tiên, kinh ghi rằng Thiện Tài thấy dưới hai bàn chân của Hải Tràng có vô số trưởng giả và cư sĩ. Nếu chúng ta nghĩ từ chân của Hải Tràng có nhiều trưởng giả cư sĩ vọt lên, thì thật là mê tín. Theo tôi, điều này cần nhìn ở dạng vô hình, thấy được lực vô hình của Hải Tràng Tỳ kheo tác động đến vô số trưởng giả, cư sĩ khiến họ phát tâm làm tay chân, quyến thuộc của ông. Đó là cách nhìn để chúng ta đi sâu vào đạo. Trên bước đường tu, thâm nhập yếu nghĩa Hoa Nghiêm, chúng ta mới hiểu tại sao có những vị Hòa thượng hiền lành, không làm gì mà Phật tử cung kính, tôn trọng, sẵn lòng tận tụy với họ.

Trưởng giả là người giàu có, hăng tâm hăng sức đóng góp tích cực cho đạo. Cư sĩ là người sống trong sạch, làm tất cả việc thế gian, nhưng tâm vẫn chí đạo. Hai thành phần này hết lòng gánh vác Phật sự thì việc khó cũng hoàn thành. Thiện Tài đầu tiên bắt gặp được chân linh của Tỳ kheo Hải Tràng, nghĩa là nhận ra được người thân tín của Hải Tràng toàn là cư sĩ, trưởng giả, nên ông ngồi yên, mọi việc có đệ tử giỏi, giàu có, đạo đức đảm trách toàn bộ. Thực tế, chúng ta cũng thấy vị Tỳ kheo nào được thành phần tốt, giỏi theo thì họ thành công nhiều việc. Trái lại, thành phần xấu, ăn hại theo thì một lúc chùa sập, Thầy cũng thành thân tàn ma dại.

Sau đó, Thiện Tài thấy từ đầu gối của Hải Tràng xuất hiện trăm ngàn ức Sát đế lợi, Bà la môn. Bà la môn thuộc giới trí thức vì tự cho rằng họ sanh trên đầu Phạm Thiên. Sát đế lợi được xếp vào hàng quý tộc, từ trên trời xuống. Chúng ta không nên hiểu là từ đầu gối Hải Tràng có trí thức và quý tộc chui ra. Ý này nhằm diễn tả người trí thức và quý tộc kính phục sự hiểu biết của Hải Tràng đến độ quỳ gối chấp tay, cúi đầu, công nhận ông là bậc Thầy. Chúng ta thấy trong sinh hoạt đời thường, việc ảnh hưởng cho giới trí thức và quý tộc kính trọng là điều không đơn giản vì hai giới này rất kiêu ngạo. Hải Tràng không nói gì mà họ kính nể, đó là mẫu người tiêu biểu làm nên đạo nghiệp. Vì vậy, tôi thấy rõ nếu người đời còn khinh thường người tu thì chúng ta khó hành đạo.

Khi được bốn giới là trưởng giả, cư sĩ, trí thức, quyền quý quy phục, tất nhiên dễ dàng làm được việc lớn. Các Tổ sư lập giáo khai tông cũng vậy, đến nơi nào lập chùa đều được chính quyền địa phương kính trọng. Điển hình như ở Tổ đình Giác Lâm, Tổ Viên Quang về ở trên đồi, tu trong am tranh nhỏ; nhưng văn nhân, thi sĩ, giới trí thức kính phục, tìm đến thỉnh ngài chỉ giáo, khiến cho Tổng trấn Trịnh Hoài Đức cũng phải kính nể.

Ngoài ra, Thiện Tài nhìn thấy hai bên vai của Hải Tràng Tỳ kheo có vô số A tu la vương và Dược xoa vương xuất hiện. Đó là hai thế lực mạnh làm hiệp sĩ bảo hộ. Trên bước đường tu, chúng ta hiền, nhưng phải có người mạnh bảo vệ, thường được gọi là Hộ pháp

Long thiên. Trên vai có thần A tu la theo hộ vệ thì tà ma quỷ quái không thể tác hại được.

Thiện Tài nhìn thấy sức bảo hộ đối với Hải Tràng Tỳ kheo rất lớn. Đó là thế lực vô hình của A tu la hỗ trợ và sức mạnh hữu hình của người trên cuộc đời bảo vệ. Nhờ đó, ông ngồi yên mà thế lực ác không dám quấy rầy, chọc phá. Đạo pháp cần người giỏi, mạnh, nhanh, xả thân gánh vác Phật sự được tiêu biểu bằng hình ảnh thần La sát, Dược xoa ở trên hai vai Hải Tràng.

Trên mặt của Hải Tràng, Thiện Tài thấy vô số Trời Đế Thích, Phạm Thiên xuất hiện. Từ chân là cư sĩ, nay đổi thành Đế Thích và từ Bà la môn đổi thành Phạm Thiên. Theo Ấn Độ giáo, Phạm Thiên là cha đẻ của muôn loài, Đế Thích là Thượng đế. Cả hai cùng cung kính hướng về Hải Tràng Tỳ kheo.

Từ hai mắt của Hải Tràng xuất hiện Nhựt luân vương chiếu khắp mười phương thế giới, tiêu biểu cho ánh sáng mặt trời soi sáng khắp nơi. Nói cách khác, tầm nhìn của Tỳ kheo thấu suốt mọi việc của chúng sanh. Trên đỉnh đầu của Hải Tràng xuất hiện vô số Bồ tát, Như Lai.

Nói chung, Hải Tràng nhập Thiền định, không nói, không làm, nhưng mọi việc đều thành tựu tốt đẹp, vì đã được ông thực hiện trong Thiền định, tạo thành sự tác động trong yên lặng, mới là điều quan trọng. Trên tinh thần ấy, kinh diễn tả là từ đầu xuống chân của Thiện Tài có đủ thành phần tốt xuất hiện, nhằm nói lên

ý nghĩa từ chân là địa ngục A tỳ cho đến đầu là trí tuệ Như Lai tuyệt vời, hay từ chỗ thấp nhất trần gian đến cao nhất trong Thiên định, chỗ nào cũng có lực của Hải Tràng Tỳ kheo chi phối đến. Dưới mắt người ngoài chỉ thấy Hải Tràng ngồi yên và Thiện Tài đứng trơ ra, nhưng thực sự đối với Thiện Tài thì trong sự yên lặng thấy được Hải Tràng đang chi phối cả vũ trụ Pháp giới. Đó là ý mà kinh Hoa Nghiêm ngầm chỉ. Học đạo phải học cho được thực chất của đạo ở dạng này và tầm sư cần tìm cho được vị đắc pháp như vậy.

Thiện Tài không học ngữ ngôn văn tự, nhưng đã học được lực tác động sâu xa của Thiên định với trưởng giả Giải Thoát và ứng dụng pháp này để học tuệ giác với Hải Tràng Tỳ kheo. Truyền pháp môn Bát Nhã Ba la mật cho Thiện Tài xong, Hải Tràng khuyên đồng tử nên tiếp tục đi về phương Nam để học Bồ tát đạo với Ưu bà di Hưu Xã ở khu viên lâm tên là Phổ Trang Nghiêm của nước Hải Triều.

7- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Hưu Xã Ưu bà di

Trên bước đường cầu đạo, ngoài các vị Tỳ kheo phạm hạnh, sáng suốt như Đức Vân, Hải Vân, Thiện Trụ, Hải Tràng, Thiện Tài còn tu học với hàng cư sĩ như Di Già và trưởng giả Giải Thoát là mẫu người buôn bán, giàu có, nhưng ung dung tự tại, sống đức hạnh, mang lợi ích cho người. Những nhân vật kiểu mẫu trên mà kinh Hoa Nghiêm đưa ra nhằm nói lên tinh thần Phật giáo chẳng

những không tiêu cực, yếm thế mà trái lại, luôn mang lợi lạc cho đời.

Tiến xa hơn nữa, để vượt khỏi sự cố chấp về giới tính, kinh Hoa Nghiêm đưa ra nhân vật kế tiếp được Thiện Tài tìm đến học là Hưu Xả Ưu bà di. Phải nói đây là một sự thay đổi lớn được Đức Phật đề xướng.

Thật vậy, xã hội Ấn Độ thời bấy giờ trọng nam khinh nữ, không bao giờ đàn ông lại lóng tai nghe đàn bà dạy. Nhiệm vụ của người phụ nữ chỉ là cái máy đẻ. Nhưng Đức Phật đã hướng dẫn mọi người về một tầm nhìn chính xác hơn, theo đó, có người đàn bà không nên gàn, nhưng cũng có người đáng kính trọng, không thể nói chung đàn bà là xấu. Nếu theo Hồi giáo hay Ấn Độ giáo coi thường đàn bà, thì Tây phương kính trọng hoàn toàn đàn bà, cả hai đều không đúng.

Để nói lên điều quan trọng ấy, phải mượn Hải Tràng Tỳ kheo là một vị toàn năng, có uy tín, có sức thuyết phục mới có thể khuyên Thiện Tài tìm học với Hưu Xả Ưu bà di, cho đến học với Tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa và Thắng Nhiệt Bà la môn. Đó là hình ảnh các vị Thầy hướng dẫn hoàn toàn trái với tinh thần Phật giáo Nguyên thủy, nhưng kinh Hoa Nghiêm lại coi như tiêu biểu. Điều này không có nghĩa khẳng định rằng Bà la môn, ngoại đạo hay tiên nhân hoàn toàn tốt. Nhưng phải hiểu rằng con người là quyết định. Ai giỏi, tốt, chúng ta học. Đừng đóng khuôn, mang thành kiến, tự ái, không học sẽ dốt suốt đời. Dẹp bỏ ý thức ngoại

đạo, điều nào hay, tốt, chúng ta học. Đó là tinh thần cầu tiến của kinh Hoa Nghiêm đưa ra. Tâm đắc tư tưởng này, trong đời tôi, ngoài bạn tu đồng màu áo, tôi còn có bạn tu khác tôn giáo và học được những nét thiện mỹ của họ.

Thiện Tài tin, học, tôn thờ thiện tri thức không mệt mỏi, tin Hải Tràng không bao giờ dối gạt, vì đạo Bồ tát thì người thường không thể hiểu được, quan trọng là tư cách của người hướng dẫn. Sự hiểu biết, việc tu hành và quyến thuộc của Tỳ kheo Hải Tràng có những điều ưu việt, nên Thiện Tài tin tưởng hoàn toàn ở sự chỉ giáo của Hải Tràng, xóa tan tâm do dự để đến học đạo với nữ cư sĩ Hưu Xã, học những gì chưa biết, chưa đắc.

Học được với Hải Tràng Tỳ kheo pháp Tam muội giải thoát thì ông lại chỉ cho Thiện Tài đi tìm học pháp khác cao hơn. Học đạo theo nhị nguyên luận, phân biệt tốt xấu, thiện ác, không thể vào tri kiến Như Lai. Đạo Bồ tát không phải nhị nguyên, nhưng dùng phương tiện để dần dần đưa đến đồng nhất thể.

Bước đầu Thiện Tài gặp Tỳ kheo Đức Vân tu giải thoát, không dính líu cuộc đời. Nay gặp Hải Tràng là người tu xuất thế nhưng ảnh hưởng quan trọng đến cuộc đời, làm gạch nối giữa chúng sanh và Phật. Từ trên đỉnh cao của mẫu Tỳ kheo Bồ tát giới là Hải Tràng, hạ xuống thấp nhất, học với nữ cư sĩ Hưu Xã.

Trong kinh Pháp Hoa, Xá Lợi Phất nói người nữ có năm điều chướng ngại, không thể thành Phật. Đức Phật xóa bỏ hoàn toàn

sự cố chấp ấy bằng cách đưa ra hình ảnh Long Nữ thành Phật tức khắc, không cần qua quá trình tu học như Xá Lợi Phất. Đến đây thấy rõ mối liên hệ quan trọng giữa Pháp Hoa và Hoa Nghiêm. Kinh Pháp Hoa nhờ kinh Hoa Nghiêm giải thích làm sáng hơn.

Hưu Xã cho biết ai nhìn thấy bà thì dù đau khổ thế nào, phiền não cũng tan biến và trở thành quyến thuộc của bà, từ đó đến thành Phật, họ không bao giờ thối thất tâm Bồ đề.

Thiện Tài hỏi Hưu Xã làm gì mà có được công năng lớn mạnh và sự hiểu biết vượt hơn Hải Tràng như vậy. Hưu Xã cho biết rằng thấy được lực của bà là điều không đơn giản. Nhưng Thiện Tài đã thấy được lực của Hưu Xã là đã phát tâm Bồ đề rồi.

Theo Hưu Xã, muốn thấy được bà thì phải phát tâm Vô thượng Bồ đề và phải có Phật gia bị. Nhưng muốn phát tâm Bồ đề cần có trực tâm, tức tâm tánh ngay thẳng, diệu hòa. Còn nhìn thấy nhị nguyên đối đãi nam nữ, già trẻ, giàu nghèo, giỏi dở thì không thể nào thấy Hưu Xã.

Kế tiếp phải hướng toàn tâm cầu đạo Vô thượng, không tiếc thân mạng và mang hạnh nguyện độ tận chúng sanh. Có như vậy, ta và Hưu Xã đồng hạnh, đồng nguyện, mới thấy nhau và trở thành pháp lữ của Hưu Xã, thấy được tám mươi bốn ngàn Bồ tát đồng hạnh với ngài. Ta là quyến thuộc của Bồ tát và Bồ tát thành quyến thuộc với ta, nghĩa là sự hỗ tương bất nhị. Một người một hạnh, hơn lên thành tám mươi bốn ngàn hạnh lành, nên tất cả

việc làm thế gian thực sự do bạn lữ của Hưu Xã làm. Và ngược lại, trong thế giới quan khác, tưởng rằng tám mươi bốn ngàn Bồ tát làm, nhưng sự thực là Hưu Xã làm.

Hưu Xã nói rằng trong kiếp quá khứ, từ thời Phật Nhiên Đăng, ngài đã phát tâm Bồ đề, xuất gia làm Tỳ kheo, làm tất cả việc công đức trong Pháp giới. Ý này được Phổ Hiền Bồ tát nhắc trong kinh Pháp Hoa rằng trông căn lành với các Đức Phật và được Phật hộ niệm.

Kinh Hoa Nghiêm thì dạy rằng phải phát Bồ đề tâm và được Phật hộ niệm. Vì vậy, thấy việc làm của Hưu Xã là hiểu được ý nghĩa Long Nữ thành Phật, không phải tự nhiên thành, mà đã trải qua quá trình thân cận, cúng dường, thọ trì vô lượng pháp Phật. Trên nền tảng xứng tánh thành Phật như vậy, Hưu Xã vượt hơn Hải Tràng Tỳ kheo.

Hưu Xã cho biết từ khi phát tâm Bồ đề, trải qua vô lượng kiếp quá khứ, ngài đã thờ kính, cúng dường, tịnh tu phạm hạnh, thọ trì pháp với ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật. Nghĩa là ngài đã thành tựu viên mãn hạnh Bồ tát, đạt quả vị Vô thượng Đẳng giác rồi. Vì thế, tuy bên ngoài mang thân người nữ, nhưng bên trong đã thành tựu Phật thân. Tinh thần Hoa Nghiêm dạy rằng không có sự hiện hữu nào của chúng sanh mà không phải là Phật.

Hưu Xã còn cho biết trong quá trình tu vô lượng đạo pháp với ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật, chư Phật phương Đông thường đến

trụ xứ của ngài mà thuyết pháp và chư Phật chín phương khác cũng vậy. Không lúc nào mà ngài không thấy Phật, không nghe pháp.

Nhân hạnh Bồ tát mà Hưu Xã gieo trồng với ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật trong vô lượng kiếp và quả vị Phật mà Long Nữ thành tựu trong chớp mắt, tuy hai mà một, tuy một với nhiều không khác, thể hiện lý viên dung vô ngại của Pháp giới Hoa Nghiêm.

Từ thế giới giải thoát của Hải Tràng đi ngược về cuộc đời để quan sát, thấy được những điều mà trước kia ta cho là tầm thường, nhưng nay biết đạo, mới thấy quý. Ví như chưa có tri thức, không thể biết của báu phục tàng trong đất. Chưa ngộ đạo, chưa vào Pháp giới thì tất cả vật đối với ta đều chướng ngại. Tuy nhiên, ngộ đạo rồi, cũng cùng một vật đó mà ta thấy đổi khác. Và thấy đổi khác được là biết chính ta đã thay đổi. Thật vậy, ngày trước còn là phàm phu, thì người nữ nguy hiểm; nhưng ngộ đạo thì Hưu Xã dẫn ta thâm nhập Pháp giới. Hưu Xã trở thành thiện tri thức, không phải là người nữ tầm thường của trần thế.

Thể hiện tinh thần cầu học, Thiện Tài tìm đến Hưu Xã Ưu bà di. Nơi ngài ở là khu vườn tên Phổ Trang Nghiêm. Đúng với tên gọi, vườn ấy trang nghiêm nhẹ nhàng, thanh thản, tươi mát.

Trên đường hành đạo, đến nơi nào tôi thường lưu tâm đến phong cảnh. Nếu cảnh sắc hữu tình làm chúng ta thấy vui, thanh thoát thì nên lui tới. Ở chùa có bậc chân tu hiền lành thì cảnh cũng dễ

thương theo. Cảnh tùy thuộc người, nhìn cảnh của một quốc gia, một thành phố, một ngôi nhà, chúng ta biết được người chủ như thế nào. Điều này dễ hiểu. Thí dụ đến một quốc gia mà rác xả đầy đường là biết ngay rằng nước đó lạc hậu. Hoặc đến một quốc gia như Pháp có nhiều hoa viên, cho đến cột đèn, bao lon các nhà lầu, chỗ nào cũng nở hoa, hoặc đến thành phố Nhật Bản rất sạch sẽ, ai mà không cảm tình.

Nhìn thấy cảnh vườn nhà của Hưu Xã đẹp dễ, thanh tịnh như vậy thì đoán được ngài là người như thế nào. Cảnh đẹp có được là nhờ tâm hồn người chủ sống nơi đó chi phối và cảnh đẹp cũng tác động lại cho khách tham quan. Học đạo, chúng ta nên tìm đến những nơi như vậy để lòng lắng yên.

Tâm hồn Hưu Xã Ưu bà di cao quý, thanh thản, không rắc rối như các người đàn bà khác ở thế gian, nên Thiện Tài đến được. Đàn bà bình thường thì tham lam, ghét ganh; nhưng Hưu Xã, nghĩa là bỏ hết. Tâm bà không vướng mắc buồn phiền, âm mưu, thủ đoạn, mới có tên như vậy và có đủ tư cách làm Ưu bà di.

Ưu bà di, tức nữ cận sự Tam bảo, tuy chưa xuất gia, nhưng gần kề với đức tánh tốt của Tam bảo là sáng suốt, bình đẳng và hòa hợp. Khi người đàn bà không sáng suốt thì hay nghĩ bậy, tin bậy, nói bậy, gần họ chắc chắn bị khổ lây. Trái lại, họ đã gần với Tam bảo, tức gần với Phật nên sáng suốt, gần Pháp nên nhìn đúng sự thật và gần Tăng nên hòa hợp. Đó là mẫu người tốt, mới tạo được cảnh đẹp thanh tịnh ở nhân gian, có thể thân cận.

Thiện Tài thấy cảnh trang nghiêm và người sống với nhau đầy an vui, thể hiện hình ảnh Phật vào nhân gian. Cảnh nhân gian hạnh phúc, giải thoát thì biến thành chùa, nhưng chùa mà tranh chấp thì đó là địa ngục của trần gian. Điều này khiến tôi nhớ đến Hòa thượng Trí Tịnh nhắc cho tôi nghe lời nói của cụ Mai Thọ Truyền rằng ở ngoài đời cụ thấy người ít nóng nảy hơn các Thầy ở chùa. Các Thầy ngồi lẩn chuỗi trông hiền lành vậy mà đặng chuyện dữ không ai bằng. Đó là điều quan trọng chúng ta phải thấy.

Các sư nổi cơn giận hay liều mạng hơn người đời vì họ không bị ràng buộc bởi của cải, gia đình, nên xem nhẹ sống chết, dễ bức tức, nổi nóng. Tôi có kinh nghiệm về việc ấy. Ở chùa quanh năm nghe tiếng bảng báo hiệu giờ tụng kinh, giờ ăn, giờ ngủ, không ai chọc phá chúng ta; nhưng ra ngoài, gặp việc không như ý, phiền não cuộn cuộn nổi dậy ngay.

Trong khi đó, người đời thường tiếp xúc với phiền não, họ trở thành quen hoặc chai lì, không phản ứng, hay vì có kinh nghiệm nên họ biết cách khắc phục. Còn người tu không có kinh nghiệm, bước đến thì bị kẹt chân, đưa tay thì bị kẹt tay.

Theo Đại thừa, chỉ cho chúng ta nhận rõ ở chùa hay ở ngoài đời đều có người hiền, người dữ, người tốt, người xấu. Biết rõ để không bị mắc lừa kẻ xấu và học được với người tốt. Trên tinh thần ấy, bước chân vào đời hành đạo, Thiện Tài thấy được sự yên lành và tốt đẹp của Hưu Xả Ưu bà di thì học cái ấy. Hưu Xả dạy Thiện Tài tùy duyên làm đạo, không tham vọng. Người đời phải tính

toán lo nghĩ để tồn tại, nhưng Huru Xã lại bảo Thiện Tài bỏ cho việc tự nhiên.

Theo kinh nghiệm của Huru Xã, việc xảy đến hay rời bỏ, chúng ta ghi nhận nó như vậy, không ham muốn, mong cầu. Hãy để cho sự vật tự nhiên, con người dễ thương nhờ tự nhiên, cảnh vật đẹp cũng nhờ tự nhiên.

Huru Xã nghĩ là đẹp bỏ ý niệm gò ép, gò ép người, gò ép cảnh đều bất lợi. Vì tư tưởng gò ép, bị buộc lại sẽ nảy sinh tư tưởng bung ra, phản ứng lại. Như người mẹ có ý ép buộc con thì nó sanh phiền muộn và người mẹ cũng không vui được, mẹ con lại có vấn đề.

Huru Xã có nếp sống cao quý và người xung quanh tự bắt chước, tự theo, không bảo, không ép buộc. Thiện Tài nhận thấy người đến với Huru Xã được sống thoải mái, an lành, tạo thành một tập thể hòa hợp, thanh tịnh, thể hiện đúng nghĩa một tổ chức Phật giáo không tổ chức, không có kỷ luật ràng buộc mà mọi việc tự ổn. Tôi đã từng sống trong những tu viện mà mỗi người ý thức được việc của mình, tự vào khuôn khổ, không ai rầy, không ai thắc mắc, giận buồn.

Nhờ Huru Xã không có ý thức khống chế người, không cố chấp, không khó khăn, không buồn phiền, nên người tự nguyện đến học. Tâm hồn Huru Xã yên vui như vậy tạo thành cảnh sắc sống

đẹp tự nhiên. Nhìn cảnh mà Thiện Tài cảm nhận được sự an vui đó.

Hưu Xã cho biết bà chỉ được một pháp duy nhất là "Ly ưu an ổn tràng", nghĩa là không tham vọng khống chế người, chỉ thanh thản sống theo nhân duyên. Ai nhìn thấy bà thì không thối chuyển đạo Vô thượng Bồ đề, phiền muộn không thể sanh khởi và an trụ giải thoát.

Bà khuyên Thiện Tài nên tiếp tục tham vấn vị tiên nhân tên Tỳ Mục Cù Sa. Giai đoạn trước, Thiện Tài học với Hưu Xã Ưu bà di, tức tín đồ cùng đạo và nay sang học với tiên nhân ngoại đạo.

8- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa

Sau khi dạy cho Thiện Tài tu được pháp giải thoát, Hưu Xã Ưu bà di chỉ Thiện Tài đi về phương Nam, đến tìm học Bồ tát hạnh với tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa. Đến đây khởi đầu cho giai đoạn đi vào ngoại đạo, tiếp cận với người có tư tưởng khác. Trước khi nhập đạo, tâm còn phân biệt giữa ta theo đạo này và người theo đạo khác, hiểu lầm ngoại đạo nên bị họ chống trái. Nay thâm nhập Hoa Nghiêm, có cái nhìn cởi mở, Thiện Tài được cung kính đón tiếp.

Tỳ Mục Cù Sa ca ngợi Thiện Tài đã phát tâm Vô thượng Chánh giác, có chí lớn, vì Thiện Tài đến với tư cách đi tìm thiện tri thức, khao khát chân lý. Nhân cách tốt đẹp này đã tác động đến tiên

nhân, ông mới thương kính và trao truyền sở đắc bằng cách xoa đánh và nắm tay Thiện Tài.

Đồng tử được tiên nhân Tỳ mục Cù Sa xoa đầu và nắm tay thì thấy hoàn toàn đổi khác, thấy các thế giới Phật hiện ra và nghe được pháp âm chư Phật. Sự tác động này khiến cho Thiện Tài nhận ra tiên nhân Tỳ Mục là người đắc đạo. Nếu chỉ nhìn bề ngoài theo mắt thường, không thấy được người đắc đạo. Nhưng dưới mắt Thiện Tài, thấy được Tỳ Mục tham quan lễ bái mười phương Phật, thấy Tỳ Mục đi mà không đi và hơn thế nữa ngồi yên tại chỗ mà có khả năng đưa Thiện Tài đi tham quan tất cả Pháp giới trong chớp mắt.

Tỳ Mục nắm tay và xoa đầu tạo sự an lành và tri thức cho Thiện Tài ngay trong khoảnh khắc và buông tay ra thì cũng trả ngay Thiện Tài trở về thế giới bình thường.

Thiện Tài vào đời tìm được thiện tri thức hiện hữu trong tất cả thành phần xã hội, không nghĩ thành phần này tốt, thành phần khác xấu. Thiện Tài nhận biết chân thực và kết hợp thành thế giới tốt, không bị óc bè phái làm sai lệch tri kiến, không phủ nhận việc tốt của người, không bình vực người cùng môn phái.

Thiện Tài vào rừng thấy tiên nhân cùng đại chúng sống đơn giản, không nhà ở, họ mặc áo vỏ cây hay áo da nai; đó là quan sát theo bề ngoài thấy ngoại đạo như vậy. Nhưng nhìn vào chiều sâu cũng tìm thấy cái hay của họ, thấy được người nào cũng có quyền

thuộc. Người xấu có quyền thuộc xấu, giỏi có quyền thuộc giỏi. Quyền thuộc là nhân duyên của họ.

Dưới mắt Tiểu thừa, người tu ở rừng, mặc áo lá cây, hình thù kỳ quái là ngoại đạo. Nhưng nhìn theo Đại thừa như Thiện Tài, thấy tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa là Bồ tát hiện thân lại, khác với ngoại đạo thật. Vì ngoại đạo tu, luyện bùa chú để dẫn người vào đường tà; trong khi Bồ tát bằng lòng sống với ngoại đạo để dìu dắt họ lần ra khỏi đường mê.

Bồ tát với lòng đại bi, thương xót ngoại đạo, mới hiện thân vào sống với họ, thì phải sinh hoạt y hệt như họ, cũng mặc áo vỏ cây, cũng mang hình thù kỳ dị, ở núi rừng, để họ chấp nhận Bồ tát, dần dần chịu nghe theo. Bồ tát thấy rõ những người ngoại đạo tu chọn nếp sống khổ hạnh cũng là người tốt. Nếu không hướng dẫn, bỏ mặc họ cho người khác lợi dụng, sẽ dẫn họ đi vào đường ác. Tiên nhân hay Bồ tát khởi tâm cứu giúp, dạy dỗ họ từng bước hướng đến đời sống cao đẹp.

Ý thức này rất quan trọng mà chúng ta cần nhận chân theo tinh thần Đại thừa. Nếu sống theo Tiểu thừa, phải theo y khuôn hình thức ăn, mặc như thế nào mới được chấp nhận là người tu. Đối với Đại thừa, theo tinh thần mở rộng, muốn hướng dẫn người, phải sống gần gũi và làm giống họ, gọi là Đồng sự nhiếp, họ mới nghe và dần dần ta mới khai ngộ cho họ được. Điển hình như Long Thọ Bồ tát hiện thân tu theo ngoại đạo. Ngài rất thông thái,

làm giáo chủ Bà la môn và trở về với Phật đạo, ngài biên soạn nhiều bộ luận nổi tiếng, ngày nay vẫn còn giá trị.

Hưu Xả Ưu bà di nhận biết được tiên nhân Tỳ Mục bên ngoài mặc áo tiên, nhưng bên trong ẩn hạnh Bồ tát, mới dạy Thiện Tài tìm đến học đạo. Và Thiện Tài cũng nhận ra vị tiên này tu Bồ tát đạo, dù bên ngoài bình thường là ngoại đạo.

Nội tâm của tiên nhân truyền thông với tâm Thiện Tài, nên Thiện Tài học được với ông pháp Bồ tát Vô thắng tràng giải thoát, hay tự tại giải thoát trong mọi tình huống. Tuy sinh hoạt với ngoại đạo, nhưng Thiện Tài sử dụng được Phật đạo, nên tốt hơn ngoại đạo thật.

Theo tinh thần Đại thừa, thể hiện lời Phật dạy rằng ở trong tầng lớp nào, chúng ta cũng phải tốt hơn người, giỏi hơn người. Tiên nhân Cù Mục hiện thân sống với lớp người ngoại đạo, làm Thầy họ, hướng dẫn họ cách tu tiên, nhưng cũng nhằm mục tiêu thuần hóa họ thành tốt cho đến thành Phật. Không giới hạn tu Phật mới thành Phật, ở đây tu tiên cũng thành Phật.

Tôi thấy các vị cao Tăng truyền bá đạo Phật thường sử dụng hình thức này. Vì người Việt Nam tin năm bà, nên chùa cũng phương tiện đặt miếu thờ năm bà để dân chúng có sẵn niềm tin ấy tìm đến lễ lạy, nhân đó Hòa thượng nói pháp hướng dẫn họ dần trở về chánh đạo.

Như vậy từ cốt lõi Phật đạo, mượn hình thức ngoại đạo để từng bước chuyển tâm họ theo Phật đạo, điều này cũng tốt. Nhưng, ngược lại, chúng ta đem ngoại đạo vào Phật đạo để mê tín hóa người, đưa người vào con đường sống với tà pháp là hoàn toàn sai, không được phép làm.

Tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa sống với ngoại đạo, nổi bật hơn họ về đạo đức và tri thức, dùng vốn quý giá ấy dạy dỗ người tu về với Phật đạo. Thiện Tài tìm Bồ tát hiện thân ngoại đạo để học, không phải theo ngoại đạo thật.

Tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa cho biết ông sống với ngoại đạo mà không đánh mất tâm Phật, đồng thời hiểu rõ ngoại đạo hơn để dẫn họ quy về Phật đạo. Việc làm của tiên nhân chỉ có vậy, Thiện Tài nên tiếp tục học Bồ tát hạnh với Thắng Nhiệt Bà la môn ở tự lạc Y Sa Na.

9- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Thắng Nhiệt Bà la môn

Thiện Tài học với tiên nhân Tỳ Mục Cù Sa pháp tu chuyển được tâm của ngoại đạo về với Phật đạo, kể đó vị này chỉ Thiện Tài đến tìm học với ngoại đạo khác là Thắng Nhiệt Bà la môn, vì trong hàng Bà la môn cũng có Bồ tát thị hiện. Vì vậy chỉ tìm học với Thắng Nhiệt, không phải học với tất cả Bà la môn.

Thiện Tài thấy Thắng Nhiệt đang tu khổ hạnh, bốn phía đốt lửa, ngọn cao như núi lớn, ở giữa có núi đao cao nhọn và thấy Thắng Nhiệt leo lên núi đao nhảy vào lửa. Điều này khiến ta hình dung

ra mỗi người có pháp tu riêng mang ý nghĩa của nó, nếu ta chỉ bắt chước làm theo, không được chọn truyền thì thân tâm sẽ bị hại hơn là thành công.

Thắng Nhiệt bảo Thiện Tài leo lên núi đao, nhảy vào lửa để Bồ tát hạnh thanh tịnh. Thiện Tài chùn bước vì nghĩ rằng Đức Phật từng dạy thân người khó được, phải chăng đây là ma giả Bồ tát để phá hoại sự tu hành của ông.

Trong lúc đang phân vân, suy nghĩ thì Thiện Tài nghe tiếng của Trời Phạm Thiên bảo rằng: "Thiện nam tử, chớ nghĩ như vậy. Đức Thánh đây đã được Kim cang diệm tam muội quang minh, phát đại tinh tấn độ chúng sanh, tâm không thoái chuyển, muốn cạn tất cả biển tham ái, muốn thiêu tất cả củi phiền não... Ta là Phạm Thiên, tự cho mình là đáng làm ra tất cả, là tối thắng trong thế gian. Khi thấy Bà la môn này dùng năm thứ lửa đốt thân, lòng ta không còn ưa thích cung điện của mình, diệt trừ tất cả kiêu mạn, phát Bồ đề tâm, thường thấy chư Phật, hằng nghe diệu pháp..."

Thiện Tài cũng nghe Tự Tại Thiên vương, Hóa Lạc Thiên vương, Đâu Suất Thiên vương, Đao Lợi Thiên vương, Long vương, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la... và quyến thuộc của họ đều nói rằng họ thấy năm lửa đốt thân thì rời bỏ dục lạc, phát tâm cầu Vô thượng Bồ đề.

Điều này có nghĩa là nhờ căn lành đời trước nên khi gặp việc khó, ta thường nghe được tiếng nhắc nhở từ trong lòng, sách tấn ta

ting tấn hơn. Mỗi lần được sách tấn, chúng ta lại có sự thay đổi tốt đẹp thêm. Nếu không có sự đánh thức của tự tâm, ta dễ bỏ cuộc lúc gặp chướng nạn.

Ý này cũng gọi chúng ta liên tưởng đến việc thái Tử Tất Đạt Đa định xuất gia thì cảnh vợ đẹp con ngoan hiện ra, nhưng Ngài cũng nghe được Trời Đế Thích trỗi nhạc nhắc nhở rằng nay tuổi đã lớn, sao không sớm quyết định đi tìm đường giải thoát.

Trên bước đường tu, có lúc ta mệt mỏi, không muốn tiếp tục Thánh đạo, nhưng may mắn gặp bạn tốt khuyên nhủ, ta thay đổi được ý định xấu ấy. Nếu không có căn lành, đang chán nản mà gặp bạn ác thúc đẩy thì ta dễ bỏ đạo.

Sự thức tỉnh bên trong và sự trợ lực bên ngoài được kinh diễn tả bằng tiếng nói trong hư không của Trời Phạm Thiên, Đế Thích, Đạo lợi, Long vương, Dạ xoa, A tu la... Có sự tỉnh giác của tự thân và được sự trợ lực của thiện tri thức, chúng ta mới vững niềm tin, tiến tu được.

Thiện Tài liền xin sám hối thiện tri thức và trèo ngay lên núi đao, nhảy vào hầm lửa thì liền đắc đạo, chứng được Bồ tát Thiện trụ Tam muội và Bồ tát Tịch tịnh lạc thần thông Tam muội.

Ở đây, không phải núi đao, hầm lửa thật mà các phù thủy luyện tập sử dụng. Leo lên núi đao và nhảy vào hầm lửa tiêu biểu cho hành trình đi vào Pháp giới hay sự tu chứng của tự tâm.

Núi đao mà chúng ta phải vượt qua trên con đường dẫn thân vào tự tâm, được diễn tả trong kinh tạng Pali rằng chúng ta hãy mạnh tiến trên đường phạm hạnh, thẳng tiến vào đường giáo mác, gươm đao. Nghĩa là trên đường hành đạo, chắc chắn gặp vô vàn khó khăn chào đón chúng ta, làm ta bị tan thân, mất mạng dễ dàng; nhưng chúng ta vẫn quyết chí vượt qua khó khăn, bất chấp gian nguy thử thách để thực hiện lý tưởng cao cả mà chúng ta đã lựa chọn. Tâm không bao giờ khiếp sợ trước những sự châm chọc, chống phá việc làm của ta.

Một bên là sức mạnh chống phá, một bên là sức cám dỗ của ngũ dục tượng trưng bằng năm thứ lửa. Lửa ngũ dục hay năm điều ham muốn luôn chi phối, đốt cháy con người. Thắng Nhiệt Bà la môn vượt khỏi mọi phiền toái, bức bách của cuộc đời, không bị lửa dục thiêu đốt.

Thắng Nhiệt thành tựu pháp ấy và chỉ dạy Thiện Tài cũng luyện như vậy. Trước Thiện Tài đã gặp thử thách, nhưng đến đây thử thách lớn hơn, cụ thể hóa bằng núi đao và hầm lửa. Thiện Tài vốn có căn lành, từ bỏ những thứ của báu ở đời để xuất gia, nay gặp khó khăn cũng gợn lên trong lòng; Thiện Tài liền nhớ lại chí nguyện hướng thượng. Của cải quý báu của ông trước khi xuất gia so với tạng báu Như Lai hiện nay thì thấm vào đâu mà ham thích. Nhớ lại được như vậy dễ vững tâm tiến bước hành đạo Bồ tát.

Hình ảnh Thăng Nhiệt và Thiện Tài an nhiên ra khỏi núi đao lại gặp hầm lửa nhằm nhắc nhở chúng ta trên bước đường tu, vượt qua khó khăn và thành công rồi, chúng ta lại bị mua chuộc.

Nhưng mua chuộc mà ta không sa ngã, gặp chống phá mà không khiếp sợ thì người không thể nào hại, ta mới tiến tu đạo nghiệp được.

Theo lời Phật dạy, Thiện Tài từ bỏ lợi danh, tình ái; nhưng nay đến với Thăng Nhiệt Bà la môn thấy ông này đang sống với lợi danh tình ái. Rõ ràng lợi danh tình ái là những thứ gây đau khổ, chết chóc cho người. Vậy mà Thăng Nhiệt luyện tập để những thứ này không lôi cuốn, sát hại được ông.

Bà la môn khác sống với lợi danh tình ái để hưởng thụ rồi sa đọa. Nhưng Thăng Nhiệt thì trái lại, ông không bị lửa tình ái, tham dục thiêu đốt, không bị núi đao danh lợi cắt đứt thân mạng, tức sống giữa bọn gươm giáo ác độc mà chúng không hại được, mới thực sự an lành giải thoát.

Võ Thiếu Lâm của Thiền phái Đạt Ma thể hiện tinh thần này. Vì cuộc đời sử dụng toàn đao kiếm, muốn cứu đời phải mạnh hơn họ, giỏi hơn họ. Từ đó, luyện tập võ Thiếu Lâm để đủ sức chống đỡ tất cả đao kiếm và nhất là có khả năng ngăn chặn tất cả ác hại, nhằm bảo toàn thân mạng mình và cứu người giúp người.

Thiện Tài học được với Thăng Nhiệt, hay cũng nhằm gợi ý cho ta tu tập thế nào để lửa tình ái, tham dục không thiêu đốt, gươm

danh lợi không chém chết được. Những cái đáng ham muốn, bực tức, buồn phiền mà ta không ham muốn, bực tức, buồn phiền. Dấn thân vào đời tiếp xúc với mọi thành phần, nhưng ta vẫn là ta, không phạm sai lầm nào cho đến khi đầy đủ Bồ tát hạnh, mang công đức ấy trở về diện kiến Đức Tỳ Lô Giá Na.

10- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Từ Hạnh đồng nữ

Theo tinh thần Đại thừa, không giới hạn việc học giáo lý Phật với hàng chư Tăng, nhưng học tất cả kinh nghiệm sống trên cuộc đời của đủ thành phần xã hội mới hiểu trọn vẹn giáo lý; vì pháp Phật dạy không riêng rẽ, thiên lệch.

Người cố chấp không thấy khách quan, chỉ thấy một phía thì chỉ đạt đến quả vị A la hán, tức mẫu người đạo đức, hiền lành ở thế gian. Họ không thể thành Phật vì Phật là đấng Chánh biến tri, biết tất cả và là bậc Minh hạnh túc, làm được tất cả.

Kinh diễn tả Thiện Tài cầu pháp với mọi thành phần tu học ở thế gian. Đầu tiên học với Đức Vân, rồi vào chợ học với Di Già, với ngoại đạo Thắng Nhiệt Bà la môn. Thắng Nhiệt Bà la môn dạy Thiện Tài trèo lên núi đao, nhảy vào hầm lửa mà không chết, nghĩa là vào đời, không bị núi đao danh lợi đâm thủng, không bị lửa tham dục, tình ái đốt cháy.

Sống trong hồng trần mà không tham muốn nên hoàn toàn tự tại, được thể hiện qua gương sáng của vua Trần Thái Tông xem ngai vàng như chiếc giày rách, muốn bỏ lúc nào cũng được. Danh là

ngôi vua, lợi là cung vàng, chẳng cần cả hai; nhưng ông ở lại ngôi vị vì yêu cầu của số đông, không bị hại vì danh lợi.

Thắng Nhiệt dạy Thiện Tài sống với danh lợi, không bỏ; nhưng sống cho hợp tình, không bị chúng tác động, mới thực sự giải thoát. Thắng Nhiệt cho biết ông chỉ được một pháp đó và khuyên Thiện Tài nên tìm người tài khác để học. Học hết với những người thông thái và tổng hợp tri thức cho mình rồi mới có vị trí đứng trên cuộc đời.

Thắng Nhiệt chỉ Thiện Tài ở phía Nam có thành Sư Tử Phấn Tấn, nên đến đó tìm đồng nữ Từ Hạnh để học Bồ tát hạnh, vì Bồ tát đa hạnh, mỗi người chỉ biết một việc, làm một việc.

Ngoài ra, tuy có thể đồng hạnh, nhưng hoàn cảnh mỗi người khác nhau, cấu trúc cơ thể cũng khác và hướng đi vào đời cũng khác, từ đó mỗi người chỉ sử dụng được một khía cạnh của cuộc đời. Thí dụ như tôi xuất thân từ giới nông dân, tu hành trở thành Pháp sư, thì tôi biết rõ phương cách làm thế nào phá bỏ kiếp nông dân để chuyển đổi thành Pháp sư. Sự hiểu biết ấy khác với hiểu biết của hàng công tử phá bỏ cuộc sống họ để thành Pháp sư. Hoặc có là nữ giới mới biết được sự khó khăn và thuận lợi của phái nữ như thế nào để từ đó vươn lên.

Thắng Nhiệt thuộc nam giới, vượt chướng ngại, lên núi đao vào hầm lửa, tức những việc làm của tính khí đàn ông. Phái nữ có cái hay riêng của họ, ở vị trí này giới, vị trí khác dở. Tuy nhiên, theo

tinh thần Hoa Nghiêm, tất cả mọi người giàu nghèo, khôn dại đều lần lượt tiến đến Vô thượng Đăng giác.

Thắng Nhiệt thể hiện trọn vẹn tính khí người nam đặc đạo, nhưng người nữ cũng đặc đạo được. Tôi không là người nữ, nên các cư sĩ nữ có thể tự kinh nghiệm biết được mình.

Trong kinh này, người nữ học được gì. Ở thế gian, thường gọi người nữ là phái yếu. Tuy nhiên, Phật dạy chúng ta biết mình yếu thì cũng có thể trở thành mạnh; trái lại, người mạnh mà không biết sử dụng cái mạnh của mình cũng thành yếu. Trong đạo chúng ta thường xếp mạnh nhất là trẻ con, mạnh thứ nhì là người nữ và mạnh thứ ba là Sa môn; còn lại tất cả đều là phái yếu. Ba hạng người này có thể mạnh riêng nếu biết sử dụng.

Chúng ta đã học được cách tìm mạnh trong thế mạnh với Thắng Nhiệt Bà la môn và bây giờ Đức Phật muốn dạy chúng ta tìm mạnh trong thế yếu với Từ Hạnh đồng nữ.

Đồng nữ chỉ cho người đồng chơn, từ nhỏ đã sống thuần với đạo, không bị cuộc đời làm ô nhiễm, họ không nói, không nghĩ những chuyện tầm thường của thế gian. Ở đây đưa ra hình ảnh cô bé Từ Hạnh trong sạch hoàn toàn từ thể xác đến tinh thần, nâng đến đỉnh cao là nhập Pháp giới được kinh diễn tả là đồng nữ này ở cung điện Tỳ Lô Giá Na.

Tỳ Lô Giá Na nghĩa là chơn tâm hoàn toàn sáng suốt. Từ chơn tâm thanh tịnh phát xuất tình thương tất cả chúng sanh, mới có

tên là Từ Hạnh, đó là thế mạnh của nữ giới. Không biết sử dụng lòng từ này để sống với người, mà sử dụng tham lam, ghét ganh thì người nữ trở thành yếu thêm. Nếu chúng ta đến, người an vui, nghe tên mình, người vui, tất nhiên chúng ta phải mạnh, vì người cần có ta họ mới được vui, họ phải bảo vệ ta. Vì vậy, biết tổng hợp sức mạnh của thế nhân, chúng ta trở thành mạnh; không làm được như vậy, anh hùng cũng chết thảm thương, không phải họ hết mạnh, nhưng vì mất lòng tin yêu của quần chúng.

Phái yếu có điểm hay là thuận với việc phát tâm từ bi. Thực tế chúng ta cũng thấy từ bi tâm dễ có nơi người nữ. Theo tinh thần ấy, Bồ tát Quan Âm hành sử tâm đại bi luôn cứu khổ, tâm đại từ luôn mang vui làm pháp chính yếu. Sống ở đâu cũng nhằm cứu khổ, ban vui, nghe tên ngài, nhìn thấy ngài liền hết khổ, an vui thì ngài là biểu tượng mạnh nhất.

Thiện Tài được giới thiệu đến gặp đồng nữ Từ Hạnh là công chúa, con gái của vua Sư Tử Tràng có năm trăm đồng nữ hầu hạ, ở điện Tỳ Lô Giá Na Tạng, ngồi trên tòa Long Thắng Chiên đàn mà thuyết Diệu pháp. Nghe qua thân thế và y báo của Thầy như vậy là Thiện Tài biết mình sắp gặp thử thách khác lớn hơn nữa.

Ở đây nói rõ đồng nữ thuyết Diệu pháp. Kinh của Phật có hai phần là Diệu pháp và Liên hoa. Phần Diệu pháp không nói được, nhưng thật là pháp. Liên hoa hay pháp diễn tả bằng ngôn ngữ, văn tự thì tùy chỗ, tùy thời, tùy người mà diễn nói không đồng. Vì

vậy đó là phương tiện nhằm giải quyết vấn đề nào đó, với một đối tượng nào đó.

Chính vì giá trị nhứt thời của pháp phương tiện, Đức Phật khẳng định rằng trong suốt bốn mươi chín năm thuyết pháp, Ngài chưa từng nói một lời. Điều này nhắc nhở ta đừng chấp đó là thật pháp. Tất cả những gì Phật nói đều là phương tiện để giúp chúng ta chứng Diệu pháp. Ngài dùng vô số ngôn từ, thí dụ, hình ảnh để chúng ta xa rời lòng chấp, có ý niệm về pháp và tự thân chúng được pháp của mình, kinh gọi là nhập Phật tri kiến. Và khi đã thâm nhập Phật huệ, sử dụng được Phật tri kiến, chúng ta cũng nói vô số pháp như Phật.

Diệu pháp của Từ Hạnh thuyết trong điện Tỳ Lô Giá Na. Thiện Tài đã nhập vào Pháp giới, thấy tánh của vật, mới thấy được điện Tỳ Lô Giá Na và nghe Từ Hạnh thuyết pháp. Học với Từ Hạnh ở Tỳ Lô Giá Na tạt thì trở vào đời lần thứ hai, Thiện Tài có thêm pháp mới, vì Tỳ Lô Giá Na nghĩa là phổ quang minh trí, tức Như Lai huệ thấy vật ở dạng thể, thấy rõ ráo, chính xác.

Diệu pháp này không nói được, nhưng nắm được Diệu pháp thì biến nó thành phương tiện làm đạo. Diệu pháp hay pháp vô ngôn mà Thiện Tài chứng được ở điện Tỳ Lô Giá Na với Từ Hạnh, khi mang sử dụng trên cuộc đời để độ sanh gọi là khai phương tiện môn, nên cũng thay đổi tùy nơi, tùy người.

Trên tinh thần khai phương tiện, tất cả pháp Phật nói không đồng nhau để ứng với căn tánh hành nghiệp chúng sanh, nhưng chúng được pháp chân thật thì đồng nhau. Từ Hạnh học pháp sai biệt mà chúng pháp vô sai biệt, nhập Tỳ Lô Giá Na tâm và những người đến nghe đồng nữ thuyết pháp cũng chúng pháp giống nhau.

Thiện Tài đến cửa thành gặp nhiều người đi nghe Từ Hạnh thuyết pháp. Chắc chắn Từ Hạnh không giảng kinh suông bằng ngôn ngữ, quan trọng là Diệu pháp tiềm ẩn bên trong; từ đó, thể hiện ra thân tướng của ngài tác động cho mọi người an vui. Mặc dù người đến chưa học được gì mà đã cảm nhận được sự giải thoát an vui; đó là cứu nhân độ thế theo tinh thần Đại thừa. Ngược lại, nghe giải thích đủ thứ nhưng đầy ắp phiền não là phi pháp. Pháp Đại thừa tuy không sử dụng ngôn ngữ văn tự, nhưng ảnh hưởng cho người tiếp thu được an lành, thể hiện bằng pháp hành của Từ Hạnh đồng nữ.

Đồng nữ dắt Thiện Tài vào nhà mình, là vào Như Lai tạng tâm. Thiện Tài thấy ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật trong nhà đồng nữ, thấy rõ mỗi Phật có tám tướng thành đạo và thấy suốt cuộc đời của các Ngài thuyết pháp.

Ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật đều xuất hiện trong điện Tỳ Lô Giá Na là điều đặc biệt vì đồng có mặt, nhưng không chướng ngại nhau. Mỗi vị có một quá trình hành đạo khác nhau, nhưng hình

ảnh không trùng lắp lên nhau và thuyết pháp cũng không đồng nhau.

Thông thường các kinh ghi chư Phật nói pháp đồng nhau, chân lý chỉ có một. Nhưng ở đây, thuyết pháp không giống nhau mà tác động cho đồng nữ chứng được Bát Nhã môn. Bát Nhã môn nghĩa là trí tuệ đồng nhất, quan sát được tất cả, nhưng thu lại chỉ có một, nên ngoài Như Lai tạng tâm không thể có được.

Đồng nữ dạy Bồ tát hạnh cho Thiện Tài bằng một câu nói đơn giản rằng hãy quán sát cung điện trang nghiêm của ta; nghĩa là chỉ cần nhìn đồng nữ, nhìn cột, đèn, vách tường... trong cung điện của Từ Hạnh thì đó là Bồ tát đạo. Điều này nhằm chỉ Bồ tát đạo là tích lũy công đức nhiều đời.

Từ Hạnh tuy là cô bé, nhưng được người trong thành kính trọng nhất vì đã tích lũy phước đức, trí tuệ từ bao đời. Học đạo là nhìn thấy được điều ấy, đừng nhìn những thứ khác. Như có người muốn biết tôi làm gì để trở thành Pháp sư, thì phải nhìn quá trình tôi tu học từ nhỏ đến nay.

Nhìn thành quả của người mà biết được họ thiện hay ác, phước hay tội; đó là bài học thật. Có người đại khờ khuyên người khác làm đủ thứ, nhưng tự xét thân phận mình có làm được hay không. Thiết nghĩ lời khuyên thiết thực, đúng nhất là chúng ta tự làm và có kết quả tốt.

Bài thuyết pháp của Từ Hạnh chính là cuộc sống của đồng nữ được người quý trọng và vật sở hữu được trang nghiêm bằng báu vật, bằng công đức. Lòng từ bi của đồng nữ ẩn chứa trong tâm, thể hiện thành hảo tướng bên ngoài cùng đèn đài cung điện và người đến được an vui. Con người như vậy thì sự nghiệp và quyền thuộc phải như vậy; đó là chân lý, nhìn vô biết liền, khỏi cần nói dài dòng. Pháp này trong Thiền gọi là vô ngôn. Chúng ta quán sát thấy được như vậy, từ đó tự xây dựng cho mình một thế giới.

Từ Hạnh và Thiện Tài, cả hai người còn nguyên bản chất tốt đẹp thanh tịnh, chưa bị nhiễm ô. Vì vậy chỉ duy nhất có Thiện Tài tham quan được Pháp giới và bước vào cung điện Tỳ Lô Giá Na, thấy được những điều bất tư nghì, tức thế giới quan đặc biệt khác với thế giới suy nghĩ biết được theo căn trần thức.

Những gì Từ Hạnh chứng đắc thì Thiện Tài cũng ghi được đầy đủ trong tâm, mở ra có đủ Pháp giới của ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật diễn thuyết, nhưng thu lại chỉ có một điểm tâm, thể hiện tinh thần Hoa Nghiêm "Một là tất cả, tất cả ở trong một".

Thiện Tài hỏi Từ Hạnh còn pháp gì khác không. Đồng nữ trả lời rằng ngài trải qua ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật mới chứng được một pháp ấy. Còn Thiện Tài mới tham quan đã được, thật đáng phục và chỉ Thiện Tài nên tiếp tục đi tham học nơi khác.

Theo tinh thần Hoa Nghiêm, Thầy gặp học trò giỏi, dễ thương, thì truyền hết sở học, không giấu nghề; nhưng dạy xong không tìm

giữ ở lại với mình, chỉ họ tiếp tục con đường tiến thân. Về phần học trò tìm được nơi sang trọng, sung sướng thì không khởi tâm tham đắm. Nghĩ chùa đẹp, ở lại là đọa. Quán sát biết được ai là chủ, nhìn thấy được thực chất của ta đang cầu đạo, thì phải tiếp tục đi tham học.

11- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Thiện Kiến Tỳ kheo

Sau khi học được pháp quán sát thấy đúng như thật với Từ Hạnh, Thiện Tài được đồng nữ chỉ đến phương Nam tìm vị Thầy khả kính để theo tu học, đó là Tỳ kheo Thiện Kiến. Tuy còn trẻ, vị này đã thâm nhập Phật pháp rất sâu.

Ý này gọi chúng ta suy nghĩ trên thực tế, người ta thường tìm vị Thầy lớn tuổi để học kinh nghiệm của họ. Nhưng theo tinh thần Đại thừa, rất sợ kinh nghiệm. Thật ra, kinh nghiệm hiểu biết của các vị lớn tuổi cũng cần cho chúng ta ở giai đoạn đầu. Tuy nhiên, kinh nghiệm thường làm chúng ta e dè, nghi ngại, không khám phá được chân lý. Vì sẵn có kinh nghiệm, thường theo đó mà giải quyết và khi giải quyết vấn đề thực tế theo kinh nghiệm của người xưa, thì không thể đúng vì hoàn cảnh khác, người khác, thời gian khác, nên không còn thích hợp.

Tôi để ý thấy người nhiều kinh nghiệm thường ít dám làm, nên không khám phá ra điều mới lạ, không thành Thiền sư được; vì Thiền đòi hỏi chúng ta hành sử bằng trực giác gọi là hốt nhiên đại ngộ, không phải rơi vào khung kinh nghiệm thuộc về Thức.

Trên bước đường tu, tôi suy nghĩ nhiều thì càng nặng đầu mà không giải quyết được vấn đề. Nhưng không suy nghĩ, bất giác giải đáp tự xuất hiện, tôi nhận ra rằng Bát Nhã Ba la mật đa đến lúc nào thì đáp án tự bung ra, cho chúng ta sự hiểu biết vượt hơn sự suy nghĩ bình thường. Chúng ta học đạo với Thiền sư là học điều đó.

Ở đây, Thiền Tài tìm Thầy Tỳ kheo trẻ để học trực giác bung ra từ chơn tánh. Thiền Kiến Tỳ kheo tuy sống ở núi rừng, tướng hảo quang minh không mất; sống khổ hạnh nhưng không giống những người khổ hạnh khác. Kinh điển tả Tỳ kheo trẻ Thiền Kiến, ngâm chỉ Đức Phật Thích Ca. Từ khi còn là vị Sa môn trẻ, Ngài đã khuyên vua Ba Tư Nặc không nên giết súc vật để tế thần. Lời dạy của Ngài phát xuất từ thể đại bi, từ chơn tâm đã tác động khiến vua thức tỉnh và khấn khoản xin Ngài đắc đạo thì nhớ trở lại độ ông.

Từ Hạnh giới thiệu Thiền Tài đến học đạo với Tỳ kheo trẻ đầy đủ tướng hảo. Tướng hảo là sự kết tinh của công đức tu hành từ bao đời, không phải mới tu mà được. Nhìn thấy Tỳ kheo Thiền Kiến dung mạo xinh đẹp, mắt sáng, có vô kiến đánh tướng, bạch hào tướng và trên ngực có chữ Vạn. Đó là ba phước tướng của bậc Đại nhân, từ địa vị Chuyển luân Thánh vương trở lên mới có.

Tướng chữ Vạn, hay kiết tường tướng tiêu biểu cho tâm từ bi trọn vẹn, chỉ dùng đức cảm hóa người khiến họ phục tùng. Bạch hào tướng là trí tuệ vượt trội hơn người, mới có thể lãnh đạo, người

không dám trái ý. Vô kiến đánh tướng tiêu biểu cho đức tướng, tuy giỏi hơn người nhưng vẫn khiêm cung với tất cả, người cảm phục mới theo.

Học Đại thừa, chúng ta không căn cứ trên tuổi tác, tu lâu hay mới tu; nhưng căn cứ vào đức hạnh, sự hiểu biết và lòng từ bi của họ để theo học. Vì cầu học là cầu ba điều ấy, nên phải tìm người có ba tướng phước đó.

Đức Phật dạy có ba cách định vị trí cao thấp của con người. Cách thứ nhất tính theo thời gian, lấy tuổi tác và thời gian để định thứ vị, ai lớn tuổi hoặc tu lâu là đàn anh, nhỏ tuổi hoặc tu sau thuộc hàng con cháu. Tính như thế thì ngài Kiều Trần Như đứng đầu. Nhưng cách tính như vậy không ổn, vì có người thắc mắc hỏi Phật rằng mặc dù lớn tuổi hay tu lâu nhưng tánh tình và hành động của họ không có gì đáng làm gương thì sao. Đức Phật cho biết cách định vị như vậy chỉ nhằm thuận theo thế gian mà thôi.

Tiến bộ hơn là cách tính thứ hai, cũng lấy thời gian tu và tuổi tác để định vị, nhưng phải xét thêm về sự hiểu biết và đạo đức của người ấy. Tu lâu nhưng căn tánh ám độn, không có đạo đức thì cũng phải đứng sau. Với cách tính này thì Xá Lợi Phất đứng đầu, vì ngài là trí tuệ bậc nhất. Trí tuệ chỉ đạo cho hành động và hành động có kết quả lợi ích, nên người đứng kế tiếp là Mục Kiền Liên. Như vậy, ai thông minh và đạo đức là người lớn, không có hai đặc tánh này là nhỏ.

Đến cách tính thứ ba dựa trên tộc tánh, tức dòng họ. Nếu xuất thân từ vua chúa, dù họ mới vào đạo, cũng có được vị trí Thượng tọa. Điều này dễ hiểu vì ở ngoài đời họ có địa vị quan trọng, vào chùa tu bắt quét lá đa thì ai chịu tu.

Trường hợp một, tính đủ tuổi đời, tuổi đạo thì làm Thượng tọa. Trường hợp hai, xét căn tánh thông minh và đạo hạnh tốt, làm được việc thì dù tuổi còn trẻ cũng được phong Thượng tọa.

Thực tế cho thấy cách xét trên năng lực làm việc và sức thuyết phục hơn người, thì xưa kia tông Trúc Lâm của Phật giáo Việt Nam đã từng sử dụng. Vua Trần Nhân Tông trước khi viên tịch mời Trần Anh Tông đến và trao y bát cho Pháp Loa, mới 24 tuổi. Đây là trường hợp thuộc về ngộ tánh Thượng tọa, nghĩa là mặc dù tuổi nhỏ, nhưng đã đắc đạo, tánh sáng bên trong đã hiển lộ.

Chúng ta cầu đạo, phải tìm học với những người ngộ tánh, hoặc người có trí tuệ, đạo hạnh, không phải học với tuổi tác hay số năm tu thâm niên của họ. Vì họ ngộ đạo, hay có trí tuệ, giải thoát, đạo đức, chúng ta thân cận, tu học dễ cảm nhận được sự an lành kỳ diệu. Trái lại, họ dạy nhiều, nhưng không xóa được phiền não cho ta thì chẳng ích lợi gì.

Thiện Tài đến gặp Thiện Kiến Tỳ kheo đang đi kinh hành trong rừng. Nhờ sở đắc tu chúng được từ khi học đạo với Từ Hạnh ở giai đoạn trước, nên thấy Thiện Kiến khác hẳn các Thầy tu khác. Đã vào Tỳ Lô Giá Na lâu các thì Thiện Tài có đôi mắt sáng, thấy

Thiện Kiến là vị chân tu thạc đức, có đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tay chân đều có Kim cang luân... Vì theo tinh thần Hoa Nghiêm, thâm nhập Tỳ Lô Giá Na rồi, thấy vật ở dạng thể và muôn vật đều đồng một thể, nên tất cả đều là Phật, không có gì không phải là Phật mới là Phật.

Thiện Kiến mang danh xưng như vậy, vì ngài thấy ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật rõ hơn Thiện Tài thấy. Trong một niệm tâm của ngài chứa đủ tất cả, tất cả đều hiện tiền trong một niệm. Mỗi niệm có đủ ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật, mỗi Phật giáo hóa bao nhiêu chúng sanh ngài đều thấy rõ. Trong khi Thiện Tài chỉ thấy Phật, không dám thấy chúng sanh, vì thấy chúng sanh thì phiền não.

Thiện Kiến thấy Phật và chúng sanh với tất cả căn tánh hành nghiệp sai biệt một cách chính xác, không sai lầm. Thấy có chúng sanh thì mới đặt vấn đề giáo hóa chúng sanh.

12- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Tự Tại Chủ đồng tử

Theo tinh thần Đại thừa, không căn cứ vào một đời hiện tại, phải xét đến ba đời, hay nhiều đời trước để nhận xét con người. Việc phân chia người lớn hay nhỏ trong một đời không đúng hẳn. Có thể đời này họ nhỏ vì mới tái sanh lại, nhưng thực chất đã có quá trình tu hành từ nhiều đời, nên tuy tuổi nhỏ mà đạo lực và trí tuệ họ lớn. Đại thừa căn cứ vào phước đức và trí tuệ để định vị lớn nhỏ.

Theo tinh thần ấy, Thiện Tài cầu đạo, tìm học với người giỏi, có đức hạnh, không phân biệt tuổi tác. Thiện Tài đến học đạo với cô bé Từ Hạnh về khả năng giáo hóa và học với Tỳ kheo Thiện Kiến, tuy trẻ nhưng hiểu biết vượt hơn mọi người. Thiện Kiến lại chỉ ông đến Tự Tại Chủ đồng tử là cậu bé còn bốc cát chơi, nhưng có sự hiểu biết mà Thiện Kiến chưa đạt được.

Tự Tại Chủ đồng tử đang chơi cát với các trẻ khác, nhưng dưới mắt Bồ tát cầu đạo thấy đây là Bồ tát lớn. Người thường chơi cát thì không đáng kể, trong khi Bồ tát cũng làm như vậy lại thành quan trọng.

Tự Tại Chủ đồng tử nhờ học toán pháp với Văn Thù Sư Lợi, tức pháp toán của Bồ tát, tính biết được Pháp giới, biết trên trời có bao nhiêu vì sao, trong biển sanh tử này có bao nhiêu chúng sanh và tánh thiện ác của họ, bao nhiêu người đau khổ mà ông cứu độ được. Từ Tỳ Lô Giá Na tâm mà lần ra ngoài, Tự Tại Chủ đồng tử biết được tất cả. Tu trong Như Lai tạng tâm nhưng biết được ngoài trần thế, hành sử tốt đẹp trên cuộc đời, đó là việc làm của Bồ tát.

Từ sở đắc toán pháp của Bồ tát Văn Thù và ngộ nhập Nhất thiết công xảo thần thông trí pháp môn, Tự Tại Chủ đồng tử hiện thân hành đạo biết tất cả, giải đáp dễ dàng những bài toán khó của con người. Tự Tại Chủ đồng tử cũng khéo kinh doanh, tính toán không sai lầm, biết rõ khả năng từng người hợp tác nên phân bổ việc làm chính xác.

Ngoài ra, đồng tử cũng tính toán được sự cấu tạo hệ thần kinh của từng người, theo đó người nào đáng dùng pháp Thanh văn hay Duyên giác thừa hoặc đáng nhập Nhất thiết trí địa. Vì biết rõ nguyên nhân gây bệnh nên chế thuốc cho mọi người sử dụng đều lành mạnh. Tóm lại, từ toán pháp của Bồ tát mà đồng tử Tự Tại Chủ hình thành ra vũ trụ quan.

Tự Tại Chủ đồng tử còn nhỏ nhưng biết nhiều. Tri thức này không do học, không do suy nghĩ, cũng không do kinh nghiệm có được. Cái biết do kinh nghiệm là của thế gian. Theo Phật dạy, chúng ta chỉ tạm dùng nó, vì cái biết ấy thuộc phiền não, không giúp chúng ta giải thoát. Biết do suy nghĩ là biết của sự nhận thức, nên khi đúng khi sai, vì còn bị tình cảm và tham vọng chi phối. Kiến thức thế gian hay sự hiểu biết của người khôn bằng kinh nghiệm và suy luận không bảo đảm đúng. Chúng ta bình tâm thấy rõ trên thực tế, có người chúng ta đánh giá họ dở hoặc còn nhỏ sẽ không được việc, nhưng kết quả họ lại thành công.

Sự nhận thức mà chúng ta cần có trên bước đường tu là trực giác được tiêu biểu bằng hình ảnh Tự Tại Chủ đồng tử còn bốc cát chơi, không biết gì. Không biết nghĩa là không biết bằng Thức, nhưng biết bằng tâm. Đức Phật mượn Tự Tại Chủ đồng tử để nhắc nhở chúng ta dẹp bỏ sự suy luận để trở về chơn tâm, mới gặp chân lý.

Trên bước đường tu, tôi nhận ra ý này. Có lúc lắng lòng, trở về trạng thái không suy nghĩ thì bất chợt lóe lên được tia sáng đúng.

Nhiều khi suy nghĩ thì lại thấy khác và làm theo kinh nghiệm, thường sai hơn là đúng. Tuy nhiên, quý vị đừng lầm rằng làm không suy nghĩ với làm càn. Tĩnh tâm, quên tất cả và làm theo điều gì lóe lên trong lòng ta, tức theo trực giác thường đúng nhiều hơn.

Qua pháp Phật dạy cho Tự Tại Chủ đồng tử, chúng ta không dùng thủ đoạn, không mong cầu. Cái gì đến tự đến, quả chín tự chín, chúng ta ép nó phải như thế này hay như thế khác sẽ bị phản ứng. **Cần trở về với chính mình, sống với tâm hồn bình ổn nhất, bằng trực giác thấy được sự chuyển biến mà hành động.**

13- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Cụ Túc Ưu bà di

Tự Tại Chủ đồng tử nói ông chỉ biết như vậy, nếu muốn tiếp tục học thì nên đến với Cụ Túc Ưu bà di. Ưu bà di này sống trong thành Thiện Trụ mới có tâm bất động. Thiện trụ nghĩa là khéo tìm pháp để chúng ta an trụ.

Phật khuyên chúng ta tu muốn đạt kết quả tốt cần phải nương pháp Phật, lựa chọn pháp mà chúng ta tâm đắc để sống, hành trì, chúng ta mới thanh tịnh được. Còn rời xa pháp mà vào đời, chắc chắn bị đời lôi kéo, làm ô nhiễm. Đó là phương cách dành cho hàng sơ và trung căn, nên an trụ pháp phương tiện.

Thiện Tài vào nhà Cụ Túc, thấy Ưu bà di này oai đức quang minh, trừ Phật và đại Bồ tát, không ai bằng được. Thiện Tài quan sát

thấy nhà của ngài hoàn toàn trống không, tất cả đồ vật cần dùng trong cuộc sống đều không có, trong khi tôn xưng của ngài lại là Cụ Túc, tức đầy đủ.

Cụ Túc ngồi trên tòa báu, tuổi lớn, nhưng xinh đẹp đoan trang. Trước mặt ngài chỉ có một cái bát nhỏ. Lại có mười ngàn đồng nữ xinh đẹp đoan chánh như Thiên nữ vây quanh. Các đồng nữ này đồng hạnh với ngài, thường thân cận, cúi đầu khom mình chờ ngài sai khiến. Nơi thân các đồng nữ tỏa ra mùi hương, ai ngửi thấy đều được bất thoái chuyển, hết giận, hết buồn. Người thấy thân họ đều lìa tham nhiễm, nghe tiếng họ thì đều vui mừng.

Cụ Túc không sở hữu tài sản gì, chỉ có một cái bát nhỏ, nhưng từ nơi bát ấy, ngài có thể ban phát cho chúng sanh tất cả những thứ mà họ ưa thích. Vô số người tu hạnh Thanh văn trong vi trần số thế giới, nếu dùng thức ăn trong bát của ngài thì đều chứng quả A la hán, người tu Duyên giác thì chứng Bích chi Phật và người tu Bồ tát hạnh thì thành Đẳng Chánh giác.

Quan sát dưới dạng bản tâm thanh tịnh mới thấy được sự hành đạo bất khả tư nghì của Cụ Túc và quyến thuộc của ngài. Điều này gợi nhắc chúng ta muốn hiểu được người như thế nào, cần quan sát cuộc sống của họ và của những người xung quanh liên hệ đến họ. Có người nói đủ thứ, nhưng chúng ta thấy cuộc sống của họ không ra chi và quyến thuộc của họ lụn bại, khổ đau, thì ta không nên nghe theo.

Trên bước đường tu, tất cả những gì dễ thương, phước báu hiện ra trên thân tướng, trong cuộc sống của người. Phải biết đó là kết quả của tâm lượng bên trong mà hiện thành bên ngoài là phước tướng, cuộc sống và quyến thuộc tốt lành.

Chánh báo, y báo của Cụ Túc Ưu bà di tạo thành một thế giới quan đặc thù như vậy khiến cho Thiện Tài thắc mắc. Cụ Túc cho biết ngài được Giải thoát Bồ tát Vô tận Công đức Tạng mới có khả năng hành đạo, đáp ứng yêu cầu của chúng sanh một cách tự tại như vậy, tức phải trải qua quá trình tu. Ai cũng tốt, nhưng vì ta chưa tốt đối với họ, nên thường chiêu cảm quả báo xấu.

Trước tiên, ta phải tự tịnh hóa nội tâm, mới có cái nhìn chính xác. Lắng sâu tâm hồn để kiểm tra hành vi tạo tác của ta, cố ý làm khổ người thì không có, nhưng làm sao ta tránh khỏi sự vô tình làm mất lòng người.

Trong quá trình tu hành, phải học với Từ Hạnh đồng nữ, phát tâm Từ bi đi vào đời, luôn tâm niệm sự hiện hữu của ta chỉ nhằm làm vui lòng người. Khi chưa làm được như vậy là ta đã có lỗi, lòng ta không trong sạch nên hiện thân nghiệp chướng khiến người trông thấy phải buồn bực. Ý thức sâu sắc điều ấy, ta nỗ lực tu để xóa dư nghiệp.

Cụ Túc Ưu bà di cũng khởi tu từ chỗ này, sửa đổi ba nghiệp trải qua ba mươi sáu ức hằng hà sa Phật. Mỗi một đời theo Phật, làm được một số việc tốt cho một số người. Và cứ như thế, trong khắp

Pháp giới, không có chỗ nào mà ngài không xả thân hành đạo. Từ đó mới kết thành quả báo hiện đời là chỉ trong một cái bát nhỏ mà có đủ sức cung cấp cho tất cả chúng sanh, bằng Từ tâm thông được mọi loài. Ai có nhân duyên căn lành thì tự tìm đến, tập hợp được vô số quyến thuộc đồng hạnh đồng nguyện với ngài.

Khi Cụ Túc nghĩ mời mười ngàn Thiên nữ đến, họ liền có mặt và khi nghĩ có vô số chúng sanh đến thọ thực, họ cũng đến đủ, hình dạng của họ không giống nhau nhưng sở cầu đều mãn nguyện.

Trong nhà Cụ Túc chỉ có một bình bát, nhưng cần thì biến thành đầy đủ vật cho mọi loại khác nhau. Ý này giống như có tính cách phù phép ma thuật, dễ gây hiểu lầm là mê tín dị đoan. Đối với vấn đề pháp thuật, thường được gọi là thần thông, chúng ta đều biết Đức Phật luôn cấm kỵ. Mặc dù Đức Phật sở đắc vô số thần thông, nhưng Ngài không bao giờ dạy đệ tử sử dụng nó, vì tà thuật dễ luyện, nhưng không phải là chánh đạo. Đức Phật e ngại chúng ta còn đầy tham sân phiền não, dễ rơi vào con đường tội lỗi, nên Ngài ngăn cấm tập luyện ma thuật.

Đức Phật dạy chúng ta việc chính yếu là rèn luyện nhân cách trở thành cao thượng trong loài người. Trước nhất, cần phải phát huy lòng từ bi, gánh vác khổ đau và mang niềm vui cho người. Ngoài ra, chúng ta phải phát triển trí tuệ, tức sự hiểu biết càng rộng càng tốt, mới có thể cải thiện đời sống cho người. Việc thứ ba là trang bị dũng lực, gặp việc đáng làm dù khó khăn nguy hiểm đến bản thân, ta cũng không từ chối. Đó là ba đức tính mà hàng đệ tử

Phật phải trang nghiêm thân tâm, còn ma thuật thần thông không có giá trị bền chắc và càng tu luyện nó, chúng ta càng rời xa chánh đạo.

Khả năng đáp ứng yêu cầu của chúng sanh do Cụ Túc Ưu bà di thi thố không phải thuộc về tà thuật. Trái lại, đó là một pháp Phật dạy mang ý nghĩa sâu xa mà Phật phải dùng thí dụ nhân duyên để diễn tả cho chúng ta hiểu. Cụ Túc có thần biến và khả năng làm được như vậy, vì đã trải qua nhiều đời trồng căn lành, tu cội phúc, mới kết thành quả báo bất tư nghì.

Thật vậy, công đức của Cụ Túc quá rộng lớn, đầy đủ, nên tuy không chứa nhóm của cải mà tài sản có đầy trong Pháp giới. Trải qua vô lượng kiếp, ngài đã dùng toán pháp của Bồ tát để giáo hóa chúng sanh, mang đến cho họ tri thức và của cải vật chất.

Ân đức giáo hóa của ngài gieo rắc tình cảm tốt đẹp trong lòng họ, tác động họ trở thành pháp lữ đồng hạnh. Họ luôn mong mỗi được ngài giao việc để họ trả ơn giáo dưỡng, thì tất nhiên phương tiện cần có để giáo hóa dù lớn bao nhiêu cũng đủ sức cung ứng vậy. Điều này hiểu theo thời đại ngày nay, chúng ta thấy có nhiều nhà từ thiện trên thế giới không có tiền riêng. Tiền của họ gởi cho chúng sanh trong khắp mười phương là do công đức đã tu Bồ tát đạo, hành sáu pháp Ba la mật nhiều đời.

Khởi đầu của pháp tu Lục độ là trồng căn lành ở các Đức Phật, nghĩa là làm lợi ích cho chúng sanh. Trải qua vô số kiếp, họ đã

giáo dưỡng cho người phát tâm Bồ đề, trở thành người tốt, có phước đức, trí tuệ và đào tạo được những nhà trí thức, trưởng giả, quốc vương khắp thế giới. Vì vậy, tuy không nắm giữ tiền, nhưng tiền của họ ở khắp mười phương. Những người giàu có, quyền thế, nói chung không biết bao nhiêu người trên thế gian được họ cứu vớt, giúp đỡ, nghe thấy nhà từ thiện định làm việc gì thì hết lòng tùy hỷ, đóng góp. Nhờ vậy, họ sử dụng được số tiền nhiều không tưởng nổi, sự nghiệp của họ không ai bằng, dù thực sự họ không có tiền.

Cụ Túc Ưu bà di có một vạn quyến thuộc đồng hạnh, gọi cho chúng ta thấy điều này ít có trên thực tế. Phần nhiều người quản lý hay buộc người khác làm theo, nên họ buồn phiền và ít hợp tác lâu dài. Nhất là trong giới phụ nữ, hiếm khi thương yêu tin tưởng nhau thực sự.

Ưu bà di chỉ có một bình bát thôi, nhưng được coi là Cụ Túc, tức đầy đủ tất cả. Đó là điều chúng ta cần học; thực tế thường cho thấy nhiều người có tài sản lớn, nhưng phải khổ sở vì giữ của. Cụ Túc thì chỉ cần một bình bát mà dư đủ, vì những gì làm được trong hạnh Bồ tát, ngài gom lại để trong một bình bát. Người nào có nhân duyên căn lành với ngài, đến học đạo, không đòi hỏi, không mong cầu, nên tranh chấp không xảy ra, tìm thấy sự an lành trong cuộc sống, tri thức tự thăng hoa. Cứ như vậy mà họ đi lên, thỏa mãn được mọi yêu cầu. Trái lại, người có tham vọng tìm đến, không lấy được một xu; vì chỉ có bình bát, có thấy gì đâu mà

cướp được. Ý này diễn tả bằng hình ảnh Cụ Túc lấy trong bình bát đưa cho người những gì đều đúng với sự mong muốn của họ.

14- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với cư sĩ Minh Trí

Thiện Tài học đạo Bồ tát với Cụ Túc Ưu bà di là vị đặc được môn Giải thoát Bồ tát Vô tận Tạng Công đức, tài sản không có gì ngoài một bình bát nhỏ, nhưng từ bát này mà đáp ứng đầy đủ yêu cầu của chúng sanh trong khắp mười phương.

Cụ Túc dạy Thiện Tài nên tiếp tục đi về phương Nam, đến tìm học với cư sĩ Minh Trí. Vô lượng chúng sanh trong mười phương tập trung đến cầu xin ông, cư sĩ chỉ ngửa mặt lên hư không, đọc thần chú thì mọi thứ cần dùng của đại chúng đều từ trên trời rơi xuống.

Cụ Túc chỉ có một bình bát mà đựng đồ cho hoài không hết và Minh Trí chỉ ngửa mặt lên trời xin là của cải rớt xuống. Hai việc ấy chúng ta có tin được không và phải hiểu như thế nào.

Đọc kinh Hoa Nghiêm, nếu không hiểu nghĩa lý sâu xa trong kinh, chúng ta dễ rơi vào mê tín. Vì chúng ta chưa thâm nhập thế giới Phật, chưa biết rõ thần thông tự tại của Phật, nên khó hiểu, khó thấy được. Vì vậy, Đức Phật khuyên chúng ta nỗ lực tu, phát triển sáu pháp Ba la mật sẽ biết được những điều bất tư nghì.

Hiện tại, chúng ta chưa qua được cánh cửa thứ nhất của phàm phu thì khó suy lường được ý chân thật diễn tả trong kinh. Tuy

nhiên, có thể kéo về thực tế để chúng ta học được phần nào ẩn ý trong phẩm này và ứng dụng trong cuộc sống sẽ nhận được lợi ích.

Khi diễn tả danh xưng của cư sĩ Minh Trí, Đức Phật dụng ý nhắc chúng ta rằng nếu đạt được trí tuệ sáng suốt thì sẽ làm được tất cả. Bồ tát thường dùng hạnh để đặt tên, vì thế có thể hiểu Minh Trí cầu trên trời ban xuống, nghĩa là ông phát triển được trí tuệ ở độ cao nên thấy và khai thác được tất cả kho tàng trong thiên nhiên mà cung ứng cho mọi loài đầy đủ. Theo tôi, hiểu như vậy hợp lý hơn ở thời đại chúng ta. Thực tế cho thấy ta có thể dùng trí tuệ hướng dẫn cho người sống hạnh phúc, có đủ vật chất của cải.

Minh Trí sử dụng trí tuệ, biết giúp người nào mà họ phấn đấu đi lên mới giúp; không giúp để người lợi dụng, thủ tiêu sức phấn đấu và trở thành người ăn hại.

15- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với trưởng giả Pháp Bửu Kế

Học xong với Minh Trí, Thiện Tài tìm đến trưởng giả Pháp Bửu Kế. Trưởng giả là người làm ăn đàn ông hoàng, đã áp dụng lời Phật dạy trong đời sống và trở thành người giàu có.

Ông dắt Thiện Tài vào nhà ông làm bằng thấtbảo, có mười tầng. Ở vào thời xa xưa, chưa văn minh mà hình dung căn nhà mười tầng hơi khó. Thiết nghĩ, kinh này ứng dụng ở thời đại chúng ta

dễ nhận ra hơn. Nhà trưởng giả có mười tầng gọi cho chúng ta liên tưởng đến các đại siêu thị ngày nay.

Nhà Pháp Bửu Kế trưởng giả được thiết kế mười tầng, tức mười địa vị tu chứng của Bồ tát Thập Địa. Tầng thứ nhất bố thí thực phẩm, ai cần gì đều được cấp cho no đủ. Hạnh này ứng với Sơ địa Bồ tát tu hành bố thí là chính, giải quyết được đời sống con người.

Tầng thứ hai bố thí những bửu y. Bửu y hay áo giới luật, áo Pháp bảo vệ cho người thật an toàn. Thật vậy, nương pháp lực của Bồ tát, cuộc sống của chúng ta nhẹ nhàng đối khác, thăng hoa. Tùy trình độ tới đâu thì thọ lãnh được pháp lực của Bồ tát đến đó.

Tầng thứ hai là giới pháp tương ứng với Bồ tát Nhị địa trì giới, dùng giới pháp hay pháp y để che chở giới thân huệ mạng. Đó là vật trang sức đẹp nhất. Về giới luật của Phật, thì tùy thân, tùy phận mà giữ gìn, tề nhất là giữ được một trong năm giới cấm cũng đã tốt, vì chỉ giữ một giới không gian tham trộm cắp đã được người tin tưởng, kính trọng.

Từ một giới cũng tốt cho đến trang nghiêm trọn vẹn ba ngàn oai nghi. Áo giới luật là áo Như Lai có trong tòa nhà của trưởng giả Pháp Bửu Kế. Kiểu áo nào của Như Lai cũng đẹp hay có thể hiểu rằng đức hạnh của con người toàn thiện toàn mỹ, thì ở khía cạnh nào cũng có tướng hảo.

Tầng thứ ba và thứ tư, Bồ tát tu hạnh tinh tấn và nhẫn nhục. Vào đó, chúng ta thấy mọi người sống hài hòa với nhau, thể hiện pháp Phật dạy là Đồng sự. Tất cả mọi người đồng nhất qua hạnh của trưởng giả Pháp Bửu Kế, mỗi người tùy thời, tùy phận mà tự tìm việc để làm. Sống ở đó ai cũng như ai, không hề có ý niệm nhân ngã bỉ thử, tốt xấu, sang hèn.

Bốn tầng này nằm trong tứ sanh lục đạo, là bốn tầng thấp mà Pháp Bửu Kế nhắm vô dạy con người. Lên tầng thứ năm, mọi người đều sống trong Thiền định, đồng ngồi một chỗ, nhưng ảnh hưởng qua lục đạo tứ sanh. Bồ tát đệ Ngũ địa đắc định mới qua được tầng này.

Đến tầng thứ sáu, Bồ tát sống với trí tuệ, kinh ghi rằng Bồ tát Lục địa tu Bát Nhã Ba la mật, mỗi người biết được một pháp. Tất cả tập hợp trong nhà Pháp Bửu Kế cùng chung luận bàn. Đi lần đến Thập Địa, thì thấy mười phương chư Phật thường nhóm họp.

Trên bước đường tu, tùy theo trình độ của ta đến mức nào thì tự động vào tầng đó tham quan. Khi ta còn cần thức ăn, áo mặc thì không tài nào lên tầng thứ năm của nhà Pháp Bửu Kế được.

Pháp Bửu Kế cho biết ông thành tựu như vậy vì vô lượng kiếp quá khứ, có Phật Vô Biên Quang Minh Pháp Giới Phổ Trang Nghiêm Vương Như Lai. Ông đã đốt một nén hương cúng dường Đức Phật này và phát nguyện có đủ của báu, thường gặp Phật, hằng nghe chánh pháp.

Chúng ta cần hiểu ý nghĩa cúng hương như thế nào mà chỉ có một nén hương lại thành tựu pháp vô cùng lớn như vậy. Hương dù quý báu như hương chiên đàn, trầm thủy... nhưng không có tâm hương dâng cúng cũng không thành pháp. Trưởng giả Pháp Bửu Kế đốt nén tâm hương dâng Phật, tiêu biểu cho lòng tốt và hành động tốt của ông, tác động cho người có cảm tình với ông và phát tâm Bồ đề. Đó mới là tối thượng cúng dường chư Phật.

Tâm hương gồm có giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát, giải thoát tri kiến hương. Trước nhất, đệ tử Phật là người trong sạch, tốt lành. Đem dâng cúng Phật tâm trong sạch và hành động tốt đẹp của mình gọi là đốt giới hương.

Kế đến, tâm ý tập trung, không nghĩ tán loạn, thể hiện ra thân tướng giải thoát, cuộc sống định tĩnh. Dùng định hương ấy dâng cúng. Nhờ tâm an định, trí tuệ phát sanh, làm lợi ích cho người, khiến người kính trọng Tam bảo, sử dụng được huệ hương.

Sau cùng đốt lên hương giải thoát và giải thoát tri kiến, nghĩa là trong cuộc sống, làm được mọi việc khó mà lòng không vướng bận một mảy trần, được tự tại trong mọi tình huống. Và dùng tri kiến của chánh pháp để hàng phục tà ma ngoại đạo, đưa họ trở về con đường thánh thiện, giải thoát.

Trưởng giả Pháp Bửu Kế có khả năng cúng dường tâm hương như vậy mới có sức thu hút, cảm hóa mọi người thâm nhập vào mười tầng của nhà Bồ tát đạo.

16- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với trưởng giả Phổ Nhãn

Sau khi vào nhà mười tầng của trưởng giả Pháp Bửu Kế để học đạo Bồ tát, Thiện Tài lễ tạ ra đi về phương Nam đến thành Phổ Môn, học với trưởng giả Phổ Nhãn. Phổ Nhãn là bác sĩ dùng phương pháp chữa bệnh hoàn toàn khác với thầy thuốc thông thường.

Với danh xưng là Phổ Nhãn, ngài có đôi mắt quan sát, biết rõ tất cả bệnh của chúng sanh mười phương. Nơi nào có người bệnh khổ, đau buồn thì ngài đến chữa trị cho họ được lành mạnh. Lại ban cho họ đồ ăn thức uống, y phục đẹp, đồ trang sức, cho đến vàng bạc, tất cả được đầy đủ. Họ mang trọng ơn ngài đã cứu mạng sống, nuôi dưỡng và nhân đó, ngài tùy theo hoàn cảnh mà thuyết pháp giáo hóa. Vì người tham dục nhiều, ngài dạy họ quán bất tịnh. Vì người sân hận nhiều, dạy họ quán từ bi. Vì người ngu si nhiều, dạy họ phân biệt các pháp tướng. Vì muốn họ tăng trưởng công đức, nên tán thán tu tập vô lượng phước trí. Vì muốn họ thân rốt ráo thanh tịnh vi diệu, nên tán dương lìa hẳn tất cả pháp bất thiện...

Cách hành đạo của Phổ Nhãn rất thực tế, vì người đói thì không thể nghe pháp được. Ý này trong dân gian thường nói là "Có thực mới vực được đạo". Người bị bệnh hoành hành cũng khó mà lắng tâm nghe pháp. Trưởng giả giải quyết đời sống vật chất đầy đủ cho người và chăm lo sức khỏe của họ tốt rồi, từng bước xây dựng họ phát triển. Nói chung trưởng giả đi khắp nơi để giải quyết tất

cả vấn đề, chữa lành được thân bệnh cũng như tâm bệnh của chúng sanh, nên họ rất hoan hỷ.

Trưởng giả nói với Thiện Tài rằng ngài chỉ biết pháp môn làm cho tất cả chúng sanh thấy chư Phật hoan hỷ và dạy Thiện Tài tiếp tục cầu học với vua Vô Yểm Túc.

17- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với vua Vô Yểm Túc

Vua này tàn nhẫn, đặt nhiều hình phạt trừng trị nặng nề, là vua hung ác thì học đạo với họ là học gì. Và nếu nghĩ học đạo Bồ tát tức cứu nhân độ thế, nhưng ông này sử dụng hình phạt cực ác, kinh khủng như móc mắt, xẻo tai, lột da, hành hạ người đau khổ cùng cực, làm sao có đạo Bồ tát để học.

Thiết nghĩ, chúng ta phải quan sát xem tội ác mà vua hành hình phạm nhân là thật hay giả. Nếu làm ác thật, vua Vô Yểm Túc cũng phải bị lật đổ và chết thảm thương như việc ông đã làm. Thực tế lịch sử đã chứng minh điều này. Chúng ta thấy rõ các nhà độc tài trên thế giới làm ác phải lãnh thọ quả báo ác. Quy luật này không trừ bất cứ ai. Tuy nhiên, riêng đối với vua Vô Yểm Túc, không phải như vậy.

Thông thường, người có căn lành không thích gần gũi người ác, vì thấy việc ác thì đau nhói trong lòng. Ở đây, kinh điển tả là Thiện Tài phát tâm đại bi cứu hộ chúng sanh mà lại thấy Vô Yểm Túc bức hại chúng sanh cho đến chết, khiến Thiện Tài hoảng sợ, định bỏ đi.

Đây là lần thứ hai ta thấy Thiện Tài chùn bước. Lần thứ nhất gặp Thắng Nhiệt Bà la môn bảo trèo lên núi đao, nhảy vào hầm lửa, Thiện Tài hoảng sợ; nhưng nhận ra thâm ý mà thiện tri thức muốn dạy rằng không dẫn thân vào đường hiểm sanh tử làm sao cứu vớt chúng sanh. Thiện Tài liền phát tâm cầu đạo không tiếc thân mạng.

Vượt được chặng thứ nhất rồi, Thiện Tài tự nghĩ chẳng lẽ học với người ác là Bồ tát hạnh hay sao. Lần này ông lại nghe chư Thiên nhắc nhở: "Phải tin thiện tri thức, trưởng giả Phổ Nhãn không nói sai đâu. Bồ tát pháp không thể hiểu được, đừng suy nghĩ, đừng đánh giá, dễ sai lầm".

Trên bước đường tu, chúng ta hiểu Hoa Nghiêm là hiểu từ tự tánh, trong lòng ta cân nhắc, cảnh tỉnh, chứ không phải gặp chư Thiên thật. Thiện Tài nghe chư Thiên nhắc, nghĩa là từ bản tánh thanh tịnh của ngài mà lóe sáng lên Trung đạo đệ nhất nghĩa. Bằng sự nhận thức thì Thiện Tài thấy Vô Yểm Túc tàn nhẫn, nhưng theo trực giác lại cảm nhận bên trong vua có cái gì bất khả tư nghì, không thể nói được.

Nghe tiếng nói trong hư không có thể hiểu là khi sử dụng sự nhận thức, thì tâm chúng ta bị mờ đặc. Nhưng xóa sạch nhận thức, tâm thành trống không, chân lý mới hiện ra.

Một niệm bất giác nổi dậy, không thể thấy chân lý, vì đầu óc chúng ta đầy đặc dữ kiện. Tuy nhiên, trở về trạng thái vô tư hồn

nhân của Tự Tại Chủ đồng tử, tức trở về tâm trống không mà Đức Phật thường so sánh với hư không, chân lý mới hiện ra cho ta.

Theo tôi, ta thấy người xấu, nghe nói họ xấu và dùng suy nghĩ phân tích cũng thấy họ xấu. Nhưng nếu ta không nghĩ họ xấu, dùng ý niệm xấu về họ khi sống chung và làm việc chung với họ, thì họ không xấu với ta nữa, dù trên thực tế cuộc sống, họ vẫn xấu với người khác. Đó là kinh nghiệm tu của tôi, dù xấu mấy, ác mấy, họ cũng ước mong có người tin để họ nương tựa. Có thể nói bất cứ ai cũng có một điểm lành. Trên bước đường tu, tôi không thấy ai xấu với tôi. Nếu cầu đạo bằng tâm đó, chúng ta thấy cuộc đời đẹp biết bao và bằng đôi mắt đẹp như đồng tử Thiện Tài cầu đạo, lần lần cuộc đời trở thành đẹp thật với chúng ta. Điều đó được Phật dạy rằng tất cả pháp do tâm tạo. Trên tinh thần ấy, Thiện Tài nhìn mặt ngoài thấy vua xấu ác, nhưng lắng lòng, thấy được vua tốt. Có cảm nhận như thế mới tiến tu được.

Trong cuộc sống luôn có hai mặt đối lập, nhìn thoáng qua, thấy tốt, nhìn kỹ lại thấy xấu; hai cái tốt xấu thường chập chờn hiện hữu. Ý thức sâu sắc điều đó, chúng ta nên cho cái xấu trôi về quá khứ để hiện tại tốt hơn, vì nếu cứ ghim chặt cái xấu quá khứ, nó sẽ trở thành hiện tại và mỗi ngày thêm lớn hơn. Và cố gắng giữ tâm niệm tốt, nuôi dưỡng nó mỗi ngày, mỗi đời phát triển hơn.

Vua Vô Yểm Túc xét xử tội nhân xong, ông dẫn Thiện Tài vào xem cung điện và cho biết bề ngoài thấy làm ác như vậy, nhưng thật

trong lòng vua từ khi phát tâm tu Bồ tát đạo, một con muỗi cũng không giết. Vì thương chúng sanh đầy tham lam, ghét ganh, mê muội, độc ác, nên ông trùng trị để ngăn chặn tội ác cho họ, giúp họ thành người tốt. Với ý niệm không phải vì ác nhưng vì lòng Từ mà răn đe, dạy dỗ người. Nhờ pháp tu ấy mà ông đạt được Như huyễn tam muội, thì ông cần cái gì liền hiện cái đó.

Khi vua nhập Như huyễn tam muội, thì những người ác hiện ra để ông thuyết pháp. Người bị giết và người giết đều do biến hóa ra, không phải người thật. Dùng hình phạt nặng trùng trị người huyễn hóa nhằm giáo dục người thật hung dữ trên nhân gian, cho họ thấy quả báo đau khổ mà không dám làm việc ác nữa. Đây là việc làm của Bồ tát lớn, tạo dữ kiện để ngài lấy đó làm bài thuyết pháp sống.

Cuộc đời của Đức Phật Thích Ca hành Bồ tát đạo cũng đã dùng Huyền thân tam muội hiện thành các loại hình nghịch thuận, tốt xấu để tuyên dương chánh pháp. Điển hình như Bàn Đạc không thuộc nổi hai chữ mà đặc La hán, là do Đức Phật huyễn hóa ra để người dốt nghĩ rằng họ còn giỏi hơn Bàn Đạc, nếu tu sẽ đặc quả mau hơn.

Chúng ta biết rõ Đức Phật dùng huyễn hóa vì về sau không ai đặc đạo dễ dàng như vậy, dù họ là Tăng sĩ rất giỏi. Hiển nhiên là người huyễn hóa thì muốn làm gì cũng được, họ đặc đạo mau lẹ, dễ dàng vì có phải tu thật đâu, có thể tạm ví như đóng kịch trên sân khấu vậy. Họ đóng vai ngu dốt mà đặc quả thì kịch hết, màn

hạ xuống, họ trở về con người thật, chứ có còn là vị La hán nữa đâu.

Dưới bàn tay của người đấng Huyền thân tam muội, họ sắp xếp cho người huyễn hóa thành công việc gì là tùy theo ý muốn của họ. Trái lại, trên thực tế, người xấu thật thì khó mà chuyển hóa họ trở thành tốt được.

Bồ tát nương theo Phật làm việc giáo hóa chúng sanh, vua Vô Yểm Túc ác thật thì ông không thể nào có phước báu lớn lao vô cùng. Thật vậy, Thiện Tài thấy cung điện của vua rộng lớn không gì có thể so sánh, đều làm bằng thất bảo và có mười ức thị nữ đoan trang xinh đẹp.

Vua bảo Thiện Tài nếu vua thật sự gây ác nghiệp thì làm sao có được quả báu tốt đẹp là thân không bệnh, tâm giải thoát và giàu sang như vậy, còn quyến thuộc hết lòng phục vụ, không trái ý. Thấy bề ngoài ác mà thật là thiện.

Làm ông ác khó hơn làm ông thiện. Toàn người hiền thì ai giữ của Tam bảo. Vì vậy, Quan Âm Bồ tát hiền nhất nhưng đóng vai ông Tiêu mặt dữ, hoặc Vi Đà Bồ tát cũng đầy lòng từ mà hiện thân Hộ pháp để dọa người ác.

Vua Vô Yểm Túc dạy Thiện Tài nên quan sát người ác giả mà trong tâm họ tốt như Đề Bà Đạt Đa mặt quỷ nhưng chứa tâm Phật. Và ngược lại, mặt ngoài hiền lành ẩn chứa tâm ác độc, gọi là khẩu Phật tâm xà. Tâm bên trong chủ động, quyết định quả tốt

hay xấu. Tâm ác thật thì đương nhiên phải thọ quả báo khổ, không thể nào thoát khỏi lưới nhân quả; nhưng chúng ta thấy họ ác mà vẫn sống sung sướng thì còn phải xét lại có điểm gì hay mà chúng ta phải học, không nên nói xấu họ.

Vua Vô Yểm Túc dùng hình phạt nặng để xã hội được bình yên. Và hơn thế nữa, Thiện Tài học được cách nhìn bề trong, thấy được pháp Bồ tát như huyễn giải thoát.

18- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với vua Đại Quang

Thiện Tài học với vua Vô Yểm Túc pháp như huyễn, sử dụng cực hình ác để giáo hóa chúng sanh trong thế giới ác. Nhưng sang học đạo với vua Đại Quang ở thế giới hiền lành, dân chúng toàn người tốt thì thấy cách giáo hóa của vua Đại Quang hoàn toàn khác hẳn Vô Yểm Túc.

Học đạo với một ông hung dữ nhất và ông hiền lành nhất, để nói lên tinh thần Đại thừa không theo mô hình cố định, phải tùy thời, tùy chỗ mà áp dụng pháp thích hợp. Trong trường hợp nào cần hiền như bột cho họ nắn, để họ tu đắc đạo; nhưng gặp cô hồn lộng hành thì phải mặc áo ông Tiêu vô và phun lửa mới trị được chúng. Đến khi xong việc rồi, trở lại vị trí vua Đại Quang, nghĩa là trở lại tâm hiền lành nhất.

Vua Đại Quang cai trị không dùng hình phạt, nhưng quan tâm đến việc giải quyết cơm ăn áo mặc cho người, ai gặp khó khăn,

cần gì vua sẵn sàng cho đủ. Điều này gợi ý chúng ta rằng nếu sức cung lớn hơn cầu thì việc giải quyết dễ dàng.

Lịch sử Nhật Bản cho thấy ở thời Minh Trị, tội trộm cắp bị xử phạt rất nặng, nhưng người dân vẫn cứ phạm tội này. Đến khi đất nước họ văn minh rồi, vật chất quá đầy đủ, tự động không ai làm điều xấu ấy.

Vua Vô Yểm Túc quá tàn nhẫn và vua Đại Quang quá đạo đức, hay đó là hai mặt của cuộc đời cho chúng ta bài học phải có phước báu, đạo đức, thông minh tài giỏi mới lo được cho mọi người. Và có như vậy mới chỉ đạo đất nước đi lên, còn chỉ dùng hình phạt suông thì không đủ.

Khi bản thân chúng ta chưa được những điều tốt, giỏi như vua Đại Quang, phải nỗ lực đoạn tuyệt tánh xấu, trau dồi đức tánh tốt, cố gắng làm được những điều khó làm.

Vô Yểm Túc giới thiệu Thiện Tài đến học với vua Đại Quang, cũng có nghĩa là khi xây dựng người, ngăn chặn xấu thì thiện sanh, trấn át được tội lỗi, người mới yên tâm làm ăn, cuộc sống mới chuyển thành tốt, lúc ấy kỷ luật không còn cần thiết nữa. Ai cũng muốn bố thí mà không muốn nhận, làm gì còn trộm cắp.

Xây dựng cho người trở thành tốt, họ tự phấn đấu đi lên, làm cho xã hội an lành. Bằng Từ tâm tam muội mà vua Đại Quang đến với người, nghĩa là tình thương yêu của Bồ tát có sức cảm hóa người. Lúc trước, tình thương của Vô Yểm Túc phải ẩn dấu bên trong và

thể hiện ra những hình phạt ác. Nay, mọi người tốt rồi, tình thương của Đại Quang thể hiện thật trong cuộc sống. Đặc biệt là tình thương Bồ tát đạt đến độ cao, tác động cho người tội lỗi nghĩ đến Bồ tát liền phản tỉnh, hồi tâm.

Thực tế lịch sử nước ta cho thấy tấm gương đạo đức của vua Lý Thánh Tông. Ông thương dân như con đẻ. Lòng Từ của vua trải ra cho dân, lấy đức hạnh cảm hóa dân, dẹp bỏ các hình phạt dã man, nâng cao nhân phẩm của người dân. Vua đã xây dựng được đất nước an vui, thuần từ.

Vua Đại Quang dùng đức trị dân vì ông ra đời trong hoàn cảnh tốt, nước giàu, dân tốt, giỏi, phước đức đầy đủ như vậy, mọi việc tự động tốt. Ngược lại, sanh vô thế giới chiến tranh, lạc hậu, nghèo khổ, ác độc thì phải dùng pháp luật để trị cho yên.

Thiện ác, tốt xấu là hai thể tương đối của cuộc đời mà chúng ta cần khéo vận dụng trên bước đường hành Bồ tát đạo. Hai mẫu vua này được kinh Hoa Nghiêm đề ra nhằm dung hóa tốt xấu, cả hai đều là đạo.

Theo tinh thần ấy, chúng ta học với người xuất gia và cả cư sĩ tại gia, thậm chí học với trẻ thơ chưa biết suy tư. Hành đạo theo Hoa Nghiêm, có người đau khổ đến nhờ tôi giải khổ. Tôi dạy họ nên học với đứa trẻ an vui tự tại mà bà đang bồng trên tay. Bà chỉ cần dẹp bỏ ý thức xấu về người chồng là được an lạc liền. Giải thoát

và vô minh phiền não cùng ở một chỗ, biết thì giải thoát, không biết thì khổ.

Tóm lại, qua hình ảnh của hai ông vua ác và thiện cho chúng ta ý thức kết hợp thiện và ác, trong ác có thiện và ngược lại trong thiện có ác. Biết như vậy mới có thể tu hành đắc đạo. Thí dụ như có Phật tử tu hành tốt, cúng dường nhiều, nhưng lớn tuổi lại sanh tật, hung dữ, nhiều đòi hỏi thì chết sẽ đọa. Đó là con đường tu cùng tội thiện để trở thành ác. Ngược lại, có người rất ác, nhưng cuối cuộc đời, họ ăn năn hối cải, trở thành thiện và chết sanh Thiên. Vì vậy, Phật dạy chúng ta đã làm thiện, phải cố gắng nuôi dưỡng thiện tâm cho phát triển; nếu không phát huy được thì cũng không nên làm mất tâm tốt.

Theo kinh nghiệm tu hành, tôi lỡ làm gì mất lòng người, thì thường thao thức, suy nghĩ về sự lỗi lầm ác của mình mà nuôi thiện tâm. Ngày nay, chúng ta được duyên lành đến chùa, sống với bạn đạo, nên gieo vào lòng người cảm tình tốt, để đời sau gặp lại nhìn nhau trong thiện cảm, cùng làm thiện nhiều hơn nữa. Cứ như vậy mà tiến tu thì dễ thành Phật.

Chính nhờ quá khứ chúng ta đã xây dựng được việc tốt lành với bạn bè, nên đời này họ mới thương ta, hợp tác với ta; nhưng đại đột đánh mất mối tương quan thiện cảm ấy thì gặp lại trong mối thâm thù, quả là uổng phí và đáng sợ.

Đức Phật dạy rằng tu Bồ tát đạo phải biết tổng hợp để chuyển tất cả thành thiện căn công đức. Theo tinh thần ấy, vua Vô Yểm Túc sống trong nước tội lỗi phải xử trí bằng những hình phạt khủng khiếp để xã hội yên lành. Nhưng mọi việc đều yên ổn rồi, không cần làm như vậy nữa, cộng thêm đức hạnh của vua, không cần làm mà việc thành vì được nhiều người giúp sức, như vua Đại Quang thì càng siêng năng càng dễ thắng hoa.

19- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Bất Động Ưu bà di

Trên bước đường tu, quyến thuộc trở thành quan trọng, không dễ tạo được, phải cố gắng gìn giữ. Vua Đại Quang thành công được nhiều việc thiện vì ông có nhiều người tốt giúp sức, trong đó phải kể đến Bất Động Ưu bà di. Vì vậy, vua giới thiệu Thiện Tài đến học với Bất Động Ưu bà di. Ưu bà di này không lập gia đình nên gọi là đồng nữ, chơn tánh còn nguyên vẹn, không bị trần thế làm nhiễm ô. Điều đặc biệt của đồng nữ Bất Động là không hề dao động trước mọi việc trần gian.

Đức Phật có hai pháp, pháp phương tiện và pháp chân thật. Pháp phương tiện tức tùy duyên mà hành đạo, chúng ta cũng có thể trở thành vô động. Ở đâu, chúng ta phải tùy thuộc chỗ đó, ở nước này mà muốn giống chỗ khác, không bao giờ được.

Trước khi đi Pháp, tôi suy nghĩ kỹ ý này. Tôi luôn nhớ phải an trụ pháp phương tiện của Phật, nghĩa là tùy duyên mà sống, ở chùa

Trúc Lâm không phải là chùa Ấn Quang hay Xá Lợi và trăm người trăm ý, làm sao vừa lòng tất cả, mình mới yên thân.

Tôi lạy Phật để lòng thanh tịnh và phương tiện tìm được ở đây là mọi người đều xa quê hương, ngày Vu Lan gọi họ nhớ đến tổ tiên ông bà; nên tôi triển khai điểm chung là mối liên hệ thân thương của chúng ta với cửu huyền thất tổ như thế nào theo Phật dạy để đáp đền ơn đức ấy. Trong thời pháp, mọi người đều cảm động đến rơi lệ và tôi đã được giải thoát thật!

Thuở quá khứ xa xưa, Bất Động Ưu bà di phát tâm Bồ đề trong hoàn cảnh cũng thật đặc biệt, lúc đó đồng nữ là công chúa. Vua cha sanh nhiều con trai, nhưng chỉ có đồng nữ là con gái, nên được cả triều đình quý mến. Một hôm, công chúa ở trên lầu ngắm xem tinh tú. Hướng nhìn trời và muôn vì sao đến độ xa thăm, tức tập trung tư tưởng đến độ cao nhất, thì công chúa thấy thế giới Phật hiện ra với Đức Phật đầy đủ uy nghiêm tướng tốt, thấy Phật hành đạo, thấy Thánh chúng và tất cả chúng sanh đang sinh hoạt.

Thấy như vậy rồi trở lại cuộc sống trần thế, công chúa không còn ham muốn gì và tâm không còn mê muội. Những pháp Phật thuyết và Bồ tát hành đạo, bà không bao giờ quên và mọi thứ không còn khả năng lôi cuốn, nên mới có danh xưng là Bất Động. Và dẫn đến đời nào, kiếp nào, tâm của đồng nữ cũng không chao đảo vì tâm này sống dưới dạng Pháp giới, sinh hoạt ở dạng thể tánh của muôn vật vốn bất động, nên đồng nữ này trụ bất động.

Chúng ta dao động vì đã rời bỏ chơn tánh, đi vào sanh tử. Ta gá tâm trong sanh tử nên bị nó mê hoặc, không còn sáng suốt, không chủ động được việc gì. Ý thức như vậy, trên bước đường tu, dù gặp sóng gió ba đào đến đâu, chúng ta phải cố trụ tâm. Một khi tâm ta dao động theo sóng triều trần thế là biết mình đang rời xa chơn tâm, phải kéo lại bằng cách thọ trì đọc tụng lời Phật dạy để tìm lại sự an lành cho chính mình. Cần tâm niệm rằng trong thế giới xô bồ nhiều khổ đau này, nếu không làm được gì cho ai thì chính bản thân ta cũng đừng loạn động; làm được như vậy là ta đã đóng góp cho sự an tâm của người khác.

Trong quá trình tu, đồng nữ Bất Động tu Định, thường trụ ở thể tướng vắng lặng, nên vượt ngoài sự chi phối của hiện tượng sanh diệt. Đối với Bất Động, lúc còn trong thai mẹ thọ ngũ uẩn thân, tâm cũng không mờ tối. Trong khi các Bồ tát khác vào thai mẹ, thì chịu ảnh hưởng sự tư duy của người mẹ và khi mang ngũ ấm thân, họ cũng bị nóng lạnh đói khát của thân chi phối; chỉ trừ khi họ sống gần Phật mới trở về trạng thái sáng suốt được.

Bất Động Ưu bà di cho biết đời đời kiếp kiếp chỉ tu một pháp là giữ cho tâm yên tĩnh, không mê muội, không để cuộc đời lôi cuốn; kinh ghi là tâm như Kim cang, tất cả phiền não không phá hoại được. Trải qua vô số kiếp, bà chẳng khởi một niệm tâm ái dục, huống là làm việc ấy. Vì không quan tâm đến của cải cho đến thân mạng, những thứ này có hay không, đối với Bất Động Ưu bà di cũng không thành vấn đề.

Bất Động Ưu bà di hành đạo Bồ tát trên nhân gian bằng cách tĩnh lặng, không dao động trước hoàn cảnh và cái chết. Tâm định tĩnh ấy tác động cho người xung quanh bình ổn theo, thể hiện bài pháp sống. Từ tâm định tĩnh nhiều năm, nhiều đời mà Bất Động hiện tướng giải thoát, hiền dịu, dễ thương, tạo thành cuộc sống an lành trong một xã hội không an lành.

16- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với trưởng giả Phổ Nhãn

Sau khi vào nhà mười tầng của trưởng giả Pháp Bửu Kế để học đạo Bồ tát, Thiện Tài lễ tạ ra đi về phương Nam đến thành Phổ Môn, học với trưởng giả Phổ Nhãn. Phổ Nhãn là bác sĩ dùng phương pháp chữa bệnh hoàn toàn khác với thầy thuốc thông thường.

Với danh xưng là Phổ Nhãn, ngài có đôi mắt quan sát, biết rõ tất cả bệnh của chúng sanh mười phương. Nơi nào có người bệnh khổ, đau buồn thì ngài đến chữa trị cho họ được lành mạnh. Lại ban cho họ đồ ăn thức uống, y phục đẹp, đồ trang sức, cho đến vàng bạc, tất cả được đầy đủ. Họ mang trọng ơn ngài đã cứu mạng sống, nuôi dưỡng và nhân đó, ngài tùy theo hoàn cảnh mà thuyết pháp giáo hóa. Vì người tham dục nhiều, ngài dạy họ quán bất tịnh. Vì người sân hận nhiều, dạy họ quán từ bi. Vì người ngu si nhiều, dạy họ phân biệt các pháp tướng. Vì muốn họ tăng trưởng công đức, nên tán thán tu tập vô lượng phước trí. Vì muốn họ thân rốt ráo thanh tịnh vi diệu, nên tán dương lìa hẳn tất cả pháp bất thiện...

Cách hành đạo của Phổ Nhãn rất thực tế, vì người đói thì không thể nghe pháp được. Ý này trong dân gian thường nói là "Có thực mới vực được đạo". Người bị bệnh hoành hành cũng khó mà lắng tâm nghe pháp. Trưởng giả giải quyết đời sống vật chất đầy đủ cho người và chăm lo sức khỏe của họ tốt rồi, từng bước xây dựng họ phát triển. Nói chung trưởng giả đi khắp nơi để giải quyết tất cả vấn đề, chữa lành được thân bệnh cũng như tâm bệnh của chúng sanh, nên họ rất hoan hỷ.

Trưởng giả nói với Thiện Tài rằng ngài chỉ biết pháp môn làm cho tất cả chúng sanh thấy chư Phật hoan hỷ và dạy Thiện Tài tiếp tục cầu học với vua Vô Yểm Túc.

17- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với vua Vô Yểm Túc

Vua này tàn nhẫn, đặt nhiều hình phạt trừng trị nặng nề, là vua hung ác thì học đạo với họ là học gì. Và nếu nghĩ học đạo Bồ tát tức cứu nhân độ thế, nhưng ông này sử dụng hình phạt cực ác, kinh khủng như móc mắt, xẻo tai, lột da, hành hạ người đau khổ cùng cực, làm sao có đạo Bồ tát để học.

Thiết nghĩ, chúng ta phải quan sát xem tội ác mà vua hành hình phạm nhân là thật hay giả. Nếu làm ác thật, vua Vô Yểm Túc cũng phải bị lật đổ và chết thảm thương như việc ông đã làm. Thực tế lịch sử đã chứng minh điều này. Chúng ta thấy rõ các nhà độc tài trên thế giới làm ác phải lãnh thọ quả báo ác. Quy

luật này không trừ bất cứ ai. Tuy nhiên, riêng đối với vua Vô Yểm Túc, không phải như vậy.

Thông thường, người có căn lành không thích gần gũi người ác, vì thấy việc ác thì đau nhói trong lòng. Ở đây, kinh điển tả là Thiện Tài phát tâm đại bi cứu hộ chúng sanh mà lại thấy Vô Yểm Túc bức hại chúng sanh cho đến chết, khiến Thiện Tài hoảng sợ, định bỏ đi.

Đây là lần thứ hai ta thấy Thiện Tài chùn bước. Lần thứ nhất gặp Thắng Nhiệt Bà la môn bảo trèo lên núi đao, nhảy vào hầm lửa, Thiện Tài hoảng sợ; nhưng nhận ra thâm ý mà thiện tri thức muốn dạy rằng không dẫn thân vào đường hiểm sanh tử làm sao cứu vớt chúng sanh. Thiện Tài liền phát tâm cầu đạo không tiếc thân mạng.

Vượt được chặng thứ nhất rồi, Thiện Tài tự nghĩ chẳng lẽ học với người ác là Bồ tát hạnh hay sao. Lần này ông lại nghe chư Thiên nhắc nhở: "Phải tin thiện tri thức, trưởng giả Phổ Nhãn không nói sai đâu. Bồ tát pháp không thể hiểu được, đừng suy nghĩ, đừng đánh giá, dễ sai lầm".

Trên bước đường tu, chúng ta hiểu Hoa Nghiêm là hiểu từ tự tánh, trong lòng ta cân nhắc, cảnh tỉnh, chứ không phải gặp chư Thiên thật. Thiện Tài nghe chư Thiên nhắc, nghĩa là từ bản tánh thanh tịnh của ngài mà lóe sáng lên Trung đạo đệ nhất nghĩa. Bằng sự nhận thức thì Thiện Tài thấy Vô Yểm Túc tàn nhẫn,

nhưng theo trực giác lại cảm nhận bên trong vua có cái gì bất khả tư nghì, không thể nói được.

Nghe tiếng nói trong hư không có thể hiểu là khi sử dụng sự nhận thức, thì tâm chúng ta bị mờ đặc. Nhưng xóa sạch nhận thức, tâm thành trống không, chân lý mới hiện ra.

Một niệm bất giác nổi dậy, không thể thấy chân lý, vì đầu óc chúng ta đầy đặc dữ kiện. Tuy nhiên, trở về trạng thái vô tư hồn nhiên của Tự Tại Chủ đồng tử, tức trở về tâm trống không mà Đức Phật thường so sánh với hư không, chân lý mới hiện ra cho ta.

Theo tôi, ta thấy người xấu, nghe nói họ xấu và dùng suy nghĩ phân tích cũng thấy họ xấu. Nhưng nếu ta không nghĩ họ xấu, dùng ý niệm xấu về họ khi sống chung và làm việc chung với họ, thì họ không xấu với ta nữa, dù trên thực tế cuộc sống, họ vẫn xấu với người khác. Đó là kinh nghiệm tu của tôi, dù xấu mấy, ác mấy, họ cũng ước mong có người tin để họ nương tựa. Có thể nói bất cứ ai cũng có một điểm lành. Trên bước đường tu, tôi không thấy ai xấu với tôi. Nếu cầu đạo bằng tâm đó, chúng ta thấy cuộc đời đẹp biết bao và bằng đôi mắt đẹp như đồng tử Thiện Tài cầu đạo, lần lần cuộc đời trở thành đẹp thật với chúng ta. Điều đó được Phật dạy rằng tất cả pháp do tâm tạo. Trên tinh thần ấy, Thiện Tài nhìn mặt ngoài thấy vua xấu ác, nhưng lắng lòng, thấy được vua tốt. Có cảm nhận như thế mới tiến tu được.

Trong cuộc sống luôn có hai mặt đối lập, nhìn thoáng qua, thấy tốt, nhìn kỹ lại thấy xấu; hai cái tốt xấu thường chập chờn hiện hữu. Ý thức sâu sắc điều đó, chúng ta nên cho cái xấu trôi về quá khứ để hiện tại tốt hơn, vì nếu cứ ghim chặt cái xấu quá khứ, nó sẽ trở thành hiện tại và mỗi ngày thêm lớn hơn. Và cố gắng giữ tâm niệm tốt, nuôi dưỡng nó mỗi ngày, mỗi đời phát triển hơn.

Vua Vô Yểm Túc xét xử tội nhân xong, ông dẫn Thiện Tài vào xem cung điện và cho biết bề ngoài thấy làm ác như vậy, nhưng thật trong lòng vua từ khi phát tâm tu Bồ tát đạo, một con muỗi cũng không giết. Vì thương chúng sanh đầy tham lam, ghét ganh, mê muội, độc ác, nên ông trùng trị để ngăn chặn tội ác cho họ, giúp họ thành người tốt. Với ý niệm không phải vì ác nhưng vì lòng Từ mà răn đe, dạy dỗ người. Nhờ pháp tu ấy mà ông đạt được Như huyễn tam muội, thì ông cần cái gì liền hiện cái đó.

Khi vua nhập Như huyễn tam muội, thì những người ác hiện ra để ông thuyết pháp. Người bị giết và người giết đều do biến hóa ra, không phải người thật. Dùng hình phạt nặng trùng trị người huyễn hóa nhằm giáo dục người thật hung dữ trên nhân gian, cho họ thấy quả báo đau khổ mà không dám làm việc ác nữa. Đây là việc làm của Bồ tát lớn, tạo đủ kiện để ngài lấy đó làm bài thuyết pháp sống.

Cuộc đời của Đức Phật Thích Ca hành Bồ tát đạo cũng đã dùng Huyền thân tam muội hiện thành các loại hình nghịch thuận, tốt xấu để tuyên dương chánh pháp. Điển hình như Bàn Đạc không

thuộc nổi hai chữ mà đặc La hán, là do Đức Phật huyền hóa ra để người dốt nghĩ rằng họ còn giỏi hơn Bàn Đắc, nếu tu sẽ đặc quả mau hơn.

Chúng ta biết rõ Đức Phật dùng huyền hóa vì về sau không ai đặc đạo dễ dàng như vậy, dù họ là Tăng sĩ rất giỏi. Hiển nhiên là người huyền hóa thì muốn làm gì cũng được, họ đặc đạo mau lẹ, dễ dàng vì có phải tu thật đâu, có thể tạm ví như đóng kịch trên sân khấu vậy. Họ đóng vai ngu dốt mà đặc quả thì kịch hết, màn hạ xuống, họ trở về con người thật, chứ có còn là vị La hán nữa đâu.

Dưới bàn tay của người đặc Huyền thân tam muội, họ sắp xếp cho người huyền hóa thành công việc gì là tùy theo ý muốn của họ. Trái lại, trên thực tế, người xấu thật thì khó mà chuyển hóa họ trở thành tốt được.

Bồ tát nương theo Phật làm việc giáo hóa chúng sanh, vua Vô Yểm Túc ác thật thì ông không thể nào có phước báu lớn lao vô cùng. Thật vậy, Thiện Tài thấy cung điện của vua rộng lớn không gì có thể so sánh, đều làm bằng thất bảo và có mười ức thị nữ đoan trang xinh đẹp.

Vua bảo Thiện Tài nếu vua thật sự gây ác nghiệp thì làm sao có được quả báu tốt đẹp là thân không bệnh, tâm giải thoát và giàu sang như vậy, còn quyến thuộc hết lòng phục vụ, không trái ý. Thấy bề ngoài ác mà thật là thiện.

Làm ông ác khó hơn làm ông thiện. Toàn người hiền thì ai giữ của Tam aáo. Vì vậy, Quan Âm Bồ tát hiền nhất nhưng đóng vai ông Tiêu mặt dữ, hoặc Vi Đà Bồ tát cũng đẩy lòng từ mà hiện thân Hộ pháp để dọa người ác.

Vua Vô Yểm Túc dạy Thiện Tài nên quan sát người ác giả mà trong tâm họ tốt như Đề Bà Đạt Đa mặt quỷ nhưng chứa tâm Phật. Và ngược lại, mặt ngoài hiền lành ẩn chứa tâm ác độc, gọi là khẩu Phật tâm xà. Tâm bên trong chủ động, quyết định quả tốt hay xấu. Tâm ác thật thì đương nhiên phải thọ quả báo khổ, không thể nào thoát khỏi lưới nhân quả; nhưng chúng ta thấy họ ác mà vẫn sống sung sướng thì còn phải xét lại có điểm gì hay mà chúng ta phải học, không nên nói xấu họ.

Vua Vô Yểm Túc dùng hình phạt nặng để xã hội được bình yên. Và hơn thế nữa, Thiện Tài học được cách nhìn bề trong, thấy được pháp Bồ tát như huyễn giải thoát.

18- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với vua Đại Quang

Thiện Tài học với vua Vô Yểm Túc pháp như huyễn, sử dụng cực hình ác để giáo hóa chúng sanh trong thế giới ác. Nhưng sang học đạo với vua Đại Quang ở thế giới hiền lành, dân chúng toàn người tốt thì thấy cách giáo hóa của vua Đại Quang hoàn toàn khác hẳn Vô Yểm Túc.

Học đạo với một ông hung dữ nhất và ông hiền lành nhất, để nói lên tinh thần Đại thừa không theo mô hình cố định, phải tùy thời,

tùy chỗ mà áp dụng pháp thích hợp. Trong trường hợp nào cần hiền như bột cho họ nắn, để họ tu đắc đạo; nhưng gặp cô hồn lộng hành thì phải mặc áo ông Tiêu vô và phun lửa mới trị được chúng. Đến khi xong việc rồi, trở lại vị trí vua Đại Quang, nghĩa là trở lại tâm hiền lành nhất.

Vua Đại Quang cai trị không dùng hình phạt, nhưng quan tâm đến việc giải quyết cơm ăn áo mặc cho người, ai gặp khó khăn, cần gì vua sẵn sàng cho đủ. Điều này gợi ý chúng ta rằng nếu sức cung lớn hơn cầu thì việc giải quyết dễ dàng.

Lịch sử Nhật Bản cho thấy ở thời Minh Trị, tội trộm cắp bị xử phạt rất nặng, nhưng người dân vẫn cứ phạm tội này. Đến khi đất nước họ văn minh rồi, vật chất quá đầy đủ, tự động không ai làm điều xấu ấy.

Vua Vô Yểm Túc quá tàn nhẫn và vua Đại Quang quá đạo đức, hay đó là hai mặt của cuộc đời cho chúng ta bài học phải có phước báu, đạo đức, thông minh tài giỏi mới lo được cho mọi người. Và có như vậy mới chỉ đạo đất nước đi lên, còn chỉ dùng hình phạt suông thì không đủ.

Khi bản thân chúng ta chưa được những điều tốt, giỏi như vua Đại Quang, phải nỗ lực đoạn tuyệt tánh xấu, trau dồi đức tánh tốt, cố gắng làm được những điều khó làm.

Vô Yểm Túc giới thiệu Thiện Tài đến học với vua Đại Quang, cũng có nghĩa là khi xây dựng người, ngăn chặn xấu thì thiện sanh,

trấn át được tội lỗi, người mới yên tâm làm ăn, cuộc sống mới chuyển thành tốt, lúc ấy kỷ luật không còn cần thiết nữa. Ai cũng muốn bố thí mà không muốn nhận, làm gì còn trộm cắp.

Xây dựng cho người trở thành tốt, họ tự phấn đấu đi lên, làm cho xã hội an lành. Bằng Từ tâm tam muội mà vua Đại Quang đến với người, nghĩa là tình thương yêu của Bồ tát có sức cảm hóa người. Lúc trước, tình thương của Vô Yểm Túc phải ẩn dấu bên trong và thể hiện ra những hình phạt ác. Nay, mọi người tốt rồi, tình thương của Đại Quang thể hiện thật trong cuộc sống. Đặc biệt là tình thương Bồ tát đạt đến độ cao, tác động cho người tội lỗi nghĩ đến Bồ tát liền phản tỉnh, hồi tâm.

Thực tế lịch sử nước ta cho thấy tấm gương đạo đức của vua Lý Thánh Tông. Ông thương dân như con đẻ. Lòng Từ của vua trải ra cho dân, lấy đức hạnh cảm hóa dân, dẹp bỏ các hình phạt dã man, nâng cao nhân phẩm của người dân. Vua đã xây dựng được đất nước an vui, thuần từ.

Vua Đại Quang dùng đức trị dân vì ông ra đời trong hoàn cảnh tốt, nước giàu, dân tốt, giỏi, phước đức đầy đủ như vậy, mọi việc tự động tốt. Ngược lại, sanh vô thế giới chiến tranh, lạc hậu, nghèo khổ, ác độc thì phải dùng pháp luật để trị cho yên.

Thiện ác, tốt xấu là hai thể tương đối của cuộc đời mà chúng ta cần khéo vận dụng trên bước đường hành Bồ tát đạo. Hai mẫu

vua này được kinh Hoa Nghiêm đề ra nhằm dung hóa tốt xấu, cả hai đều là đạo.

Theo tinh thần ấy, chúng ta học với người xuất gia và cả cư sĩ tại gia, thậm chí học với trẻ thơ chưa biết suy tư. Hành đạo theo Hoa Nghiêm, có người đau khổ đến nhờ tôi giải khổ. Tôi dạy họ nên học với đứa trẻ an vui tự tại mà bà đang bồng trên tay. Bà chỉ cần dẹp bỏ ý thức xấu về người chồng là được an lạc liền. Giải thoát và vô minh phiền não cùng ở một chỗ, biết thì giải thoát, không biết thì khổ.

Tóm lại, qua hình ảnh của hai ông vua ác và thiện cho chúng ta ý thức kết hợp thiện và ác, trong ác có thiện và ngược lại trong thiện có ác. Biết như vậy mới có thể tu hành đắc đạo. Thí dụ như có Phật tử tu hành tốt, cúng dường nhiều, nhưng lớn tuổi lại sanh tật, hung dữ, nhiều đòi hỏi thì chết sẽ đọa. Đó là con đường tu cùng tốt thiện để trở thành ác. Ngược lại, có người rất ác, nhưng cuối cuộc đời, họ ăn năn hối cải, trở thành thiện và chết sanh Thiên. Vì vậy, Phật dạy chúng ta đã làm thiện, phải cố gắng nuôi dưỡng thiện tâm cho phát triển; nếu không phát huy được thì cũng không nên làm mất tâm tốt.

Theo kinh nghiệm tu hành, tôi lỡ làm gì mất lòng người, thì thường thao thức, suy nghĩ về sự lỗi lầm ác của mình mà nuôi thiện tâm. Ngày nay, chúng ta được duyên lành đến chùa, sống với bạn đạo, nên gieo vào lòng người cảm tình tốt, để đời sau gặp

lại nhìn nhau trong thiện cảm, cùng làm thiện nhiều hơn nữa. Cứ như vậy mà tiến tu thì dễ thành Phật.

Chính nhờ quá khứ chúng ta đã xây dựng được việc tốt lành với bạn bè, nên đời này họ mới thương ta, hợp tác với ta; nhưng đại đột đánh mất mối tương quan thiện cảm ấy thì gặp lại trong mỗi thâm thù, quả là uổng phí và đáng sợ.

Đức Phật dạy rằng tu Bồ tát đạo phải biết tổng hợp để chuyển tất cả thành thiện căn công đức. Theo tinh thần ấy, vua Vô Yểm Túc sống trong nước tội lỗi phải xử trí bằng những hình phạt khủng khiếp để xã hội yên lành. Nhưng mọi việc đều yên ổn rồi, không cần làm như vậy nữa, cộng thêm đức hạnh của vua, không cần làm mà việc thành vì được nhiều người giúp sức, như vua Đại Quang thì càng siêng năng càng dễ thắng hoa.

19- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Bất Động Uu bà di

Trên bước đường tu, quyền thuộc trở thành quan trọng, không dễ tạo được, phải cố gắng gìn giữ. Vua Đại Quang thành công được nhiều việc thiện vì ông có nhiều người tốt giúp sức, trong đó phải kể đến Bất Động Uu bà di. Vì vậy, vua giới thiệu Thiện Tài đến học với Bất Động Uu bà di. Uu bà di này không lập gia đình nên gọi là đồng nữ, chơn tánh còn nguyên vẹn, không bị trần thế làm nhiễm ô. Điều đặc biệt của đồng nữ Bất Động là không hề dao động trước mọi việc trần gian.

Đức Phật có hai pháp, pháp phương tiện và pháp chân thật. Pháp phương tiện tức tùy duyên mà hành đạo, chúng ta cũng có thể trở thành vô động. Ở đâu, chúng ta phải tùy thuộc chỗ đó, ở nước này mà muốn giống chỗ khác, không bao giờ được.

Trước khi đi Pháp, tôi suy nghĩ kỹ ý này. Tôi luôn nhớ phải an trụ pháp phương tiện của Phật, nghĩa là tùy duyên mà sống, ở chùa Trúc Lâm không phải là chùa Ấn Quang hay Xá Lợi và trăm người trăm ý, làm sao vừa lòng tất cả, mình mới yên thân.

Tôi lạy Phật để lòng thanh tịnh và phương tiện tìm được ở đây là mọi người đều xa quê hương, ngày Vu Lan gọi họ nhớ đến tổ tiên ông bà; nên tôi triển khai điểm chung là mối liên hệ thân thương của chúng ta với cửu huyền thất tổ như thế nào theo Phật dạy để đáp đền ơn đức ấy. Trong thời pháp, mọi người đều cảm động đến rơi lệ và tôi đã được giải thoát thật!

Thuở quá khứ xa xưa, Bất Động Ưu bà di phát tâm Bồ đề trong hoàn cảnh cũng thật đặc biệt, lúc đó đồng nữ là công chúa. Vua cha sanh nhiều con trai, nhưng chỉ có đồng nữ là con gái, nên được cả triều đình quý mến. Một hôm, công chúa ở trên lầu ngắm xem tinh tú. Hướng nhìn trời và muôn vì sao đến độ xa thăm, tức tập trung tư tưởng đến độ cao nhất, thì công chúa thấy thế giới Phật hiện ra với Đức Phật đầy đủ uy nghiêm tướng tốt, thấy Phật hành đạo, thấy Thánh chúng và tất cả chúng sanh đang sinh hoạt.

Thấy như vậy rồi trở lại cuộc sống trần thế, công chúa không còn ham muốn gì và tâm không còn mê muội. Những pháp Phật thuyết và Bồ tát hành đạo, bà không bao giờ quên và mọi thứ không còn khả năng lôi cuốn, nên mới có danh xưng là Bất Động. Và dẫn đến đời nào, kiếp nào, tâm của đồng nữ cũng không chao đảo vì tâm này sống dưới dạng Pháp giới, sinh hoạt ở dạng thể tánh của muôn vật vốn bất động, nên đồng nữ này trụ bất động.

Chúng ta dao động vì đã rời bỏ chơn tánh, đi vào sanh tử. Ta gá tâm trong sanh tử nên bị nó mê hoặc, không còn sáng suốt, không chủ động được việc gì. Ý thức như vậy, trên bước đường tu, dù gặp sóng gió ba đào đến đâu, chúng ta phải cố trụ tâm. Một khi tâm ta dao động theo sóng triều trần thế là biết mình đang rời xa chơn tâm, phải kéo lại bằng cách thọ trì đọc tụng lời Phật dạy để tìm lại sự an lành cho chính mình. Cần tâm niệm rằng trong thế giới xô bồ nhiều khổ đau này, nếu không làm được gì cho ai thì chính bản thân ta cũng đừng loạn động; làm được như vậy là ta đã đóng góp cho sự an tâm của người khác.

Trong quá trình tu, đồng nữ Bất Động tu Định, thường trụ ở thể tướng vắng lặng, nên vượt ngoài sự chi phối của hiện tượng sanh diệt. Đối với Bất Động, lúc còn trong thai mẹ thọ ngũ uẩn thân, tâm cũng không mờ tối. Trong khi các Bồ tát khác vào thai mẹ, thì chịu ảnh hưởng sự tư duy của người mẹ và khi mang ngũ ấm thân, họ cũng bị nóng lạnh đói khát của thân chi phối; chỉ trừ khi họ sống gần Phật mới trở về trạng thái sáng suốt được.

Bất Động Ưu bà di cho biết đời đời kiếp kiếp chỉ tu một pháp là giữ cho tâm yên tĩnh, không mê muội, không để cuộc đời lôi cuốn; kinh ghi là tâm như Kim cang, tất cả phiền não không phá hoại được. Trải qua vô số kiếp, bà chẳng khởi một niệm tâm ái dục, hướng là làm việc ấy. Vì không quan tâm đến của cải cho đến thân mạng, những thứ này có hay không, đối với Bất Động Ưu bà di cũng không thành vấn đề.

Bất Động Ưu bà di hành đạo Bồ tát trên nhân gian bằng cách tĩnh lặng, không dao động trước hoàn cảnh và cái chết. Tâm định tĩnh ấy tác động cho người xung quanh bình ổn theo, thể hiện bài pháp sống. Từ tâm định tĩnh nhiều năm, nhiều đời mà Bất Động hiện tướng giải thoát, hiền dịu, dễ thương, tạo thành cuộc sống an lành trong một xã hội không an lành.

20- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Biển Hành ngoại đạo

Khi con người chưa giác ngộ, thường có cái nhìn về cuộc đời, về thần linh khác nhau, nên sanh tư tưởng khác biệt cho đến chống đối nhau. Từ đó, con người nhân danh thần linh mà chống nhau thì Phật coi đó là ngoại đạo.

Ở xã hội Ấn Độ thời Phật tại thế có đến chín mươi sáu thứ ngoại đạo chống báng nhau kịch liệt đến sát hại nhau. Phật dạy trong kinh Hoa Nghiêm rằng hãy thử nhìn ngoại đạo xem họ như thế nào và sống với họ ra sao. Nếu chúng ta có cái nhìn đúng đắn thì

sẽ không bị chống và chúng ta cũng có thể hài hòa với mọi tôn giáo.

Những người bình thường luôn dao động trước sự phải trái tốt xấu; nếu thấy người không giống họ thì sanh khó chịu liền. Bất Động Ưu bà di không như vậy, nhờ tâm thanh tịnh, sáng suốt, thấy rõ cuộc đời, thấy người khác đạo cũng có điểm hay, không phải chỉ có đạo của ta mới tốt, còn người thì xấu.

Bồ tát tìm học cái hay, cái tốt của người. Với tầm nhìn chính xác, Bất Động thấy ngoại đạo Biến Hành là một người tu hành lợi ích cho đời, nên bà giới thiệu Thiện Tài đến cầu học. "Biến" là thay đổi, "Hành" là hành động; hành động luôn thay đổi, không cố định. Ưu bà di thì bất động, còn ngoại đạo này thì chuyển đổi không ngừng. Nếu biết sử dụng, thì "biến hành" hay "bất động" cũng đều tốt cả. Bất động hay biến hành đều phải có ý nghĩa, đó là hai mặt của cuộc đời, động hay tĩnh cũng là pháp.

Tu xong với Bất Động và tiếp tục học với Biến Hành, nghĩa là đang ở chỗ tĩnh và bước qua chỗ động, thay đổi luôn. Có vậy, đạo hạnh mới mở rộng.

Đi thẳng về phía Nam, tìm cùng tột chỗ ồn ào náo nhiệt để gặp Biến Hành; nhưng Thiện Tài lại bắt gặp Biến Hành đang kinh hành trên núi vắng vẻ.

Ưu bà di bảo Thiện Tài vào chỗ động tìm, nhưng lại tìm gặp Biến Hành trong chỗ bất động, tiêu biểu cho tinh thần Nhập Pháp

giới. Nghĩa là ở chỗ động mà tâm không động, nâng tâm cao đến mức tốt cùng mới thấy được Biến Hành trên đỉnh núi.

Biến Hành cho biết ông hành đạo ở chỗ đông người như ông đang kinh hành ở chỗ không người. Điều này gợi nhắc Thiện Tài sống nơi đông người mà tâm hoàn toàn không động loạn, hay đang ở trên ngọn đồi thứ mười ba của Pháp Hoa, tác động cho người an tâm. (Ngọn đồi thứ mười ba vượt cao hơn mười hai ngọn đồi: tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, nghi ngờ, ác kiến, tật đố, phiền não...).

Biến Hành ở trên đỉnh núi thấy được chín mươi sáu dị kiến ngoại đạo, có thể hiểu đó là lập trường của các triết học khác nhau ở Ấn Độ thời bấy giờ. Thấy như vậy, ông hành đạo ở nhân gian, đến với mọi người như một người bạn đồng tình. Họ làm gì, suy tư gì, thì ông cũng có suy tư và hành động giống như vậy, nên họ cảm mến ông; nhờ đó ngày qua ngày, ông dìu dắt họ từng bước, đưa họ trở về Phật đạo. Bên ngoài đóng vai ngoại đạo, nhưng thực sự thể hiện Bồ tát đạo.

Biến Hành nói rằng ông làm tất cả việc và sống gần mọi người, nhưng họ không biết ông từ đâu đến. Đây là một cách hành đạo của Bồ tát, vào đời cứu độ, không nhân danh đạo nào. Tùy theo tâm chúng sanh mà Bồ tát thể hiện sự tương ưng, còn bản chất thực sự của Bồ tát là Bồ đề tâm, đại bi tâm. Nói rõ hơn, Bồ tát đứng cùng một quan điểm với họ, lấy sự thao thức của họ làm

tâm trạng của mình và lần hồi khai mở ý thức mới mà họ chấp nhận được, đưa đến giải quyết tốt đẹp mọi khó khăn cho họ.

Qua hình ảnh Biến Hành ngoại đạo, kinh Hoa Nghiêm mình định lại lập trường, theo đó, nếu là chánh đạo thì phải dung được mọi người. Phật dạy chúng ta nhìn ngoại đạo với cách nhìn rộng mở, khoan dung để chung sống.

Trên bước đường tu, tôi cảm nhận sâu sắc lời dạy ấy của Phật. Qua kỳ hội nghị về Hòa bình tại Milan, nước Ý, tôi quan sát sinh hoạt của các tôn giáo khác, thấy được nhiều người, nhiều việc đáng cho ta kính trọng. Theo tôi, người có chí tu hành thì ở tôn giáo nào cũng tốt. Tôi có dịp tiếp xúc với một vị tu Kỳ Na giáo là một tôn giáo có đồng thời với Phật, thấy được họ cũng có điểm đáng thán phục. Ông này chỉ ăn toàn trái cây, không ăn gì khác, quý vị thử nghĩ ăn như vậy nổi không, không có tinh bột thì chắc chắn là bị xót ruột, khó chịu nổi. Vậy mà họ vẫn khỏe, an lành, điểm đậm là biết họ có trạng thái Thiền định rất sâu.

Thiền nghĩ người làm tôn giáo không phải nói hay, nhưng điều quý nơi họ là trạng thái tinh thần lắng sâu. Họ hiểu người qua cuộc sống tâm linh hơn là ngôn ngữ, chỉ nhìn nhau đã cảm thấy hiểu nhau. Tôi nghĩ tất cả người tu chân chính đều rất tốt, còn bài bác nhau vì họ tu chưa đến nơi hoặc lợi dụng tôn giáo. Tu thật thì phải cảm thông nhau, như ngoại đạo cũng thấy Phật là Thầy.

Tôi tìm thấy nguồn vui kỳ lạ khi được sống chung với các bạn khác tôn giáo. Nhất là trong giờ phút thiêng liêng cầu nguyện cho Hòa bình, ý thức tôn giáo khác biệt đều được dẹp sạch, chỉ nghĩ mình có trách nhiệm là người trên trái đất phải thương yêu nhau.

Các giáo chủ tôn giáo đều dấy lên niềm thông cảm, dù sắc tộc, ngôn ngữ, tôn giáo hoàn toàn khác nhau. Tất cả dường như thông nhau bằng thứ ngôn ngữ phát xuất tận đáy lòng, nối kết nhau bằng tình thương và lòng kính mến. Điều quan trọng mà tôi nhận ra trong sinh hoạt lúc ấy là mọi người đã vượt qua ý thức bảo thủ tôn giáo của mình để hòa nhập cùng cộng đồng nhân loại trong vũ trụ bao la.

Sự cảm nhận ấy gợi tôi nhớ đến kinh Hoa Nghiêm, nhớ đến việc hành đạo của Đức Phật. Phải chăng Đấng Đạo sư của chúng ta đã nhiều lần cảm hóa được hàng ngoại đạo, vì Ngài sử dụng được tâm hồn bao la dung chứa muôn loài mà kinh Hoa Nghiêm gọi là Nhập Pháp giới, tức thông được mọi loại hình chúng sanh, mọi ngôn ngữ, tất cả hiểu nhau, cảm mến nhau trong yên lặng.

Từ ý này, tôi cảm nhận được kinh Hoa Nghiêm và hình ảnh Biến Hành ngoại đạo liền hiện ra trước mặt tôi. Biến Hành hay Bồ tát lớn tu đặc đạo, tùy theo nhân duyên mà ngài hiện thân tương ứng với hoàn cảnh để cứu độ, đưa người về đường thánh thiện.

Tôi nhận ra ý này rõ khi sinh hoạt ở Milan, nơi đó Thánh S.Egidio được kính trọng tuyệt đối vì dẫn thân lo cho người nghèo. Tôi cũng tự giới thiệu là Hội trưởng Hội Từ thiện Nhân dân quận 10, tức ta và họ có hoạt động từ thiện xã hội giống nhau, để dễ cảm thông nhau.

Sau cùng tôi phát biểu được mọi người tán thành: "Thiết nghĩ ở trần gian có nhiều hình tướng khác biệt, nhưng trên thiên thượng chắc chắn phải giống nhau. Ở đó, Phật, Bồ tát, các vị Thánh không hề chống nhau; trái lại, các Ngài gặp nhau trong suy tư, trong hành động tốt lành nhất. Hy vọng rằng tôi sẽ gặp quý vị ở cảnh giới chân thiện mỹ ấy".

Học được với Biến Hành, nghĩa là tôi tìm được điểm hay của ngoại đạo. Ở chơn tánh không có tốt xấu, nhưng hiện trên cuộc đời có tốt xấu, từ đó Bồ tát thương nhân gian thị hiện sanh lại cuộc đời dưới mọi loại hình; đó là góc độ mà chúng ta nhìn về ngoại đạo. Và khác hơn ngoại đạo nữa là chúng ta tìm tri thức ngay trên cuộc đời, không phải tìm trong giấc mộng. Trong đời sống thường nhật, xung quanh tôi không ít những người bạn có điểm tốt mà tôi học được.

Phật dạy chúng ta tu nhìn mọi người trong xã hội, từ thấp đến cao, từ xấu đến tốt, trong cái tốt chúng ta tìm được điều tốt đã đành, mà trong cái xấu vẫn tìm được cái tốt. Tu theo tinh thần ấy của kinh Hoa Nghiêm mới sống thật với ý nghĩa bình đẳng của đạo Phật.

Phật dạy tinh thần bình đẳng trong các kinh, nhưng ở kinh Hoa Nghiêm, chúng ta mới triệt để thực hành ý này; tất cả đều là tri thức của chúng ta nếu biết ứng dụng tốt và tất cả đều do nghiệp khiến ta làm xấu hay tốt, tức do tâm là động cơ bên trong thúc đẩy.

Theo kinh nghiệm tu, khi tôi gặp ác nghiệp có thể sanh khởi thì phải chặn lại ngay. Gặp người mà ta khó chịu, sao làm lành được, phải tránh mặt. Người mà ta không thương được, tốt hơn chúng ta đừng nói, đừng nhìn. Chỉ gặp người chúng ta thương, tâm hồn ta dễ an lạc.

Có người bị mọi người ghét, nhưng sao chúng ta thương họ được, là biết ta và họ có thiện nghiệp, ta đã tìm được điểm tốt trong người xấu.

21- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với trưởng giả Ưu Bát La Hoa

Trên bước đường cầu đạo, Thiện Tài học với Bất Động Ưu bà di rồi tiến qua học với Biến Hành ngoại đạo và nay lại đến với trưởng giả Ưu Bát La Hoa. Quá trình tu học này thể hiện ý nghĩa rằng khi gặp hoàn cảnh động, thì phải trụ tâm bất động, để không bị đời làm ô nhiễm.

Nhưng hoàn cảnh đổi khác, tốt hơn, Thiện Tài không nên khoanh tay, ngồi yên để không dao động; mà trái lại, cần hành động, hành động thay đổi nhịp nhàng để thích hợp lợi lạc cho chúng

sanh, là học được ở Biến Hành. Nay tiến lên, đem đạo vào đời làm đẹp cho đời như trưởng giả Ưu Bát La Hoa. Ưu Bát La Hoa chuyên kinh doanh tất cả hương như hương bột, hương xoa, hương đốt.... Ông biến chế hương và làm giàu bằng nghề này. Trưởng giả đi khắp thiên hạ, từ thiên thượng xuống đến Long cung, tổng hợp tất cả hương, nghĩa là những điều hay đẹp của mọi người và phát ra loại danh hương mà những trưởng giả phàm phu khác không thể nào chế biến được.

Thật vậy, Ưu Bát La Hoa điều chế được một loại hương mà chỉ đốt một viên, cả thành phố đều vui. Những người ganh tỵ ngửi mùi hương này, tánh ác tự tiêu diệt. Có loại hương đốt lên, tánh tham lam ích kỷ cũng biến mất.

Ưu Bát La Hoa là hoa sen hay mùi hương đặc biệt trên đời không có, tiêu biểu cho người tạo nhiều công đức, phụng sự cho đời. Điều này cũng nhằm gián tiếp chỉ Đức Phật là vị Đạo sư toàn đức, toàn trí, giúp biết bao người thăng hoa cuộc sống.

Ưu Bát La Hoa dạy Thiện Tài hành đạo phải biết lo cho cuộc sống của mọi người. Có giúp đỡ được người, làm những việc giỏi hơn họ, mới có thể khuyên họ. Ta không bằng người thì dạy đạo giải thoát cũng vô ích.

Ngoài ra, Ưu Bát La Hoa nhắc nhở Thiện Tài nên nhìn người dưới dạng nghiệp báo của họ, thấy được người nghèo hay giàu đều do nghiệp quyết định, không phải do chúng ta giúp hay hại được.

Chỉ có phước cứu họ hay nghiệp hại họ. Chúng sanh không biết như vậy, chỉ thích được cứu giúp và muốn hại người họ ghét. Hiểu đạo rồi, thấy rõ không ai có thể hại người có phước. Thực tế cho thấy có người chúng ta giúp hoài, nhưng họ cứ lụn bại dần, không ngóc đầu lên nổi. Không phải nhờ ta giúp mà họ giàu; biết như vậy rồi, chúng ta tìm cách giúp cho người phát triển tốt, không giúp để họ lợi dụng và tăng trưởng lòng tham.

Khi giúp người đúng pháp, của cải ta lại tăng thêm, không vì bố thí mà trở thành thiếu hụt, nghèo khổ. Càng bố thí, nguồn nước của chúng ta càng trong; không giúp người thì nước trở thành ao tù. Đó là cách sống của mẫu người giàu, có điều kiện tốt để làm phước, làm đẹp cuộc đời, người sanh cảm tình quý mến; không làm như vậy quả là uổng phí.

Đức Phật đưa ra mẫu trưởng giả giàu có, sống đẹp, đáng được kính trọng. Giúp người nhưng không có ý xem thường họ, Bồ tát chẳng thiệt thòi gì, trái lại người nhận càng quý Bồ tát hơn và sau họ sẽ bắt chước, làm thay Bồ tát. Họ không có ý ăn đậu ở nhờ thì nghiệp của họ hết và họ lại khởi ý niệm tốt giúp lại người, cuộc đời họ từ đó sẽ đổi mới tốt đẹp hơn. Cách bố thí của Bồ tát là như vậy.

Giúp người là phương tiện mà Ưu Bát La Hoa sử dụng để dẫn đến cứu cánh giáo hóa người trở thành tốt, lợi ích cho đời. Ông bố thí thì người tìm đến, từ đó nhìn thấy được việc làm tốt của ông, khiến họ kính trọng và phát tâm làm tốt như ông. Thực sự ông đã

thuyết pháp bằng hành động, bằng cuộc sống cao quý. Mặc dù giúp được người, Bồ tát luôn tâm niệm rằng nhờ có người xin, mới có dịp bố thí và lấy đó làm hạnh tu, sanh tâm hoan hỷ theo việc làm thiện. Hoặc tu theo Bồ tát, chúng ta cũng cảm nhận sâu sắc rằng có người chống phá, ta mới có điều kiện nhẫn nhục. Trên bước đường tu suốt năm mươi năm, ngày nay tôi được như vậy nhờ đụng chạm với hoàn cảnh không mấy dễ dàng, mới luyện được ý chí. Thiết nghĩ nếu tôi sống trong tháp ngà, chắc chắn cũng có đủ tật xấu.

Trưởng giả Ưu Bát La Hoa giúp đỡ người, làm họ vui, từ đó ông mới giới thiệu pháp cao hơn mà ông cũng mơ ước, nhưng nhận thấy Thiện Tài thông minh, có thể tiến xa hơn ông, nên khuyên Thiện Tài đến học với thuyền trưởng Bà Thi La.

22- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với thuyền trưởng Bà Thi La

Bề ngoài, Bà Thi La cũng giống như các thuyền trưởng khác, nhưng bên trong ông có điểm đặc biệt mà người bình thường không thể với tới. Bà Thi La nói rằng ông biết trong biển cả, chỗ nào có cửa báu, chỗ nào có quý La sát và dắt chúng nhân đến tìm cửa báu, trở về ai cũng giàu. Bà Thi La dùng phương tiện ấy để giáo hóa vì biết rõ chúng sanh ở Ta bà, lòng tham ngũ dục còn tràn đầy. Sống trên cuộc đời này, ai cũng muốn giàu sang, sung sướng, được cửa báu. Muốn giáo hóa họ phải tùy theo sự ham muốn ấy, không thể làm khác. Họ đang muốn làm giàu thì phải

tạo điều kiện cho họ làm giàu, còn bảo họ cạo đầu, đi khất thực, chắc chắn họ không nghe.

Trên bước đường hành đạo, tôi có kinh nghiệm này. Một sinh viên đến tuổi bị bắt đi quân dịch, sợ quá, đến nói rằng: "Nhờ Thầy cứu con". Tôi khuyên anh ăn chay, tụng kinh Pháp Hoa, lạy Phật thì anh răm rắp làm theo. Nhưng khi thoát khỏi nạn khổ sanh tử ấy, thì chẳng thấy bóng dáng anh ta. Một hôm, tình cờ gặp lại, anh cho biết lúc này ăn chay hết nổi, tụng kinh lạy Phật mệt quá, không có thì giờ!

Hiện hữu trong sanh tử, chúng ta phải học theo cách giáo hóa của thuyền trưởng Bà Thi La, tức đáp ứng yêu cầu của người, họ mới có cảm tình, nghe lời ta. Tuy nhiên, khi họ tinh tấn tu hành sẽ nhận được sự gia trì, vượt qua khó khăn đến chỗ an vui; nhưng giàu rồi, an ổn, sung sướng rồi, họ lại quên tu. Nếu chúng ta có lực gia trì mạnh thì giúp mặt này xong, phải chặn mặt khác, đó là cách mà thuyền trưởng hành sử. Họ sướng, không tu, chúng ta cũng có lực gia trì áp xuống cho họ. Khi họ hưởng hết phước, tai họa thứ hai giáng xuống, khiến họ có dịp nhận ra rằng nhờ tu mới thoát nạn được. Nhưng họ còn đang hưởng phước lạc, ta nói gì cũng không nghe, cứ thả cho họ sống đến ngày họa tới, tự động phải nghe ta.

Việc làm của thuyền trưởng Bà Thi La là của Bồ tát giáo hóa, phải theo dõi họ đến nơi đến chốn, cho đến khi họ giải thoát thực sự. Ở đây, Bà Thi La đưa người đi tìm châu báu, ngầm chỉ chúng

ta tùy theo người, tùy phương tiện giúp họ rồi mới có điều kiện đưa họ ra khỏi sanh tử. Kinh Hoa Nghiêm đưa ra nhiều mẫu người hành Bồ tát đạo không mang hình thức xuất gia, nhưng vẫn thể hiện tinh ba Phật pháp, làm lợi lạc quần sanh.

Bà Thi La dắt chúng nhân đến lấy của báu, còn ông thì không có gì, gọi cho họ suy tư, may ra bắt gặp được Bồ tát Pháp thân của Bà Thi La và từ đó nghĩ đến sự phát triển Pháp thân của chính họ. Ông thỏa mãn yêu cầu của chúng sanh và lần hồi đưa họ vào bể cả, chỉ rõ chỗ nào có La sát, chỗ nguy hiểm có quỷ dữ... nhằm gợi ý cuộc đời họ đang sống là biển khổ sanh tử. Chính vì vậy mà ông không ham thích việc lấy của báu, dù biết rõ.

Chúng sanh ưa thích thì dẫn họ đi, nhưng ông không lấy. Ông dìu dắt họ nhìn biển cả mà thấy được biển khổ sanh tử và từ đó ý tưởng ham muốn châu báu vui lần đi, dần dần họ hướng tâm mong cầu cái cao hơn mà Bà Thi La đang tu là biển trí tuệ.

Bà Thi La dùng trí tuệ Như Lai thấy rõ chỗ nào an nguy, chỗ có châu báu hay quỷ dữ để đưa người tránh xa và đến nơi an lành. Rồi ông cho biết không còn ở đây lâu, mọi người phải bước vào biển trí tuệ để tự đi. Nói cách khác, bước đầu, Bồ tát hướng dẫn ta và từng bước, chúng ta phát sanh trí tuệ để tự giải thoát và ta hướng dẫn lại người khác.

Tóm lại, từ quá trình thấy biển khơi, hình dung ra biển phiền não, nhàm chán nó để phát hiện ra biển trí tuệ, không còn gặp khó

khăn nào trên bước đường hành đạo là thâm nhập vào biển pháp tánh. Bà Thi La bề ngoài là thuyền trưởng, nhưng bên trong là Bồ tát có khả năng lái thuyền Bát Nhã, dùng trí tuệ đặc thù hướng dẫn người phát huy tri thức đạo đức, ra khỏi biển sanh tử.

Đó là phương cách hành đạo của Bồ tát Nhập Pháp giới, **thị hiện trên nhân gian, làm các ngành nghề giống mọi người để cuối cùng đưa tất cả về bờ giác.**

23.- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Vô Thượng Thắng hay Di Lặc Bồ Tát

Thuyền trưởng Bà Thi La dạy cho Thiện Tài thấy rõ cuộc đời là biển khổ và chỉ phương cách vượt sanh tử để vào Pháp giới. Thâm nhập Pháp giới tánh mới thấy xuất xứ của lục đạo tứ sanh. Từ đó, Bà Thi La mới bảo Thiện Tài tiếp tục đến học đạo với trưởng giả Vô Thượng Thắng. Vô Thượng Thắng hay Vô Nan Thắng là tên khác của Di Lặc Bồ tát. Vô Thượng Thắng là người có hiểu biết vượt bậc và đặc biệt có sức thuyết phục, tác động mọi người.

Tương truyền ngài Vô Trước nằm mơ thấy lên cung Trời Đâu Suất và nghe Di Lặc Bồ tát giảng về những sự chuyển biến trong nội tâm con người. Sau đó, trở về nhân gian, ngài hệ thống hóa, hình thành pháp môn Duy Thức học giải thích nguyên nhân tạo nên hình tướng và tâm trạng khác nhau của con người trên cuộc đời

là xấu đẹp, giàu nghèo, giỏi dở, hạnh phúc hay khổ đau, thông minh hay khờ khạo, v.v...

Sau khi sở đắc trí tuệ siêu tuyệt của Vô Thượng Thắng, thấy được cốt lõi cấu tạo nên con người hay muôn pháp trong vũ trụ, Thiện Tài mới đến diện kiến Tỳ kheo Ni Sư Tử Tần Thân.

24- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Tỳ kheo ni Sư Tử Tần Thân

Về vấn đề nam nữ, trong thời đại chúng ta, phần nhiều luật pháp các nước đều công nhận bình đẳng. Mặc dù được thừa nhận như vậy, nhưng thực chất của người nữ có ngang hàng với phái nam hay chưa, mới là điều quan trọng. Trong đạo Phật đặt nặng thành quả tu hành, từ đó xét ở góc độ tài năng, đức hạnh, tâm tưởng của người nữ có thực sự giống như người nam hay không. Thiết nghĩ để được ngang bằng với người nam, người nữ cần phát huy tánh ưu việt của mình.

Sư Tử Tần Thân là biểu tượng chỉ cho sự bình đẳng bên trong, không phải bình đẳng bên ngoài; nghĩa là trên Phật tánh thì bình đẳng, nhưng thực tế cuộc sống có khác nhau. Chính vì Phật tánh bình đẳng, nên ta phấn đấu tu hành đều sẽ thành Phật.

Sư Tử Tần Thân tiêu biểu cho Phật thân, bề ngoài mang hình tướng Tỳ kheo ni nhưng khả năng vượt hơn Bồ tát Di Lặc. Di Lặc cho biết ngài không bằng Sư Tử Tần Thân vốn là Phật rồi, nhưng thị hiện thân hình Tỳ kheo ni đang ở trong vườn Đại Quang. Tỳ

kheo ni này được vua Thắng Quang kính trọng hơn tất cả Pháp sư khác và đem dâng cúng vườn ngự của vua để vị ni này hành đạo. Điều này gọi chúng ta suy nghĩ vị ni sư này phải có khả năng phi thường nào đó. Chính Di Lặc nói với Thiện Tài rằng bề ngoài thấy hình dáng người nữ, nhưng bên trong thật là một vị Phật; đó là điều mà Thiện Tài đáng học với Tỳ kheo ni Sư Tử Tần Thân.

Bằng trí huệ học được với thuyền trưởng Bà Thi La và Vô Năng Thắng, mới thấy được Đức Phật tiềm ẩn bên trong Tỳ kheo ni Sư Tử Tần Thân, vì đã học được pháp phân tích tâm theo Di Lặc Bồ tát, tức phân biệt được những nguyên tố tạo nên con người. Vì vậy, không thấy Sư Tử Tần Thân là cô ni tâm thường như bao người, nhưng thấy được sức thu hút mãnh liệt của ngài khiến vua phải quy ngưỡng. Ngoài ra, cả Bồ tát từ Sơ Địa đến Thập Địa, cho đến chúng hội từ Tịnh Cư Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, Đâu Suất Thiên... và các loài chúng sanh đều tụ họp đến nghe Sư Tử Tần Thân thuyết pháp. Tất cả Bồ tát và chúng sanh trong vườn Nhứt Quang đều do Sư Tử Tần Thân Tỳ kheo ni khuyến phát tâm thọ trì chánh pháp, đều được bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh giác.

Trong khu vườn, dưới mỗi cội cây có một tòa sen và mỗi tòa sen có một Sư Tử Tần Thân và chúng hội vây quanh. Như vậy, Sư Tử Tần Thân không phải là một người, một ni cô. Mỗi tòa sen đều có một Tỳ kheo ni mang hình dáng giống y Sư Tử Tần Thân. Trong chúng hội, mỗi người có yêu cầu riêng, không giống nhau, nhưng

tất cả đều nghe được pháp đúng theo tâm ý họ. Đây là việc khó làm, kinh gọi là ứng hiện sắc thân, nghĩa là chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, loài người, loài quỷ, rồng, chư Thần... sống như thế nào thì Sư Tử Tần Thân hiện hình tương ứng thuyết pháp, thỏa mãn tất cả sự mong ước của họ.

Thiện Tài quán sát theo trí tuệ của Bà Thi La và theo tâm pháp của Vô Năng Thắng, không thấy pháp hội bình thường như mắt thịt phàm phu thấy, mà thấy Sư Tử Tần Thân chi phối tất cả muôn loài, biến hóa được tất cả thân hình chúng sanh. Ngài cho biết sở đắc chứng này được gọi là Pháp ý sanh thân. Ngài phổ hiện khắp nhân gian, ai nghĩ thế nào, yêu cầu điều gì, sẽ thấy ngài đúng như vậy. Ý này cho chúng ta bài học **thuyết pháp không phải là chỉ nói suông, phải thỏa mãn được yêu cầu của người và đưa họ về sống với chánh đạo.**

25- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với bà Tu Mật Đa nữ

Học xong với Sư Tử Tần Thân là vị xuất gia có đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, vị Tỳ kheo Ni này lại giới thiệu Thiện Tài đến cầu đạo với mẫu người hoàn toàn trái ngược. Đó là bà Tu Mật Đa làm kỹ nữ. Đến cầu học với bà Tu Mật Đa vì trên bước đường học đạo Bồ tát, Thiện Tài không từ chối bất cứ việc làm nào ở trần gian. Làm được nhiều việc khó là Bồ tát lớn, làm được tất cả là Phật.

Bà Tu Mật Đa là Bồ tát lớn mà kinh Hoa Nghiêm giới thiệu rằng bà hiện thân vào tầng lớp xã hội, làm nghề bán hương sắc cho người mua vui; nhưng đối với Sư Tử Tần Thân, vị này hoàn toàn đáng kính trọng.

Có người nghĩ Thiện Tài đạo đức trong sạch, không nên để cho bà Tu Mật Đa cám dỗ, phải tìm cách ngăn chặn. Nhưng có người hiểu được hạnh của bà Tu Mật Đa, thì bảo Thiện Tài nên nghe Sư Tử Tần Thân tìm đến vị này học đạo.

Từ trong tâm tưởng, Thiện Tài nghe bà Tu Mật Đa nói rằng bà đã chứng được pháp Vô tham dục tế. Quả thật, vì bà Tu Mật Đa chứng pháp Vô tham dục, hoàn toàn thanh tịnh nên sắc đẹp của bà không làm cho người khởi lên lòng tham dục. Hảo tướng của bà có tác dụng giúp người hướng thượng, về với đạo, sống trong giải thoát; trong khi sắc đẹp của người thế gian khiến người khởi tâm nhiễm ô, dùng để khuyến dụ người vào con đường tội lỗi.

Những người theo bà Tu Mật Đa không còn sanh tâm tham dục, người trông thấy hoặc nghe bà thuyết pháp liền xa lìa lòng tham ái, sống với phạm hạnh thanh tịnh. Điều này chứng minh lực tác động của sắc thân Bồ tát đã hiển hiện, còn sắc đẹp kêu gọi cho người si ám thì chẳng tốt lành gì.

Đứng ở vị trí chư Thiên quan sát, bà Tu Mật Đa biến thành Thiên nữ đẹp nhất; nhưng nếu Dạ xoa nhìn thì thấy bà là Dạ xoa nữ đẹp

nhất. Bất cứ loài nào cũng thấy bà hiện thân đẹp nhất theo tâm tưởng của chúng. Tuy nhiên, ai thấy cũng đều xa lìa tham dục.

Chỉ dưới mắt Thiện Tài đặc đạo mới thấy và hiểu được điều kỳ đặc ẩn chứa bên trong con người như vậy; còn những người bình thường khác chỉ thấy một con người không ra gì tập hợp những thành phần đáng khinh chê.

Trên bước đường hành đạo, tôi đã gặp một người dưới dạng bà Tu Mật Đa. Một số Thầy trong chùa khuyên tôi cẩn thận, vì bà này ghê gớm, có nhiều chồng. Nhưng dưới mắt tôi, con người thật của bà ta từ trẻ đến già đã từng trải qua biết bao điều đen tối của cuộc đời. Hiện tại vì tràn ngập khổ đau, hối hận, nên phát tâm tu, cầu học pháp giải thoát để voi bớt phiền muộn. Tôi thấy rõ bà ta phát tâm nên giáo hóa để bà ấy tu tạo được nhân lành; còn nghiệp ác quá khứ thì không nên phê phán. Nhìn bề ngoài thấy họ xấu, nhưng trong lòng còn chút tâm đạo biết giúp người tu. Và chính bà đã ủng hộ tiền gạo giúp cho đạo tràng tu trong những ngày khởi đầu còn nhiều khó khăn.

Theo tôi, chúng ta cần thấy rõ một người lúc nào họ xấu, lúc nào tốt. Và từ sự cùng cực của hành động xấu ác, họ dễ trở thành người tốt nhất. Điển hình như vua A Dục nổi tiếng ác, nhưng khi phát tâm tu, không ai tốt bằng ông, không ai hộ pháp đặc lực bằng ông. Từ sự cùng cực của việc ác, có cái thiện sanh ra; vì họ hối hận hành động ác nên dễ làm điều tốt. Và từ sự cùng cực của cái thiện lại sanh ra việc ác, như người bố thí cúng dường nhiều

thường kiêu mạn. Họ cúng nhiều, giúp người nhiều và sanh ra tánh khinh người, nhất định mai kia họ cũng sẽ sa cơ thất thế bị người khinh lại.

Tu hành theo tinh thần Hoa Nghiêm, trên chơn tánh hoàn toàn bình đẳng, tốt xấu không khác. Và trên hiện thực cuộc sống, người có hành động tốt, tâm tướng tốt vì hoàn cảnh phải làm việc xấu, chúng ta vẫn trân trọng, không nên xem thường họ. Thí dụ điển hình như tấm gương hiếu thảo của Thúc Kiều trong truyện Kiều của Nguyễn Du, ai mà không khởi tâm thương xót thân phận khổ đau của người nữ bán mình để cứu cha.

Thiết nghĩ nhìn người bề ngoài không đáng tin cậy, nhưng chúng ta **thấy được Bồ đề tâm của họ và chỉ giáo hóa Bồ đề tâm ấy, chắc chắn sẽ cải hóa được họ.**

26- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với cư sĩ Tỳ Sắc Chi La

Cư sĩ Tỳ Sắc Chi La là trưởng giả. Có thể nói thành phần trưởng giả là tiền thân của giai cấp tư bản ngày nay. Thời phong kiến xưa kia, vua chúa cầm đầu quốc gia, bộ lạc. Có những vị anh quân hay minh quân, nhưng thông thường mỗi triều đại, chúng ta thấy chỉ được một vài ông vua ban đầu lãnh đạo tốt, những ông vua kế tiếp không tài giỏi, thường áp bức quần chúng để củng cố ngôi vị. Họ cũng không có đạo đức, thường ăn chơi sa đọa, dẫn đến hậu quả là nền kinh tế suy sụp. Từ đó, vua phải thừa nhận những người có khả năng làm giàu cho đất nước. Đó là mấu chốt

sản sinh ra giai cấp trưởng giả nắm phần kinh tế, có quyền hơn vua.

Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh dung hóa tất cả hệ thống tư tưởng từ Tiểu sang Đại, dung nhiếp các tư tưởng của chánh giới, triết gia và cả tôn giáo. Việc nào phải, tốt, đúng, dù không phải của Phật giáo, cũng được công nhận, không cố chấp, hẹp hòi.

Theo tinh thần phóng khoáng, khách quan ấy, kinh Hoa Nghiêm dung nhiếp những trưởng giả tốt, đưa ra mẫu trưởng giả theo Đại thừa là biểu tượng người giàu, nhân từ, đức độ, hay cứu giúp người, hoàn toàn khác với loại trưởng giả ác độc ở thế gian thường tham lam, ích kỷ, đối xử tàn tệ với công nhân. Theo Hoa Nghiêm, hàng trưởng giả đạo đức, tài giỏi được định vị ngang hàng với Bồ tát, vượt trội hơn Thanh văn.

Tỳ Sắc Chi La là cư sĩ lẫn lóc với đời, không phải thuộc hàng xuất gia học đạo; nhưng trình độ tu chứng và sự hiểu biết thì ngang hàng với Bồ tát lớn. Điều này gọi cho chúng ta hình dung ra Phật thường trú Pháp thân được đề cập trong kinh Pháp Hoa.

Tỳ Sắc Chi La có cái nhìn về đạo pháp khác hơn giới xuất gia. Thật vậy, các Tỳ kheo thấy Phật Niết bàn, tất cả đều than khóc vì Đức Phật là cội đại thọ, núp bóng từ bi của Ngài thì sống bình ổn ở thế gian, được vua chúa kính trọng. Phật diệt độ, không còn nơi nương tựa. Tinh thần này trong kinh Pháp Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng ví như người con mất bản tâm thấy Phật không còn,

thì hốt hoảng sợ hãi. Đến phẩm Phổ Hiền Bồ tát Khuyến phát ghi rõ sau khi Như Lai diệt độ, chỉ những người mang tâm hồn Đại thừa mới tu được; vì hàng Bồ tát là tướng mà tu, các ngài hiện thân tướng tương ứng theo yêu cầu của thế gian, nên không gặp chướng ngại. Thanh văn kẹt hình thức, cứ nghĩ Phật Niết bàn là người tu bơ vơ, chẳng còn ai che chở.

Kinh Hoa Nghiêm nâng lên một nấc cao hơn, nói lên tinh thần Bồ tát đạo thể hiện bằng hình ảnh cư sĩ Tỳ Sắc Chi La. Tỳ Sắc Chi La khẳng định rằng không có một Như Lai nào vào Niết bàn. Nếu có Niết bàn chẳng là thị hiện để giáo hóa chúng sanh. Ý này được kinh Pháp Hoa diễn tả rằng đối với người con uống lầm thuốc độc bị mất bản tâm, lương y mới nói dối rằng ông đã chết. Ông thật còn sống mà nói chết. Thật còn sống là Tỳ Lô Giá Na Pháp thân thường hằng, bất tử. Chỉ có sanh thân Thích Ca Mâu Ni vào Niết bàn.

Tỳ Sắc Chi La hiện thân cư sĩ, nhưng thấu tận nguồn tâm và kế ngộ chân lý; giữa Tỳ Sắc Chi La và Phật thông nhau, mới thấy không có Phật Niết bàn và chúng Bất bát Niết bàn tế. Chẳng những Thích Ca Mâu Ni không Niết bàn mà tất cả Phật quá khứ như Ca Diếp, Câu Na Hàm Mâu Ni, Câu Lưu Tôn..., ông cũng thấy các Ngài không vào Niết bàn.

Và chư Phật trong hàng hà sa số Pháp giới cũng vẫn hiện hữu. Cả Phật vị lai cũng hiện hữu. Đối với Tỳ Sắc Chi La, trong tất cả Pháp giới đều có chư Phật hiện hữu. Cốt tủy của kinh Hoa

Nghiêm ở chỗ đó. Thích Ca Mâu Ni là Phật đã thành và chúng ta là Phật sẽ thành, vì có Phật chủng ở bên trong. Khi đọa tam đồ, Phật chủng ấy không mất, không thay đổi và lúc thành Phật, hạt giống Phật ấy cũng không tăng thêm. Rất tiếc, chúng ta không thấy hạt giống Phật của mình và của người. Đối với Tỳ Sắc Chi La, vì đã thể nhập vào Pháp giới Hoa Nghiêm, tất cả đều là Phật, không có người nào không là Phật.

Phật chủng nằm trong thân xác hữu hạn mà kinh ví như đáy da đựng ngọc quý hoặc lau sạch gương thì hình ảnh hiện lên. Ta bị phiền não nhiễm ô ngăn che bên ngoài, Phật chủng không hiện ra được. Ngài bảo mọi người đều là Phật, nhưng tại sao ta không vận dụng cái cao quý ấy mà cứ tự nhận lấy cái khổ. Đối với phàm phu thì điều này kỳ lạ, nhưng đối với Tỳ Sắc Chi La thì hoàn toàn đúng. Hễ ngừng vọng tưởng điên đảo là có chân hạnh phúc, giống như ta chưa đói nghèo, nhưng sợ đói nghèo mà tự khổ.

Người nhiều phiền não, lo lắng đè kín chơn tâm làm cái thấy họ sai lệch. Khi vô minh ngăn che, không thấy sự thật, tạo thành ảo giác. Vì vậy, người nào cởi bỏ phiền não bao nhiêu, tâm họ sáng suốt bấy nhiêu, gần Phật bấy nhiêu. Phật này là chân lý, là sự thật trên cuộc đời.

Tỳ Sắc Chi La tuy mang thân cư sĩ nhưng đã tiếp cận chân lý, thấy được sự hiện hữu vĩnh hằng của Phật, Phật không Niết bàn và mọi người đều là Phật. Vì Tỳ Sắc Chi La nhìn người qua lăng kính Phật và xử trí với họ như vậy, tạo thành độ cảm tâm, nên họ

cũng thấy ngài là Phật; từ đó xây dựng thành cộng đồng hiểu biết, thương yêu, người hết lòng hợp tác, tạo sự nghiệp tốt đẹp cho trường giả mà họ coi là sự nghiệp chung.

Nhật Liên Thánh nhân cũng lãnh hội ý này, sau bốn mươi chín ngày Thiền định, ngài cho biết chẳng những Phật quá khứ, cả Phật hiện tại hiện hữu, mà cả những người vị lai cũng là Phật, không phải là Phật sẽ thành. Theo Nhật Liên, không có Phật đã thành, đang thành và sẽ thành, mà tất cả đều hiện hữu ở nhứt điểm thời gian. Thấy thế giới quan như vậy, tạo cho ta và người cùng an lành, hỗ tương nhau tu hành.

Theo Tỳ Sắc Chi La, tất cả đều là Phật, nhưng vì ta là chúng sanh nên không thấy Phật. Ngược lại, nếu chúng ta là Phật thì không ai không phải là Phật. Tùy theo mức độ tu chúng, tùy theo sự phá vỡ phiền não của ta tới đâu thì điều tốt đẹp sẽ đến tới mức ấy. **Trên cuộc đời này không có người xấu, người tốt. Xấu hay tốt là tùy ở ta, không phải ở người. Còn thấy xấu thì nên tự trách ta vụng tu.**

Đến chỗ khó hiểu, khó thấy, không chấp nhận mình là Phật, mà cứ nhận mình thấp hèn, khổ sở. Vì thế, Tỳ Sắc Chi La bảo hãy chấp tay cầu Đức Quan Âm. Nói cách khác, từ chân lý của Tỳ Sắc Chi La chỉ cao quá, không bắt kịp thì phải hạ xuống tìm Quan Âm ở núi Phổ Đà cứu giúp.

28.- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Bồ Tát Chánh Thu

Từ thế giới Diệu Tạng của Chánh Thu Bồ tát đến cõi Ta bà phải trải qua bất khả thuyết thế giới. Tuy xa vậy mà chỉ trong một niệm tâm ngài tới được liền, cho nên chúng ta chỉ khởi một niệm tương ưng với Chánh Thu Bồ tát, ngài hiện ra ngay.

Việc làm của Bồ tát như vậy rất khó tin, khó làm. Thiện Tài đánh lễ Chánh Thu và cho biết ông nương theo Phật huệ và Bồ tát lực thì chẳng những tin mà còn nguyện học và làm như ngài. Pháp của Bồ tát phô diễn cho chúng ta tin được đã khó, tiếp thu và làm được như ngài càng khó hơn nữa. Thiện Tài nhờ có căn lành nhiều đời mới tin và tiếp nhận được pháp Bồ tát. Và Chánh Thu cũng cho biết vì Thiện Tài có tâm Bồ đề như thế, Ngài mới truyền dạy pháp Bồ tát cho ông được.

Theo Bồ tát Chánh Thu, ngài từ thế giới Diệu Tạng đi qua vô số thế giới, diện kiến vô số Đức Phật và đánh lễ, cúng dường, tu học pháp với các Đức Phật xong, mới đến Ta bà. Tất cả việc làm ấy chỉ cần thời gian một niệm tâm là đủ. Vì vậy, pháp mà ngài chứng gọi là Giải thoát Bồ tát phổ tát hành, có thể đến mọi nơi nhanh như ánh sáng. Có bao nhiêu người nghĩ tưởng đến Bồ tát, ngài liền xuất hiện làm pháp lữ với họ.

Chỉ có pháp như vậy mới có thể hành Bồ tát đạo đúng nghĩa. Việc của chúng ta làm bằng ngũ ấm thân trên cuộc đời, cứ việc này xong, đến việc khác, thiết tưởng như thế thì cả một đời, ta làm chẳng được bao nhiêu. Ý này được Phổ Hiền dạy rằng tu sáu mươi kiếp hàm chứa trong một niệm tâm, có đủ cả ba thời quá khứ,

hiện tại, vị lai. Bồ tát theo Hoa Nghiêm học và hành pháp một niệm tâm hoàn thành đầy đủ tất cả mọi việc; trong khi Bồ tát nhân gian mang thân người, phải dứt việc này mới sang việc khác.

Thiện Tài nghe pháp thì tiếp thu và vận dụng được trong cuộc sống giống như Chánh Thu Bồ tát. Riêng chúng ta, có người nghe việc làm của Bồ tát thì nghĩ rằng điều đó nhằm diễn tả ước mơ của người xưa. Tuy nhiên, thiết nghĩ ở thời đại chúng ta, bằng trí thực tiễn của người hiểu khoa học quan sát thì pháp của Bồ tát Chánh Thu chứng đắc là có thật.

Thật vậy, ngày nay nhờ phát minh vô tuyến truyền thanh hay truyền hình, chúng ta dễ dàng hiểu tại sao Bồ tát trải qua nhiều thế giới, làm đủ các Phật sự rồi đến Ta bà mà chỉ mất một niệm tâm. Thực tế như sự kiện tranh giải các môn thể thao ở Sea Games được truyền qua vệ tinh rồi từ vệ tinh truyền đến Hoa Sen 2. Và chỉ trong chớp mắt, khắp nước ta, nơi nào có máy truyền hình đều nhận được hình ảnh và âm thanh đang diễn ra ở Indonesia do Hoa Sen 2 trực tiếp truyền tải đến. Có thể tạm so sánh cho dễ hiểu là Bồ tát Chánh Thu ví như vệ tinh viễn thông có khả năng tiếp thu tất cả hình ảnh của các Đức Phật ở vô số Phật quốc. Từ vệ tinh ấy truyền xuống Hoa Sen 2, hay có bao nhiêu hoa sen đều nhận được hình ảnh chuyển tải đến. Cũng vậy, Chánh Thu truyền lực đến các Phật quốc, đánh lễ chư Phật, làm các Phật sự ở vô số thế giới, tất cả đều nằm trong phạm vi hoạt

động của Chánh Thu Bồ tát. Và bao nhiêu người có nhân duyên, khởi tâm nghĩ đến thì ngài xuất hiện đồng một lúc đầy đủ, giống như có bao nhiêu máy Tivi cũng đều có đủ hình ảnh từ Hoa Sen truyền đến.

Chánh Thu Bồ tát xuất hiện ở Ta bà và đồng lúc có ngài trong toàn Pháp giới thể hiện ý nghĩa của kinh Hoa Nghiêm rằng một là tất cả và tất cả có đủ trong một.

Hai Bồ tát, một vị là Quán Tự Tại tiêu biểu cho trí và Chánh Thu tiêu biểu cho hạnh, thể hiện ý nghĩa biết tất cả và làm tất cả, nhưng làm trong một niệm tâm thôi.

Nói về quốc độ thì Chánh Thu trải qua vô số thế giới trong một niệm, nói về thời gian thì quá khứ, hiện tại và vị lai đều thu nhiếp thành một niệm tâm.

27.- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Bồ Tát Quán Tự Tại

Tỳ Sắc Chi La tuy là cư sĩ nhưng đã thâm nhập Pháp giới, thấy mọi người đều là Phật hay ba đời các Đức Phật đều hiện hữu. Chân lý này khó diễn tả bằng ngôn từ, khó hiểu được bằng vọng thức điên đảo. Ông bảo Thiện Tài nên tìm hiểu bằng cách đi về phương Nam, đến núi Phổ Đà tìm Bồ tát Quán Tự Tại.

Quán Tự Tại là vị Bồ tát chứng trí Bát Nhã, thấy được thật tướng các pháp, mọi việc trần gian không thể làm chướng ngại việc hoằng truyền chánh pháp của ngài. Đạt được như vậy, từ tâm

chơn như, Bồ tát Quán Tự Tại phát lòng đại bi, thương chúng sanh, thấy chúng thực sự không khổ, nhưng cứ nghĩ tưởng là khổ. Ngài mới thể hiện tâm từ bi bằng cách quán sát, lóng tai nghe tiếng than van, kêu cứu của người trần thế, nên ngài còn có danh xưng là Quán Thế Âm Bồ tát.

Quan Âm kết hợp hạnh tu trong ba bộ kinh là Bát Nhã, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Trong kinh Bát Nhã, Quan Âm sử dụng nhĩ căn, luyện tánh nghe đến mức viên thông, không có tiếng than, tiếng cầu cứu nào của chúng sanh mà ngài bỏ sót, nên được tôn là Quán Tự Tại Bồ tát.

Thâm nhập trí Bát Nhã, Quán Tự Tại thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều Không; từ tri kiến ấy, cuộc đời đối với ngài không khổ, khổ lụy của cuộc đời không chi phối ngài được. Quán Tự Tại thanh thản trước sóng gió ba đào, vì ý thức sâu sắc ngũ ấm hay mọi việc đều do nghiệp mà tác thành. Kinh Hoa Nghiêm cũng dạy từ nghiệp sanh ra thân tướng của chúng sanh và từ thân tạo thành quốc độ.

Trên bước đường tu, chúng ta theo gót Quan Âm, thấy được sự thật, nên không còn gì phải sợ hãi. Ta cầu nguyện ngài và thâm nhập được trí Quan Âm, thì chúng ta không còn đau khổ nữa. Vì thế, ngài tiêu biểu cho Bồ tát thể hiện hạnh thí vô úy. Quan Âm chứng Bát Nhã, tuy không làm gì, nhưng thật ngài đã giúp chúng ta hết điên đảo vọng tưởng.

Thâm nhập Phật trí ở kinh Bát Nhã, thấy tất cả các pháp đều Không, bước sang kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát Quan Âm là pháp lữ đối với mọi người. Theo tinh thần Hoa Nghiêm, không có một Bồ tát cố định nào hiện thân ở trần thế. Chúng ta sẽ rơi vào vọng tưởng nếu cho rằng có Quan Âm thật hiện ra. Có thể nói lúc nào đó, tâm chúng ta hoàn toàn thanh tịnh và chánh niệm Quan Âm, tự nhiên không cảm thấy sợ sệt gì; đó chính là Bồ tát Quan Âm hiện thẳng vào tâm chúng ta. Theo kinh nghiệm tu hành của riêng tôi, trên chặng đường nguy hiểm nhất, tưởng chừng như chết; nhưng nhờ niệm Quan Âm tương tục, tôi cảm thấy bình ổn lạ thường và vượt qua sóng gió hiểm nguy một cách nhẹ nhàng. Thiết nghĩ Bồ tát Quan Âm đã ngự trị ngay trong lòng tôi, không phải một Quan Âm hữu hình ở bên ngoài nhìn thấy bằng mắt. Cảm nhận tinh thần Hoa Nghiêm, từng bước chân đi có bạn đồng hành giúp tôi trưởng thành đạo nghiệp.

Tỳ Sắc Chi La cũng bảo Thiện Tài rằng Quan Âm Bồ tát luôn thị hiện làm bạn đồng hành với chúng ta, không phải ngài là một Bồ tát chiếu rọi ánh sáng hiện hữu cho chúng ta quỳ lạy. Đối với tôi, những pháp lữ đồng hành nhắc nhở tôi từng câu kinh, từng bài kệ, trợ lực cho tôi vượt qua khó khăn, tiến tu đạo hạnh, thì đó là hiện thân của Bồ tát Quan Âm.

Quan Âm ở trong tâm, nên từng trường hợp biến dạng không ngừng. Ngài tùy theo nhu cầu mà biến hiện khác nhau, hiện thân

già trẻ, sang hèn hay hình thức gì, nghịch cũng như thuận đều tác động cho chúng ta trưởng thành trên bước đường hành đạo.

Danh xưng Quán Tự Tại để diễn tả sự tu chứng và tên Quan Âm diễn tả việc làm. Bồ tát tu nhân theo Hoa Nghiêm, đối với các pháp được tự tại và khởi lên tâm đại bi, nghe tiếng kêu trầm thống của chúng sanh. Vì vậy, trong ba mươi hai trường hợp ứng thân của Quan Âm thể hiện quyền năng diệu dụng của ngài. Tu Hoa Nghiêm và đặc đạo ở Pháp Hoa nhằm diễn tả hai mặt là nhân và quả của Bồ tát.

Quán Tự Tại Bồ tát cho biết ngài tu pháp quán sát các pháp được tự tại như vậy; còn việc làm kỳ diệu thì nói không cùng, nên ngài giới thiệu Thiện Tài đến học với Bồ tát Chánh Thu.

29- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với thần Đại Thiên

Nói đến thần linh, các dân tộc trên thế giới đều quan niệm khác nhau. Tuy nhiên, tất cả đều nghĩ rằng thần linh tiêu biểu cho sự hiện hữu thiêng liêng vượt ngoài tầm hiểu biết của con người.

Riêng kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp giới đề cập rất nhiều về thần linh. Các vị thần này được diễn tả dưới dạng tu hành đạo Bồ tát, mang lại tình thương và sự hiểu biết cho chúng ta, để rồi từng bước chur thần tiến đến Vô thượng Đẳng giác. Và chúng ta được họ giúp đỡ cũng dần dần sửa đổi tâm tánh, tiến tu thành

Phật. Đó là điểm chính yếu khác biệt giữa quan niệm thần linh theo Phật giáo và các tôn giáo khác.

Thật vậy, kinh Hoa Nghiêm phổ cập trên thế giới, vì dung nhiếp tất cả tín ngưỡng cổ đại và mang tính triết học. Trong khi phần lớn các tôn giáo nặng về tín ngưỡng, thờ thần nhưng không biết rõ lai lịch của thần, không lý giải được việc làm của thần. Trái lại, giới thiệu các thần linh, kinh Hoa Nghiêm cho chúng ta biết rõ việc làm của họ, xuất xứ của họ, nguyên nhân đưa họ đến vị trí thần linh.

Thiện Tài đồng tử được Bồ tát Chánh Thu dạy đến cầu học với Thần Đại Thiên. Thần này chỉ cho Thiên thần, là hình thức tín ngưỡng mà chúng ta quen gọi là Trời. Không biết Trời là ai, có người hình dung ra đó là đấng tạo hóa hay Ngọc Hoàng thượng đế. Người Nhật bản thì gọi là Thiên Chiếu. Nói chung, thần là đấng hiện hữu ở trên ban xuống mà chúng ta không biết.

Người ở nhân gian không thấy Trời, nhưng Thiện Tài gặp được ông, nói lên tinh thần giữa nhân gian và thiên thượng có sự liên quan mật thiết với nhau. Những gì mà chúng ta mới biết sử dụng tưởng là mới có, nhưng thực sự hàng ngàn năm trước tất cả hiện tượng trong trời đất đã có sẵn. Người có trí tuệ khám phá được nguyên lý ấy, người mê muội thì chẳng có gì.

Không phải Đại Thiên mới hiện hữu, nhưng nhờ gặp Chánh Thu Bồ tát khai huệ nhãn, Thiện Tài phát sanh trí tuệ, mới thấy được

Đại Thiên. Đại Thiên xuất hiện, dạy cho Thiện Tài Bồ tát hạnh, tất nhiên Đại Thiên đã là Bồ tát. Bồ tát ở trong loài người làm lợi ích cho mọi người, Đại Thiên là Bồ tát ở trong loài Trời.

Đại Thiên là vị thần chi phối nhân gian, tạo ra con người. Vị thần này được kinh Hoa Nghiêm diễn tả là người tác động để chúng ta trở thành tốt. Ông thần mà người Nhật hay Việt Nam thờ cúng trước kia quấy nhiễu, đòi hỏi đủ thứ, đòi cả đồng nam đồng nữ. Nay kinh Hoa Nghiêm diễn tả nếu thật là Đại Thiên thì phải thương người, lo cho người nên được kính trọng; đó chính là Bồ tát.

Đại Thiên cho Thiện Tài châu báu quý giá, dù Thiện Tài không xin. Trong khi nhiều người khác quỳ lạy van xin mà ông vẫn không giúp. Theo Đại Thiên, Bồ tát khó thấy, khó thân cận. Người nào có ba nghiệp thuần tịnh thì Đại Thiên hiện ra và ban cho tất cả.

Thiện Tài có hạnh nguyện giống Đại Thiên, nên ngài cho ông rất nhiều, nhằm kết làm pháp lữ, cùng làm lợi ích cho muôn loài. Không riêng gì Thiện Tài mà những người đã tu ba nghiệp thanh tịnh, trí tuệ bừng sáng, thông được tất cả, thì thiên đường hiện ra và được Đại Thiên ban thưởng. Ngài cho không phải để họ hưởng thụ, mà để thay ngài làm lợi ích cho người khác. Đại Thiên không thiên vị, sợ dĩ ngài không cho người còn đủ nghiệp ác, vì nếu giúp thì họ sẽ phá đạo hại đời. Đối với chúng sanh như vậy, ngài hiện

hiều thân, đa dạng, có lúc làm thiên lôi để đe dọa cho họ sợ, không dám làm việc tội lỗi.

Học với Đại Thiên, biết được việc của thiên đường và tìm được tất cả phúc lạc, thì đến chuyện dưới đất phải hỏi Địa thần An Trụ. Thiên thần và Địa thần, hay tín ngưỡng trời che đất chở đã có từ lâu theo tôn giáo cổ truyền, nhưng không giải thích được. Phải đến kinh Hoa Nghiêm mới lý giải sâu sắc về ý nghĩa của hai vị thần minh này.

Có thể nói rằng khi Phật giáo thịnh hành, các nhà sư dùng tín ngưỡng nhân gian có sẵn để giúp mọi người hiểu lý trùng trùng duyên khởi của kinh Hoa Nghiêm; đó là pháp tu sống hài hòa với trời đất và với mọi người.

30- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Địa thần An Trụ

An Trụ Địa thần là thiện tri thức thứ ba mươi mà Đức Phật Thích Ca suy nghĩ, nhận ra và chỉ dạy. Vị này tập trung tất cả Địa thần khác và chỉ cho họ thấy Thiện Tài là Phật tạng, nghĩa là kho chứa Phật. Phật này chỉ cho sự sáng suốt, sự giác ngộ, là trí tuệ. Trong con người đơn sơ của Thiện Tài hàm chứa trí tuệ bao la, kỳ vĩ. Nói cách khác, trải qua quá trình tu hành đến khi trí giác bùng sáng, chúng ta thấy mọi việc trong trời đất như thấy vật để trên bàn tay, tức tận dụng được trọn vẹn chất xám của chúng ta, thấu biết toàn bộ vũ trụ. Hiểu theo tinh thần ấy, An Trụ Địa thần mới nói rằng Thiện Tài là kho tàng vô giá.

Địa thần hỏi Thiện Tài muốn thấy kho tàng mà Thiện Tài đã gieo trồng nhiều đời hay không. Kho báu của ông mà ông lại không biết, phải nhờ người khác chỉ giùm. Kinh Pháp Hoa gọi là Phật tri kiến. Tri kiến Phật của chúng sanh y như Phật, không khác; nhưng vì họ không biết, không thấy, nên phải chịu thân phận nô lệ, nghèo nàn.

Thiện Tài nhờ An Trụ Địa thần chỉ kho tàng trí tuệ, thấy được Phật tri kiến, nghĩa là ở ngay trên nhân gian tu hành, sống chung với những người thấp kém, tệ ác mà vận dụng được trí tuệ và vượt khó. Đó là môi trường để ta hành Bồ tát đạo, thể hiện lòng từ bi, phát huy đạo đức. Chung quanh toàn người ganh tỵ, thù hiềm mà ta sử dụng trí khôn, hóa giải được, thì cuối cùng ta thành Phật. Chúng sanh có khổ thì ta mới phát bi tâm và tận tụy với người khổ, ta mới thành tựu đạo hạnh. Vì vậy Bồ tát bỏ thế gian đi tìm Phật là tìm lông rùa sừng thỏ, không bao giờ có.

Địa thần cho biết xưa kia ngài được Đức Phật Diệu Nhãn dạy pháp tu Thiên định, chứng được Trí tạng, tức kho tàng trí tuệ. Khi đắc được pháp này, ngài muốn nhập diệt ngay; nhưng thấy người khác cũng có kho tàng trí tuệ ấy mà không biết, nên ngài nguyện ở lại để chỉ dạy họ. Tâm niệm vì lợi ích chúng sanh của Địa thần cao cả như vậy, đã chuyển đổi thân trở thành Bồ tát.

Tất cả kinh Đại thừa gặp nhau ở điểm ai tu hành cũng thành Phật. Địa thần An Trụ, hay sống ở đây để tìm người có nhân duyên căn lành mà nâng đỡ họ lên. Vì vậy, Địa thần nói với Thiện

Tài rằng ông đã gieo trồng căn lành thì kho tàng này thuộc về ông.

Có thể nói Thiện Tài chính là Đức Phật Thích Ca và bảo tàng vô giá của Đức Phật là nước Ma Kiệt Đà. Thật vậy, ở ngay mảnh đất hung tàn bạo ngược nhất của A Xà Thế mà Đức Thích Ca đã phô diễn được trí tuệ tuyệt vời, thể hiện Diệu pháp và cảm hóa ông vua ác độc trở thành người hộ pháp đắc lực.

Tóm lại, **Địa thần An Trụ chỉ dạy Thiện Tài pháp tu đạt được trí tuệ**, vì có trí tuệ là có tất cả. Trí tuệ phát triển đến độ cao, khai thác được tất cả thì không có gì không hữu ích. Còn nghèo đói, khổ đau, chỉ vì con người không có phước huệ.

31- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với chủ Dạ thần Bà San Bà Diễn Đế

Học đạo Bồ tát và tu Bồ tát hạnh chính yếu cần quan sát công hạnh của các ngài để ứng dụng vào cuộc sống của chúng ta. Ở đây, tên của vị thần này hơi lạ. Tuy nhiên, đọc kỹ kinh, chúng ta thấy công hạnh của ngài cũng khá quen thuộc. Trong kinh Pháp Hoa, chúng ta có thể bắt gặp Dạ thần này mang tên là Nguyệt Quang Bồ tát hay Mãn Nguyệt, Bảo Nguyệt Bồ tát.

Phải khẳng định rằng tất cả thần linh được diễn tả trong kinh Hoa Nghiêm không mang tính chất Thần đạo đã có ở các nước. Truyền thuyết cổ xưa dựng nên những vị thần và các vị này được nhào nặn theo tinh thần Hoa Nghiêm, tạo thành thần minh kiểu

mẫu hành đạo Bồ tát. Bồ tát là người sống ở nhân gian vì lợi ích và làm phúc lạc cho người khác. Với ý nghĩa ấy, Bồ tát trong kinh Hoa Nghiêm được truyền bá đến đâu, thì người ta hình dung ra đó là những vị thần có từ trước. Từ đó, vị phúc thần được kết hợp với Bồ tát trở thành những minh thần của Hoa Nghiêm và tống xuất các hung thần đi. Được xây dựng trên tinh thần vì phúc lạc cho trời người, Bồ tát và phúc thần tuy hai mà một, hay đó là hai mặt khác nhau được diễn tả thành một và chỉ hiện hữu trong kinh Hoa Nghiêm.

Thiện Tài phải gặp Địa thần An Trụ rồi mới thấy Dạ thần; vì học với Địa thần, vấn đề trí tuệ được đặt trên hết. Thật vậy, đối với người tu, trí tuệ là cốt lõi. Hiện tượng trong trời đất có sẵn, nhưng người không có trí tuệ chẳng thể thấy biết. Riêng Đức Phật giác ngộ và bằng trí tuệ thấu suốt mọi hiện tượng của vũ trụ. Đức Phật dạy nếu ta không biết thì thân này là một khối phiền não; nhưng nếu biết thì cũng nhờ thân ngũ uẩn mà ta phát sanh trí tuệ hay tu thành Phật được.

Tất cả sự quý giá tiềm tàng trong lòng đất cũng như mọi sự hiểu biết tiềm ẩn trong tâm con người, đó là ý nghĩa gặp được Địa thần, tức phát hiện trí tuệ có sẵn trong chúng ta. Đức Phật thành bậc Vô thượng Đăng giác, vì phát hiện và sử dụng được trí tuệ có sẵn. Và Ngài hiện hữu trên cuộc đời này chỉ nhằm mục tiêu chỉ dạy chúng ta cách thức khai thác khả năng sẵn có của mỗi người.

Khai thác bằng cách nhờ thiện tri thức khơi dậy căn lành, giúp chúng ta hiểu biết mọi việc trên cuộc đời.

Nhờ thiện tri thức là Địa thần An Trụ, Thiện Tài thấy được Dạ thần Bà San Bà Diễn Đế. Theo tín ngưỡng cổ xưa, Dạ thần này là Đại Phạm Thiên vương hay đấng tạo hóa. Theo thời đại ngày nay, chúng ta có thể hiểu đó là nguyên lý tạo nên vũ trụ và con người, tức lý duyên sinh. Đức Phật dạy người nào thấy nhân duyên là thấy pháp và thấy pháp là thấy Như Lai, hay nguyên lý tạo ra vũ trụ.

Kinh Hoa Nghiêm cho biết không phải người nào hay đấng tạo hóa nào áp đặt cho ta, chính cộng nghiệp của chúng sanh tạo nên chúng và thế giới của chúng. Thế giới loài người do cộng nghiệp của con người tạo nên, các loài khác cũng vậy.

Tuy nhiên, trong cộng nghiệp cũng có biệt nghiệp, nên cùng là loài người nhưng không ai giống ai. Biệt nghiệp, hay cá tánh là những đặc điểm riêng không thể phủ nhận. Trên bước đường tu Bồ tát đạo, chúng ta cầu thiện tri thức giúp đỡ để loại trừ cá tánh tác hại người khác khổ đau và phát huy cá tánh tốt nhằm tạo thế giới tốt đẹp. Thiện Tài đồng tử đi qua năm mươi ba chặng đường cầu đạo, cố khám phá triệt để mặt tốt này.

Sau khi phát hiện được sự quý báu nhất là trí tuệ mà Địa thần chỉ dạy và phát triển trí tuệ đến độ cao nhất, thì mọi việc trên cuộc đời trở thành quý giá, ở ngay thế gian này mà tiến tu. Từ yếu tố

chính là vật chất, tức tận dụng những cái có trong tâm tay hay trong lòng đất, Thiện Tài mới bắt đầu quan sát vũ trụ, tìm nguyên lý tạo nên vũ trụ và con người.

Lúc ấy, Thiện Tài thấy Dạ thần, hay nhìn vào đêm dài sanh tử của chúng sanh, tìm trong vũ trụ bao la từ kiếp này sang kiếp khác, hay những biến chuyển trong trời đất. Ngày nay, với phương tiện khoa học, có thể hiểu ý nghĩa gặp Dạ thần, được thần dạy nghĩa là chúng ta sử dụng những gì có trong tâm tay để phát triển sự hiểu biết mà quan sát thế giới bên ngoài. Từ đó, biết được nguyên lý tạo nên cuộc sống, mà người xưa coi đó là đấng tạo hóa.

Trong kinh diễn tả Thiện Tài nhìn vào thân của Dạ thần thấy nhứt nguyệt tinh tú hiện vào. Tạo ra một vị thần ở trong đình miếu cho người thấy được thì không khó. Nhưng hình thành một thần linh mà trong người họ có mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, quả thật là khó hình dung nổi. Vì vậy, trong kinh bảo rằng gặp được Địa thần An Trụ rồi mới thấy Dạ thần Bà San Bà Diễn Đế. Có thể hiểu rằng khi trí tuệ chúng ta đã phát triển cao độ, cho phép chúng ta quan sát rộng hơn thì không còn thấy hạn hẹp trong thân con người, mà thấy vị thần này chuyển hóa thành rộng lớn, lấy vũ trụ và Pháp giới làm thân. Rồi thấy tất cả chuyển hóa không ngừng, trong mỗi lỗ chân lông phóng ra vô số ánh sáng đến tất cả chúng sanh.

Đến đây, chúng ta trở về kinh Pháp Hoa có thí dụ Đức Phật đối với chúng sanh ví như ánh sáng mặt trời chiếu đến muôn loài. Tất cả cỏ cây, muôn thú, loài người... hoàn toàn khác nhau, nhưng không loài nào sống ngoài định luật tồn tại của vũ trụ. Nguyên lý ấy chi phối chúng ta từng phút giây, mà không ai biết, chỉ có Thiện Tài thấy rõ sự tương quan tương duyên thuận nghịch của muôn loài nương nhau tồn tại trong trời đất. Bằng trí tuệ, Thiện Tài quan sát Dạ thần, tức quan sát vũ trụ như vậy.

Dạ thần dùng lực chi phối mọi loài chúng sanh, nhưng chúng sanh không biết luật chi phối ấy. Kinh điển tả là người thích tu Thanh văn thì Dạ thần hiện thân Thanh văn nói pháp, họ nghe liền khởi tâm vui thích, được giải thoát. Ý này nếu được hiểu một cách rằng vị thần uy quyền lớn như đấng sáng thế, chỉ chấp tay cầu xin thì ngài sẽ hiện cái gì mà chúng ta ưa thích. Nghĩ như vậy, dễ rơi vào mê tín, nhất là đối với người nhiều lòng tham và chẳng may lại gặp thêm ác nhân khai thác, thì nhất định đưa họ vào con đường tội lỗi.

Theo tôi, những ai có nhân duyên, có thiện căn công đức, sẽ gặp được Dạ thần. Không có thần từ hư không hiện đến, nhưng tất cả người đến với tôi đều là Thiên thần, Địa thần, Dạ thần, Bồ tát đồng hạnh.

Chúng ta tìm Thiên thần vô hình không bao giờ gặp, đó là ma thuật mà Đức Phật thường phủ nhận. Tuy nhiên, chúng ta có pháp lữ đồng hành; khi khởi lên tâm niệm thiện thì thiện căn

công đức đã gieo trồng kết hợp được với Bồ tát đồng hạnh. Thiện căn công đức của chúng ta và của người gặp nhau, thì chuyển thành tâm thiện, việc làm thiện. Vì thế, chúng ta tìm thiện tri thức ngay trong cuộc đời này là những Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, nam nữ Phật tử, những người có lòng tốt... Nếu bỏ những người này, tìm người vô hình cũng giống như tìm lông rùa sừng thỏ. Nhưng quan sát sinh hoạt thực tế, chúng ta thấy người tu xung đột với nhau, đó là vì xung đột nghiệp thân, từ đó thiện tri thức biến thành ác ma. Trên bước đường tu, điều này rất quan trọng. Khi chúng ta tìm thiện tri thức là phát khởi từ nhân duyên căn lành, chúng ta có lòng thương người, lòng khoan dung, thì phản ứng tốt tự nhiên cũng sẽ đến với chúng ta.

Trên nền tảng phát xuất từ thiện căn và được đáp lại bằng thiện căn, nếu chúng ta đến với người mà trong lòng không sanh thiện căn, nhưng sanh ác nghiệp, thì chúng ta phải tạm tránh; chỉ nên đến nơi nào khơi dậy căn lành mà thôi. Vì vậy, Thiện Tài cho biết nhờ thiện tri thức khai ngộ mà bản tâm thanh tịnh.

Tới gặp thiện tri thức, tất cả thắc mắc từ ngàn xưa tự giải đáp, kiêu căng, tật đố, ngã mạn tự biến mất. Chúng ta lạy Dạ thần, hay Bồ tát Nguyệt Quang, được ánh quang của ngài soi sáng đến, bao nhiêu phiền não nhiễm ô đè nặng lên kiếp người nhứt thời tan hoại, lòng được mát mẻ. Nhất là trí tuệ được khai phát, khiến chúng ta sáng suốt, cái thấy mỗi ngày đúng đắn hơn. Trước lắm

tưởng có Trời Phạm Thiên, nhưng nay thấy được thuyết duyên sanh nhờ Bồ tát khai mở cho chúng ta.

Thiện tri thức là bất cứ người nào giúp ta thành tựu bốn việc là bớt phiền não, tâm mát mẻ, trí sáng suốt và đến gần quả vị Như Lai. Trái lại, ác ma làm chúng ta phiền não, tham lam, ích kỷ, ghét ganh. Chúng ta tìm thiện tri thức là những người cùng ý chí, cùng hạnh nguyện ngay trên cuộc đời này. Ngài Nhật Liên dạy rằng người cầm gươm giết ngài là thiện tri thức vì họ làm ngài khởi niệm lành và họ cũng có niệm lành. Trong khi người dâng bốc ta, nhưng ta khởi niệm ác, thì người đó là ác ma.

Đối với chúng ta, tìm thiện tri thức ở ngay trên cuộc đời; nhưng xa hơn, đối với Thiện Tài, tầm quan sát của ông là vũ trụ. Thiện Tài mượn tất cả sự hiểu biết của thiện tri thức trên đời dồn lại để ông có kiến thức siêu việt hơn. Thiện Tài nương vào các thiện tri thức trên đời và các phương tiện trên mảnh đất này mà đi xa vào vũ trụ bao la. Ông tìm thấy thiện tri thức dưới dạng thức khác, không phải là người nói bằng ngôn ngữ hay hành động khuyến thiện. **Mọi hiện tượng thiên nhiên như cánh chim, ánh trăng soi bên dòng suối, hay một bông hoa dại, một ráng ban mai, v.v... đều phát triển thiện căn cho Thiện Tài, dẫn đến tâm thánh thiện nhất, việc làm lợi lạc nhất cho đời, đều là hình ảnh tiêu biểu của Dạ thân.**

32- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Dạ thần Khai Phu Nhút Thiết Thọ Hoa và Đại Nguyên Tinh Tấn Lực Cứu Nhút Thiết Chúng Sanh

Sau khi cầu học với nhiều thiện tri thức thuộc mọi thành phần xã hội, Thiện Tài bắt đầu tham quan thế giới vô hình để học đạo với Thiên thần, Địa thần, Dạ thần.

"Dạ" (trong Dạ thần) là ban đêm. Ban đêm thì khó nhận thấy sự vật chính xác. Cuộc đời đối với người còn trong sanh tử cũng vậy, khó mà nhận biết mọi việc tường tận, nên thường gọi là đêm dài sanh tử. Chúng ta không biết lúc nào chết và sẽ đi về đâu. Dạ thần biết rõ diễn biến trong vô hình và có thể giúp chúng ta vượt qua mọi chướng ngại trong đêm dài sanh tử.

Dạ thần cho Thiện Tài biết rằng họ đã ở trên cuộc đời này bao nhiêu kiếp, đã từng làm vua, làm tướng, làm thương gia, làm đồng nam, đồng nữ, làm Phật... và họ thấy biết tất cả.

Chúng ta học kinh Hoa Nghiêm phải lưu ý điều quan trọng này. Ngày nay cùng tu trong pháp hội, giúp đỡ nhau là biết chúng ta đã từng hòa hợp với nhau trong quá khứ. Người chống đối ta cũng vậy, đời trước họ và ta cũng từng chống trái nhau. Bài pháp điển hình này được Đức Phật chỉ rõ qua sự kiện Đề Bà Đạt Đa thường phá hại Phật từ vô số kiếp cho đến hiện đời và có cả năm trăm người theo Đề Bà từ quá khứ để chống Phật, hiện tại cũng

vậy. Nhưng càng phá Phật thì uy đức của Ngài càng những không bị giảm sút, mà còn tăng thêm.

Dạ thần nói với Thiện Tài, hay chỉ cho chúng ta những sự kiện quá khứ là hạt nhân dẫn tới hiện tại. Thấy rõ nhân tạo tác ấy, chúng ta mới hiểu được người, biết cách xử sự đúng đắn cho mỗi trường hợp. Đối với người giúp đỡ, người chống đối hay người thờ ơ, chúng ta phải xử trí cách nào.

Cuộc đời là đêm tối, chúng ta đang dò dẫm đi và Dạ thần cho những lời khuyên sáng giá. Hai vị Dạ thần quan trọng mà Thiện Tài gặp được trong cuộc đời là Khai Phu Nhút Thiết Thọ Hoa và Đại Nguyên Tinh Tấn Lực Cứu Nhút Thiết Chúng Sanh. Dạ thần Khai Phu Nhút Thiết Thọ Hoa chỉ cho chúng ta sống như thế nào để cuộc sống được phát triển. Dạ thần Đại Nguyên Tinh Tấn Lực Cứu Nhút Thiết Chúng Sanh bằng kinh nghiệm từng trải giúp người vượt qua mọi tai ách trên thế gian.

Thiết nghĩ trong đời thường, mọi người thường cầu mong hai vị thần ấy giúp đỡ để đạt được hai điều là cuộc sống được phát triển và không gặp tai ách. Tuy nhiên, muốn giàu sang, khỏe mạnh, tài giỏi, nhưng thực tế có mấy ai chịu ứng dụng phương thức Phật dạy, hay những điều mà Dạ thần chỉ. Theo Phật, muốn giàu có phải hành bố thí, trải lòng rộng lớn, che chở người, ban phát tài vật, công sức, hiểu biết cho người. Thế nhưng quan sát sinh hoạt thường nhật, chúng ta thấy rõ nhiều người muốn giàu, nhưng lại sợ bố thí. Họ chỉ muốn xin và được cho. Làm như vậy chắc chắn

không thể nào kết thành quả báu giàu có, thường được Phật ví như người tham muốn nấu cát thành cơm.

Riêng tôi xuất thân từ gia đình nghèo, vấn đề cơm ăn, chỗ ở vào thời niên thiếu thật khó khăn vô cùng. Lúc mới vào chùa, tôi không bằng ai, bị người xem nhẹ. Tuy nhiên tin sâu sắc ý Phật dạy, lời Dạ thần nói, từng bước khắc phục. Với đôi tay và khối óc, tôi hết lòng phục vụ cho đạo, nỗ lực tu học để lập công bồi đức. Nhờ vậy, từ từ công đức phát sanh và dùng công đức này phục vụ lại cho cuộc đời, để tích lũy thêm công đức, không dám tiêu xài. Trên bước đường tu, thiết nghĩ cần để ý điều này. Khi ta nhận của người cúng dường, mai kia được người quý trọng hơn, là biết ta đã sử dụng đúng tài vật của họ. Ngược lại, nhận của họ rồi, ngày mai họ sanh lòng khinh rẻ thì biết chúng ta đã sử dụng sai vật hiến cúng.

Dạ thần khuyên Thiện Tài phải hành sử sáu pháp Ba la mật trong cuộc sống. Đức Phật thành tựu quả vị Vô thượng Đăng giác, được tôn xưng là đấng cha lành của muôn loài, hoặc chư Bồ tát được người quý trọng, vì các ngài đã thể hiện trọn vẹn sáu pháp Ba la mật. Trên lộ trình tiến đến Vô thượng Bồ đề, sáu pháp Ba la mật là cốt tủy mà chúng ta phải thực hiện cho được. Trong sáu pháp này, ba pháp chính yếu quan trọng là bố thí, thiền định và trí tuệ.

Thật vậy, theo tinh thần Đại thừa, muốn được kính mến chắc hẳn ta phải là người ban ơn; đừng làm người thọ thí. Ý này dễ nhận ra trong thực tế cuộc sống. Khi gặp người ta từng thi ân, ai lại

không cảm thấy nhẹ nhàng hơn là gặp người mà ta mắc nợ. Kể đến giữ tâm bình ổn, dù hoàn cảnh khắc nghiệt thế nào, ta cũng không thay đổi. Có sức định tâm cao, không để vật chi phối mới giữ được công đức đã tu tạo. Và sau cùng, muốn làm Thầy của trời người, tất yếu phải gieo trồng hạt giống trí tuệ.

Có thể nói sự bình tĩnh và sáng suốt là hai đức tánh quan trọng của Bồ tát. Vì dẫn thân hành đạo trên cuộc đời chắc chắn phải đối đầu với vô số chướng ngại, nếu không trang bị hai pháp này không thể nào đi trọn Bồ tát đạo. Theo gương các ngài, chúng ta luôn tâm niệm hoàn cảnh càng khó khăn, ta càng phải bình tĩnh. Có hành trang như vậy, ta mới có thể tiến tu trong sanh tử; đặng việc thì u mê, cuống cuống lên là còn cách xa đạo.

Thực tế lịch sử cho thấy bà Ý Lan thứ phi nghe lời vua, đã nhút tâm Thiền định để gánh vác triều chính thành công trọn vẹn. Sức định tĩnh của bà ở độ cao nhất, dẫn đến sự sáng suốt, thấy được ai là hạng sâu mọt trong hoàng thân quốc thích cần phải trị tội, ai là người tài đức, thấy đúng từng người, giải quyết thỏa đáng từng việc.

Tóm lại, Dạ thần cho chúng ta bài học rằng ở trong đêm tối sanh tử, có gặp địch thủ, chúng ta mới vận dụng được trí năng. Nhờ đối mặt với gút mắt khó khăn, mới có cơ hội hiểu biết thêm vô số vấn đề lớn nhỏ, mặt phải mặt trái, mặt trong mặt ngoài của nó. Không cọ xát với thực tế cuộc sống như vậy, ắt hẳn sự hiểu biết của chúng ta cũng lụi dần. Chính vì để đạt được mục tiêu lớn lao

ấy mà các vị Bồ tát thường thực hành chí nguyện đạo chơi trong sanh tử.

33- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Thọ thần Diệu Đức Viên Mãn

Học với Dạ thần và trực diện được với cuộc đời xong, Thiện Tài tiếp tục học với Thọ thần Diệu Đức Viên Mãn (Lâm Tỳ Ni thần). Thọ thần là thần cây. Theo tinh thần Đông phương, người hay vật sống lâu tiêu biểu cho những gì tích lũy được của trời đất, là chứng nhân lịch sử. Cũng vậy, đối với cây cối, người ta cho rằng cây sống lâu trăm năm thành thần. Riêng tôi, chưa thấy Thọ thần, nhưng tìm các bậc tôn túc sống lâu, hiểu biết rộng, có nhiều kinh nghiệm để cầu học, vì các ngài biết được những việc ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

Ở đây, vị thần quan trọng nhất mà Thiện Tài tìm học ở vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Đức Phật Đản sanh, hay cũng có nghĩa là chúng ta học đạo, đi tìm những gì có liên hệ với Phật. Các Thọ thần ở nơi khác nhằm chỉ cho những học phái ngoại đạo không quan trọng. Thần ở vườn Lâm Tỳ Ni mới là thần chúng ta cần học, tức những bậc tu hành theo giáo nghĩa Đại thừa. Họ thấy Phật trực tiếp hay qua kinh điển, qua hành động tiêu biểu cho Thọ thần ở Lâm Tỳ Ni. Ta tin tưởng, học hỏi với họ, vì họ sống lâu trong giáo pháp Phật.

Thọ thần Diệu Đức Viên Mãn cho Thiện Tài biết rằng khi Phật ra đời, cảnh sắc vườn Lâm Tỳ Ni thay đổi khác thường. Cây cối xanh tươi đẹp kỳ lạ, cây Vô Ưu nở hoa từ gốc đến ngọn, tỏa hương thơm ngát. Cây quý hiếm nở hoa, cảnh quang đẹp chưa từng thấy tạo thành sức sống kỳ diệu báo hiệu có bậc cứu thế xuất hiện trên cuộc đời.

Hiện tượng này cũng dễ nhận ra trong sinh hoạt đời thường của chúng ta. Tôi đến chùa nào, vào Thiền thất gặp một vị danh Tăng nào liền cảm nhận lực tu hành của họ lan tỏa ảnh hưởng đến phong cảnh nơi đó và cũng tác động cho tâm hồn chúng ta thanh tịnh, an lạc theo.

34- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Bồ tát Di Lặc

Thiện Tài trải qua năm mươi ba chặng đường cầu đạo, gặp một trăm mười vị thiện tri thức, trong đó có bốn Bồ tát quan trọng đã giáo dưỡng, hộ niệm cho Thiện Tài trên bước đường tu, đó là Văn Thù Sư Lợi, Quan Âm, Di Lặc và Phổ Hiền.

Mở đầu việc tham học, Thiện Tài gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, tức cầu đạo trước tiên là cầu trí tuệ, vì không có trí tuệ không thể nào giữ được phước đức. Vì vậy khẩu hiệu của người tu là duy tuệ thị nghiệp.

Thiện Tài may mắn gặp đại thiện tri thức Văn Thù, nhận được lực gia bị của ngài và phát huy trí tuệ theo từng bước chân hành đạo. Nhờ vậy, Thiện Tài dần thân vào đời thấy gai góc là huy hoàng,

đối diện với đủ thành phần xã hội không hề thấy chống trái, mà toàn là thiện tri thức dưới mắt ông. Vì dưới lăng kính trí tuệ thấy tất cả đều có hai mặt tốt và xấu, không có gì hoàn toàn tốt hay xấu. Tốt xấu là tùy thuộc ở ta. Thiện Tài nhận chân được cái tốt của người và khai thác mặt tốt nên đắc đạo.

Dưới ánh sáng trí tuệ của Văn Thù, Thiện Tài đi khắp thế gian thấy sanh thân Phật Thích Ca không còn hiện hữu, nhưng Đức Phật quyền năng tồn tại dưới dạng Quan Âm phổ hiện thành ba mươi hai hiện thân, không có một loại hình Phật cố định. Đối với người đáng hiện thân nào để cứu độ thì ngài hiện thân đó. Vì vậy, kinh Pháp Hoa dạy rằng có người thấy Phật, nhưng cũng có người không thấy. Đức Phật siêu hình thì người có nhân duyên đặc độ mới thấy Ngài.

Các vị Tổ sư, các nhà truyền giáo thấy Phật, mới dẫn thân hành đạo không tiếc thân mạng. Theo tôi, từ một Đức Phật Thích Ca, nhưng mỗi vị tu hành thấy Phật khác nhau, dẫn đến hình thành nhiều tông phái khác nhau. Có bao nhiêu vị Tổ thì có bấy nhiêu Phật, cho đến có Phật ba đầu sáu tay, hay Phật vạn năng ngàn mắt ngàn tay tiêu biểu cho hành động có trí tuệ chỉ đạo.

Sau khi Thiện Tài học với Văn Thù Bồ tát mới gặp được Phật dưới dạng Quan Âm ban vui cứu khổ. Kế tiếp, Thiện Tài bắt đầu du hành trong thế giới siêu hình, gặp những vị thần minh, nhận ra lực chi phối của họ đối với mọi việc trên cuộc đời.

Kinh Hoa Nghiêm giới thiệu với chúng ta thế giới siêu nhiên ấy và duy nhất có Thiện Tài thâm nhập được để tiếp tục học đạo với Di Lặc Bồ tát. Theo kinh Nguyên thủy, độc nhất có Bồ tát Di Lặc được Phật thọ ký thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm đặt nặng vấn đề người hành Bồ tát đạo cần học với Di Lặc, vì ngài thừa kế sự nghiệp của Đức Thích Ca. Nhưng muốn học với Di Lặc, Thiện Tài phải gặp Văn Thù và Quan Âm trước.

Thiện Tài gặp Di Lặc và Di Lặc khảy tay ba cái, thì lầu các Tỳ Lô Giá Na mở ra và Thiện Tài đi vào lầu các thấy được tất cả việc của Đức Phật đã làm trong quá khứ dẫn đến hiện tại và kéo dài tận vị lai, tất cả hiện hữu đầy đủ trong lầu các. Khi Thiện Tài tham quan xong, Di Lặc khảy móng tay một lần nữa thì lầu các biến mất. Lầu các xuất hiện và biến mất chứng tỏ đây không phải là tòa nhà thật.

Tỳ Lô Giá Na lầu các tiêu biểu cho Pháp thân Phật. Đức Phật sanh thân Niết bàn, nhưng Ngài vẫn tồn tại miên viễn dưới dạng thanh tịnh Pháp thân. Trên bước đường tu, trở về với chơn tâm thanh tịnh mới bắt gặp được Pháp thân Tỳ Lô Giá Na.

Di Lặc là người giữ Tỳ Lô Giá Na lầu các, tức ngài sử dụng được phần linh hoạt diệu dụng của chơn tâm để thông với thanh tịnh Pháp thân Phật. Vì vậy, Di Lặc được coi là Tổ của tông Duy thức. Ngài dạy chúng ta quan sát hiện tượng bên ngoài mà đo được tâm khởi, hay nhờ có cảnh, chúng ta phát hiện được tâm. Và chúng ta mới theo tâm trở về nguồn; từ ngoài lần vào trong đến

tận Tiềm thức hay A lại da thức. Có thể ví nó như một cái kho vô hình chứa đựng những thứ vô hình. Kho vô hình của Thiện Tài được Bồ tát Văn Thù khai ngộ, chứa những hạt giống trí tuệ và học với Quan Âm nên có hạt giống từ bi. Tâm thức của Thiện Tài đầy đủ trí tuệ và từ bi, nên A lại da thức trắng sạch như gương trong. Còn kho chứa của chúng ta chỉ có toàn phiền não nhiễm ô.

Di Lặc mở lâu các cho Thiện Tài xem thành quả của Phật Thích Ca chúng được và giao cho ngài giữ gìn. Thiện Tài thắc mắc hỏi Di Lặc tại sao ngài là người thừa kế sự nghiệp của Phật mà lại không ra đời để sử dụng những của báu đã được giao phó.

Di Lặc cho biết ngài đã đủ điều kiện thành Phật, nhưng chưa ra đời ngôi tòa Long Hoa vì còn phải lo việc giáo hóa chúng sanh có duyên với ngài cho thành thực và tiếp độ những người mà Đức Thích Ca để lại cũng được thuần thực. Theo lời dạy của Di Lặc với Thiện Tài như trên, chúng ta biết rằng hiện tại tất cả ai đang từng bước phát triển trên lộ trình Phật đạo đều được Di Lặc Bồ tát chăm sóc. Di Lặc chúng được Từ tâm tam muội, nên người có duyên với ngài là người cũng phải có tâm Từ.

Tại sao Di Lặc Bồ tát giáo hóa người có duyên với ngài trước, rồi mới độ người của Đức Thích Ca sau. Người của Đức Thích Ca để lại phức tạp lắm. Thật vậy, thử nghĩ xem trên thế giới có hàng tỷ người theo đạo Phật, không ai giống ai, giữa các tông phái cũng không chấp nhận nhau. Làm sao xác định ai đúng, ai sai. Đúng thì tất cả đều đúng, mà sai thì tất cả cũng sai. Nếu lo việc này thì

suốt đời chỉ tranh cãi nhau. Vì vậy, việc quan trọng đầu tiên là Di Lặc phải thuần thực chúng của mình trước. Thiển nghĩ chúng ta có giỏi mấy, nhưng quyến thuộc của ta toàn người ăn hại thì cũng chẳng thể làm được việc lớn. Ý thức sâu sắc như vậy, người thật tu lo giải quyết bản thân thật tốt, chắc chắn người xung quanh cũng tốt theo.

Trên bước đường tu theo Di Lặc, cần phát triển tâm an vui, vì con Phật mà phiền não là biến thành con của ma. Tôi tâm đắc pháp này, cố giữ cho mình an lành. Dù hoàn cảnh thế nào vẫn lấy sự bình ổn làm lẽ sống, còn mưa gió là việc của thiên hạ. Theo Phật dạy, lo cho ta chính là đã lo cho người. Trên tinh thần ấy, bằng mọi giá, chúng ta phải tự an lấy tâm, tức đạt được Định. Từ tâm Định ấy, chúng ta mới bắt gặp được Định của Phật và Bồ tát. Và công đức lành mới theo Định tâm của ta mà tới, nhưng cũng tới với dạng vô hình. Chúng ta không thể biết cho cùng tận công đức này mà đó là sự thật. Công đức chỉ có trong Thiền định là công đức vô lậu.

Từ tâm an nên Định sanh, thấy được sự vật không chướng ngại, vật không tác động làm phiền chúng ta là Tuệ sanh. Nhờ vậy, bản thân và hoàn cảnh chúng ta mỗi ngày tốt thêm hơn. Đó là ba điều căn bản mà chúng ta phải thực hiện được trên lộ trình đi theo dấu chân Bồ tát Di Lặc.

Thiện Tài được Di Lặc dẫn vào Tỳ Lô Giá Na lâu các, thấy được thành quả của Đức Phật từ vô số kiếp quá khứ đến tận vị lai vô

cùng. Kinh Hoa Nghiêm mở ra cho chúng ta hình ảnh một Đức Phật thật không phải chỉ còn lưu lại những viên Xá lợi. Nhưng đó là Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật đang sống, đang chi phối tất cả muôn loài và tồn tại miên viễn theo thời gian vô cùng, không gian vô tận, mới thật quý báu.

Thật vậy, từ Phật Niết bàn đến nay, các Luận sư tiếp tục triển khai giáo lý theo từng thời kỳ, từng quốc gia khác nhau, thích hợp với cuộc sống nhân sinh, tức Pháp thân Phật mở rộng biến chiếu khắp tất cả, không có trình độ nào không phổ cập. Người trí thấy Phật tuyệt luân và người chỉ có niềm tin cũng thấy Phật tuyệt vời. **Dòng thác trí tuệ của nhân loại phát khởi từ ngọn nguồn bước theo tri kiến Phật, cùng với vô số cuộc sống giải thoát, vị tha của người con Phật, tất cả tiêu biểu cho thanh tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật vẫn đang tồn tại khắp nơi khắp chốn.**

25- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với bà Tu Mật Đa nữ

Học xong với Sư Tử Tán Thân là vị xuất gia có đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, vị Tỳ kheo Ni này lại giới thiệu Thiện Tài đến cầu đạo với mẫu người hoàn toàn trái ngược. Đó là bà Tu Mật Đa làm kỹ nữ. Đến cầu học với bà Tu Mật Đa vì trên bước đường học đạo Bồ tát, Thiện Tài không từ chối bất cứ việc làm nào ở trần gian. Làm được nhiều việc khó là Bồ tát lớn, làm được tất cả là Phật.

Bà Tu Mật Đa là Bồ tát lớn mà kinh Hoa Nghiêm giới thiệu rằng bà hiện thân vào tầng lớp xã hội, làm nghề bán hương sắc cho người mua vui; nhưng đối với Sư Tử Tần Thân, vị này hoàn toàn đáng kính trọng.

Có người nghĩ Thiện Tài đạo đức trong sạch, không nên để cho bà Tu Mật Đa cám dỗ, phải tìm cách ngăn chặn. Nhưng có người hiểu được hạnh của bà Tu Mật Đa, thì bảo Thiện Tài nên nghe Sư Tử Tần Thân tìm đến vị này học đạo.

Từ trong tâm tưởng, Thiện Tài nghe bà Tu Mật Đa nói rằng bà đã chứng được pháp Vô tham dục tế. Quả thật, vì bà Tu Mật Đa chứng pháp Vô tham dục, hoàn toàn thanh tịnh nên sắc đẹp của bà không làm cho người khởi lên lòng tham dục. Hảo tướng của bà có tác dụng giúp người hướng thượng, về với đạo, sống trong giải thoát; trong khi sắc đẹp của người thế gian khiến người khởi tâm nhiễm ô, dùng để khuyến dụ người vào con đường tội lỗi.

Những người theo bà Tu Mật Đa không còn sanh tâm tham dục, người trông thấy hoặc nghe bà thuyết pháp liền xa lìa lòng tham ái, sống với phạm hạnh thanh tịnh. Điều này chứng minh lực tác động của sắc thân Bồ tát đã hiển hiện, còn sắc đẹp kêu gọi cho người si ám thì chẳng tốt lành gì.

Đứng ở vị trí chư Thiên quan sát, bà Tu Mật Đa biến thành Thiên nữ đẹp nhất; nhưng nếu Dạ xoa nhìn thì thấy bà là Dạ xoa nữ đẹp

nhất. Bất cứ loài nào cũng thấy bà hiện thân đẹp nhất theo tâm tưởng của chúng. Tuy nhiên, ai thấy cũng đều xa lìa tham dục.

Chỉ dưới mắt Thiện Tài đặc đạo mới thấy và hiểu được điều kỳ đặc ẩn chứa bên trong con người như vậy; còn những người bình thường khác chỉ thấy một con người không ra gì tập hợp những thành phần đáng khinh chê.

Trên bước đường hành đạo, tôi đã gặp một người dưới dạng bà Tu Mật Đa. Một số Thầy trong chùa khuyên tôi cẩn thận, vì bà này ghê gớm, có nhiều chồng. Nhưng dưới mắt tôi, con người thật của bà ta từ trẻ đến già đã từng trải qua biết bao điều đen tối của cuộc đời. Hiện tại vì tràn ngập khổ đau, hối hận, nên phát tâm tu, cầu học pháp giải thoát để voi bớt phiền muộn. Tôi thấy rõ bà ta phát tâm nên giáo hóa để bà ấy tu tạo được nhân lành; còn nghiệp ác quá khứ thì không nên phê phán. Nhìn bề ngoài thấy họ xấu, nhưng trong lòng còn chút tâm đạo biết giúp người tu. Và chính bà đã ủng hộ tiền gạo giúp cho đạo tràng tu trong những ngày khởi đầu còn nhiều khó khăn.

Theo tôi, chúng ta cần thấy rõ một người lúc nào họ xấu, lúc nào tốt. Và từ sự cùng cực của hành động xấu ác, họ dễ trở thành người tốt nhất. Điển hình như vua A Dục nổi tiếng ác, nhưng khi phát tâm tu, không ai tốt bằng ông, không ai hộ pháp đặc lực bằng ông. Từ sự cùng cực của việc ác, có cái thiện sanh ra; vì họ hối hận hành động ác nên dễ làm điều tốt. Và từ sự cùng cực của cái thiện lại sanh ra việc ác, như người bố thí cúng dường nhiều

thường kiêu mạn. Họ cúng nhiều, giúp người nhiều và sanh ra tánh khinh người, nhất định mai kia họ cũng sẽ sa cơ thất thế bị người khinh lại.

Tu hành theo tinh thần Hoa Nghiêm, trên chơn tánh hoàn toàn bình đẳng, tốt xấu không khác. Và trên hiện thực cuộc sống, người có hành động tốt, tâm tướng tốt vì hoàn cảnh phải làm việc xấu, chúng ta vẫn trân trọng, không nên xem thường họ. Thí dụ điển hình như tấm gương hiếu thảo của Thúc Kiều trong truyện Kiều của Nguyễn Du, ai mà không khởi tâm thương xót thân phận khổ đau của người nữ bán mình để cứu cha.

Thiết nghĩ nhìn người bề ngoài không đáng tin cậy, nhưng chúng ta **thấy được Bồ đề tâm của họ và chỉ giáo hóa Bồ đề tâm ấy, chắc chắn sẽ cải hóa được họ.**

26- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với cư sĩ Tỳ Sắc Chi La

Cư sĩ Tỳ Sắc Chi La là trưởng giả. Có thể nói thành phần trưởng giả là tiền thân của giai cấp tư bản ngày nay. Thời phong kiến xưa kia, vua chúa cầm đầu quốc gia, bộ lạc. Có những vị anh quân hay minh quân, nhưng thông thường mỗi triều đại, chúng ta thấy chỉ được một vài ông vua ban đầu lãnh đạo tốt, những ông vua kế tiếp không tài giỏi, thường áp bức quần chúng để củng cố ngôi vị. Họ cũng không có đạo đức, thường ăn chơi sa đọa, dẫn đến hậu quả là nền kinh tế suy sụp. Từ đó, vua phải thừa nhận những người có khả năng làm giàu cho đất nước. Đó là mấu chốt

sản sinh ra giai cấp trưởng giả nắm phần kinh tế, có quyền hơn vua.

Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh dung hóa tất cả hệ thống tư tưởng từ Tiểu sang Đại, dung nhiếp các tư tưởng của chánh giới, triết gia và cả tôn giáo. Việc nào phải, tốt, đúng, dù không phải của Phật giáo, cũng được công nhận, không cố chấp, hẹp hòi.

Theo tinh thần phóng khoáng, khách quan ấy, kinh Hoa Nghiêm dung nhiếp những trưởng giả tốt, đưa ra mẫu trưởng giả theo Đại thừa là biểu tượng người giàu, nhân từ, đức độ, hay cứu giúp người, hoàn toàn khác với loại trưởng giả ác độc ở thế gian thường tham lam, ích kỷ, đối xử tàn tệ với công nhân. Theo Hoa Nghiêm, hàng trưởng giả đạo đức, tài giỏi được định vị ngang hàng với Bồ tát, vượt trội hơn Thanh văn.

Tỳ Sắc Chi La là cư sĩ lẫn lóc với đời, không phải thuộc hàng xuất gia học đạo; nhưng trình độ tu chứng và sự hiểu biết thì ngang hàng với Bồ tát lớn. Điều này gợi cho chúng ta hình dung ra Phật thường trú Pháp thân được đề cập trong kinh Pháp Hoa.

Tỳ Sắc Chi La có cái nhìn về đạo pháp khác hơn giới xuất gia. Thật vậy, các Tỳ kheo thấy Phật Niết bàn, tất cả đều than khóc vì Đức Phật là cội đại thọ, núp bóng từ bi của Ngài thì sống bình ổn ở thế gian, được vua chúa kính trọng. Phật diệt độ, không còn nơi nương tựa. Tinh thần này trong kinh Pháp Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng ví như người con mất bản tâm thấy Phật không còn,

thì hốt hoảng sợ hãi. Đến phẩm Phổ Hiền Bồ tát Khuyến phát ghi rõ sau khi Như Lai diệt độ, chỉ những người mang tâm hồn Đại thừa mới tu được; vì hàng Bồ tát là tướng mà tu, các ngài hiện thân tướng tương ứng theo yêu cầu của thế gian, nên không gặp chướng ngại. Thanh văn kẹt hình thức, cứ nghĩ Phật Niết bàn là người tu bơ vơ, chẳng còn ai che chở.

Kinh Hoa Nghiêm nâng lên một nấc cao hơn, nói lên tinh thần Bồ tát đạo thể hiện bằng hình ảnh cư sĩ Tỳ Sắc Chi La. Tỳ Sắc Chi La khẳng định rằng không có một Như Lai nào vào Niết bàn. Nếu có Niết bàn chẳng là thị hiện để giáo hóa chúng sanh. Ý này được kinh Pháp Hoa diễn tả rằng đối với người con uống lầm thuốc độc bị mất bản tâm, lương y mới nói dối rằng ông đã chết. Ông thật còn sống mà nói chết. Thật còn sống là Tỳ Lô Giá Na Pháp thân thường hằng, bất tử. Chỉ có sanh thân Thích Ca Mâu Ni vào Niết bàn.

Tỳ Sắc Chi La hiện thân cư sĩ, nhưng thấu tận nguồn tâm và kế ngộ chân lý; giữa Tỳ Sắc Chi La và Phật thông nhau, mới thấy không có Phật Niết bàn và chúng Bất bát Niết bàn tế. Chẳng những Thích Ca Mâu Ni không Niết bàn mà tất cả Phật quá khứ như Ca Diếp, Câu Na Hàm Mâu Ni, Câu Lưu Tôn..., ông cũng thấy các Ngài không vào Niết bàn.

Và chư Phật trong hàng hà sa số Pháp giới cũng vẫn hiện hữu. Cả Phật vị lai cũng hiện hữu. Đối với Tỳ Sắc Chi La, trong tất cả Pháp giới đều có chư Phật hiện hữu. Cốt tủy của kinh Hoa

Nghiêm ở chỗ đó. Thích Ca Mâu Ni là Phật đã thành và chúng ta là Phật sẽ thành, vì có Phật chủng ở bên trong. Khi đọa tam đồ, Phật chủng ấy không mất, không thay đổi và lúc thành Phật, hạt giống Phật ấy cũng không tăng thêm. Rất tiếc, chúng ta không thấy hạt giống Phật của mình và của người. Đối với Tỳ Sắc Chi La, vì đã thể nhập vào Pháp giới Hoa Nghiêm, tất cả đều là Phật, không có người nào không là Phật.

Phật chủng nằm trong thân xác hữu hạn mà kinh ví như đáy da đựng ngọc quý hoặc lau sạch gương thì hình ảnh hiện lên. Ta bị phiền não nhiễm ô ngăn che bên ngoài, Phật chủng không hiện ra được. Ngài bảo mọi người đều là Phật, nhưng tại sao ta không vận dụng cái cao quý ấy mà cứ tự nhận lấy cái khổ. Đối với phàm phu thì điều này kỳ lạ, nhưng đối với Tỳ Sắc Chi La thì hoàn toàn đúng. Hễ ngừng vọng tưởng điên đảo là có chân hạnh phúc, giống như ta chưa đói nghèo, nhưng sợ đói nghèo mà tự khổ.

Người nhiều phiền não, lo lắng đè kín chơn tâm làm cái thấy họ sai lệch. Khi vô minh ngăn che, không thấy sự thật, tạo thành ảo giác. Vì vậy, người nào cởi bỏ phiền não bao nhiêu, tâm họ sáng suốt bấy nhiêu, gần Phật bấy nhiêu. Phật này là chân lý, là sự thật trên cuộc đời.

Tỳ Sắc Chi La tuy mang thân cư sĩ nhưng đã tiếp cận chân lý, thấy được sự hiện hữu vĩnh hằng của Phật, Phật không Niết bàn và mọi người đều là Phật. Vì Tỳ Sắc Chi La nhìn người qua lăng kính Phật và xử trí với họ như vậy, tạo thành độ cảm tâm, nên họ

cũng thấy ngài là Phật; từ đó xây dựng thành cộng đồng hiểu biết, thương yêu, người hết lòng hợp tác, tạo sự nghiệp tốt đẹp cho trường giả mà họ coi là sự nghiệp chung.

Nhật Liên Thánh nhân cũng lãnh hội ý này, sau bốn mươi chín ngày Thiền định, ngài cho biết chẳng những Phật quá khứ, cả Phật hiện tại hiện hữu, mà cả những người vị lai cũng là Phật, không phải là Phật sẽ thành. Theo Nhật Liên, không có Phật đã thành, đang thành và sẽ thành, mà tất cả đều hiện hữu ở nhứt điểm thời gian. Thấy thế giới quan như vậy, tạo cho ta và người cùng an lành, hỗ tương nhau tu hành.

Theo Tỳ Sắc Chi La, tất cả đều là Phật, nhưng vì ta là chúng sanh nên không thấy Phật. Ngược lại, nếu chúng ta là Phật thì không ai không phải là Phật. Tùy theo mức độ tu chúng, tùy theo sự phá vỡ phiền não của ta tới đâu thì điều tốt đẹp sẽ đến tới mức ấy. **Trên cuộc đời này không có người xấu, người tốt. Xấu hay tốt là tùy ở ta, không phải ở người. Còn thấy xấu thì nên tự trách ta vụng tu.**

Đến chỗ khó hiểu, khó thấy, không chấp nhận mình là Phật, mà cứ nhận mình thấp hèn, khổ sở. Vì thế, Tỳ Sắc Chi La bảo hãy chấp tay cầu Đức Quan Âm. Nói cách khác, từ chân lý của Tỳ Sắc Chi La chỉ cao quá, không bắt kịp thì phải hạ xuống tìm Quan Âm ở núi Phổ Đà cứu giúp.

27.- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Bồ Tát Quán Tự Tại

Tỳ Sắc Chi La tuy là cư sĩ nhưng đã thâm nhập Pháp giới, thấy mọi người đều là Phật hay ba đời các Đức Phật đều hiện hữu. Chân lý này khó diễn tả bằng ngôn từ, khó hiểu được bằng vọng thức điên đảo. Ông bảo Thiện Tài nên tìm hiểu bằng cách đi về phương Nam, đến núi Phổ Đà tìm Bồ tát Quán Tự Tại.

Quán Tự Tại là vị Bồ tát chứng trí Bát Nhã, thấy được thật tướng các pháp, mọi việc trần gian không thể làm chướng ngại việc hoằng truyền chánh pháp của ngài. Đạt được như vậy, từ tâm chơn như, Bồ tát Quán Tự Tại phát lòng đại bi, thương chúng sanh, thấy chúng thực sự không khổ, nhưng cứ nghĩ tưởng là khổ. Ngài mới thể hiện tâm từ bi bằng cách quán sát, lắng tai nghe tiếng than van, kêu cứu của người trần thế, nên ngài còn có danh xưng là Quán Thế Âm Bồ tát.

Quan Âm kết hợp hạnh tu trong ba bộ kinh là Bát Nhã, Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Trong kinh Bát Nhã, Quan Âm sử dụng nhĩ căn, luyện tánh nghe đến mức viên thông, không có tiếng than, tiếng cầu cứu nào của chúng sanh mà ngài bỏ sót, nên được tôn là Quán Tự Tại Bồ tát.

Thâm nhập trí Bát Nhã, Quán Tự Tại thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều Không; từ tri kiến ấy, cuộc đời đối với ngài không khổ, khổ lụy của cuộc đời không chi phối ngài được. Quán Tự Tại thanh thản trước sóng gió ba đào, vì ý thức sâu sắc ngũ ấm hay mọi việc đều do nghiệp mà tác thành. Kinh Hoa Nghiêm cũng dạy

từ nghiệp sanh ra thân tướng của chúng sanh và từ thân tạo thành quốc độ.

Trên bước đường tu, chúng ta theo gót Quan Âm, thấy được sự thật, nên không còn gì phải sợ hãi. Ta cầu nguyện ngài và thâm nhập được trí Quan Âm, thì chúng ta không còn đau khổ nữa. Vì thế, ngài tiêu biểu cho Bồ tát thể hiện hạnh thí vô úy. Quan Âm chứng Bát Nhã, tuy không làm gì, nhưng thật ngài đã giúp chúng ta hết điên đảo vọng tưởng.

Thâm nhập Phật trí ở kinh Bát Nhã, thấy tất cả các pháp đều Không, bước sang kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát Quan Âm là pháp lữ đối với mọi người. Theo tinh thần Hoa Nghiêm, không có một Bồ tát cố định nào hiện thân ở trần thế. Chúng ta sẽ rơi vào vọng tưởng nếu cho rằng có Quan Âm thật hiện ra. Có thể nói lúc nào đó, tâm chúng ta hoàn toàn thanh tịnh và chánh niệm Quan Âm, tự nhiên không cảm thấy sợ sệt gì; đó chính là Bồ tát Quan Âm hiện thẳng vào tâm chúng ta. Theo kinh nghiệm tu hành của riêng tôi, trên chặng đường nguy hiểm nhất, tưởng chừng như chết; nhưng nhờ niệm Quan Âm tương tục, tôi cảm thấy bình ổn lạ thường và vượt qua sóng gió hiểm nguy một cách nhẹ nhàng. Thiết nghĩ Bồ tát Quan Âm đã ngự trị ngay trong lòng tôi, không phải một Quan Âm hữu hình ở bên ngoài nhìn thấy bằng mắt. Cảm nhận tinh thần Hoa Nghiêm, từng bước chân đi có bạn đồng hành giúp tôi trưởng thành đạo nghiệp.

Tỳ Sắc Chi La cũng bảo Thiện Tài rằng Quan Âm Bồ tát luôn thị hiện làm bạn đồng hành với chúng ta, không phải ngài là một Bồ tát chiếu rọi ánh sáng hiện hữu cho chúng ta quỳ lạy. Đối với tôi, những pháp lữ đồng hành nhắc nhở tôi từng câu kinh, từng bài kệ, trợ lực cho tôi vượt qua khó khăn, tiến tu đạo hạnh, thì đó là hiện thân của Bồ tát Quan Âm.

Quan Âm ở trong tâm, nên từng trường hợp biến dạng không ngừng. Ngài tùy theo nhu cầu mà biến hiện khác nhau, hiện thân già trẻ, sang hèn hay hình thức gì, nghịch cũng như thuận đều tác động cho chúng ta trưởng thành trên bước đường hành đạo.

Danh xưng Quán Tự Tại để diễn tả sự tu chứng và tên Quan Âm diễn tả việc làm. Bồ tát tu nhân theo Hoa Nghiêm, đối với các pháp được tự tại và khởi lên tâm đại bi, nghe tiếng kêu trầm thống của chúng sanh. Vì vậy, trong ba mươi hai trường hợp ứng thân của Quan Âm thể hiện quyền năng diệu dụng của ngài. Tu Hoa Nghiêm và đặc đạo ở Pháp Hoa nhằm diễn tả hai mặt là nhân và quả của Bồ tát.

Quán Tự Tại Bồ tát cho biết ngài tu pháp quán sát các pháp được tự tại như vậy; còn việc làm kỳ diệu thì nói không cùng, nên ngài giới thiệu Thiện Tài đến học với Bồ tát Chánh Thu.

28.- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Bồ Tát Chánh Thu

Từ thế giới Diệu Tạng của Chánh Thu Bồ tát đến cõi Ta bà phải trải qua bất khả thuyết thế giới. Tuy xa vậy mà chỉ trong một niệm tâm ngài tới được liền, cho nên chúng ta chỉ khởi một niệm tương ưng với Chánh Thu Bồ tát, ngài hiện ra ngay.

Việc làm của Bồ tát như vậy rất khó tin, khó làm. Thiện Tài đánh lễ Chánh Thu và cho biết ông nương theo Phật huệ và Bồ tát lực thì chẳng những tin mà còn nguyện học và làm như ngài. Pháp của Bồ tát phô diễn cho chúng ta tin được đã khó, tiếp thu và làm được như ngài càng khó hơn nữa. Thiện Tài nhờ có căn lành nhiều đời mới tin và tiếp nhận được pháp Bồ tát. Và Chánh Thu cũng cho biết vì Thiện Tài có tâm Bồ đề như thế, Ngài mới truyền dạy pháp Bồ tát cho ông được.

Theo Bồ tát Chánh Thu, ngài từ thế giới Diệu Tạng đi qua vô số thế giới, diện kiến vô số Đức Phật và đánh lễ, cúng dường, tu học pháp với các Đức Phật xong, mới đến Ta bà. Tất cả việc làm ấy chỉ cần thời gian một niệm tâm là đủ. Vì vậy, pháp mà ngài chứng gọi là Giải thoát Bồ tát phổ tát hành, có thể đến mọi nơi nhanh như ánh sáng. Có bao nhiêu người nghĩ tưởng đến Bồ tát, ngài liền xuất hiện làm pháp lữ với họ.

Chỉ có pháp như vậy mới có thể hành Bồ tát đạo đúng nghĩa. Việc của chúng ta làm bằng ngũ ấm thân trên cuộc đời, cứ việc này xong, đến việc khác, thiết tưởng như thế thì cả một đời, ta làm chẳng được bao nhiêu. Ý này được Phổ Hiền dạy rằng tu sáu mươi kiếp hàm chứa trong một niệm tâm, có đủ cả ba thời quá khứ,

hiện tại, vị lai. Bồ tát theo Hoa Nghiêm học và hành pháp một niệm tâm hoàn thành đầy đủ tất cả mọi việc; trong khi Bồ tát nhân gian mang thân người, phải dứt việc này mới sang việc khác.

Thiện Tài nghe pháp thì tiếp thu và vận dụng được trong cuộc sống giống như Chánh Thu Bồ tát. Riêng chúng ta, có người nghe việc làm của Bồ tát thì nghĩ rằng điều đó nhằm diễn tả ước mơ của người xưa. Tuy nhiên, thiết nghĩ ở thời đại chúng ta, bằng trí thực tiễn của người hiểu khoa học quan sát thì pháp của Bồ tát Chánh Thu chứng đắc là có thật.

Thật vậy, ngày nay nhờ phát minh vô tuyến truyền thanh hay truyền hình, chúng ta dễ dàng hiểu tại sao Bồ tát trải qua nhiều thế giới, làm đủ các Phật sự rồi đến Ta bà mà chỉ mất một niệm tâm. Thực tế như sự kiện tranh giải các môn thể thao ở Sea Games được truyền qua vệ tinh rồi từ vệ tinh truyền đến Hoa Sen 2. Và chỉ trong chớp mắt, khắp nước ta, nơi nào có máy truyền hình đều nhận được hình ảnh và âm thanh đang diễn ra ở Indonesia do Hoa Sen 2 trực tiếp truyền tải đến. Có thể tạm so sánh cho dễ hiểu là Bồ tát Chánh Thu ví như vệ tinh viễn thông có khả năng tiếp thu tất cả hình ảnh của các Đức Phật ở vô số Phật quốc. Từ vệ tinh ấy truyền xuống Hoa Sen 2, hay có bao nhiêu hoa sen đều nhận được hình ảnh chuyển tải đến. Cũng vậy, Chánh Thu truyền lực đến các Phật quốc, đánh lễ chư Phật, làm các Phật sự ở vô số thế giới, tất cả đều nằm trong phạm vi hoạt

động của Chánh Thu Bồ tát. Và bao nhiêu người có nhân duyên, khởi tâm nghĩ đến thì ngài xuất hiện đồng một lúc đầy đủ, giống như có bao nhiêu máy Tivi cũng đều có đủ hình ảnh từ Hoa Sen truyền đến.

Chánh Thu Bồ tát xuất hiện ở Ta bà và đồng lúc có ngài trong toàn Pháp giới thể hiện ý nghĩa của kinh Hoa Nghiêm rằng một là tất cả và tất cả có đủ trong một.

Hai Bồ tát, một vị là Quán Tự Tại tiêu biểu cho trí và Chánh Thu tiêu biểu cho hạnh, thể hiện ý nghĩa biết tất cả và làm tất cả, nhưng làm trong một niệm tâm thôi.

Nói về quốc độ thì Chánh Thu trải qua vô số thế giới trong một niệm, nói về thời gian thì quá khứ, hiện tại và vị lai đều thu nhiếp thành một niệm tâm.

29- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với thần Đại Thiên

Nói đến thần linh, các dân tộc trên thế giới đều quan niệm khác nhau. Tuy nhiên, tất cả đều nghĩ rằng thần linh tiêu biểu cho sự hiện hữu thiêng liêng vượt ngoài tầm hiểu biết của con người.

Riêng kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp giới đề cập rất nhiều về thần linh. Các vị thần này được diễn tả dưới dạng tu hành đạo Bồ tát, mang lại tình thương và sự hiểu biết cho chúng ta, để rồi

từng bước chư thần tiến đến Vô thượng Đăng giác. Và chúng ta được họ giúp đỡ cũng dần dần sửa đổi tâm tánh, tiến tu thành Phật. Đó là điểm chính yếu khác biệt giữa quan niệm thần linh theo Phật giáo và các tôn giáo khác.

Thật vậy, kinh Hoa Nghiêm phổ cập trên thế giới, vì dung nhiếp tất cả tín ngưỡng cổ đại và mang tính triết học. Trong khi phần lớn các tôn giáo nặng về tín ngưỡng, thờ thần nhưng không biết rõ lai lịch của thần, không lý giải được việc làm của thần. Trái lại, giới thiệu các thần linh, kinh Hoa Nghiêm cho chúng ta biết rõ việc làm của họ, xuất xứ của họ, nguyên nhân đưa họ đến vị trí thần linh.

Thiện Tài đồng tử được Bồ tát Chánh Thu dạy đến cầu học với Thần Đại Thiên. Thần này chỉ cho Thiên thần, là hình thức tín ngưỡng mà chúng ta quen gọi là Trời. Không biết Trời là ai, có người hình dung ra đó là đấng tạo hóa hay Ngọc Hoàng thượng đế. Người Nhật bản thì gọi là Thiên Chiếu. Nói chung, thần là đấng hiện hữu ở trên ban xuống mà chúng ta không biết.

Người ở nhân gian không thấy Trời, nhưng Thiện Tài gặp được ông, nói lên tinh thần giữa nhân gian và thiên thượng có sự liên quan mật thiết với nhau. Những gì mà chúng ta mới biết sử dụng tưởng là mới có, nhưng thực sự hàng ngàn năm trước tất cả hiện tượng trong trời đất đã có sẵn. Người có trí tuệ khám phá được nguyên lý ấy, người mê muội thì chẳng có gì.

Không phải Đại Thiên mới hiện hữu, nhưng nhờ gặp Chánh Thu Bồ tát khai huệ nhãn, Thiện Tài phát sanh trí tuệ, mới thấy được Đại Thiên. Đại Thiên xuất hiện, dạy cho Thiện Tài Bồ tát hạnh, tất nhiên Đại Thiên đã là Bồ tát. Bồ tát ở trong loài người làm lợi ích cho mọi người, Đại Thiên là Bồ tát ở trong loài Trời.

Đại Thiên là vị thần chi phối nhân gian, tạo ra con người. Vị thần này được kinh Hoa Nghiêm diễn tả là người tác động để chúng ta trở thành tốt. Ông thần mà người Nhật hay Việt Nam thờ cúng trước kia quấy nhiễu, đòi hỏi đủ thứ, đòi cả đồng nam đồng nữ. Nay kinh Hoa Nghiêm diễn tả nếu thật là Đại Thiên thì phải thương người, lo cho người nên được kính trọng; đó chính là Bồ tát.

Đại Thiên cho Thiện Tài châu báu quý giá, dù Thiện Tài không xin. Trong khi nhiều người khác quỳ lạy van xin mà ông vẫn không giúp. Theo Đại Thiên, Bồ tát khó thấy, khó thân cận. Người nào có ba nghiệp thuần tịnh thì Đại Thiên hiện ra và ban cho tất cả.

Thiện Tài có hạnh nguyện giống Đại Thiên, nên ngài cho ông rất nhiều, nhằm kết làm pháp lữ, cùng làm lợi ích cho muôn loài. Không riêng gì Thiện Tài mà những người đã tu ba nghiệp thanh tịnh, trí tuệ bừng sáng, thông được tất cả, thì thiên đường hiện ra và được Đại Thiên ban thưởng. Ngài cho không phải để họ hưởng thụ, mà để thay ngài làm lợi ích cho người khác. Đại Thiên không thiên vị, sợ dĩ ngài không cho người còn đủ nghiệp ác, vì nếu giúp

thì họ sẽ phá đạo hại đời. Đối với chúng sanh như vậy, ngài hiện nhiều thân, đa dạng, có lúc làm thiên lôi để đe dọa cho họ sợ, không dám làm việc tội lỗi.

Học với Đại Thiên, biết được việc của thiên đường và tìm được tất cả phúc lạc, thì đến chuyện dưới đất phải hỏi Địa thần An Trụ. Thiên thần và Địa thần, hay tín ngưỡng trời che đất chở đã có từ lâu theo tôn giáo cổ truyền, nhưng không giải thích được. Phải đến kinh Hoa Nghiêm mới lý giải sâu sắc về ý nghĩa của hai vị thần minh này.

Có thể nói rằng khi Phật giáo thịnh hành, các nhà sư dùng tín ngưỡng nhân gian có sẵn để giúp mọi người hiểu lý trùng trùng duyên khởi của kinh Hoa Nghiêm; đó là pháp tu sống hài hòa với trời đất và với mọi người.

30- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Địa thần An Trụ

An Trụ Địa thần là thiện tri thức thứ ba mươi mà Đức Phật Thích Ca suy nghĩ, nhận ra và chỉ dạy. Vị này tập trung tất cả Địa thần khác và chỉ cho họ thấy Thiện Tài là Phật tạng, nghĩa là kho chứa Phật. Phật này chỉ cho sự sáng suốt, sự giác ngộ, là trí tuệ. Trong con người đơn sơ của Thiện Tài hàm chứa trí tuệ bao la, kỳ vĩ. Nói cách khác, trải qua quá trình tu hành đến khi trí giác bùng sáng, chúng ta thấy mọi việc trong trời đất như thấy vật để trên bàn tay, tức tận dụng được trọn vẹn chất xám của chúng ta,

thấu biết toàn bộ vũ trụ. Hiểu theo tinh thần ấy, An Trụ Địa thần mới nói rằng Thiện Tài là kho tàng vô giá.

Địa thần hỏi Thiện Tài muốn thấy kho tàng mà Thiện Tài đã gieo trồng nhiều đời hay không. Kho báu của ông mà ông lại không biết, phải nhờ người khác chỉ giùm. Kinh Pháp Hoa gọi là Phật tri kiến. Tri kiến Phật của chúng sanh y như Phật, không khác; nhưng vì họ không biết, không thấy, nên phải chịu thân phận nô lệ, nghèo nàn.

Thiện Tài nhờ An Trụ Địa thần chỉ kho tàng trí tuệ, thấy được Phật tri kiến, nghĩa là ở ngay trên nhân gian tu hành, sống chung với những người thấp kém, tệ ác mà vận dụng được trí tuệ và vượt khó. Đó là môi trường để ta hành Bồ tát đạo, thể hiện lòng từ bi, phát huy đạo đức. Chung quanh toàn người ganh tỵ, thù hiềm mà ta sử dụng trí khôn, hóa giải được, thì cuối cùng ta thành Phật. Chúng sanh có khổ thì ta mới phát bi tâm và tận tụy với người khổ, ta mới thành tựu đạo hạnh. Vì vậy Bồ tát bỏ thế gian đi tìm Phật là tìm lông rùa sừng thỏ, không bao giờ có.

Địa thần cho biết xưa kia ngài được Đức Phật Diệu Nhãn dạy pháp tu Thiền định, chứng được Trí tạng, tức kho tàng trí tuệ. Khi đắc được pháp này, ngài muốn nhập diệt ngay; nhưng thấy người khác cũng có kho tàng trí tuệ ấy mà không biết, nên ngài nguyện ở lại để chỉ dạy họ. Tâm niệm vì lợi ích chúng sanh của Địa thần cao cả như vậy, đã chuyển đổi thần trở thành Bồ tát.

Tất cả kinh Đại thừa gặp nhau ở điểm ai tu hành cũng thành Phật. Địa thần An Trụ, hay sống ở đây để tìm người có nhân duyên căn lành mà nâng đỡ họ lên. Vì vậy, Địa thần nói với Thiện Tài rằng ông đã gieo trồng căn lành thì kho tàng này thuộc về ông.

Có thể nói Thiện Tài chính là Đức Phật Thích Ca và bảo tàng vô giá của Đức Phật là nước Ma Kiệt Đà. Thật vậy, ở ngay mảnh đất hung tàn bạo ngược nhất của A Xà Thế mà Đức Thích Ca đã phô diễn được trí tuệ tuyệt vời, thể hiện Diệu pháp và cảm hóa ông vua ác độc trở thành người hộ pháp đắc lực.

Tóm lại, **Địa thần An Trụ chỉ dạy Thiện Tài pháp tu đạt được trí tuệ**, vì có trí tuệ là có tất cả. Trí tuệ phát triển đến độ cao, khai thác được tất cả thì không có gì không hữu ích. Còn nghèo đói, khổ đau, chỉ vì con người không có phước huệ.

31- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với chủ Dạ thần Bà San Bà Diễn Đế

Học đạo Bồ tát và tu Bồ tát hạnh chính yếu cần quan sát công hạnh của các ngài để ứng dụng vào cuộc sống của chúng ta. Ở đây, tên của vị thần này hơi lạ. Tuy nhiên, đọc kỹ kinh, chúng ta thấy công hạnh của ngài cũng khá quen thuộc. Trong kinh Pháp Hoa, chúng ta có thể bắt gặp Dạ thần này mang tên là Nguyệt Quang Bồ tát hay Mãn Nguyệt, Bảo Nguyệt Bồ tát.

Phải khẳng định rằng tất cả thần linh được diễn tả trong kinh Hoa Nghiêm không mang tính chất Thần đạo đã có ở các nước. Truyền thuyết cổ xưa dựng nên những vị thần và các vị này được nhào nặn theo tinh thần Hoa Nghiêm, tạo thành thần minh kiểu mẫu hành đạo Bồ tát. Bồ tát là người sống ở nhân gian vì lợi ích và làm phúc lạc cho người khác. Với ý nghĩa ấy, Bồ tát trong kinh Hoa Nghiêm được truyền bá đến đâu, thì người ta hình dung ra đó là những vị thần có từ trước. Từ đó, vị phúc thần được kết hợp với Bồ tát trở thành những minh thần của Hoa Nghiêm và tổng xuất các hung thần đi. Được xây dựng trên tinh thần vì phúc lạc cho trời người, Bồ tát và phúc thần tuy hai mà một, hay đó là hai mặt khác nhau được diễn tả thành một và chỉ hiện hữu trong kinh Hoa Nghiêm.

Thiện Tài phải gặp Địa thần An Trụ rồi mới thấy Dạ thần; vì học với Địa thần, vấn đề trí tuệ được đặt trên hết. Thật vậy, đối với người tu, trí tuệ là cốt lõi. Hiện tượng trong trời đất có sẵn, nhưng người không có trí tuệ chẳng thể thấy biết. Riêng Đức Phật giác ngộ và bằng trí tuệ thấu suốt mọi hiện tượng của vũ trụ. Đức Phật dạy nếu ta không biết thì thân này là một khối phiền não; nhưng nếu biết thì cũng nhờ thân ngũ uẩn mà ta phát sanh trí tuệ hay tu thành Phật được.

Tất cả sự quý giá tiềm tàng trong lòng đất cũng như mọi sự hiểu biết tiềm ẩn trong tâm con người, đó là ý nghĩa gặp được Địa thần, tức phát hiện trí tuệ có sẵn trong chúng ta. Đức Phật thành

bậc Vô thượng Đăng giác, vì phát hiện và sử dụng được trí tuệ có sẵn. Và Ngài hiện hữu trên cuộc đời này chỉ nhằm mục tiêu chỉ dạy chúng ta cách thức khai thác khả năng sẵn có của mỗi người. Khai thác bằng cách nhờ thiện tri thức khơi dậy căn lành, giúp chúng ta hiểu biết mọi việc trên cuộc đời.

Nhờ thiện tri thức là Địa thần An Trụ, Thiện Tài thấy được Dạ thần Bà San Bà Diễn Đế. Theo tín ngưỡng cổ xưa, Dạ thần này là Đại Phạm Thiên vương hay đấng tạo hóa. Theo thời đại ngày nay, chúng ta có thể hiểu đó là nguyên lý tạo nên vũ trụ và con người, tức lý duyên sinh. Đức Phật dạy người nào thấy nhân duyên là thấy pháp và thấy pháp là thấy Như Lai, hay nguyên lý tạo ra vũ trụ.

Kinh Hoa Nghiêm cho biết không phải người nào hay đấng tạo hóa nào áp đặt cho ta, chính cộng nghiệp của chúng sanh tạo nên chúng và thế giới của chúng. Thế giới loài người do cộng nghiệp của con người tạo nên, các loài khác cũng vậy.

Tuy nhiên, trong cộng nghiệp cũng có biệt nghiệp, nên cùng là loài người nhưng không ai giống ai. Biệt nghiệp, hay cá tánh là những đặc điểm riêng không thể phủ nhận. Trên bước đường tu Bồ tát đạo, chúng ta cầu thiện tri thức giúp đỡ để loại trừ cá tánh tác hại người khác khổ đau và phát huy cá tánh tốt nhằm tạo thế giới tốt đẹp. Thiện Tài đồng tử đi qua năm mươi ba chặng đường cầu đạo, cố khám phá triệt để mặt tốt này.

Sau khi phát hiện được sự quý báu nhất là trí tuệ mà Địa thần chỉ dạy và phát triển trí tuệ đến độ cao nhất, thì mọi việc trên cuộc đời trở thành quý giá, ở ngay thế gian này mà tiến tu. Từ yếu tố chính là vật chất, tức tận dụng những cái có trong tầm tay hay trong lòng đất, Thiện Tài mới bắt đầu quan sát vũ trụ, tìm nguyên lý tạo nên vũ trụ và con người.

Lúc ấy, Thiện Tài thấy Dạ thần, hay nhìn vào đêm dài sanh tử của chúng sanh, tìm trong vũ trụ bao la từ kiếp này sang kiếp khác, hay những biến chuyển trong trời đất. Ngày nay, với phương tiện khoa học, có thể hiểu ý nghĩa gặp Dạ thần, được thần dạy nghĩa là chúng ta sử dụng những gì có trong tầm tay để phát triển sự hiểu biết mà quan sát thế giới bên ngoài. Từ đó, biết được nguyên lý tạo nên cuộc sống, mà người xưa coi đó là đấng tạo hóa.

Trong kinh diễn tả Thiện Tài nhìn vào thân của Dạ thần thấy nhứt nguyệt tinh tú hiện vào. Tạo ra một vị thần ở trong đình miếu cho người thấy được thì không khó. Nhưng hình thành một thần linh mà trong người họ có mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, quả thật là khó hình dung nổi. Vì vậy, trong kinh bảo rằng gặp được Địa thần An Trụ rồi mới thấy Dạ thần Bà San Bà Diễn Đế. Có thể hiểu rằng khi trí tuệ chúng ta đã phát triển cao độ, cho phép chúng ta quan sát rộng hơn thì không còn thấy hạn hẹp trong thân con người, mà thấy vị thần này chuyển hóa thành rộng lớn, lấy vũ trụ và Pháp giới làm thân. Rồi thấy tất cả chuyển hóa không ngừng,

trong mỗi lỗ chân lông phóng ra vô số ánh sáng đến tất cả chúng sanh.

Đến đây, chúng ta trở về kinh Pháp Hoa có thí dụ Đức Phật đối với chúng sanh ví như ánh sáng mặt trời chiếu đến muôn loài. Tất cả cỏ cây, muôn thú, loài người... hoàn toàn khác nhau, nhưng không loài nào sống ngoài định luật tồn tại của vũ trụ. Nguyên lý ấy chi phối chúng ta từng phút giây, mà không ai biết, chỉ có Thiện Tài thấy rõ sự tương quan tương duyên thuận nghịch của muôn loài nương nhau tồn tại trong trời đất. Bằng trí tuệ, Thiện Tài quan sát Dạ thần, tức quan sát vũ trụ như vậy.

Dạ thần dùng lực chi phối mọi loài chúng sanh, nhưng chúng sanh không biết luật chi phối ấy. Kinh diễn tả là người thích tu Thanh văn thì Dạ thần hiện thân Thanh văn nói pháp, họ nghe liền khởi tâm vui thích, được giải thoát. Ý này nếu được hiểu một cách rằng vị thần uy quyền lớn như đấng sáng thế, chỉ chấp tay cầu xin thì ngài sẽ hiện cái gì mà chúng ta ưa thích. Nghĩ như vậy, dễ rơi vào mê tín, nhất là đối với người nhiều lòng tham và chẳng may lại gặp thêm ác nhân khai thác, thì nhất định đưa họ vào con đường tội lỗi.

Theo tôi, những ai có nhân duyên, có thiện căn công đức, sẽ gặp được Dạ thần. Không có thần từ hư không hiện đến, nhưng tất cả người đến với tôi đều là Thiên thần, Địa thần, Dạ thần, Bồ tát đồng hạnh.

Chúng ta tìm Thiên thần vô hình không bao giờ gặp, đó là ma thuật mà Đức Phật thường phủ nhận. Tuy nhiên, chúng ta có pháp lữ đồng hành; khi khởi lên tâm niệm thiện thì thiện căn công đức đã gieo trồng kết hợp được với Bồ tát đồng hạnh. Thiện căn công đức của chúng ta và của người gặp nhau, thì chuyển thành tâm thiện, việc làm thiện. Vì thế, chúng ta tìm thiện tri thức ngay trong cuộc đời này là những Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, nam nữ Phật tử, những người có lòng tốt... Nếu bỏ những người này, tìm người vô hình cũng giống như tìm lông rùa sừng thỏ. Nhưng quan sát sinh hoạt thực tế, chúng ta thấy người tu xung đột với nhau, đó là vì xung đột nghiệp thân, từ đó thiện tri thức biến thành ác ma. Trên bước đường tu, điều này rất quan trọng. Khi chúng ta tìm thiện tri thức là phát khởi từ nhân duyên căn lành, chúng ta có lòng thương người, lòng khoan dung, thì phản ứng tốt tự nhiên cũng sẽ đến với chúng ta.

Trên nền tảng phát xuất từ thiện căn và được đáp lại bằng thiện căn, nếu chúng ta đến với người mà trong lòng không sanh thiện căn, nhưng sanh ác nghiệp, thì chúng ta phải tạm tránh; chỉ nên đến nơi nào khơi dậy căn lành mà thôi. Vì vậy, Thiện Tài cho biết nhờ thiện tri thức khai ngộ mà bản tâm thanh tịnh.

Tới gặp thiện tri thức, tất cả thắc mắc từ ngàn xưa tự giải đáp, kiên cố, tất đổ, ngã mạn tự biến mất. Chúng ta lay Dạ thần, hay Bồ tát Nguyệt Quang, được ánh quang của ngài soi sáng đến, bao nhiêu phiền não nhiễm ô đè nặng lên kiếp người nhút nhát

tan hoại, lòng được mát mẻ. Nhất là trí tuệ được khai phát, khiến chúng ta sáng suốt, cái thấy mỗi ngày đúng dần hơn. Trước lắm tưởng có Tròi Phạm Thiên, nhưng nay thấy được thuyết duyên sanh nhờ Bồ tát khai mở cho chúng ta.

Thiện tri thức là bất cứ người nào giúp ta thành tựu bốn việc là bớt phiền não, tâm mát mẻ, trí sáng suốt và đến gần quả vị Như Lai. Trái lại, ác ma làm chúng ta phiền não, tham lam, ích kỷ, ghét ganh. Chúng ta tìm thiện tri thức là những người cùng ý chí, cùng hạnh nguyện ngay trên cuộc đời này. Ngài Nhật Liên dạy rằng người cầm gươm giết ngài là thiện tri thức vì họ làm ngài khởi niệm lành và họ cũng có niệm lành. Trong khi người tâng bốc ta, nhưng ta khởi niệm ác, thì người đó là ác ma.

Đối với chúng ta, tìm thiện tri thức ở ngay trên cuộc đời; nhưng xa hơn, đối với Thiện Tài, tầm quan sát của ông là vũ trụ. Thiện Tài mượn tất cả sự hiểu biết của thiện tri thức trên đời dồn lại để ông có kiến thức siêu việt hơn. Thiện Tài nương vào các thiện tri thức trên đời và các phương tiện trên mảnh đất này mà đi xa vào vũ trụ bao la. Ông tìm thấy thiện tri thức dưới dạng thức khác, không phải là người nói bằng ngôn ngữ hay hành động khuyến thiện. **Mọi hiện tượng thiên nhiên như cánh chim, ánh trăng soi bên dòng suối, hay một bông hoa dại, một ráng ban mai, v.v... đều phát triển thiện căn cho Thiện Tài, dẫn đến tâm thánh thiện nhất, việc làm lợi lạc nhất cho đời, đều là hình ảnh tiêu biểu của Dạ thần.**

32- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Dạ thần Khai Phu Nhút Thiết Thọ Hoa và Đại Nguyên Tinh Tấn Lực Cứu Nhút Thiết Chúng Sanh

Sau khi cầu học với nhiều thiện tri thức thuộc mọi thành phần xã hội, Thiện Tài bắt đầu tham quan thế giới vô hình để học đạo với Thiên thần, Địa thần, Dạ thần.

"Dạ" (trong Dạ thần) là ban đêm. Ban đêm thì khó nhận thấy sự vật chính xác. Cuộc đời đối với người còn trong sanh tử cũng vậy, khó mà nhận biết mọi việc tường tận, nên thường gọi là đêm dài sanh tử. Chúng ta không biết lúc nào chết và sẽ đi về đâu. Dạ thần biết rõ diễn biến trong vô hình và có thể giúp chúng ta vượt qua mọi chướng ngại trong đêm dài sanh tử.

Dạ thần cho Thiện Tài biết rằng họ đã ở trên cuộc đời này bao nhiêu kiếp, đã từng làm vua, làm tướng, làm thương gia, làm đồng nam, đồng nữ, làm Phật... và họ thấy biết tất cả.

Chúng ta học kinh Hoa Nghiêm phải lưu ý điều quan trọng này. Ngày nay cùng tu trong pháp hội, giúp đỡ nhau là biết chúng ta đã từng hòa hợp với nhau trong quá khứ. Người chống đối ta cũng vậy, đời trước họ và ta cũng từng chống trái nhau. Bài pháp điển hình này được Đức Phật chỉ rõ qua sự kiện Đề Bà Đạt Đa thường phá hại Phật từ vô số kiếp cho đến hiện đời và có cả năm trăm người theo Đề Bà từ quá khứ để chống Phật, hiện tại cũng

vậy. Nhưng càng phá Phật thì uy đức của Ngài càng những không bị giảm sút, mà còn tăng thêm.

Dạ thần nói với Thiện Tài, hay chỉ cho chúng ta những sự kiện quá khứ là hạt nhân dẫn tới hiện tại. Thấy rõ nhân tạo tác ấy, chúng ta mới hiểu được người, biết cách xử sự đúng đắn cho mỗi trường hợp. Đối với người giúp đỡ, người chống đối hay người thờ ơ, chúng ta phải xử trí cách nào.

Cuộc đời là đêm tối, chúng ta đang dò dẫm đi và Dạ thần cho những lời khuyên sáng giá. Hai vị Dạ thần quan trọng mà Thiện Tài gặp được trong cuộc đời là Khai Phu Nhứt Thiết Thọ Hoa và Đại Nguyên Tinh Tấn Lực Cứu Nhứt Thiết Chúng Sanh. Dạ thần Khai Phu Nhứt Thiết Thọ Hoa chỉ cho chúng ta sống như thế nào để cuộc sống được phát triển. Dạ thần Đại Nguyên Tinh Tấn Lực Cứu Nhứt Thiết Chúng Sanh bằng kinh nghiệm từng trải giúp người vượt qua mọi tai ách trên thế gian.

Thiết nghĩ trong đời thường, mọi người thường cầu mong hai vị thần ấy giúp đỡ để đạt được hai điều là cuộc sống được phát triển và không gặp tai ách. Tuy nhiên, muốn giàu sang, khỏe mạnh, tài giỏi, nhưng thực tế có mấy ai chịu ứng dụng phương thức Phật dạy, hay những điều mà Dạ thần chỉ. Theo Phật, muốn giàu có phải hành bố thí, trải lòng rộng lớn, che chở người, ban phát tài vật, công sức, hiểu biết cho người. Thế nhưng quan sát sinh hoạt thường nhật, chúng ta thấy rõ nhiều người muốn giàu, nhưng lại sợ bố thí. Họ chỉ muốn xin và được cho. Làm như vậy chắc chắn

không thể nào kết thành quả báu giàu có, thường được Phật ví như người tham muốn nấu cát thành cơm.

Riêng tôi xuất thân từ gia đình nghèo, vấn đề cơm ăn, chỗ ở vào thời niên thiếu thật khó khăn vô cùng. Lúc mới vào chùa, tôi không bằng ai, bị người xem nhẹ. Tuy nhiên tin sâu sắc ý Phật dạy, lời Dạ thần nói, từng bước khắc phục. Với đôi tay và khối óc, tôi hết lòng phục vụ cho đạo, nỗ lực tu học để lập công bồi đức. Nhờ vậy, từ từ công đức phát sanh và dùng công đức này phục vụ lại cho cuộc đời, để tích lũy thêm công đức, không dám tiêu xài. Trên bước đường tu, thiết nghĩ cần để ý điều này. Khi ta nhận của người cúng dường, mai kia được người quý trọng hơn, là biết ta đã sử dụng đúng tài vật của họ. Ngược lại, nhận của họ rồi, ngày mai họ sanh lòng khinh rẻ thì biết chúng ta đã sử dụng sai vật hiến cúng.

Dạ thần khuyên Thiện Tài phải hành sử sáu pháp Ba la mật trong cuộc sống. Đức Phật thành tựu quả vị Vô thượng Đăng giác, được tôn xưng là đấng cha lành của muôn loài, hoặc chư Bồ tát được người quý trọng, vì các ngài đã thể hiện trọn vẹn sáu pháp Ba la mật. Trên lộ trình tiến đến Vô thượng Bồ đề, sáu pháp Ba la mật là cốt tủy mà chúng ta phải thực hiện cho được. Trong sáu pháp này, ba pháp chính yếu quan trọng là bố thí, thiền định và trí tuệ.

Thật vậy, theo tinh thần Đại thừa, muốn được kính mến chắc hẳn ta phải là người ban ơn; đừng làm người thọ thí. Ý này dễ nhận ra trong thực tế cuộc sống. Khi gặp người ta từng thi ân, ai lại

không cảm thấy nhẹ nhàng hơn là gặp người mà ta mắc nợ. Kể đến giữ tâm bình ổn, dù hoàn cảnh khắc nghiệt thế nào, ta cũng không thay đổi. Có sức định tâm cao, không để vật chi phối mới giữ được công đức đã tu tạo. Và sau cùng, muốn làm Thầy của trời người, tất yếu phải gieo trồng hạt giống trí tuệ.

Có thể nói sự bình tĩnh và sáng suốt là hai đức tánh quan trọng của Bồ tát. Vì dẫn thân hành đạo trên cuộc đời chắc chắn phải đối đầu với vô số chướng ngại, nếu không trang bị hai pháp này không thể nào đi trọn Bồ tát đạo. Theo gương các ngài, chúng ta luôn tâm niệm hoàn cảnh càng khó khăn, ta càng phải bình tĩnh. Có hành trang như vậy, ta mới có thể tiến tu trong sanh tử; đặng việc thì u mê, cuống cuống lên là còn cách xa đạo.

Thực tế lịch sử cho thấy bà Ý Lan thứ phi nghe lời vua, đã nhút tâm Thiền định để gánh vác triều chính thành công trọn vẹn. Sức định tĩnh của bà ở độ cao nhất, dẫn đến sự sáng suốt, thấy được ai là hạng sâu mọt trong hoàng thân quốc thích cần phải trị tội, ai là người tài đức, thấy đúng từng người, giải quyết thỏa đáng từng việc.

Tóm lại, Dạ thần cho chúng ta bài học rằng ở trong đêm tối sanh tử, có gặp địch thủ, chúng ta mới vận dụng được trí năng. Nhờ đối mặt với gút mắt khó khăn, mới có cơ hội hiểu biết thêm vô số vấn đề lớn nhỏ, mặt phải mặt trái, mặt trong mặt ngoài của nó. Không cọ xát với thực tế cuộc sống như vậy, ắt hẳn sự hiểu biết của chúng ta cũng lụi dần. Chính vì để đạt được mục tiêu lớn lao

ấy mà các vị Bồ tát thường thực hành chí nguyện đạo chơi trong sanh tử.

33- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Thọ thần Diệu Đức Viên Mãn

Học với Dạ thần và trực diện được với cuộc đời xong, Thiện Tài tiếp tục học với Thọ thần Diệu Đức Viên Mãn (Lâm Tỳ Ni thần). Thọ thần là thần cây. Theo tinh thần Đông phương, người hay vật sống lâu tiêu biểu cho những gì tích lũy được của trời đất, là chứng nhân lịch sử. Cũng vậy, đối với cây cối, người ta cho rằng cây sống lâu trăm năm thành thần. Riêng tôi, chưa thấy Thọ thần, nhưng tìm các bậc tôn túc sống lâu, hiểu biết rộng, có nhiều kinh nghiệm để cầu học, vì các ngài biết được những việc ngoài tầm hiểu biết của chúng ta.

Ở đây, vị thần quan trọng nhất mà Thiện Tài tìm học ở vườn Lâm Tỳ Ni, nơi Đức Phật Đản sanh, hay cũng có nghĩa là chúng ta học đạo, đi tìm những gì có liên hệ với Phật. Các Thọ thần ở nơi khác nhằm chỉ cho những học phái ngoại đạo không quan trọng. Thần ở vườn Lâm Tỳ Ni mới là thần chúng ta cần học, tức những bậc tu hành theo giáo nghĩa Đại thừa. Họ thấy Phật trực tiếp hay qua kinh điển, qua hành động tiêu biểu cho Thọ thần ở Lâm Tỳ Ni. Ta tin tưởng, học hỏi với họ, vì họ sống lâu trong giáo pháp Phật.

Thọ thần Diệu Đức Viên Mãn cho Thiện Tài biết rằng khi Phật ra đời, cảnh sắc vườn Lâm Tỳ Ni thay đổi khác thường. Cây cối xanh tươi đẹp kỳ lạ, cây Vô Ưu nở hoa từ gốc đến ngọn, tỏa hương thơm ngát. Cây quý hiếm nở hoa, cảnh quang đẹp chưa từng thấy tạo thành sức sống kỳ diệu báo hiệu có bậc cứu thế xuất hiện trên cuộc đời.

Hiện tượng này cũng dễ nhận ra trong sinh hoạt đời thường của chúng ta. Tôi đến chùa nào, vào Thiền thất gặp một vị danh Tăng nào liền cảm nhận lực tu hành của họ lan tỏa ảnh hưởng đến phong cảnh nơi đó và cũng tác động cho tâm hồn chúng ta thanh tịnh, an lạc theo.

34- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Bồ tát Di Lặc

Thiện Tài trải qua năm mươi ba chặng đường cầu đạo, gặp một trăm mười vị thiện tri thức, trong đó có bốn Bồ tát quan trọng đã giáo dưỡng, hộ niệm cho Thiện Tài trên bước đường tu, đó là Văn Thù Sư Lợi, Quan Âm, Di Lặc và Phổ Hiền.

Mở đầu việc tham học, Thiện Tài gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, tức cầu đạo trước tiên là cầu trí tuệ, vì không có trí tuệ không thể nào giữ được phước đức. Vì vậy khẩu hiệu của người tu là duy tuệ thị nghiệp.

Thiện Tài may mắn gặp đại thiện tri thức Văn Thù, nhận được lực gia bị của ngài và phát huy trí tuệ theo từng bước chân hành đạo. Nhờ vậy, Thiện Tài dần thân vào đời thấy gai góc là huy hoàng,

đối diện với đủ thành phần xã hội không hề thấy chống trái, mà toàn là thiện tri thức dưới mắt ông. Vì dưới lăng kính trí tuệ thấy tất cả đều có hai mặt tốt và xấu, không có gì hoàn toàn tốt hay xấu. Tốt xấu là tùy thuộc ở ta. Thiện Tài nhận chân được cái tốt của người và khai thác mặt tốt nên đắc đạo.

Dưới ánh sáng trí tuệ của Văn Thù, Thiện Tài đi khắp thế gian thấy sanh thân Phật Thích Ca không còn hiện hữu, nhưng Đức Phật quyền năng tồn tại dưới dạng Quan Âm phổ hiện thành ba mươi hai hiện thân, không có một loại hình Phật cố định. Đối với người đáng hiện thân nào để cứu độ thì ngài hiện thân đó. Vì vậy, kinh Pháp Hoa dạy rằng có người thấy Phật, nhưng cũng có người không thấy. Đức Phật siêu hình thì người có nhân duyên đặc độ mới thấy Ngài.

Các vị Tổ sư, các nhà truyền giáo thấy Phật, mới dẫn thân hành đạo không tiếc thân mạng. Theo tôi, từ một Đức Phật Thích Ca, nhưng mỗi vị tu hành thấy Phật khác nhau, dẫn đến hình thành nhiều tông phái khác nhau. Có bao nhiêu vị Tổ thì có bấy nhiêu Phật, cho đến có Phật ba đầu sáu tay, hay Phật vạn năng ngàn mắt ngàn tay tiêu biểu cho hành động có trí tuệ chỉ đạo.

Sau khi Thiện Tài học với Văn Thù Bồ tát mới gặp được Phật dưới dạng Quan Âm ban vui cứu khổ. Kế tiếp, Thiện Tài bắt đầu du hành trong thế giới siêu hình, gặp những vị thần minh, nhận ra lực chi phối của họ đối với mọi việc trên cuộc đời.

Kinh Hoa Nghiêm giới thiệu với chúng ta thế giới siêu nhiên ấy và duy nhất có Thiện Tài thâm nhập được để tiếp tục học đạo với Di Lặc Bồ tát. Theo kinh Nguyên thủy, độc nhất có Bồ tát Di Lặc được Phật thọ ký thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm đặt nặng vấn đề người hành Bồ tát đạo cần học với Di Lặc, vì ngài thừa kế sự nghiệp của Đức Thích Ca. Nhưng muốn học với Di Lặc, Thiện Tài phải gặp Văn Thù và Quan Âm trước.

Thiện Tài gặp Di Lặc và Di Lặc khảy tay ba cái, thì lầu các Tỳ Lô Giá Na mở ra và Thiện Tài đi vào lầu các thấy được tất cả việc của Đức Phật đã làm trong quá khứ dẫn đến hiện tại và kéo dài tận vị lai, tất cả hiện hữu đầy đủ trong lầu các. Khi Thiện Tài tham quan xong, Di Lặc khảy móng tay một lần nữa thì lầu các biến mất. Lầu các xuất hiện và biến mất chứng tỏ đây không phải là tòa nhà thật.

Tỳ Lô Giá Na lầu các tiêu biểu cho Pháp thân Phật. Đức Phật sanh thân Niết bàn, nhưng Ngài vẫn tồn tại miên viễn dưới dạng thanh tịnh Pháp thân. Trên bước đường tu, trở về với chơn tâm thanh tịnh mới bắt gặp được Pháp thân Tỳ Lô Giá Na.

Di Lặc là người giữ Tỳ Lô Giá Na lầu các, tức ngài sử dụng được phần linh hoạt diệu dụng của chơn tâm để thông với thanh tịnh Pháp thân Phật. Vì vậy, Di Lặc được coi là Tổ của tông Duy thức. Ngài dạy chúng ta quan sát hiện tượng bên ngoài mà đo được tâm khởi, hay nhờ có cảnh, chúng ta phát hiện được tâm. Và chúng ta mới theo tâm trở về nguồn; từ ngoài lần vào trong đến

tận Tiềm thức hay A lại da thức. Có thể ví nó như một cái kho vô hình chứa đựng những thứ vô hình. Kho vô hình của Thiện Tài được Bồ tát Văn Thù khai ngộ, chứa những hạt giống trí tuệ và học với Quan Âm nên có hạt giống từ bi. Tâm thức của Thiện Tài đầy đủ trí tuệ và từ bi, nên A lại da thức trắng sạch như gương trong. Còn kho chứa của chúng ta chỉ có toàn phiền não nhiễm ô.

Di Lặc mở lâu các cho Thiện Tài xem thành quả của Phật Thích Ca chúng được và giao cho ngài giữ gìn. Thiện Tài thắc mắc hỏi Di Lặc tại sao ngài là người thừa kế sự nghiệp của Phật mà lại không ra đời để sử dụng những của báu đã được giao phó.

Di Lặc cho biết ngài đã đủ điều kiện thành Phật, nhưng chưa ra đời ngồi tòa Long Hoa vì còn phải lo việc giáo hóa chúng sanh có duyên với ngài cho thành thực và tiếp độ những người mà Đức Thích Ca để lại cũng được thuần thực. Theo lời dạy của Di Lặc với Thiện Tài như trên, chúng ta biết rằng hiện tại tất cả ai đang từng bước phát triển trên lộ trình Phật đạo đều được Di Lặc Bồ tát chăm sóc. Di Lặc chúng được Từ tâm tam muội, nên người có duyên với ngài là người cũng phải có tâm Từ.

Tại sao Di Lặc Bồ tát giáo hóa người có duyên với ngài trước, rồi mới độ người của Đức Thích Ca sau. Người của Đức Thích Ca để lại phức tạp lắm. Thật vậy, thử nghĩ xem trên thế giới có hàng tỷ người theo đạo Phật, không ai giống ai, giữa các tông phái cũng không chấp nhận nhau. Làm sao xác định ai đúng, ai sai. Đúng thì tất cả đều đúng, mà sai thì tất cả cũng sai. Nếu lo việc này thì

suốt đời chỉ tranh cãi nhau. Vì vậy, việc quan trọng đầu tiên là Di Lặc phải thuần thực chúng của mình trước. Thiển nghĩ chúng ta có giỏi mấy, nhưng quyến thuộc của ta toàn người ăn hại thì cũng chẳng thể làm được việc lớn. Ý thức sâu sắc như vậy, người thật tu lo giải quyết bản thân thật tốt, chắc chắn người xung quanh cũng tốt theo.

Trên bước đường tu theo Di Lặc, cần phát triển tâm an vui, vì con Phật mà phiền não là biến thành con của ma. Tôi tâm đắc pháp này, cố giữ cho mình an lành. Dù hoàn cảnh thế nào vẫn lấy sự bình ổn làm lẽ sống, còn mưa gió là việc của thiên hạ. Theo Phật dạy, lo cho ta chính là đã lo cho người. Trên tinh thần ấy, bằng mọi giá, chúng ta phải tự an lấy tâm, tức đạt được Định. Từ tâm Định ấy, chúng ta mới bắt gặp được Định của Phật và Bồ tát. Và công đức lành mới theo Định tâm của ta mà tới, nhưng cũng tới với dạng vô hình. Chúng ta không thể biết cho cùng tận công đức này mà đó là sự thật. Công đức chỉ có trong Thiền định là công đức vô lậu.

Từ tâm an nên Định sanh, thấy được sự vật không chướng ngại, vật không tác động làm phiền chúng ta là Tuệ sanh. Nhờ vậy, bản thân và hoàn cảnh chúng ta mỗi ngày tốt thêm hơn. Đó là ba điều căn bản mà chúng ta phải thực hiện được trên lộ trình đi theo dấu chân Bồ tát Di Lặc.

Thiện Tài được Di Lặc dẫn vào Tỳ Lô Giá Na lâu các, thấy được thành quả của Đức Phật từ vô số kiếp quá khứ đến tận vị lai vô

cùng. Kinh Hoa Nghiêm mở ra cho chúng ta hình ảnh một Đức Phật thật không phải chỉ còn lưu lại những viên Xá lợi. Nhưng đó là Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật đang sống, đang chi phối tất cả muôn loài và tồn tại miên viễn theo thời gian vô cùng, không gian vô tận, mới thật quý báu.

Thật vậy, từ Phật Niết bàn đến nay, các Luận sư tiếp tục triển khai giáo lý theo từng thời kỳ, từng quốc gia khác nhau, thích hợp với cuộc sống nhân sinh, tức Pháp thân Phật mở rộng biến chiếu khắp tất cả, không có trình độ nào không phổ cập. Người trí thấy Phật tuyệt luân và người chỉ có niềm tin cũng thấy Phật tuyệt vời. **Dòng thác trí tuệ của nhân loại phát khởi từ ngọn nguồn bước theo tri kiến Phật, cùng với vô số cuộc sống giải thoát, vị tha của người con Phật, tất cả tiêu biểu cho thanh tịnh Pháp thân Tỳ Lô Giá Na Phật vẫn đang tồn tại khắp nơi khắp chốn.**

35- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Văn Thù Sư Lợi Bồ tát

Qua ba vị Bồ tát là Di Lặc, Văn Thù Sư Lợi và Phổ Hiền mà Thiện Tài đến tham học, chúng ta thấy được nhân địa tu hành và thành quả của các Bồ tát. Có thể nói giữa Phổ Hiền Bồ tát tu ở Nhân môn và Phổ Hiền hạnh ở Quả môn có một khoảng cách thật khá xa. Cũng vậy, Di Lặc được thọ ký thành Phật là vị đang tu nhân và Di Lặc xứng tánh, đưa Thiện Tài thâm nhập Tỳ Lô Giá Na lâu các là Bồ tát ở Quả môn. Như vậy, Bồ tát hiện hữu ở hai mặt, sống trên cuộc đời và ở dạng pháp tánh.

Đối với chúng ta, cũng tùy theo trình độ thâm nhập Phật đạo mà có kết quả khác nhau trên bước đường tu. Phần nhiều chúng ta theo con đường Giáo môn, nương vào kinh điển; đó là con đường dành cho người ở trình độ trung bình. Theo Giáo môn, Đức Phật dạy chúng ta phương cách sống để trở thành người tốt. Và nâng lên, Phật mới dạy đạo xuất thế của Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Cuối cùng, kinh Hoa Nghiêm nói về nhân hạnh của các ngài.

Thiện Tài nương theo giáo lý lần bước tiến lên, tìm được nhân địa tu hành của Phật, Bồ tát và theo đó hành sử cho bản thân mình, kết thành quả giống các ngài. Bấy giờ đứng ở Quả môn mà tu và sau cùng gặp được Di Lặc Bồ tát.

Chắc chắn không thể có Di Lặc mang thân người bình thường ở thế gian, nhưng chúng ta chỉ gặp ngài dưới dạng tâm hoan hỷ, vì ngài luôn luôn hoan hỷ với chúng sanh. Chúng ta khởi tu từ thấp lên cao, phải luyện cho được tâm hỷ xả, sẵn sàng tha thứ cho người cố ý phá hại ta, mới gặp được Di Lặc, mới an trú lâu dài trong đạo.

Thiện Tài nhờ bước ban đầu được Văn Thù khai ngộ, dù gặp vô số người gây khó khăn, ông vẫn không khởi tâm tham chấp buồn phiền. Từ đó dẫn thân vào đời, giáp mặt với đủ thành phần xã hội có thiện tri thức lẫn ác nhân, mà Thiện Tài vẫn giữ được tâm trong trắng.

Thiện Tài trang bị đầy đủ phước đức như vậy, thì Di Lặc liền mở Tỳ Lô Giá Na lầu các cho vào. Điều này nhằm gợi ý rằng trên bước đường tu, ở giai đoạn một, chúng ta học kinh văn tự bằng giấy trắng mực đen. Nhưng khi chúng đắc Bát Nhã Ba la mật, mới có kinh thật quan trọng và học với bản tâm thanh tịnh, tức vô tự chơn kinh trong Tỳ Lô Giá Na lầu các.

Thiện Tài vào lầu các đọc kinh vô văn tự, thấy được quá trình hành đạo của Đức Phật quả là bất khả tư nghì, có sức cảm hóa người vượt không gian và siêu thời gian. Với tâm hồn yên tịnh hoàn toàn, Thiện Tài thâm nhập được Pháp giới bao la vô cùng tận, tức sự sống của muôn loài. Và kinh diễn tả rằng khi Thiện Tài trở về thực tế của đời thường, ông cảm thấy như vừa tỉnh cơn mộng.

Theo tôi, ai từng say mê đọc kinh cũng đều ở trong trạng thái giống như Thiện Tài vậy. Nghĩa là chúng ta học kinh ở dạng vượt khỏi năm giác quan, gọi là xuất thần thường có được khi ở trong Thiền thất. Lúc ấy, từ bản tâm thanh tịnh, chúng ta phát hiện được yếu nghĩa kinh mà bình thường không thể nào thấu đạt.

Di Lặc nhắc nhở Thiện Tài nên tiếp tục cầu học với Văn Thù, vì Bồ tát này là Thầy của ba đời các Đức Phật. Có thể hiểu Thầy theo hai nghĩa. Thầy là người dạy được người khác học. Nhưng nghĩa thứ hai, chúng ta học với Thầy là học trí tuệ của Thầy, được tiêu biểu bằng Văn Thù. Đại trí Văn Thù hay trí tuệ dẫn đến Vô

thượng Đẳng giác. Đức Phật là bậc Đạo sư tối tôn vì thân, khẩu, ý của Ngài do trí tuệ chỉ đạo.

Từ sơ tâm học đạo, Thiện Tài gặp Văn Thù là Thầy ở nhân gian. Nhưng **vào Tỳ Lô Giá Na lâu các thì Thầy là Bát Nhã trí, không phải Thầy là con người bằng xương thịt trên cuộc đời nữa**. Thật vậy, ai đạt đến trạng thái này mới nhận được, vì không thể có Thầy nào có khả năng chỉ chúng ta những việc bất tư nghi. Việc tu hành của chúng ta ở tự tánh diễn ra trong chớp mắt, đạt được trong một niệm tâm, mà niệm tâm đó thoáng qua rồi, chúng ta không thể tìm lại được. Chúng ta tu ở dạng tâm, thì Thầy cũng hiện hữu ở dạng tâm. Kinh Pháp Hoa gọi đó là Phật hộ niệm. Chúng ta không biết tại sao hiểu, nói, làm như vậy; vì tất cả đã vượt ngoài Thức uẩn hay lưới ma trong ba cõi. Thầy ở giai đoạn này là Thầy trên Pháp giới.

Di Lặc dặn dò Thiện Tài nên gặp Văn Thù Sư Lợi xong, liền thu Tỳ Lô Giá Na lâu các và biến mất. Thiện Tài chỉ còn một mình giữa đồng hoang sanh tử, liền khởi ý niệm cầu đạo, thì Văn Thù Sư Lợi Bồ tát cách đó một trăm mười do tuần đưa tay xoa đầu thọ ký.

Đỉnh đầu tiêu biểu cho trí tuệ, xoa đầu nghĩa là Thầy truyền sự hiểu biết cho Thiện Tài. Từ ông Thầy dạy bằng ngôn ngữ, tiến đến vị Thầy dưới dạng tâm trong Pháp giới, tất cả thông nhau không chướng ngại, không còn chia chẻ từng quốc độ riêng biệt.

Văn Thù chỉ xoa đầu Thiện Tài thì thay đổi hoàn toàn sự hiểu biết và cuộc sống của đồng tử. Chúng ta thật tu sẽ hiểu rõ điều này. Xưa chúng ta tham lam, mê lầm, tạo không biết bao tội lỗi, khổ đau. Chúng ta cố gắng xóa khổ này thì khổ khác sanh ra. Nhưng nay thâm nhập Phật pháp, thấy được diễn tiến của sự vật và sử dụng trí tuệ vô lậu để quyết định việc làm, suy nghĩ và lời nói của chúng ta theo dấu chân Bồ tát; không đại khờ làm theo thế gian nữa.

Chúng ta học sự khôn ngoan của Bồ tát, cái đáng làm, đáng nói, đáng suy nghĩ mới làm, mới nói và suy nghĩ. Đó chính là việc tu hành ra khỏi sanh tử, xứng tánh thành Phật, chi phối toàn bộ Pháp giới. Bồ tát nhập Pháp giới không nói với ai, chỉ tu tập trên pháp tánh mà tác động cả muôn loài chịu ảnh hưởng.

Thiện Tài nương lực Văn Thù, thấy sự vật đảo lộn, không giống cái thấy của thế gian. Hành đạo theo Bồ tát ở dạng vô tác diệu lực, tức không hoạt động ở mặt hữu hình, nhưng nội lực của bản tâm thanh tịnh tạo sức chi phối mọi việc thành tựu. Tuy âm thầm lặng lẽ mà không có việc gì trên cuộc đời nằm ngoài tầm ảnh hưởng của Bồ tát. Thâm nhập thế giới siêu nhiên ấy, Thiện Tài liền thấy suốt quá trình tu Bồ tát đạo của Đức Phật từ phát tâm Bồ đề cho đến thành Vô thượng Đăng giác trải qua vô lượng kiếp. Và cũng thấy bên cạnh Đức Phật luôn hiện diện hai vị Bồ tát là Văn Thù Sư Lợi và Phổ Hiền.

Văn Thù nhắc nhở Thiện Tài rằng trên bước đường hành đạo, dù gặp biết bao khó khăn, vật đổi sao dời, nhưng xin đừng nản chí cầu đạo và niềm tin đừng thay đổi. Từ thuở ban đầu gặp Văn Thù cho đến Di Lặc, đã lận lộn khắp nẻo đường đời, lúc nào Văn Thù cũng ở bên cạnh Thiện Tài đồng tử. Tuy không thấy bằng mắt thường, nhưng Thiện Tài vẫn sống trong quỹ đạo của Văn Thù và nay muốn vào Phổ Hiền hạnh môn cũng phải hết lòng như vậy.

36- Thiện Tài đồng tử cầu đạo với Phổ Hiền Bồ tát

Mở đầu việc tham vấn các thiện tri thức, Thiện Tài gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, tiêu biểu cho trí tuệ. Với trí tuệ mà Văn Thù chỉ dạy, Thiện Tài dần thân vào đời hành đạo, được năm mươi hai vị thiện tri thức dìu dắt, trong đó phải kể đến Bồ tát Quan Âm thể hiện trọn vẹn lòng từ bi vô hạn đối với mọi loài chúng sanh.

Kết hợp được tâm đại từ bi của Quan Âm và trí tuệ vô lậu của Văn Thù, Thiện Tài mới có thể diện kiến Di Lặc, hay Từ Thị là vị Bồ tát mang nguồn vui vô cùng cho muôn loài. Di Lặc đưa Thiện Tài vào Tỳ Lô Giá Na lâu các, trao cho tạng bí yếu của Như Lai. Đến đây, Thiện Tài chấm dứt giai đoạn một của bước đường hành đạo. Ý này nhằm chỉ trên lộ trình tu của chúng ta, sau khi hoàn tất việc tu học, đạt được tri thức thông qua giáo lý Phật để lại, kết thúc giai đoạn ở đầu, ăn nhờ để bước sang giai đoạn hai, chính ta phải tự phát triển việc làm giống như Phật và Bồ tát đã làm.

Di Lặc khuyên Thiện Tài nên đến gặp Bồ tát Văn Thù một lần nữa. Lần thứ hai, nhờ trang bị đầy đủ Từ tâm, thâm nhập Tỳ Lô Giá Na, Thiện Tài thấy Văn Thù Sư Lợi ở giai đoạn hai hoàn toàn khác. Bấy giờ, tuy cách xa Văn Thù một trăm mười thành, nhưng ngài đưa tay xoa đầu Văn Thù và dẫn đến tham vấn Phổ Hiền Bồ tát.

Ở bước đầu hành đạo, Thiện Tài được Văn Thù Bồ tát đưa vào Pháp giới gặp Đức Vân Tỳ kheo và nay đến gặp Bồ tát Phổ Hiền. Điều này nhắc nhở chúng ta khi tu, từ việc học giáo lý hữu hạn trong sách vở phải đi vào thế giới vô cùng. Hiện hữu và sinh hoạt ở thế giới bao la ấy mới thực sự quan trọng đối với người tu.

Dưới lực chi phối của Văn Thù, Thiện Tài thấy sự vật ở dạng vô tác diệu lực, tức hành đạo theo Phật, tuy không làm nhưng nội lực chi phối vô hình, tạo thành kết quả không lường được. Và Thiện Tài cũng thấy Đức Phật từ vô lượng kiếp luôn có Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền kề cận. Văn Thù tiêu biểu cho trí và Phổ Hiền tiêu biểu cho hạnh. Kết hợp được đại trí và đại hạnh là cốt lõi của kinh Hoa Nghiêm.

Từ khi phát tâm Bồ đề, trải qua năm mươi hai chặng đường, gặp tất cả thiện tri thức, Thiện Tài mới vào được Tỳ Lô Giá Na lâu các, gọi là Nhập Pháp giới. Lúc ấy, Thiện Tài mới có cái nhìn theo Phật, thấy rõ bề trái của cuộc đời và có đủ tư cách tham vấn Bồ tát Phổ Hiền.

Khi Thiện Tài khởi một niệm tâm cầu Phổ Hiền làm thiện tri thức, thì ngài liền xuất hiện. Tuy nhiên, có được một niệm tâm như vậy không đơn giản. Phải trải qua hằng sa kiếp huân tu các pháp lành, dứt sạch nghiệp ác, tạo thành vô lượng công đức, Thiện Tài mới có được niệm tâm ấy.

Với thiện căn công đức tích lũy từ vô số kiếp, giúp cho Thiện Tài nhận chân được Phổ Hiền hạnh thật là tuyệt mỹ. Thiện Tài thấy thân Phổ Hiền trùm khắp Pháp giới, ba đời chư Phật đều nằm trong lỗ chân lông của Phổ Hiền Bồ tát và thấy Thiện Tài tu vô số kiếp cũng không ra khỏi lỗ chân lông của Phổ Hiền. Thiết nghĩ hình ảnh này là thế giới tu chứng của người đã thâm nhập chơn kinh, chắc chắn nằm ngoài ngôn ngữ lạm bàn của phàm phu.

Thiện Tài cảm hạnh Phổ Hiền, khởi tâm muốn làm theo Phổ Hiền, thì liền nhập Phổ Hiền hạnh, biến khắp Pháp giới, tức Phổ Hiền hiện hữu ở đâu, Thiện Tài cũng nương theo lực Phổ Hiền mà đến đó hành đạo.

Từ Tỳ Lô Giá Na lâu các bước ra, nương được lực Phổ Hiền, Thiện Tài tu tạo công đức dễ dàng. Trước kia, chưa nhập Pháp giới, tu hành thật vất vả, mỗi ngày phải lạy thiên Phật vạn Phật, mà khó khăn buồn phiền vẫn luôn bao vây bức ngặt. Nhưng nay, chỉ có một niệm tâm thấy Phổ Hiền, nương lực Phổ Hiền, có được công đức nhiều hơn trăm ngàn lần gia công nhọc sức tu ở chặng đường trước.

Xưa kia Thầy tôi dạy rằng ở thác ghềnh, chúng ta phải ra sức chống chèo. Việc tu hành cũng vậy, giai đoạn đầu tu giống như ở sông, sơ hở một chút, thuyền sẽ đâm vào đá, coi lên bờ. Nhưng ra biển, mượn sức gió căng buồm, đẩy thuyền đi nhanh không cực nhọc. Có được một niệm tâm, mượn được lực Phổ Hiền thì hành đạo nhẹ nhàng, tự tại mà kết quả ngoài sức tưởng.

Thiện Tài nương Phổ Hiền lực, lấy hạnh Phổ Hiền làm hạnh mình, trong một niệm thành tựu đầy đủ y như Phổ Hiền, dạo chơi tất cả Pháp giới, tham quan lễ bái chư Phật mười phương.

Cách tu mượn lực Phổ Hiền có thể ví như chúng ta đi mượn nợ ở thế gian. Nếu biết vay mượn đúng chỗ, đúng người, làm đúng việc thì cũng có thể trở thành giàu có. Nhưng người không biết phát triển, có vay cũng tiêu mất vốn.

Tuy nhiên, muốn mượn lực Phổ Hiền, tu hạnh Phổ Hiền, chúng ta phải đồng hạnh nguyện với ngài, vì Phổ Hiền chỉ mong ai có hạnh nguyện giống ngài là sẵn sàng giúp ngay. Trên thực tế cuộc sống, suy từ tâm niệm của chúng ta, có thể hiểu được điều này. Thí dụ như ai có yêu cầu về học phí, mua sách vở học hoặc làm gì để phát sanh trí tuệ, tôi sẵn lòng giúp, vì những việc ấy đồng với hạnh nguyện của tôi.

Mượn lực Phổ Hiền, chuyển chúng ta thành Phổ Hiền hạnh nhân, nên việc của chúng ta là việc của Bồ tát, tất nhiên phải được ngài

gia bị và chúng ta sẽ thành công. Cũng giống như chúng ta tự làm không được, nhưng làm cho người có đức hạnh, nhân danh họ, ai cũng kính nể, tùy hỷ theo thì ta rất dễ thành công.

Mượn được hạnh nguyện Phổ Hiền, ta và ngài đồng nhau. Từ đó, ta làm ở nhân gian thay cho Phổ Hiền ở Pháp giới. Làm cho Phổ Hiền để nương theo ngài đi vào Pháp giới, vì chúng ta thấy Pháp giới quan trọng hơn trần gian.

Để kết phẩm Nhập Pháp giới, Phổ Hiền đặt ra ba điều rất khó đối với chúng ta, nhưng lại rất đơn giản với Bồ tát đã hoàn tất giai đoạn một như Thiện Tài. Tất cả thế giới chẻ thành vi trần đều có thể kiểm soát biết được. Nước bốn biển thu hết vô bưng được. Bầu trời có thể đo được, gió cũng tính được. Nhưng công đức của Phật thì không thể nào nói hết được.

Công đức của Phật không thấy bằng mắt, nhưng lớn lao không tưởng được, ảnh hưởng của Ngài tỏa rộng khắp năm châu. Ngày nay, chúng ta dễ nhận ra ý này. Trải qua thời gian dài hơn hai mươi lăm thế kỷ cho đến ngày nay, hàng tỷ người trên thế giới vẫn đang hướng tâm về Đức Phật, cầu nguyện, lý giải những lời vàng ngọc của Ngài, phát tâm đi theo con đường thánh thiện, giải thoát của Ngài. Vì vậy, công đức của Phật quá lớn, tuy vô hình mà nói mãi cũng không hết.

Theo tinh thần Đại thừa, Đức Phật chưa từng vắng bóng đối với người phát tâm Bồ đề. Ngài chỉ nhập diệt với người không có

duyên lành. Như Lai không đến mà đến với tất cả tâm hồn có căn lành. Dù thời gian cách xa, không gian cách trở, nếu chúng ta phát tâm tu, đồng hạnh đồng nguyện thì Phổ Hiền vẫn đến, Phật vẫn gia bị cho ta.

Thực tế cho thấy Như Lai không đến, nhưng tất cả thành phần trong xã hội thời đó từ Sát đế lợi cho đến hàng cùng đinh, không giai cấp nào mà Phật không cứu độ. Những người nghèo cùng hoặc sang trọng, hay vua chúa theo Phật tu đều đắc đạo.

Theo lộ trình Hoa Nghiêm, từ con ong cái kiến, đến cỏ cây, sông núi, không có loại hình nào không có Phật. Chúng ta có căn lành, quyết tâm tu theo hạnh Phổ Hiền thì không sợ bị đọa, ở đâu tu cũng được Như Lai gia bị, Phổ Hiền hộ niệm.

Kết phần Nhập Pháp giới, Phổ Hiền mở ra cánh cửa gọi là Phổ Hiền hạnh môn. Bước qua cửa này, hay thực hiện Phổ Hiền hạnh thì rất nhiều, nhưng ngài tóm gọn thành mười hạnh nguyện. Nương lực Phổ Hiền, tu mười đại nguyện theo ngài mới giúp ta xóa được tất cả nghiệp ác quá khứ và tạo muôn ngàn công đức và đó là hành trang đưa ta đến quả vị Vô thượng Đăng giác.

CHƯƠNG VI - PHẨM NHẬP BÁT TƯ NGHÌ GIẢI THOÁT CẢNH GIỚI - PHỔ HIỀN HẠNH NGUYỆN

Kinh Hoa Nghiêm có vi trần số bài kệ do Tỳ Lô Giá Na Phật thuyết. Tỳ Lô Giá Na chỉ cho Pháp thân Phật thông được tất cả thật tướng pháp. Vì vậy có bao nhiêu tâm tánh, hành nghiệp, suy

ngã của chúng sanh trong tất cả loài nhiều như vi trần thì Tỳ Lô Giá Na đều tác động đến và thể hiện thành những bài kệ tương ứng.

Thấp hơn một bậc là kinh Hoa Nghiêm bậc trung do Báo thân Lô Xá Na Phật thuyết gồm 498.800 bài kệ. Bồ tát do cảm tâm nên nghe được, còn phàm phu và cả hàng Nhị thừa hoàn toàn tuyệt phần.

Và sau cùng là bộ kinh Hoa Nghiêm do Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết, có một trăm ngàn bài kệ được tàng trữ trong cung rồng Ta Kiệt La và phải đợi đến khi Bồ tát Long Thọ ra đời, ngài nhập định xuống Long cung, mới đọc được. Sau khi xả định, ngài ghi lại để lưu truyền đời sau. Và truyền đến Trung Hoa thì gồm có Tứ thập, Lục thập và Bát thập Hoa Nghiêm. Ở Việt Nam thì sử dụng bộ Bát thập Hoa Nghiêm gồm 39 phẩm, 80 quyển.

Kinh Hoa Nghiêm dài và hạnh Phổ Hiền cũng nhiều, nhưng lược lại có sáu mươi một bài kệ. Tuy nhiên, theo Phổ Hiền Bồ tát, đây là cửa ngõ để chúng ta thâm nhập thế giới Hoa Nghiêm. Vì vậy, tuy ít nhưng là tinh yếu, thì mỗi ngày trì tụng sáu mươi một bài kệ này đúng như pháp, trí tuệ của chúng ta phát sanh, mở rộng tầm nhìn xa, giúp ta thâm nhập Pháp giới Hoa Nghiêm.

Ở đây, chỉ trích giảng một số bài kệ trong Phổ Hiền hạnh nguyện mà chúng tôi tâm đắc. **28 bài kệ đầu tiên chủ yếu nói về sám hối tội chướng và tu tập các hạnh lành.** Đó là điều quan trọng

của người tu, vì không sám hối tội lỗi, nên thường luôn gặp chướng ngại trên bước đường tu.

Phần lớn chúng ta thường cho rằng sự chướng ngại, chống phá đến từ bên ngoài, mà không nhận ra đó là nghiệp của chúng ta. Người thực dạ tu hành cần phát hiện nghiệp chướng bên trong mình bằng cách nhìn thái độ đối xử của người, vì đó là tấm gương tốt nhất phản chiếu nghiệp ác của chúng ta.

Theo Phổ Hiền Bồ tát: **"Từ xưa đã tạo nhiều nghiệp ác. Đều vì ba độc tham, sân, si. Từ thân khẩu ý mà gây nên. Tất cả nay tôi đều sám hối"**. Từ vô lượng kiếp trước đến nay, chúng ta tạo tội, hoặc vô tình hoặc cố ý. Xét riêng về phần vô tình tạo tội cũng đã nhiều, vì có nghiệp rồi thì nghiệp tự động sanh thêm, dù ta không muốn. Thí dụ như chúng ta có bộ mặt khó thương, người nhìn thấy liền có ác cảm. Dù chúng ta có muốn kết thân, họ cũng không cần, phải biết đó là túc nghiệp đời trước của chúng ta.

Vì vậy, đã mang nghiệp rồi rất khó tu. Chúng ta phải siêng năng sám hối cho tiêu nghiệp mới có thể tiếp cận mọi người được, vì còn nghiệp thì càng tiếp xúc nghiệp ta càng tăng. Ngài Huệ Tư dạy rằng khi người không ưa ta, chính là không ưa cái nghiệp của ta. Nhưng khi tạo được phước rồi, người thương, tức họ thương cái phước của chúng ta. Ý thức như vậy, chúng ta cố gắng tu tạo phước để xóa lẩn nghiệp chướng trần lao.

Theo Phật hay Phổ Hiền Bồ tát, Bồ đề tâm tức trí tuệ là trên hết. Tu cùng kiếp mà không có Bồ đề tâm chỉ đạo, công phu cũng trở thành vô ích. Muốn có trí tuệ, chúng ta phải học, phải suy nghĩ, phải làm mà kinh thường gọi là huệ học.

Thể hiện tinh thần này, chúng ta tụng kinh, nghe pháp, suy nghĩ, làm lợi ích cuộc đời là sám hối. Không phải cứ lạy Phật suông, vì dùng thân vật chất để lạy khối xi măng, muôn đời không được gì. Như pháp sám hối, chúng ta nhìn tượng mà hình dung ra Phật thật, gọi ta nhớ đến tư tưởng thánh thiện của Phật mà tập suy nghĩ theo Phật, nhớ đến hạnh đức cao quý của Ngài mà tập làm theo Ngài.

Đối với tôi, tu huệ là chính trong cuộc sống. Đọc kinh, suy nghĩ, tìm hiểu và ứng dụng đúng pháp thì nghiệp tiêu, công đức sanh ra và tăng trưởng. Không sám hối cho tiêu nghiệp, việc làm của chúng ta cũng trở thành vô ích. Sám hối theo Phổ Hiền phải tiêu nghiệp, phước mới sanh. Phước lớn mới được làm bạn với Bồ tát và tu hành theo Bồ tát. Điều này chúng ta dễ thấy, trên thực tế người ác xấu luôn có bạn ác. Vì thế, khi người xấu đến với ta, phải tự biết chúng ta cũng còn ác xấu.

Muốn gần gũi Thánh Hiền, chúng ta phải tập ngôn ngữ, hành động của Thánh Hiền. Được như vậy, chúng ta không đến, các ngài cũng đến với ta. Ý này thường được diễn tả là những tâm hồn lớn thường gặp nhau.

Bài kệ tiếp theo:

Khi tôi tu học đạo Bồ đề,

Trong các loài đều biết túc mạng,

Thường được xuất gia tu tịnh giới,

Không nhớ, không lỗi, cũng không hư.

Tu học đạo Bồ đề, tức phát triển trí tuệ của mình. Đạo Phật cũng gọi là đạo Bồ đề, lấy trí tuệ làm sự nghiệp. Trên bước đường tu, phát huy được trí tuệ thì phải nhớ Túc mạng, không bao giờ quên. Như tôi luôn nhớ mình xuất thân từ nhà quê, chăn trâu, chăn vịt, bé xíu đã phải lao động cực khổ. Hoặc nhớ nhiều kiếp trước mình cũng từng làm gà vịt. Nhớ Túc mạng khổ sở như vậy, chúng ta nỗ lực tu để đừng rớt xuống cảnh sống khốn cùng ấy nữa và cũng để giúp người cùng đi lên.

Về Túc mạng, Đức Phật nhớ thấu suốt vô lượng kiếp, A la hán nhớ được vài mươi kiếp. Còn chúng ta ít nhất cũng phải nhớ được ba đời mới không bị đọa. Chúng ta có thể đoán biết đời trước bằng cách quan sát đời này. Thí dụ Đức Phật nói tiền kiếp của Kiều Phạm Ba Đề là trâu, nên đời này ăn cứ nhoi. Nhìn tánh người, cách xử thế của họ, tuy mang thân người nhưng không có nhân tính là biết tiền nghiệp của họ từ loài khác sanh lại. Hoặc chư Thiên đọa xuống mang thân người, nhưng cách sống của họ sang

trọng và quen tánh tiêu xài thì đời sau lại khổ nữa. Đức Phật dạy rằng chư Thiên đọa sâu khó lên là như vậy.

Biết đời trước và sợ bị tuột xuống thì mới quyết tu; không biết Túc mạng, không hết lòng thì suốt đời tu cũng không được gì. Trên bước đường tu, cố gắng giữ cho trong sạch, không lỗi lầm, vì phạm nhiều sai trái, đại chúng không chấp nhận, làm sao tu được.

Theo tinh thần Đại thừa, chúng ta phải trải qua nhiều đời tu tập, không phải chỉ có một kiếp. Trong dòng sinh mạng tương tục, chúng ta tái sinh trong các loài; nhưng sống trong loài nào, cũng nhớ hạnh nguyện Bồ tát, thường xuất gia tu tịnh giới.

Nếu có nguyện độ người giàu sang, quyền uy thì sanh làm đế vương; muốn độ giai cấp nghèo thì sanh vào nơi biên địa hạ tiện. Tuy nhiên, đóng vai tể tướng, vua chúa hay nghèo cùng, ta cũng đều nhớ đó là nguyện của ta, không quên tịnh hạnh độ sanh và nguyện đời đời kiếp kiếp tu Bồ tát đạo để viên mãn hạnh Phổ Hiền.

Sau phần sám hối, bài kệ tiếp theo:

Những người cùng tôi đồng một hạnh,

Câu được sanh chung các cõi nước,

Thân khẩu ý nghiệp đều đồng nhau,

Tất cả hạnh mẫu cùng tu tập.

Trên bước đường tu, chúng ta biết quả Bồ đề thuộc về chúng sanh. Rồi bỏ chúng sanh, không thể nào đạt quả Bồ đề. Vì vậy, chúng ta phải lấy hạnh nguyện độ sanh là chính. Tuy nhiên, muốn cứu độ người, một mình ta không thể làm được. Phải cần nhiều người hợp tác, nhưng nếu số đông mà lại ô hợp thì không giúp ích được gì, mà càng hại ta hơn. Chín người, mười ý, chắc chắn ta không thể làm được, chúng hội phải tan rã.

Muốn việc làm thành công nhẹ nhàng, chúng ta theo gót Phổ Hiền Bồ tát, cầu mong có bạn đồng hành cùng hạnh nguyện với chúng ta. Riêng tôi, tu Pháp Hoa thì Linh Sơn cốt nhục là pháp lữ đồng hạnh nguyện. Vì hành giả Pháp Hoa không tham vọng, thường sống tri túc, an phận nghèo quy củ tu hành; ai sống như vậy, tôi dễ kết thân và giúp đỡ được. Người tham vọng quá lớn, ta không thể nào đáp ứng sự đòi hỏi của họ, chỉ còn cách tránh xa.

Cầu mong những người đồng hạnh nguyện cùng sanh chung một nước với ta, hẹp là chung một chùa, rộng là cùng một Giáo hội, cho đến cùng một quốc gia, cùng một tôn giáo. Ý nguyện, suy nghĩ, việc làm của ta và họ giống nhau. Ý này dễ nhận ra, khi thấy trò cùng chí hướng, cùng việc làm, sống chung được an vui giải thoát. Thầy không bắt buộc làm gì, nhưng tùy thân phận mà ta đóng góp tâm sức. Phật tử cũng không bắt ép được Thầy. Thầy trò cùng nương nhau tu, tăng trưởng phước đức, thăng hoa cuộc sống tâm linh. Hoặc khi sống chung với bạn cùng hạnh, ta

thường cảm thấy hân hoan, thanh tịnh. Khác hạnh nguyện mà ở chung dễ sanh bức bối, phiền não. Khổ hơn nữa là phải sống chung với người chống đối hay tiêu cực, không thể nào làm được việc. Vì vậy, người nào tu pháp gì thì tìm người cùng pháp ấy mà tu chung.

Vì tầm quan trọng của pháp lữ đồng hành, theo Bồ tát Phổ Hiền, thầy trò thường sanh chung một chỗ, ở rời rạc thì khó hợp tác. Theo tinh thần này, đạo tràng hay học xứ của Bồ tát là tất cả Bồ tát tập hợp một chỗ để suy nghĩ lời Phật dạy, ứng dụng tu hành, làm được việc lợi ích lớn lao, tức là sức mạnh của sự đoàn kết.

Đức Phật sanh ở Ấn Độ, thành tựu viên mãn việc giáo hóa độ sanh cũng nhờ các Bồ tát cùng sanh với Phật, cùng trợ lực Ngài. Thực tế, lịch sử ghi nhận những người giàu có, thông minh, quyền thế cũng theo Phật tu học. Nếu chỉ toàn những người tầm thường theo Phật thì Ngài không thể tạo thành quả phi thường. Phẩm thứ mười ba, kinh Pháp Hoa cho thấy các Thanh văn phát nguyện rằng Phật hóa độ ở cõi nào, các ngài cũng xuất hiện ở đó để nương theo Phật mà hành đạo, ngõ hầu dễ dàng vượt qua ma chướng.

Tâm đặc tinh thần Bồ tát đồng hạnh đồng nguyện sanh chung một chỗ của Bồ tát Phổ Hiền, Hòa thượng Trí Thủ lúc sanh tiền đã có lời nguyện rằng đời đời kiếp kiếp được làm quyến thuộc của từ bi, tức gặp gỡ Tăng Ni Phật tử, được cùng sống chung trong ngôi nhà Phật pháp. Nhiều đời cùng chung lo Phật sự, tình người

theo đó mà chan hòa, thăng hoa. Không phải bắt đắ dĩ gặp đời này để không còn muốn thấy mặt nhau nữa ở đời sau. Chúng ta thường thấy tất cả Phật sự thành tựu khi các vị thánh Tăng ra đời thì có bao nhiêu người tốt tu theo.

Khi pháp lữ được ba nghiệp thanh tịnh và đồng chí hướng như ta, ta nghĩ gì, nói gì, làm gì, bạn cũng chấp nhận và ngược lại, cuộc sống của họ, ta cũng bằng lòng. Thầy trò, pháp lữ, tức quyến thuộc đồng tu cùng chung ý tưởng, chung việc làm, tất dễ hiểu nhau, dễ thành công. Còn nghịch hạnh, dù ta ráng chiều lòng họ, đến một ngày nào cũng không thể chiều nổi.

Ba nghiệp thân khẩu ý của chúng ta đồng nhau để suy nghĩ, trao đổi và tập làm theo Phật, Bồ tát, Thánh Tăng để cùng trở thành Như Lai, Hiền Thánh. Không phải đồng nhau để làm ác, chống phá, xuyên tạc người. Ta và pháp lữ cố tìm lý nhiệm mầu, sống với pháp mầu vì nhận chân cuộc đời là giả tạm, nên cùng đi tìm sự vĩnh hằng. Ta và họ cùng tu, cùng học được với nhau, nên cùng thăng tiến trên đường đạo. Còn ta hướng lên, mà họ hướng xuống, thì phải chỏi nhau thôi.

Khi quan sát đạo tràng, nếu thấy ba nghiệp của chúng hội thanh tịnh đồng nhau, chúng ta biết con đường tiến đến quả vị Phật gần. Được như thế, không phải tự nhiên, cũng không phải một kiếp mà có; vì thực sự hiểu được lòng nhau không đơn giản. Nhìn chúng hội đạo tràng của Phật, Bồ tát, Thanh văn và của người sơ phát tâm, chúng ta thấy rõ hoàn toàn khác nhau. Chúng sơ phát

tâm còn nhiều phiền não, thường luôn dao động, tánh tình họ chao đảo liên tục, sống với đại chúng dễ đụng chạm nhau.

Các thiện tri thức lợi ích tôi,

Vì tôi chỉ bày hạnh Phổ Hiền,

Nguyện cùng tôi thường chung hội hợp,

Đối với tôi lòng luôn hoan hỷ.

Chúng ta tu rất cần thiện tri thức nhắc nhở. Người Việt Nam có câu nói dễ thương để diễn tả ý này: "Ăn cơm có canh, tu hành có bạn". Thiện Tài đồng tử trên bước đường tham vấn đã cầu học với năm mươi ba vị thiện tri thức, mỗi vị chỉ dạy một pháp. Nhờ họ chỉ cách tu, nên nhận ra hạnh nào đúng để theo và sửa đổi những việc sai lầm. Không có thiện tri thức chỉ bảo, khó lòng đắc đạo. Chúng ta sai, nhưng gặp người tăng bốc, chắc chắn ta thất bại. Còn ta đúng, nhưng họ ganh tỵ, cản ngăn ta thì cũng hỏng.

Theo tôi, các thiện tri thức làm lợi ích cho ta có hai hạng. Thiện tri thức mà chúng ta nương theo tu học và thiện tri thức giúp chúng ta trong thế mâu thuẫn. Ban đầu ta thường vấp phải khuyết điểm, ai nói theo hoặc giúp đỡ, ta liền nở mũi, thích chơi với họ. Người nào gây khó khăn làm ruột chúng ta quặn lại, thì ta không thích gần gũi. Nghĩ cho cùng, cả hai đều cần cho việc quân bằng cuộc sống, cứ vậy mà ta đi lần lên con đường Hiền Thánh, bỏ lại phía sau những sự thương ghét của trần gian.

Thật vậy, có người giúp đỡ vỗ về chúng ta qua cơn hoạn nạn, nếu không chúng ta dễ thoái chuyển hoặc dễ làm điều sai trái. Tuy nhiên, chỉ toàn người lo lắng, giúp đỡ, cũng dễ sanh tâm ỷ lại, tăng thượng mạn, cứ tự cho mình là nhất, không ai được nói động đến. Nhờ có thiện tri thức đối lập, chúng ta phát hiện tánh xấu ác còn tồn đọng, nên tự khắc phục sai lầm và dần phát huy đạo hạnh.

Cuộc đời tu hành của tôi nhờ hai thiện tri thức thuận nghịch này, ví như hai chân cho tôi đi tới. Có người giúp đỡ, cũng có người gây khó khăn, tạo cho tôi biết bao thử thách gian truân. Nhưng càng tiến xa trên đường hành Bồ tát đạo, tôi thấy càng cần người gây khó khăn hơn, vì có khó mới có khôn, hiểu rõ ý nghĩa cuộc sống và trưởng thành trên đường đạo. Đức Phật cũng dạy nhờ Đề Bà Đạt Đa chống phá mà Ngài mau đạt Vô thượng Đăng giác. Không có người ác, khó nổi bật vai người hiền.

Chúng ta cảm ơn người giúp đỡ và đối với người gây khó khăn, chúng ta thậm cảm ơn hơn, nhờ đó ta thực sự tròn hạnh Phổ Hiền và thốt lên lời nguyện rằng "Đối với tôi, lòng luôn hoan hỷ". Người chọc phá hay tùy thuận, giúp đỡ, chúng ta đều hoan hỷ.

Không hoan hỷ, không tha thứ, làm sao người dám làm bạn với ta, hoặc chỉ lỗi cho ta. Theo tôi, sợ nhất là người nịnh bợ. Thực sự ta sai, không tốt; nhưng muốn lấy lòng ta, nên họ khen hay. Ta nghe theo, nở mũi nhưng vì ta làm bậy, thọ quả báo, rồi họ lại khinh chê. Không nên gần gũi những người như thế.

Thiện tri thức vì thương, giúp ta trưởng thành, mới ngăn cản việc sai trái. Ta cần trân trọng, mang ơn họ. Riêng tôi, đã từng gặp nhiều thiện tri thức này. Họ nói một lời như sét đánh ngang tai, nghe nhói tim. Nhưng suy nghĩ lại, ta giựt mình, thay đổi việc làm, thì không thọ quả báo. Đó là thiện tri thức gợi ý cho ta thấy được hướng đi đúng. Đối với những người này, dù có nặng lời, chúng ta cũng không giận họ, mà luôn hoan hỷ vì tự nghĩ họ xây dựng mình. Nhưng có lúc họ cũng phê phán sai, chúng ta vẫn hoan hỷ để chọn được điều tốt đẹp nhất cho hướng ta tu.

Nguyện thân khẩu ý hằng thanh tịnh,

Công hạnh cõi nước cũng không nhờ,

Trí huệ hạnh đức gọi Phổ Hiền,

Nguyện tôi cùng ngài đều đồng đẳng.

Trên bước đường tu, ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh là điều quan trọng tất yếu phải có trước tiên để chúng ta tu hạnh Phổ Hiền. Thật vậy, thân nghiệp thanh tịnh nên người thấy ta thì họ hết phiền muộn, được an vui, nghe ta nói thì họ mát lòng, ý kiến của ta đều hợp tình hợp lý, được người chấp nhận dễ dàng.

Trái lại, nếu ở chùa mà ba nghiệp không thanh tịnh, khi gặp người đời vốn dĩ đầy phiền não, tất nhiên phiền não của ta và người gặp nhau, tác động hỗ tương, tạo thành sự phiền phức không thể tưởng nổi. Thực tế ở những tu viện chỉ toàn những vị

chân tu thật học sống chung với nhau, bước chân vào đó, chắc hẳn chúng ta cảm nhận được ngay không khí giải thoát, an lành.

Khi thân khẩu ý của chúng ta luôn luôn thanh tịnh, thì gặp ai họ cũng cư xử tốt với ta. Nếu họ chưa quý mến, kính trọng, phải biết là ta chưa thanh tịnh; vì chúng ta còn hiện tướng khó coi, giọng nói khó thương, ý nghĩ khó chấp nhận. Ý thức sâu sắc nghiệp ác tràn đầy như vậy, chúng ta cầu mong sao có thân tướng dễ coi, giọng nói làm mát lòng người, ý nghĩ đều đúng đắn. Có thể nói, người được ba nghiệp thanh tịnh, việc làm nào của họ cũng thành tốt, lợi lạc cho người. Thậm chí họ có rầy mắng, ta cũng cảm thấy thương và mang ơn họ. Ngoài ra, bài kệ này cũng nhắc nhở chúng ta trên bước đường tu, cần có ý hướng thượng, nhìn lên mẫu người tài đức để so sánh, tiến tu. Đừng hướng xuống sẽ không tiến bộ.

Chúng ta hướng tâm đến hàng Duyên giác, Bồ tát, nhất là Bồ tát Phổ Hiền, vì ba nghiệp của các ngài lúc nào cũng thanh tịnh. Riêng chúng ta, trên bước đường tu phần phá vô minh, phần chứng Pháp thân, có lúc thanh tịnh, lúc phiền não. Thí dụ như sát nghiệp ta không còn, nhưng còn ý muốn giết. Thấy vật đẹp, chúng ta vẫn khởi tâm ham muốn, dù không lấy cắp; nghĩa là ý không thanh tịnh. Khó tìm được một lúc cả ba nghiệp của chúng ta đều thanh tịnh.

Phổ Hiền dạy chúng ta ráng giữ niệm niệm thanh tịnh, không gián đoạn; đó là bí yếu để tu hành theo Phổ Hiền. Khi ba nghiệp

của ta hằng thanh tịnh rồi, hạt nhân trong sạch ấy sẽ tác động cho người xung quanh và cảnh giới ta sống cũng thanh tịnh theo. Tu hành tạo được chánh báo như thế nào thì y báo cũng thế. Khi chúng ta trang nghiêm thân tâm bằng phước đức, trí tuệ, tất nhiên cảm hóa được người tốt lành theo. Có người hiền giỏi, cõi nước chúng ta xây dựng cũng tự động tốt đẹp.

"Trí huệ hạnh đức gọi Phổ Hiền", nghĩa là Bồ tát Phổ Hiền thành tựu bốn điều là trí, huệ, hạnh và đức. Trí tức sự hiểu biết theo sách vở, do học mà có. Người học rộng nghe nhiều thì biết nhiều. Huệ khác với trí, vì đó là sự hiểu biết đặc thù, nhìn xa thấy rộng bằng trực giác, không phải nhờ sách vở hay suy nghĩ. Huệ hay trực giác có được là do tu hành, tuy không suy nghĩ nhưng phải vượt trội hơn suy nghĩ.

Người có học, hiểu biết kinh điển, nhưng không có huệ, thì họ thường lập lại y khuôn sáo, không còn phù hợp với thực tế. Vì vậy, nói hay nhưng không ai nghe. Trong khi người có huệ, nhìn thấy đúng thực trạng của xã hội, nhận xét của họ thường chính xác, được người nghe theo. Phải học, phải tập quan sát, tu cho có trực giác; vì việc đời luôn thay đổi, không bao giờ lặp lại, chúng ta đổi mới không kịp là bị tụt hậu.

Ngài Phổ Hiền dạy chúng ta phải học để có trí, phải tu để có huệ, phải làm để thành hạnh và cuối cùng là làm lâu ngày, hạnh biến thành đức. Có đức thì không cần làm, hay nói cách khác, được người kính trọng đức độ, nên việc làm chúng ta trở nên đơn giản.

Mặc dù không nhờ người, nhưng họ tự nguyện làm và việc thành tựu nhẹ nhàng. Trong sinh hoạt Phật sự, chúng ta cũng dễ nhận ra ý này. Khi vị chân tu có đức độ lãnh đạo, người người đều phục tùng, việc tự tốt. Nhưng người giỏi mà thiếu đức, họ điều hành thường bị nhiều người chống đối, khó thành công.

Trên bước đường tự hành hóa tha, chúng ta phải kết hợp bốn phần là trí, huệ, hạnh và đức. Có việc chúng ta phải làm là thể hiện hạnh, nhưng có việc không làm cũng được, tức sử dụng đức để điều động việc thành tựu. Có lúc chúng ta không thể biết bằng trực giác, thì phải dùng suy nghĩ.

Phổ Hiền Bồ tát đầy đủ trí huệ hạnh đức, chúng ta cũng quyết tâm nuôi lớn bốn điều ấy. Đời này không được, đời sau cũng có trí huệ hạnh đức bằng với Phổ Hiền Bồ tát để trang nghiêm thân tâm.

Vì khắp thanh tịnh hạnh Phổ Hiền,

Trí huệ rộng lớn của Văn Thù,

Trọn sự nghiệp kia không hề sót,

Đến kiếp vị lai hằng không mỏi.

Văn Thù tiêu biểu cho vị Bồ tát có trí huệ rộng lớn và Phổ Hiền chủ về hạnh. Hội Hoa Nghiêm nhấn mạnh đến sự kết hợp trí rộng lớn của Văn Thù và huệ hạnh của Phổ Hiền.

Trí Văn Thù và hạnh Phổ Hiền là hai điều tối quan trọng trên bước đường tự hành hóa tha. Thật vậy, khi tu Thanh văn, chủ yếu phát triển trí tuệ. Tuy nhiên, vì không hành động nên hiểu biết cũng chỉ trên lý thuyết, chưa có kết quả thực chứng. Tuy nhiên, nếu hành động mà thiếu trí tuệ chỉ đạo, dễ dẫn đến sai lầm và thất bại.

Muốn có đủ hai phần trí và hạnh, chúng ta phải trông cậy vào các Đức Phật. Nghĩa là tu theo Phật, làm việc cho Phật để chúng ta trở thành quyến thuộc của Ngài, mới hành đạo Bồ tát được. Có căn lành và sử dụng căn lành ấy để chúng ta theo Văn Thù phát triển trí tuệ và theo Phổ Hiền phát triển hạnh đức. Thiếu hai phần này không thể nào tu theo Văn Thù và Phổ Hiền được.

Đối với chúng ta, hai vấn đề trí và hạnh được thể hiện trong cuộc sống một cách liên tục, không hề biết mỗi một. Chúng ta lập chí phát huy trí hạnh cho đến bao giờ bằng với hai vị Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền, mới yên tâm.

Theo kinh nghiệm riêng tôi, lập chí phấn đấu vươn lên là điều tối quan trọng giúp ta vượt qua khó khăn, chướng ngại trên bước đường hành Bồ tát đạo. Từ thuở nhỏ, khi tu học, tôi nỗ lực lập hạnh, tiếc từng giờ, từng phút trôi qua, ráng giữ từng niệm tâm thanh tịnh. Tôi thường tự nghĩ làm việc đến năm mươi tuổi là có thể nghỉ ngơi. Nhưng nay, so với đoạn đường tu trước kia, mọi việc có phần dễ dàng hơn nhiều, vì đã tu tạo được phước huệ, tích lũy được công đức, đã vượt qua những khó khăn. Với uy tín

và thành quả ấy dùng làm thêm thang, tiếp tục làm thêm, việc cũng thành tựu nhẹ nhàng, đơn giản.

Tôi tu các hạnh đều vô lượng,

Được các công đức bất tư nghì,

An trụ những hạnh rộng lớn này,

Suốt thấu tất cả thân thông lực.

Theo Phổ Hiền Bồ tát, việc làm không có giới hạn, việc gì cũng làm và làm bất cứ lúc nào, không nề hà. Chúng ta không cố định một ngày phải tụng bao nhiêu thời, bất cứ lúc nào có việc quan trọng hơn, người cần giúp sức thì ta sẵn lòng làm. Chúng ta luôn ý thức tu vô lượng kiếp, thể hiện vô lượng hạnh.

Lúc tốt nghiệp ở Nhật, trở về nước, nhiều người lớn tuổi đến với tôi để tìm sự an lành cho tháng ngày còn lại của họ. Tôi thấy rõ đó là duyên hành đạo lúc ấy như vậy, không thể khác hơn. Thấy được việc trước mắt phải làm, còn quyết định mình phải làm gì, rồi chờ đợi, chê bỏ việc khác, e rằng việc ta mong muốn không đến thì sao.

Vì tu vô lượng hạnh nên được các công đức bất tư nghì. Những người dù lớn hay nhỏ ở trong Pháp giới đều nhờ ta giúp đỡ. Đã từng ban ơn cho nhiều người, việc của ta tất nhiên thành tựu dễ dàng. Điển hình như một bà người Nhật Bản chuyên ra nghĩa địa tụng kinh Pháp Hoa và lau rửa mồ mả. Một thời gian sau, bà có

đến ba triệu tín đồ. Điều này có thể hiểu là những người quá cố đã thọ ơn tế độ của bà, nên tái sinh làm đệ tử trung thành một cách lạ lùng và mặc dù bà không học, nhưng đệ tử lại là những người có học vị Tiến sĩ hoặc giáo sư Đại học.

Thiết nghĩ, khi thấy rõ nhân duyên hành đạo, chúng ta sử dụng giáo pháp đúng chỗ, đúng đối tượng đều có kết quả lợi lạc. Độ người giàu không được, chúng ta độ người nghèo, dạy người sống không được, chúng ta cứu người quá vãng.

Được công đức vô lượng rồi, chúng ta an trụ công đức đó để hành đạo; đừng bỏ chạy khỏi môi trường ấy. Công đức và nhân duyên tu tạo được, ta nương theo thành quả ấy mà đi lên. Nếu khởi tham vọng, nghĩ đến việc cao xa ngoài tầm tay, sẽ mất hết. Riêng tôi, trên bước đường tu, luôn an trụ công đức và đạo tràng đã dày công xây dựng, vì biết giới dở gì cũng là quyến thuộc của tôi; từ bỏ để kiếm cái khác không bao giờ có.

Trí huệ rộng lớn của Văn Thù,

Huệ hạnh Phổ Hiền cũng dường ấy,

Tôi nay hồi hướng các căn lành,

Thường theo các ngài mà tu học.

Tám gương sáng của Bồ tát Phổ Hiền và Văn Thù, chúng ta nguyện học theo. Các ngài thân cận Đức Phật, đã thành tựu những hạnh lành ấy, chúng ta nối gót theo, xem các ngài làm gì

và so với việc của mình để điều chỉnh, chắc chắn cũng thành công.

Chư Phật ba đời luôn khen ngợi,

Những nguyện rộng lớn khó sánh bằng,

Tôi nay hồi hướng các căn lành,

Để được Phổ Hiền hạnh thù thắng.

Ba đời các Đức Phật đều khen ngợi hạnh Phổ Hiền, đều chọn ngài làm trưởng tử, nên chúng ta biết đó là hạnh tốt. Chúng ta nguyện đem tất cả phước đức, nhân duyên đã tu tạo để hồi hướng cho chúng ta có được hạnh Phổ Hiền thù thắng.

Chúng ta nguyện như vậy vì tu hành cần có định hướng rõ ràng, không có mục tiêu thì khó đi đến nơi, đến chốn. Vạch ra mục tiêu xong, chúng ta bắt đầu tích lũy. Như tôi lập hạnh tu rồi, bằng mọi cách tạo nên phước và dồn phước này thành hạnh thù thắng. Tạo được công đức, chúng ta không dám hưởng, phải dùng phước ấy để tạo các công đức khác, vì biết rằng tạo rồi hưởng thì đời đời kiếp kiếp, cũng chẳng được gì.

Hồi hướng nghĩa là để dành, nhưng để dành ở đâu. Đầu tiên, chúng ta tạo phước báu hữu lậu và sau đó, đổi sang vô lậu phước báu, hay hồi hướng về Phật, cúng cho Phật. Nhưng cúng Phật nghĩa là lo cho chúng sanh. Lo cho chúng sanh càng nhiều, công

đức càng lớn. Đức Phật thường dạy thành tựu chúng sanh là tối thượng cúng dường.

Lo cho chúng sanh, tức gieo vào lòng họ mối thiện cảm, kể đến chúng ta mới đưa giáo lý vào nhận thức của họ, để cải tạo tâm ác xấu thành tốt đẹp. Thật vậy, người có cảm tình với ta rồi thì họ mới có thể nghe ta. Lúc ấy mới đem phải trái dạy họ. Trái lại, không làm cho chúng sanh có cảm tình, mà chúng ta cứ răn đe cũng vô ích, người không nghe, thậm chí họ còn nghĩ ta không ra gì mà còn lên mặt dạy đời. Khi người nghe, mới dạy giáo lý khó tin, khó làm. Giáo pháp đưa vào tâm người, tiêu diệt nghiệp chướng phiền não của họ.

Đầu tư thiện cảm và tri thức cho người, cả hai đều vô hình, vô ảnh, được chứa đựng trong hư không tạng, nhưng có một sức chứa kỳ diệu. Người cảm nhận được sự gắn bó mật thiết, không thể nào giải thích, giữa ta và họ, giữa họ và Phật.

Chúng ta hồi hướng căn lành theo Phổ Hiền, mặc dù không giữ tiền, nhưng có đủ tiền làm lợi ích cho chúng sanh, đủ trí khôn để giải quyết được mọi việc, đủ sức làm được tất cả như ngài. Nay chúng ta chưa làm được như ngài, phải tự biết kiến thức ta còn kém, sức lực yếu, nên phải làm nhỏ và tiền ít thì phải để dành.

Tôi cảm nhận sâu sắc hạnh Phổ Hiền, hồi hướng Phật đạo, nghĩa là sử dụng tiền của, hiểu biết của tôi đầu tư cho Tăng Ni Phật tử, giúp họ tiếp thu đạo đức và tri thức, thể hiện trong cuộc sống. Ta

đã chuyển việc làm này thành công đức và gởi cho chúng sanh trong vô tận tạng, không ai có thể lấy cấp phước báu vô lậu của Thánh tài này.

Trong sinh hoạt đời thường, chúng ta thấy rõ phước báu tuy vô hình, nhưng nó thể hiện rõ trong cuộc sống, trong thân tướng của người có phước. Họ hiện hữu ở nơi nào, cảnh quang nơi đó cũng trở thành tốt đẹp, tiện nghi cũng đầy đủ. Người không có phước thì làm rất vất vả, phải bòn từng đồng, cái gì cũng ham, mà có được thì cũng bị mất cắp, không giữ nổi.

Chư Phật ba đời luôn khen ngợi việc làm của Phổ Hiền, không có nguyện nào, hạnh nào so được với Phổ Hiền. Hòa thượng Trí Thủ, lúc sanh tiền, cảm hạnh này, tặng cho Ban Hoàng pháp bài kệ:

Phân hương nhứt niệm pháp không vương.

Đại hạnh đồng tham biến kiết tường.

Sát hải trần thân thi diệu lực.

Trần kha chương nghiệp tổng an khương.

Nguyện lớn của Phổ Hiền là luôn tìm việc khó làm, luôn tìm người khó độ để tiếp độ. Ngài thường sanh vào quốc độ có hoàn cảnh khó khăn để gánh vác việc lợi ích cho chúng hữu tình, nguyện của ngài khó có gì sánh bằng là vậy.

Hàng Thanh văn thì nguyện Phật sanh nơi đâu, các ngài sanh nơi đó và chỉ làm việc với Phật thôi. Điều này dễ hiểu vì ai cũng thích gần gũi người hiền, giỏi, tốt; chẳng ai thích chơi với người xấu ác. Bồ tát sơ phát tâm cũng nguyện tu ở thế giới Phật, không hành đạo ở Ta bà, nơi toàn người hung ác, ngang bướng.

Riêng chúng ta cũng vậy, thích về Tịnh độ vì có toàn thượng thiện nhân, còn ở đây, khó lòng kiếm được người tin cậy để cùng làm việc. Sơ phát tâm hành đạo, chúng ta không sợ cực, nhưng phải có bạn đồng tu hiểu ta, cùng hợp tác, ta mới làm. Tất cả cùng làm thì vui, còn một mình ta làm mà tất cả hưởng thụ, chẳng mấy chốc ta sẽ chán nản, bỏ cuộc.

Bồ tát Phổ Hiền thì khác, ngài tâm niệm ở cõi này không ai làm, ngài mới có cơ hội hành đạo. Đối tượng của Bồ tát Phổ Hiền là chúng sanh càng cường, nghiệp chướng sâu dày mà Phổ Hiền nguyện chữa lành bệnh cho họ, nên Phật nói khó có Bồ tát nào so với ngài được. Hạnh Phổ Hiền thù thắng, ngài không cần nói, không dụ dỗ, không mua chuộc mà người tự quy phục; trong khi người khác nói hay, nhưng việc làm của họ không đúng với lời nói, nên không có sức thuyết phục chúng ta. Phổ Hiền chủ về hạnh, thể hiện bằng việc làm thành tựu tốt đẹp hơn người.

Trên bước đường tu, nối gót theo hạnh Phổ Hiền, chúng ta nguyện vượt khó, làm việc khó. Tuy nhiên, chúng ta muốn đạt được hạnh thù thắng như Phổ Hiền, cần sử dụng căn lành để tu, nghĩa là phải triệt tiêu tánh ác và tăng trưởng tánh lành. Vì tạo

được căn lành trước rồi, nên ta khởi tu, làm được những việc thù thắng mà người không làm nổi.

Bình thường, người hay tránh nặng, tìm nhẹ; nhưng tu hạnh Phổ Hiền hồi hướng các căn lành, tức dùng sức khỏe, trí khôn, tiền bạc, khả năng dồn lại để gánh vác Phật sự. Ngoài ra, chúng ta tạo điều kiện cho người khác làm. Thí dụ ta thể hiện lời Phật dạy hành bố thí cúng dường được hưởng quả báu giàu có. Người thấy ta được phước như vậy, họ bắt chước làm theo và ta sẵn lòng nhường cho họ; vì có nhiều người làm việc tốt càng lợi cho đời.

Đức Phật diệt độ, nhiều người sợ khó khăn hiểm nguy ở thế giới hung ác này, thì Phổ Hiền Bồ tát xuất hiện trong phẩm cuối của kinh Pháp Hoa. Ngài khuyến khích mọi người cứ lo tu, ngài sẵn sàng ủng hộ. Nói suông thì không ai nghe, đi một mình họ cũng không nghe, nên Phổ Hiền đi với vô số Bồ tát, Bát bộ Thiên long, đến đâu cũng rải hoa trời. Ngài biểu dương thế lực mạnh như vậy cho chúng ta yên tâm tu hành. Bản thân tôi tu được cũng nhờ niềm tin vững chắc nơi Phổ Hiền và cảm nhận được lực gia bị của ngài giúp tôi vượt qua nhiều chướng nạn trên bước đường hành đạo.

Phổ Hiền cho biết ai tu bị ma phá, ngài sẽ dùng thần thông lực bắt ma hộ trì Phật pháp. Thay vì chống ta, lực Phổ Hiền buộc họ phải theo ta, định nói xấu thì có lực Phổ Hiền ngăn cản.

Chúng ta cũng tập hồi hướng cho có đủ thần thông lực như Phổ Hiền Bồ tát, làm được những việc khó làm như ngài mới thực sự là trưởng tử của Như Lai, được chư Phật ba đời khen ngợi.

Kinh Hoa Nghiêm diễn tả Bồ tát đạo, lấy hạnh Văn Thù và Phổ Hiền làm hạnh tu chính để vào đời độ sanh. Nhưng cuối cùng, Phổ Hiền lại dạy chúng ta vãng sanh về cõi Cực Lạc:

Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung,

Trừ hết tất cả các chương ngại,

Tận mặt gặp Phật A Di Đà,

Liên được vãng sanh cõi Cực Lạc.

Nghĩa là Phổ Hiền nhắc nhở chúng ta gần gũi chúng sanh ở Ta bà, làm tất cả cho chúng sanh, nhưng lúc nhắm mắt từ giã cõi đời, không thể có bóng dáng chúng sanh nào lảng vảng, mà chúng ta phải diện kiến Phật Di Đà. Trên đường hành Bồ tát đạo, lăn xả vào trần ai, sợ nhất là bị hư lúc nào không hay, vì nghiệp chướng trần lao đổ ra, chúng ta quay lại không được. Tôi thường cân nhắc điều này trên bước đường tu. Khi sanh tiền, làm tất cả không từ chối; nhưng lúc lâm chung, đáng sợ nhất là cận tử nghiệp nổi lên do hành Bồ tát đạo trước kia còn tồn đọng trong tâm chúng ta. Ta thương người này, thích việc nọ, làm không sá kể gì, nhưng vô thường đến mà việc còn dở dang thì sao. Cần phải chuẩn bị, lúc sắp chết, việc nào cũng xong, không bận tâm;

đừng để ai lôi kéo, vì nếu nợ oan gia đến đòi, làm sao trả được, phải bị đọa thôi.

Chúng ta cầu mong lúc lâm chung, tất cả chương nghiệp đều tiêu tan, việc gì trở ngại khiến ta không bằng lòng thì mất hết, điều gì làm ta mất chánh niệm không bao giờ đến. Việc đâu vào đó, ta hướng tâm về Phật và những người xung quanh chỉ có tâm niệm duy nhất đồng hộ niệm cho ta vãng sanh; còn họ thương nhớ khóc than làm ta quyến luyến trở lại.

Tuy ở thế giới này, chúng ta thường ghi nhớ trần gian là cõi tạm bợ, chắc chắn phải rời bỏ. Muốn tu cần luôn ý thức như vậy và tập xả ly. Thực tế chúng ta thấy người tu có phước báu, quyền uy, của cải, sự nghiệp, nhưng họ tập bỏ bằng cách ẩn tu, thử xem lòng có nặng không. Như vua Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông ở núi tu, ăn hạt dẻ, uống nước lã cũng không thấy khác gì với cuộc sống ở triều đình. Tâm hồn thanh thản như thế chắc chắn vãng sanh được. Trái lại, chạy theo vật dục, nhiều ham muốn quá, dù tu gì cũng luẩn quẩn trong sanh tử.

Không nghĩ đến phú quý vinh hoa, hay không còn tâm trần thế, thì nghiệp trần cấu hết, chúng ta tự duyên được thế giới Phật. Tịnh độ tự hiện, tinh thần chúng ta an vui, nhắm mắt là thấy Phật, Bồ tát, không thấy chúng sanh đáng ghét, người ấy có điều kiện vãng sanh. Thấy được thế giới Phật trong chiêm bao, thấy do sự tưởng tượng, cho đến thấy thế giới thật của Phật, được Phật, Bồ tát khen ngợi, báo cho biết chúng ta mãn duyên sẽ về thế giới

nào đó. Nhờ vậy, chúng ta sống trên cuộc đời mà lòng nhẹ tênh, kinh gọi là tâm khinh an. Đến lúc mạng sắp lâm chung, được Phật xoa đánh thọ ký, tiếp rước, chúng ta theo ánh quang Phật đi về Tây phương.

Qua đoạn kết của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, cho thấy rõ tu theo Hoa Nghiêm cũng là tu Tịnh độ. Nhưng để về Tịnh độ được, chúng ta phải tu hạnh Phổ Hiền, trồng căn lành, gieo nhân Tịnh độ. Đó là ba điều tất yếu mà người muốn về Tịnh độ cần trang bị theo tinh thần Hoa Nghiêm.

Căn lành phải trồng với Phật, vì không có căn lành, muốn tu cũng không được. Không phải bất cứ ai cũng được phép tu chung với đại chúng ở chùa. Có căn lành thì người mời đón chúng ta đến ở, không có căn lành thì họ sợ ta vô ăn cắp. Không có căn lành mà phải ăn chay, ta thở không nổi, cũng phải ra. Người có căn lành, ai thấy cũng thương và càng phục vụ đạo, càng khỏe thêm.

Kế đến là hạt nhân Tịnh độ phải có, nghĩa là tâm chúng ta lúc nào cũng an vui, thanh tịnh, không ai có khả năng tác động, nhiễu hại được tâm ta. Còn dễ bức, dễ nóng, dễ gây, phải biết ta đang chứa hạt giống ác. Chỉ có hạt giống lành, tâm thanh tịnh mới là tư lương đưa ta về thế giới Phật Di Đà. Chúng ta tự kiểm tra nếu thấy việc đáng giận mà không giận, đáng ham mà không ham, khi chạm trán với khó khăn vẫn giữ được tâm hồn bình ổn, trong sáng, là biết ta có tịnh nhân. Nuôi dưỡng hạt giống tịnh là việc quan trọng của người biết tu.

Kết hợp tịnh nhân với căn lành để tu hạnh Phổ Hiền, tức ta gánh vác công việc khó nhọc, làm thay cho người, không phiền hà, không tính toán. Xả thân lo cho đạo như vậy, dần dần tích lũy được công đức, chắc chắn chúng ta sẽ đạt quả vị Vô thượng Đăng giác.

Hội đủ ba điều là căn lành, tịnh nhân và hạnh Phổ Hiền, lúc lâm chung, các chương nghiệp không hiện, ánh quang Phật chiếu đến thân ta và chân linh chúng ta theo Phật về thế giới của Ngài. Ở thế giới Ta bà tu trầy trật, cực khổ lắm; nhưng về Tịnh độ, chúng ta tự đầy đủ hạnh Phổ Hiền một cách nhẹ nhàng, đơn giản.

Ở Ta bà, chúng ta thử tu một hạnh sám hối như Phổ Hiền dạy cũng thấy vô số vấn đề nan giải. Chúng ta sám hối được một nghiệp chương đã khó, dần được một việc thì liền có việc ác xấu khác quay chúng ta liền. Hoặc tu hạnh lễ kính chư Phật, lạy được một Đức Phật thật không phải dễ. Nhưng Phổ Hiền Bồ tát bảo chúng ta rằng "Nhứt thân phục hiện sát trần thân, nhứt nhứt biến lễ sát trần Phật". Nghĩa là Đức Phật nhiều như bụi trần trong mười phương Pháp giới, đã ra đời thành Vô thượng Đăng giác, hay chưa ra đời, còn trong tâm niệm chúng ta, đồng một lúc ngài nhìn thấy hết và hiện đủ thân trước tất cả người đó đánh lễ không sót. Tất nhiên, Bồ tát Phổ Hiền không dùng thân tứ đại để lạy, ngài sử dụng lực của bản tâm thanh tịnh đi vào Pháp giới để đánh lễ ba đời chư Phật, trong đó có Pháp thân của chúng ta.

Thiết nghĩ pháp này quá khó đối với chúng ta. Theo tôi, khi lễ Phật, nếu nghĩ Phật bằng xi măng thì không lay được; nhưng không lay Phật này thì chúng ta lễ Phật nào. Phật thật theo Phổ Hiền thì làm sao chúng ta có mà lay được. Nếu đọc danh hiệu Phật rồi lay, mà cứ thấy tượng xi măng là biết chúng ta mới tu vòng ngoài. Đức Phật dạy rằng chúng ta vãng sanh về thế giới Ngài thì việc lễ kính chư Phật của chúng ta tự thành. Vì lúc ấy, tứ đại ngũ uẩn mất, nó không thể chi phối ta được. Khi còn mang thân vật chất, ta dễ bị tứ đại ngũ uẩn của chúng sanh luôn tác động; vì thế nhắm mắt lại, cứ thấy chúng sanh, không thể thấy Phật. Nhưng vãng sanh về Phật, ngũ uẩn mất, nó không tác hại ta được nữa, chỉ còn chơn tâm. Chơn tâm này thông suốt với Phật tánh, nên ba đời các Đức Phật đều hiện trước mặt chúng ta. Lúc ấy, Phật hiện hữu bằng tâm và chúng ta cũng tu bằng Bồ đề tâm, không tu trên hiện tượng giới nữa. Và từ đó, thành tựu nguyện lớn của Bồ tát Phổ Hiền dễ dàng. Vì thế, Phổ Hiền cho biết:

Tôi đã vãng sanh cõi kia rồi,

Hiện tiền thành tựu nguyện lớn này,

Cả thấy tròn đủ không thừa thiếu,

Lợi lạc tất cả loài hàm thức.

Hiện tại, chúng ta còn thân tứ đại, tu ở hiện tượng, nhưng phải mượn cho được phương tiện này để thâm nhập vào vô tướng đạo tràng, phát Bồ đề tâm và tu trên bản tâm. Đó là cả một quá trình

tu không đơn giản. Tuy khó, nhưng việc tu hành trên bản tâm là pháp cốt lõi rất quan trọng, vì nếu còn kẹt trong ngũ uẩn thì tu muôn kiếp ngàn đời cũng thế thôi. Có thể khẳng định rằng vắng sanh Cực Lạc theo tinh thần Hoa Nghiêm là chơn tâm chúng ta hiện ra, tất nhiên không còn hiện diện thế giới phàm phu, chỉ có thế giới Phật hiện hữu mà thôi.

Phổ Hiền dạy chúng ta làm đạo với chúng sanh ở Ta bà, nhưng phải luôn ý thức không để cho nghiệp cấu trần lao làm ô nhiễm. Làm việc, sống với chúng sanh, nhưng chấm dứt cuộc đời, phải diện kiến Phật Di Đà, sống trong thế giới Ngài và từ hoa sen sanh ra. Đó là ước nguyện của chúng ta trên bước đường tu:

Chúng hội Di Đà đều thanh tịnh,

Tôi từ hoa sen nở sanh ra,

Thân thấy Đức Phật Vô Lượng Quang,

Liên thọ ký tôi đạo Bồ đề.

Chúng sanh, chúng sanh nghiệp, chúng sanh phiền não là đối tượng tu của chúng ta lúc sanh tiền. Nhưng nhắm mắt lìa đời, dứt khoát chúng ta phải thấy Đức Phật Vô Lượng Quang. Lúc ấy mà thấy chúng sanh là bị đọa.

Sống ở Tịnh độ dễ tiến tu, vì trên có Phật Di Đà hoàn toàn sáng suốt, dưới là Bồ tát Nhất sanh bổ xứ làm thượng thủ, người thấp

nhất cũng là A la hán. Môi trường sống ở đó thanh tịnh tuyệt đối, chúng ta nương theo tu chắc chắn tâm cũng yên tịnh.

Tôi tâm đắc cảnh giới của Phật Di Đà và hình dung ra sự lợi lạc nếu được sống ở đó, có thể tạm so sánh giống như thời gian tôi tu học ở Nhật Bản. Nhờ luôn gần gũi học tập với những người kiến thức rộng, có học vị cao, chỉ trong một thời gian ngắn, tôi đã phát triển được tri thức. Với tương lai tốt đẹp ấy, tôi trở về quê nhà, mới có thể phục vụ đạo pháp hữu hiệu.

Cũng vậy, vắng sanh về Tịnh độ, chúng ta sống chung với các bậc thượng thiện nhân tài đức, chúng ta cũng thanh tịnh theo, tài giỏi thêm. Được sở học ấy, chúng ta trở về Ta bà làm đạo dễ dàng. Nếu không, chúng ta còn là chúng sanh nhiễm ô mà gặp toàn phiền não thì chẳng thể tự độ, nói chi đến độ người.

Khi làm nhiều việc tốt rồi, chấm dứt mạng sống, thân thấy Phật Vô Lượng Quang thọ ký cho ta, tức Phật cho biết tương lai, chỉ hướng đi và việc làm cho chúng ta. Sợ nhất là chết mà không thấy Phật chỉ đường, đành để nghiệp báo mặc sức lôi kéo, dẫn dắt ta vào ba đường ác. Sự mê mờ đáng sợ ấy được kinh diễn tả rằng: "Tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng".

Đã được Phật công nhận và giao trách nhiệm, chúng ta làm đạo ở bất cứ nơi nào, Đức Phật Di Đà cũng phóng quang gia bị, gặp việc khó, ta tự hiểu biết và giải quyết đúng.

Nương theo luồng ánh sáng của Phật Vô Lượng Quang mà ra khỏi sanh tử, về thế giới Phật, chúng ta từ hoa sen nở sanh ra. Cha mẹ là hoa sen, hay mầm sống của chúng ta được nuôi dưỡng hoàn toàn bằng chất liệu tinh khiết, thanh tịnh, chúng ta không có thân tâm khổ đau như trước kia kết hợp do ái nghiệp của cha vô minh và mẹ phiền não.

Phổ Hiền cho biết:

Nhờ Đức Phật kia thọ ký rồi,

Tôi hóa vô số vạn ức thân,

Trí huệ rộng lớn khắp mười phương,

Lợi lạc tất cả chúng sanh giới.

Nghĩa là khi chúng ta mang thân hình kết cấu từ thai sen sanh ra, thì thấy Đức Phật Vô Lượng Quang và trở thành con người vạn năng. Lúc ấy có thể phân thân giáo hóa chúng sanh khắp mười phương, bất cứ nơi nào chúng sanh cần, ta đều đồng loạt đáp ứng đầy đủ.

Nhẫn đến hư không thế giới tận,

Chúng sanh phiền não nghiệp không còn,

Nhưng bốn pháp ấy vẫn vô cùng,

Nguyện tôi rớt ráo hằng vô tận.

Phổ Hiền nói rằng nguyện của ngài vô tận, vì luôn gắn liền với bốn pháp vô cùng là thế giới, chúng sanh, chúng sanh nghiệp và chúng sanh phiền não.

Nếu có người nơi nguyện vương này,

Một phen nghe liền sanh tín kính,

Mong cầu khát ngưỡng quả Bồ đề,

Được công đức nhiều hơn tài thí.

Tất cả việc bố thí tiền của trước kia của chúng ta ở trên cuộc đời, dù có tích lũy lại thì công đức ấy cũng không bằng một lần nghe được hạnh Phổ Hiền và kính tin, thọ trì, nguyện quả Bồ đề. Ngộ được quả Bồ đề rồi thì:

Nhờ đây thường xa các bạn ác,

Thoát khỏi tất cả ba đường dữ,

Mau thấy đức Phật Vô Lượng Quang,

Đây đủ Phổ Hiền nguyện tối thắng.

Bạn ác, hay người xấu không đến với chúng ta được, vì họ mất môi trường để sinh hoạt. Và cao hơn một nấc nữa là người ác có đến cũng trở thành hiền lành. Trên bước đường tu, hàng Thanh văn xa bạn ác bằng cách tránh né họ. Bồ tát thì khác hẳn, Bồ tát xa lìa bạn ác nghĩa là người ác đến không thể khởi lên tâm ác,

việc ác. Vì Bồ tát đã ngộ Bồ đề, biết rõ ác xấu của họ và còn hóa giải được sự ác xấu ấy, chuyển được ác ma trở thành người hỗ trợ cho Bồ tát.

Tu hành quan trọng ở điểm bạn ác xấu không quấy phá được, chúng ta khóa kín cửa ba đường ác, không vào cảnh giới tối tăm, trí thường sáng suốt, vĩnh biệt luân hồi và luôn được Phật Di Đà phóng quang gia bị, đủ hạnh Phổ Hiền để phân thân giáo hóa chúng sanh.

Người này thọ mạng được lâu dài,

Trong loài người ở bậc tôn quý,

Người này không lâu sẽ trọn nên,

Công hạnh đồng với Đức Phổ Hiền.

Ai tu hạnh Phổ Hiền nhận được lực gia trì của Phật Di Đà, họ sanh lại có thọ mạng lâu dài. Sống lâu, tinh thần sáng suốt, cơ thể khỏe mạnh, đó là điều kiện tốt giúp cho chúng ta đắc đạo và khiến cho người trông thấy phát tâm tu theo.

Thuở trước, chúng ta tu thật vất vả, nhưng trưởng thành, việc tu hành trở nên dễ lần và càng lớn tuổi, càng dễ hơn nữa. Vì mới tu, nghiệp dày phước mỏng, ta phải nỗ lực khắc phục khó khăn. Tiến tu một thời gian, nghiệp nhẹ dần, công đức sanh, ta không cần khắc phục xấu ác, mà tự động nó không có nữa. Và đến 60, 70 tuổi, vô tâm, vô cầu mà phước đức tự đến, tự tăng trưởng.

Ngoài ra, người tu hạnh Phổ Hiền, tái sanh vô loài người ở dòng họ có huyết thống tốt, thông minh, học giỏi, đạo đức. Người được như vậy, chắc chắn không bao lâu sẽ đầy đủ hạnh Phổ Hiền, tức có điều kiện để làm những việc khó làm. Điển hình như tiền thân Phật Thích Ca thường sanh làm hoàng tử, đầy quyền lực, sang trọng, tài giỏi mới có điều kiện hành Bồ tát đạo, thể hiện lực bất tư nghi. Chúng ta sanh vào hàng thứ dân, nghèo hèn, dở, xấu thì không thể nào tu hạnh Phổ Hiền.

Hoặc những vị tu hành đạo cao đức trọng, tài trí siêu phàm, cũng được xem là bậc tôn quý trong loài người. Cảm nghĩ này đã được vua Tống Nhân Tông nhắc đến trong bài phú như sau: "Phù thế gian tối quý giả, bất như xả tục xuất gia". Nghĩa là trong thế gian, người xuất gia là cao quý hơn cả.

Thiết nghĩ sự cao quý có hai mặt, mặt thực chất và mặt ăn theo. Thực chất chúng ta tu chưa tới vị trí cao quý, chưa xứng đáng được cúng dường, nhưng nhờ tu chung với bậc trưởng thượng đạo đức, tài giỏi nên ta cũng được hưởng theo.

Ý thức rằng mình thừa hưởng công đức của Phật và các bậc Thầy Tổ, danh Tăng cao đức, chúng ta nỗ lực tu. Đến khi đạt được công đức thật thì đảo lộn lại là đạo yếu Tăng hoằng, tức đạo pháp lớn mạnh là nhờ ở công lao hoằng hóa của chư Tăng. Không làm sáng danh Phật, mà chỉ ăn nhờ com Phật suốt đời thì Duy Ma xếp vào hạng chuột uống dầu.

Phổ Hiền thù thắng nguyện của tôi,

Phước đức vô biên đều hồi hướng,

Nguyện cho chúng sanh đang chìm đắm,

Mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang.

Tu theo hạnh Phổ Hiền, chúng ta được sanh về thế giới Phật Vô Lượng Quang, được thọ ký và có những năng lực bất tư nghì. Chúng ta cũng cầu nguyện cho chúng sanh đang bị nghiệp chướng, phiền não dày vò khổ đau, tất cả cũng đều được vãng sanh về thế giới Phật Di Đà, cũng từ hoa sen sanh ra, tiến tu được thành quả tốt đẹp giống như chúng ta vậy.

Mùa An cư Phật lịch 2543 - 1999

HT THÍCH TRÍ QUẢNG